BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM**

****

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Theo hệ thống tín chỉ)

MÃ NGÀNH: **7380101**

TÊN NGÀNH: **LUẬT**

TÊN CHUYÊN NGÀNH:  **LUẬT KINH DOANH**

TRÌNH ĐỘ: **ĐẠI HỌC**

###### HẢI PHÒNG - 2024

**MỤC LỤC**

[**1. Mục tiêu đào tạo 5**](#_Toc165784424)

[**2. Chuẩn đầu ra 5**](#_Toc165784425)

[**3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp 7**](#_Toc165784426)

[**4. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo 7**](#_Toc165784427)

[4.1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo 7](#_Toc165784428)

[4.2. Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa: 8](#_Toc165784429)

[4.3. Cấu trúc chương trình đào tạo 8](#_Toc165784430)

[4.4. Mô tả trình tự giảng dạy chuẩn đầu ra 12](#_Toc165784431)

[4.5. Ma trận phân bổ các chuẩn đầu ra cho các học phần 19](#_Toc165784432)

[4.6. Đánh giá năng lực của sinh viên theo học kỳ 22](#_Toc165784433)

[4.7. Tổng hợp phân bổ các học phần theo học kỳ 23](#_Toc165784434)

[**5. Nội dung các học phần** 28](#_Toc165784435)

[5.1. Triết học Mác – Lênin Mã HP: 19101 28](#_Toc165784436)

[5.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin Mã HP: 19401 31](#_Toc165784437)

[5.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học Mã HP: 19501 38](#_Toc165784438)

[5.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh Mã HP: 19201 44](#_Toc165784439)

[5.5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam Mã HP: 19303 49](#_Toc165784440)

[5.6. Logic học Mã HP: 19110 55](#_Toc165784441)

[5.7. Văn hóa pháp lý Mã HP: 11472 58](#_Toc165784442)

[5.8. Anh văn cơ bản 3 Mã HP: 25105 63](#_Toc165784443)

[5.9. Nhập môn Luật học Mã HP: 11468 77](#_Toc165784444)

[5.10. Lịch sử nhà nước và pháp luật Mã HP: 11481 81](#_Toc165784445)

[5.11. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật Mã HP: 11470 90](#_Toc165784446)

[5.12. Luật Hiến pháp Việt Nam Mã HP: 11471 100](#_Toc165784447)

[5.13. Kinh tế vi mô Mã HP: 15101 106](#_Toc165784448)

[5.14. Kinh tế vĩ mô Mã HP: 15102 113](#_Toc165784449)

[5.15. Luật Hành chính Việt Nam Mã HP: 11431 118](#_Toc165784450)

[5.16. Luật Hình sự Mã HP: 11482 123](#_Toc165784451)

[5.17. Luật Dân sự Mã HP: 11483 131](#_Toc165784452)

[5.18. Luật Thương mại Việt Nam Mã HP: 11493 138](#_Toc165784453)

[5.19. Soạn thảo văn bản pháp luật Mã HP: 11474 143](#_Toc165784454)

[5.20. Luật Tố tụng hình sự Mã HP: 11485 149](#_Toc165784455)

[5.21. Luật Tố tụng dân sự Mã HP: 11486 156](#_Toc165784456)

[5.22. Công pháp quốc tế Mã HP: 11487 162](#_Toc165784457)

[5.23. Luật Lao động Mã HP: 11484 169](#_Toc165784458)

[5.24. Tiếng Anh chuyên ngành Luật Mã HP: 25459 175](#_Toc165784459)

[5.25. Luật Bảo vệ môi trường Mã HP: 11478 179](#_Toc165784460)

[5.26. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng Mã HP: 11494 184](#_Toc165784461)

[5.27. Luật Thương mại quốc tế Mã HP: 11453 190](#_Toc165784462)

[5.28. Luật Kinh doanh bảo hiểm Mã HP: 11495 196](#_Toc165784463)

[5.29. Pháp luật về cộng đồng ASEAN Mã HP: 11496 201](#_Toc165784464)

[5.30. Luật Ngân hàng Mã HP: 11476 207](#_Toc165784465)

[5.31. Luật Đất đai Mã HP: 11475 211](#_Toc165784466)

[5.32. Luật An sinh xã hội Mã HP: 11408 218](#_Toc165784467)

[5.33. Tư pháp quốc tế Mã HP: 11447 223](#_Toc165784468)

[5.34. Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng Mã HP: 11409 229](#_Toc165784469)

[5.35. Pháp luật về sở hữu trí tuệ Mã HP: 11410 235](#_Toc165784470)

[5.36. Luật Tài chính Mã HP: 11498 246](#_Toc165784471)

[5.37. Pháp luật kinh doanh bất động sản Mã HP: 11475 250](#_Toc165784472)

[5.38. Thực tập cơ sở ngành Mã HP: 11405 255](#_Toc165784473)

[5.39. Thực tập tốt nghiệp Mã HP: 11415 258](#_Toc165784474)

[5.40. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại Mã HP: 11412 262](#_Toc165784475)

[5.41. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại Mã HP: 11414 267](#_Toc165784476)

[5.42. Khóa luận tốt nghiệp Mã HP: 11416 271](#_Toc165784477)

[5.43. Tin học văn phòng Mã HP: 17102 273](#_Toc165784478)

[5.44. Anh văn cơ bản 1 Mã HP: 25121 281](#_Toc165784479)

[5.45. Anh văn cơ bản 2 Mã HP: 25122 302](#_Toc165784481)

[5.46. Môi trường và bảo vệ môi trường Mã HP: 26101 319](#_Toc165784482)

[5.47. Kỹ năng mềm 1 Mã HP: 29101 323](#_Toc165784483)

[5.48. Pháp luật kinh doanh thương mại điện tử Mã HP: 11403 326](#_Toc165784484)

[5.49. Thanh toán quốc tế Mã HP: 15601 330](#_Toc165784485)

[5.50. Quản trị doanh nghiệp Mã HP: 28214 334](#_Toc165784486)

[5.51. Luật Hôn nhân và gia đình Mã HP: 11467 337](#_Toc165784487)

[5.52. Pháp luật về dịch vụ hàng hải Mã HP: 11450 343](#_Toc165784488)

[5.53. Tập quán thương mại quốc tế Mã HP: 11420 348](#_Toc165784489)

[5.54. Kinh tế khai thác thương vụ Mã HP: 11406 351](#_Toc165784490)

[5.55. Khởi nghiệp sáng tạo Mã HP: 28253 356](#_Toc165784491)

[5.56. PL phòng chống vận chuyển trái phép ĐVHD bằng đường biển Mã HP: 11479 360](#_Toc165784492)

[5.57. Giải quyết tranh chấp hàng hải Mã HP: 11490 365](#_Toc165784493)

[5.58. Kỹ năng mềm 2 Mã HP: 29102 370](#_Toc165784494)

[5.59. Bơi lội Mã HP: 27101 373](#_Toc165784495)

[5.60. Điền kinh Mã HP: 27102 376](#_Toc165784496)

[5.61. Thể thao hàng hải Mã HP: 27103 379](#_Toc165784497)

[5.62. Bóng chuyền Mã HP: 27201 382](#_Toc165784498)

[5.63. Cầu lông Mã HP: 27202 385](#_Toc165784499)

[5.64. Bóng rổ Mã HP: 27203 388](#_Toc165784500)

[5.65. Bóng đá Mã HP: 27204 391](#_Toc165784501)

[5.66. Công tác quốc phòng an ninh Mã HP: 24102 394](#_Toc165784502)

[5.67. Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN Mã HP: 24103 399](#_Toc165784503)

[5.68. Quân sự chung Mã HP: 24203 408](#_Toc165784504)

[5.69. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật Mã HP: 24204 411](#_Toc165784505)

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  **TRƯỜNG ĐH HÀNG HẢI VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

(Theo hệ thống tín chỉ, áp dụng từ khóa 65)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /Q*Đ-ĐHHHVN *ngày tháng năm 2024)*

Mã ngành: **7380101** Tên ngành: **Luật** ***(Law)***

Tên chuyên ngành: **Luật Kinh doanh *(Business Law)***

Trình độ: **Đại học**

Thời gian đào tạo: **4 năm đối với hệ chính quy; 4,5 năm đối với hệ vừa làm vừa học**

**1. Mục tiêu đào tạo**

Mục tiêu của chương trình là đào tạo cử nhân chuyên ngành Luật Kinh doanh. Những người tốt nghiệp chương trình này có khả năng triển khai, vận dụng pháp luật để giải quyết những vấn đề pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh, năng động, sáng tạo, thích ứng với mọi môi trường làm việc, có khả năng cạnh tranh với nguồn nhân lực trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương phục vụ phát triển kinh tế và công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước, hội nhập quốc tế.

**2. Chuẩn đầu ra**

Ký hiệu:

(A) Khung TĐQG (K1-K5/ S1-S6/ C1-C4).

Một số chữ viết tắt:

TĐNL - Thang đo năng lực;

TĐQG - Trình độ quốc gia;

TCKĐ - Tiêu chuẩn kiểm định.

Sinh viên tốt nghiệp chương trình Luật Kinh doanh có các năng lực sau:

| **TT** | **Nội dung** | **Mức TĐNL** | **Tham chiếu Khung TĐQG, TCKĐ** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | **KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH** |  |  |
| **1.1** | **Kiến thức cơ bản** |  |  |
| 1.1.1 | Trình bày được các quan điểm về triết học Mác – Lênin, kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam và các tư tưởng của Hồ Chí Minh, hệ thống pháp luật Việt Nam. | 2 | K2 |
| 1.1.2 | Trình bày được các quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về quốc phòng – an ninh, các kiến thức về quân sự chung. | 2 | K1 |
| 1.1.3 | Hiểu các kiến thức khoa học xã hội trong giải quyết các vấn đề về quan hệ xã hội. | 2 | K1 |
| **1.2** | **Kiến thức cơ sở** |  |  |
| 1.2.1 | Áp dụng các kiến thức tổng quan về ngành luật, kiến thức lý luận chung và lịch sử về nhà nước và pháp luật để giải thích những vấn đề pháp lý trong hệ thống pháp luật thực định. | 3 | K1 |
| 1.2.2 | Áp dụng các kiến thức tổng quan về thị trường và hành vi của các tác nhân kinh tế, kiến thức về các biến số và chính sách kinh tế vĩ mô để giải thích các hoạt động kinh tế | 3 | K1 |
| **1.3** | **Kiến thức ngành** |  |  |
| 1.3.1 | Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế thuộc các ngành luật để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong đời sống xã hội. | 4 | K1 |
| **1.4** | **Kiến thức chuyên ngành** |  |  |
| 1.4.1 | Đánh giá quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế khi giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại. | 5 | K4, K5 |
| **2** | **KỸ NĂNG CÁ NHÂN, NGHỀ NGHIỆP VÀ PHẨM CHẤT** |  |  |
| **2.1** | **Kỹ năng giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất** |  |  |
| 2.1.1 | Thực hiện chính xác các động tác kỹ thuật chiến đấu bộ binh. | 3 | S1 |
| 2.1.2 | Thực hiện chính xác động tác kỹ thuật của ít nhất một môn thể thao đảm bảo rèn luyện sức khỏe cho người học. | 3 | S1 |
| **2.2** | **Khả năng nghiên cứu, phân tích và giải quyết vấn đề** |  |  |
| 2.2.1 | Đề xuất các giải pháp có thể kết hợp để giải quyết vấn đề trên cơ sở nghiên cứu và tư duy luật học. | 4 | S1, S3 |
| **2.3** | **Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác** |  |  |
| 2.3.1 | Bày tỏ được quan điểm cá nhân về các giá trị đạo đức trong nghề luật thông qua việc tôn trọng phép lịch sự và hành xử chuyên nghiệp trong nghề luật. | 3 | C1 |
| **3** | **KỸ NĂNG LÀM VIỆC THEO NHÓM VÀ GIAO TIẾP** |  |  |
| **3.1** | **Có khả năng làm việc theo nhóm** |  |  |
| 3.1.1 | Phối hợp hoạt động hiệu quả trong một nhóm mà các thành viên cùng nhau lãnh đạo, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch nhiệm vụ và đáp ứng các mục tiêu. | 4 | S1, S3, S4, S5, C1, C2, C3, C4 |
| **3.2** | **Có khả năng giao tiếp hiệu quả đối với nhiều đối tượng** |  |  |
| 3.2.1. | Có trình độ tin học văn phòng đạt MOS word ≥700 và excel ≥700. | 5 | K3 |
| 3.2.2. | Có trình độ Tiếng Anh đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT. | 3 | S1, S5, C1 |
| 3.2.3 | Có khả năng thuyết trình và giao tiếp hiệu quả bằng văn bản, đa phương tiện. | 4 | S5 |
| **4** | **THỰC HÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN VÀ VẬN HÀNH TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG – QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO** |  |  |
| **4.1** | **Bối cảnh bên ngoài xã hội** |  |  |
| 4.1.1 | Kết hợp các kiến thức về lý luận chính trị và điều kiện thực tế để chứng minh chủ trường, đường lối đúng đắn của Đảng. | 4 | K2 |
| 4.1.2 | Liên hệ bối cảnh lịch sử, văn hóa và phát triển quan điểm toàn cầu tới sự thay đổi trong pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật kinh doanh nói riêng. | 4 | K2, S3, C3 |
| **4.2** | **Bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp** |  |  |
| 4.2.1 | Thích ứng vai trò và trách nhiệm của cử nhân Luật kinh doanh tại các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp trong nước và quốc tế. | 4 | K5, S2, C3 |
| **4.3** | **Triển khai quy trình giải quyết vụ việc pháp lý** |  |  |
| 4.3.1 | Phối hợp thực hiện các quy trình tư vấn và tố tụng để giải quyết vấn đề pháp lý. | 4 | K4, S4, C4 |

**3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên sau tốt nghiệp chuyên ngành Luật Kinh doanh có thể công tác tại:

*- Nhóm 1*: Có khả năng làm việc tại các cơ quan nhà nước, bao gồm các cơ quan bảo vệ pháp luật như Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, Công an, các cơ quan quản lý nhà nước kinh tế ... và các cơ quan nhà nước khác từ Trung ương đến địa phương.

*- Nhóm 2*: Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý như luật sư, tư vấn viên trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước; chuyên viên pháp chế, tư vấn viên trong các doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực pháp luật và đặc biệt là Luật kinh doanh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

*- Nhóm 3*: Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế có các hoạt động liên quan đến các vấn đề pháp luật nói chung và luật kinh doanh nói riêng.

*- Nhóm 4*: Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, luật kinh doanh như: Các trường đại học, cao đẳng, trung tâm, viện nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan đến pháp luật và luật kinh doanh.

**4. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo**

***4.1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo***

Chương trình đào tạo được xây dựng trên nguyên tắc thực hiện việc tích hợp các kỹ năng, thái độ đan xen các học phần kiến thức theo mô hình dưới đây:

Quá trình thiết kế chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh doanh tập trung vào ba thành phần chính: cấu trúc, trình tự và ánh xạ. Thực hiện nguyên tắc tích hợp toàn diện, tích hợp song song và tích hợp theo thời gian kiến thức, kỹ năng, thái độ trong các học phần, chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh doanh cung cấp các trải nghiệm học tập cho phép chuyển đổi kiến thức từ dạng trừu tượng thành kỹ năng thực hành, vì vậy kiến thức và kỹ năng chuyên môn bổ trợ cho nhau hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học. Các học phần hỗ trợ lẫn nhau để tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ cho người học; đồng thời các học phần được sắp xếp theo một kế hoạch (phân kỳ) rõ ràng để năng lực của người học tích lũy dần và đạt được mục tiêu đào tạo.

***4.2. Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa: 134 TC***

***(Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)***

*a. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản: 19 TC.*

*b. Khối kiến thức, kỹ năng cơ sở: 20 TC.*

*c. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: 69 TC.*

*e. Khối kiến thức, kỹ năng tốt nghiệp: 12 TC.*

*d. Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn: 14 TC.*

***4.3. Cấu trúc chương trình đào tạo***

| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Đáp ứng CĐR** | **TĐNL** | **Học kỳ** | **HP học trước** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN** | | | **19** |  |  |  |  |
| 1 | 19101 | Triết học Mác - Lênin *Philosophy of Marxism and Leninism* | 3 | 1.1.1, 4.1.1 | T2, TU3 | 1 |  |
| 2 | 19401 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin  *Political Economics of Marxism and Leninism* | 2 | 1.1.1, 4.1.1 | T2, TU3 | 2 | 19101 |
| 3 | 19501 | Chủ nghĩa xã hội khoa học  *Scientific Socialism* | 2 | 1.1.1, 4.1.1 | T2, TU3 | 3 | 19401 |
| 4 | 19201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh’s Ideology* | 2 | 1.1.1, 4.1.1 | T2, TU4 | 4 | 19501 |
| 5 | 19303 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  *History of Vietnamese Communist Party* | 2 | 1.1.1, 4.1.1 | T2, TU4 | 5 | 19201 |
| 6 | 19110 | Logic học *Logics* | 2 | 1.1.3, 3.1.1 | T2, TU2 | 3 |  |
| 7 | 11472 | Văn hóa pháp lý *Legal cultures* | 2 | 1.1.3, 4.1.2 | T2, TU2 | 2 |  |
| 8 | 25105 | Anh văn cơ bản 3 *General English 3* | 4 | 3.2.2 | TU3 | 3 | **(\*)** |
| **KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ SỞ** | | | **20** |  |  |  |  |
| 9 | 11468 | Nhập môn Luật học *Introduction to law* | 2 | 1.2.1, 2.3.1, 3.1.1, 4.2.1 | T2, T2, IT2, IT2 | 1 |  |
| 10 | 11481 | Lịch sử nhà nước và pháp luật *History of state and law* | 4 | 1.2.1, 4.1.2 | T2, TU2 | 1 |  |
| 11 | 11470 | Lý luận chung về nhà nước và pháp luật *General theory of state and law* | 4 | 1.2.1, 2.2.1, 3.2.3 | TU2, TU2, TU2 | 1 |  |
| 12 | 11471 | Luật Hiến pháp Việt Nam *Vietnamese Constitutional law* | 4 | 1.2.1, 3.1.1, 3.2.3 | TU3, TU2, TU2 | 2 |  |
| 13 | 15101 | Kinh tế vi mô  *Microeconomics* | 3 | 1.2.2 | TU3 | 1 |  |
| 14 | 15102 | Kinh tế vĩ mô  *Macroeconomics* | 3 | 1.2.2 | TU3 | 4 | 15101 |
| **KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH** | | | **69** |  |  |  |  |
| 15 | 11431 | Luật Hành chính Việt Nam *Vietnamese Administrative law* | 3 | 1.3.1, 4.3.1 | TU4, TU2 | 2 | 11470 |
| 16 | 11482 | Luật Hình sự *Criminal law* | 4 | 1.3.1, 2.2.1 | TU4, TU2 | 2 |  |
| 17 | 11483 | Luật Dân sự *Civil law* | 5 | 1.3.1, 2.2.1, 3.2.3 | TU4, TU3, TU3 | 3 |  |
| 18 | 11493 | Luật Thương mại Việt Nam *Vietnamese Commercial law* | 5 | 1.3.1, 4.2.1 | TU4, TU2 | 3 |  |
| 19 | 11474 | Soạn thảo văn bản pháp luật *Drafting legal documents* | 2 | 1.3.1, 3.2.3 | TU4, TU3 | 4 |  |
| 20 | 11485 | Luật Tố tụng hình sự *Criminal procedure law* | 3 | 1.3.1, 3.1.1, 4.3.1 | TU4, TU3, TU2 | 4 | 11482 |
| 21 | 11486 | Luật Tố tụng dân sự  *Civil procedure law* | 3 | 1.3.1, 2.3.1, 4.2.1 | TU4, TU2, TU3 | 4 | 11483 |
| 22 | 11487 | Công pháp quốc tế *Public International law* | 3 | 1.3.1, 4.1.2 | TU4, TU3 | 4 |  |
| 23 | 11484 | Luật Lao động *Labour law* | 3 | 1.3.1, 2.2.1 | TU4, TU3 | 5 |  |
| 24 | 25459 | Tiếng Anh chuyên ngành Luật  *Legal English* | 4 | 3.2.2 | TU3 | 5 |  |
| 25 | 11478 | Luật Bảo vệ môi trường  *Environmental protection law* | 3 | 1.3.1,  1.4.2 | TU4, TU3 | 5 |  |
| 26 | 11494 | Pháp luật về phòng chống tham nhũng  *Anti-corruption law* | 2 | 1.3.1, 2.2.1 | TU4, TU3 | 5 |  |
| 27 | 11453 | Luật Thương mại quốc tế *International trade law* | 3 | 1.4.1,  2.3.1  4.3.1 | TU4, TU3  TU3 | 6 |  |
| 28 | 11495 | Luật Kinh doanh bảo hiểm  *Insurance Business Law* | 2 | 1.4.1,  2.2.1  3.2.3 | TU4, TU3,  TU3 | 6 | 11493 |
| 29 | 11496 | Pháp luật về cộng đồng ASEAN  *ASEAN Community Legislation* | 2 | 1.4.1,  3.2.3 | TU4,  TU3 | 6 | 11487 |
| 30 | 11476 | Luật Ngân hàng  *Banking law* | 3 | 1.4.1,  3.1.1 | TU4,  TU4 | 6 |  |
| 31 | 11475 | Luật Đất đai  *Land law* | 3 | 1.4.1,  3.2.3 | TU4,  TU4 | 6 | 11483 |
| 32 | 11408 | Luật An sinh xã hội  *Social Security law* | 2 | 1.4.1,  3.1.1 | TU4,  TU4 | 6 |  |
| 33 | 11447 | Tư pháp quốc tế *Private international law* | 3 | 1.3.1, 2.2.1 | TU4, TU3 | 7 | 11483 |
| 34 | 11409 | Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng  *Competition law and protection of consumers' interests* | 3 | 1.4.1,  4.1.2 | TU4,  TU4 | 7 |  |
| 35 | 11410 | Pháp luật về sở hữu trí tuệ  *Intellectual property law* | 3 | 1.4.1,  4.3.1 | TU4,  TU3 | 7 | 11483 |
| 36 | 11498 | Luật Tài chính  *Financial law* | 3 | 1.4.1,  3.1.1 | TU5,  TU4 | 7 |  |
| 37 | 11411 | Pháp luật kinh doanh bất động sản  Real estate business law | 2 | 1.4.1,  4.2.1 | TU5,  TU4 | 7 | 11475 |
| **KHỐI KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP** | | | **12** |  |  |  |  |
| 38 | 11405 | Thực tập cơ sở ngành  *Basic internship* | 2 | 1.3.1, 2.2.1, 2.3.1, 3.2.3, 4.2.1 | TU4, TU3, U2, TU3, U3 | 5 | 11470 |
| 39 | 11415 | Thực tập tốt nghiệp *Graduation training* | 4 | 1.4.1, 2.2.1, 2.3.1, 3.2.3,  4.2.1 | TU5, TU4, U3, TU4, U4 | 8 | 11405, 11493 |
| 40 | 11412 | Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại  *Dispute settlement in commercial business* | 3 | 1.4.1, 2.2.1, 4.3.1 | TU5, TU4, U4 | 8 |  |
| 41 | 11414 | Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại  *Skills in negotiating and drafting contracts in commercial business* | 3 | 1.4.1, 3.2.3, 4.1.2 | TU5, U4, TU4 | 8 |  |
| 42 | 11416 | Khóa luận tốt nghiệp  *Dissertation* | 6 | 1.4.1, 2.2.1, 3.2.3, 4.1.2, 4.3.1 | TU5, TU4, U4, TU4, U4 | 8 |  |
| **KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG TỰ CHỌN** | | | **14** |  |  |  |  |
| 43 | 17102 | Tin học văn phòng *Microsoft Office* | 3 |  |  | 1 |  |
| 44 | 25121 | Anh văn cơ bản 1 *General English 1* | 3 |  |  | 1 |  |
| 45 | 25122 | Anh văn cơ bản 2 *General English 2* | 3 |  |  | 2 |  |
| 46 | 26101 | Môi trường và bảo vệ môi trường  *Environment and environmental protection* | 2 |  |  | 2 |  |
| 47 | 29101 | Kỹ năng mềm 1 *Soft skills 1* | 2 |  |  | 2 |  |
| 48 | 11403 | Pháp luật kinh doanh thương mại điện tử  *Law on business and electronic commerce* | 3 |  |  | 4 |  |
| 49 | 15601 | Thanh toán quốc tế  *International payments* | 3 |  |  | 4 |  |
| 50 | 28214 | Quản trị doanh nghiệp  *Business Administration* | 3 |  |  | 4 |  |
| 51 | 11467 | Luật Hôn nhân và gia đình *The marriage and family law* | 2 |  |  | 5 |  |
| 52 | 11450 | Pháp luật về dịch vụ hàng hải  *Maritime services law* | 2 |  |  | 5 |  |
| 53 | 11420 | Tập quán thương mại quốc tế  *International trade customs* | 2 |  |  | 6 |  |
| 54 | 11406 | Kinh tế khai thác thương vụ *Economics of commercial exploitation* | 2 |  |  | 6 |  |
| 55 | 28253 | Khởi nghiệp sáng tạo  *Creative Entrepreneurship* | 2 |  |  | 6 |  |
| 56 | 11479 | Pháp luật phòng chống vận chuyển trái phép động vật hoang dã bằng đường biển *Law on prevention of iilegal sea transport of wildlife* | 2 |  |  | 7 |  |
| 57 | 11490 | Giải quyết tranh chấp hàng hải *Maritime dispute settelment* | 3 |  |  | 7 |  |
| 58 | 29102 | Kỹ năng mềm 2 *Soft skills 2* | 2 |  |  | 7 |  |
| **KHỐI KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH TÍCH LŨY** | | | **13** |  |  |  |  |
| ***1.* *Giáo dục thể chất (không tích lũy)*** | | | **4/7** |  |  |  |  |
| 59 | 27101 | Bơi lội | 1 | 2.1.2 | TU3 |  |  |
| 60 | 27102 | Điền kinh | 1 | 2.1.2 | TU3 |  |  |
| 61 | 27103 | Thể thao hàng hải | 1 | 2.1.2 | TU3 |  |  |
| 62 | 27201 | Bóng chuyền | 1 | 2.1.2 | TU3 |  |  |
| 63 | 27202 | Cầu lông | 1 | 2.1.2 | TU3 |  |  |
| 64 | 27203 | Bóng rổ | 1 | 2.1.2 | TU3 |  |  |
| 65 | 27204 | Bóng đá | 1 | 2.1.2 | TU3 |  |  |
| ***2. Giáo dục quốc phòng (không tích lũy)*** | | | **9** |  |  |  |  |
| 66 | 24102 | Công tác quốc phòng và an ninh | 2 | 1.1.2 | T2 |  |  |
| 67 | 24103 | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam | 3 | 1.1.2 | T2 |  |  |
| 68 | 24203 | Quân sự chung | 2 | 1.1.2 | T2 |  |  |
| 69 | 24204 | Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật | 2 | 2.1.1 | TU3 |  |  |

***(\*)*** *Sinh viên đạt trình độ tiếng Anh tương tương đương Trình độ 2 (A2) Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*

***4.4. Mô tả trình tự giảng dạy chuẩn đầu ra***

| **CĐR** | **Mô tả các trình tự giảng dạy CĐR** | **TĐNL** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Kiến thức và lập luận ngành** |  |
| **1.1** | **Kiến thức cơ bản** |  |
| **1.1.1** | **Trình bày được các quan điểm về triết học Mác – Lênin, kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam và các tư tưởng của Hồ Chí Minh, hệ thống pháp luật Việt Nam** | **T2** |
|  | *Trình bày được quan điểm của Triết học Mác - Lênin* | *T2* |
|  | *Trình bày được quan điểm của Kinh tế chính trị Mác - Lênin* | *T2* |
|  | *Trình bày được quan điểm của Chủ nghĩa xã hội khoa học* | *T2* |
|  | *Trình bày được Tư tưởng Hồ Chí Minh* | *T2* |
|  | *Trình bày được các nội dung về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* | *T2* |
| **1.1.2** | **Trình bày các kiến thức liên quan đến các chủ trương, đường lối quốc phòng an ninh của Đảng và Nhà nước để giải quyết một số tình huống thực tiễn** | **T2** |
|  | *Trình bày quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh* | *T2* |
|  | *Trình bày các nội dung liên quan đến công tác quốc phòng, an ninh* | *T2* |
|  | *Trình bày một số kiến thức quân sự chung của Việt Nam* | *T2* |
| **1.1.3** | **Hiểu các kiến thức cơ sở về khoa học xã hội trong giải quyết các vấn đề về quan hệ xã hội** | **T2** |
|  | *Hiểu các kiến thức về văn hóa pháp lý để giải quyết các vấn đề xã hội* | *T2* |
|  | *Hiểu các kiến thức về Lôgic học để sử dụng trong quá trình giải quyết các vấn đề xã hội* | *T2* |
| **1.2** | **Kiến thức cơ sở** |  |
| **1.2.1** | **Áp dụng các kiến thức tổng quan về ngành luật, kiến thức lý luận chung và lịch sử về nhà nước và pháp luật để giải thích những vấn đề pháp lý trong hệ thống pháp luật thực định.** | **TU3** |
|  | *Trình bày các kiến thức tổng quan về ngành luật* | *T2* |
|  | *Hiểu về quá trình hình thành, phát triển, của nhà nước và pháp luật Việt Nam; sự thay thế của các kiểu Nhà nước và pháp luật điển hình trên thế giới* | *T2* |
|  | *Tự lấy ví dụ minh họa trong các tình huống giả định hoặc thực tế về các kiến thức lý luận chung về nhà nước và pháp luật* | *TU2* |
|  | *Áp dụng các kiến thức về Hiến pháp Việt Nam để giải thích những vấn đề pháp lý trong hệ thống pháp luật thực định* | *TU3* |
| **1.2.2** | **Áp dụng các kiến thức tổng quan về thị trường và hành vi của các tác nhân kinh tế, kiến thức về các biến số và chính sách kinh tế vĩ mô để giải thích các hoạt động kinh tế** | **TU3** |
|  | *Áp dụng kiến thức về thị trường và hành vi của các tác nhân kinh tế để giải thích các hoạt động kinh tế* | *TU3* |
|  | *Áp dụng kiến thức về các biến số và chính sách kinh tế vĩ mô để giải thích các hoạt động kinh tế* | *TU3* |
| **1.3** | **Kiến thức ngành** |  |
| **1.3.1** | **Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế thuộc các ngành luật để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong đời sống xã hội.** | **TU4** |
|  | *Phân tích các kiến thức luật hành chính để xác định hướng giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực hành chính phát sinh trong một số tình huống giả định và thực tiễn* | *TU4* |
|  | *Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong một số tình huống giả định và thực tiễn của lĩnh vực hình sự* | *TU4* |
|  | *Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam thuộc các ngành luật dân sự để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực dân sự* | *TU4* |
|  | *Phân tích các quy định pháp luật lao động Việt Nam để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong một số tình huống giả định và thực tiễn của lĩnh vực lao động* | *TU4* |
|  | *Phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam để giải quyết được một số vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực thương mại* | *TU4* |
|  | *Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam về xây dựng và ban hành văn bản pháp luật* | *TU4* |
|  | *Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam thuộc ngành luật tố tụng hình sự để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình tố tụng của một vụ án hình sự* | *TU4* |
|  | *Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam thuộc ngành luật tố tụng dân sự để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình tố tụng của vụ việc dân sự* | *TU4* |
|  | *Phân tích các kiến thức pháp luật quốc tế để xác định hướng giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong một số tình huống giả định và thực tiễn quốc tế* | *TU4* |
|  | *Phân tích các kiến thức pháp luật Việt Nam để giải quyết các vấn quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động phòng chống tham nhũng* | *TU4* |
|  | *Phân tích các quy định của Luật bảo vệ môi trường để làm cơ sở giải thích những vấn đề pháp lý và thực tiễn liên quan đến môi trường và bảo vệ môi trường ở Việt Nam* | *TU4* |
|  | *Phân tích các kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề dân sự mở rộng có yếu tố nước ngoài phát sinh trong một số tình huống giả định và thực tiễn* | *TU4* |
|  | *Liên hệ các kiến thức cơ sở ngành luật đã học với thực tiễn tại các đơn vị thực tập* | *TU4* |
| **1.4** | **Kiến thức chuyên ngành** |  |
| **1.4.1** | **Đánh giá quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế khi giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại** | **TU5** |
|  | *Phân tích các chủ thể đặc biệt của Luật Thương mại quốc tế, các chế định về hợp đồng và giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế hiện nay.* | *TU4* |
|  | *Phân tích các kiến thức pháp luật Việt Nam để giải quyết các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm* | *TU4* |
|  | *Phân tích các kiến thức pháp luật quốc tế để xác định hướng giải quyết các vấn đề pháp lý về cộng đồng ASEAN* | *TU4* |
|  | *Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam làm căn cứ giải quyết vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động ngân hàng* | *TU4* |
|  | *Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam làm căn cứ giải quyết vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực đất đai* | *TU4* |
|  | *Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam làm căn cứ giải quyết vấn đề pháp lý về an sinh xã hội* | *TU4* |
|  | *Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam làm căn cứ giải quyết vấn đề pháp lý liên quan đến cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng* | *TU4* |
|  | *Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam làm căn cứ giải quyết vấn đề pháp lý liên quan đến sở hữu trí tuệ* | *TU4* |
|  | *Đánh giá các quy định và thực tiễn thi hành pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực tài chính* | *TU5* |
|  | *Đánh giá các quy định và thực tiễn thi hành pháp luật Việt Nam trong hoạt động kinh doanh bất động sản* | *TU5* |
|  | *Lựa chọn các quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế khi giải quyết vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.* | *TU5* |
|  | *Lựa chọn các quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế trong quá trình đàm phán soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại.* | *TU5* |
|  | *Đánh giá các quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế trong lĩnh vực kinh doanh thương mại khi liên hệ với thực tiễn tại đơn vị thực tập* | *TU5* |
|  | *Đánh giá các quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế trong lĩnh vực kinh doanh thương mại khi liên hệ với thực tiễn thi hành pháp luật tại Việt Nam* | *TU5* |
| **2** | **Kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất** |  |
| **2.1** | **Kỹ năng giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất** |  |
| **2.1.1** | **Thực hiện chính xác các động tác điều lệnh đội ngũ, kỹ thuật chiến đấu bộ binh** | **TU3** |
|  | *Thực hiện chính xác các động tác điều lệnh đội ngũ, kỹ thuật chiến đấu bộ binh* | TU3 |
| **2.1.2** | **Thực hiện chính xác động tác kỹ thuật của ít nhất một môn thể thao đảm bảo rèn luyện sức khỏe cho người học** | **TU3** |
|  | *Thực hiện chính xác động tác kỹ thuật một môn thể thao bất kỳ* | TU3 |
| **2.2** | **Khả năng nghiên cứu, phân tích và giải quyết vấn đề** |  |
| **2.2.1** | **Đề xuất các giải pháp có thể kết hợp để giải quyết vấn đề trên cơ sở nghiên cứu và tư duy luật học** | **TU4** |
|  | *Tự xác định các vấn đề pháp lý phát sinh và căn cứ pháp lý được áp dụng trong tình liên quan đến nhà nước và pháp luật. vị trí, vai trò, bản chất của pháp luật* | *TU2* |
|  | *Tự xác định các vấn đề pháp lý phát sinh và các căn cứ pháp lý được áp dụng trong tình huống thực tiễn luật hình sự.* | *TU2* |
|  | *Hoàn thành việc giải quyết vấn đề pháp lý trên cơ sở nghiên cứu các căn cứ pháp lý và các bất cập trong thực tiễn thi hành luật Dân sự tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp cho vấn đề pháp lý được xác định* | *TU3* |
|  | *Hoàn thành việc giải quyết vấn đề pháp lý trong lĩnh vực lao động trên cơ sở nghiên cứu các căn cứ pháp lý và các bất cập trong thực tiễn thi hành tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp cho vấn đề pháp lý được xác định* | *TU3* |
|  | *Hoàn thành việc giải quyết vấn đề pháp lý về phòng chống tham nhũng trên cơ sở nghiên cứu các căn cứ pháp lý và các bất cập trong thực tiễn thi hành tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp cho vấn đề pháp lý được xác định* | *TU3* |
|  | *Hoàn thành việc giải quyết vấn đề dân sự mở rộng có yếu tố nước ngoài trên cơ sở nghiên cứu các căn cứ pháp lý và các bất cập trong thực tiễn thi hành tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp cho vấn đề pháp lý được xác định* | *TU3* |
|  | *Tự thực hiện chính xác một số việc liên quan đến kiến thức cơ sở ngành tại các đơn vị thực tập* | *TU3* |
|  | *Hoàn thành việc giải quyết vấn đề pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm trên cơ sở nghiên cứu các căn cứ pháp lý và các bất cập trong thực tiễn thi hành tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp cho vấn đề pháp lý được xác định* | *TU3* |
|  | *Phối hợp các giải pháp để giải quyết công việc chuyên môn được giao và vấn đề pháp lý nghiên cứu trong quá trình thực tập* | *TU4* |
|  | *Phối hợp các kỹ năng phân loại và sắp xếp, phản biện và tư duy hệ thống để tìm ra giải pháp khoa học nhất cho vụ tranh chấp kinh doanh thương mại* | *TU4* |
| **2.3** | **Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác** |  |
| **2.3.1** | **Bày tỏ được quan điểm cá nhân về các giá trị đạo đức trong nghề luật thông qua việc tôn trọng phép lịch sự và hành xử chuyên nghiệp trong nghề luật.** | **U3** |
|  | *Trả lời được các quy tắc nghề nghiệp của nghề luật trong một số tình huống giả định và thực tiễn* | *T2* |
|  | *Trả lời được trách nhiệm của từng vị trí trong thành phần tham gia tố tụng dân sự* | *TU2* |
|  | *Chấp hành tuân thủ nguyên tắc nghề nghiệp, quy chế thực tập và nội quy tại đơn vị thực tập* | *U2* |
|  | *Giải thích được tính cần thiết của tôn trọng các giá trị đạo đức nghề nghiệp trong quá trình giải quyết các vấn đề pháp lý về thương mại quốc tế* | *TU3* |
|  | *Tôn trọng tuyệt đối các nguyên tắc nghề nghiệp, quy chế thực tập và nội quy tại đơn vị thực tập.* | *U3* |
| **3** | **Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp** |  |
| **3.1** | **Có khả năng làm việc theo nhóm** |  |
| **3.1.1** | **Phối hợp hoạt động hiệu quả trong một nhóm mà các thành viên cùng nhau lãnh đạo, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch nhiệm vụ và đáp ứng các mục tiêu** | **TU4** |
|  | *Tổ chức được nhóm nhỏ theo sự phân công và hướng dẫn của giảng viên để giải quyết chủ đề về lĩnh vực Luật* | *IT2* |
|  | *Tổ chức được nhóm nhỏ có phân công nhiệm vụ của các thành viên giải quyết vấn đề về tư duy lôgic được giao* | *TU2* |
|  | *Tự tổ chức được nhóm nhỏ có phân công nhiệm vụ của các thành viên giải quyết các vấn đề về chế độ chính trị của nhà nước Việt Nam, chế độ kinh tế, tổ chức bộ máy nhà nước, quyền con người* | *TU2* |
|  | *Hoàn thành việc tổ chức một phiên tòa xét xử vụ án hình sự trong đó các thành viên của nhóm cùng lên kế hoạch, xây dựng kịch bản, đảm nhiệm các vị trí riêng và đánh giá kết quả của từng cá nhân.* | *TU3* |
|  | *Phối hợp hoạt động hiệu quả trong một nhóm để giải quyết một vấn đề pháp lý trong lĩnh vực ngân hàng, các thành viên cùng nhau lãnh đạo, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch nhiệm vụ và đáp ứng các mục tiêu đảm nhiệm.* | *TU4* |
|  | *Phối hợp hoạt động hiệu quả trong một nhóm mà các thành viên cùng nhau lãnh đạo, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch nhiệm vụ và đáp ứng các mục tiêu để giải quyết vấn đề liên quan đến an sinh xã hội* | *TU4* |
|  | *Phối hợp hoạt động hiệu quả trong một nhóm để giải quyết một vấn đề pháp lý trong lĩnh vực tài chính, các thành viên cùng nhau lãnh đạo, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch nhiệm vụ và đáp ứng các mục tiêu đảm nhiệm.* | *TU4* |
| **3.2** | **Có khả năng giao tiếp hiệu quả đối với nhiều đối tượng** |  |
| **3.2.1.** | **Có trình độ tin học văn phòng đạt MOS word ≥700 và excel ≥700.** | **U3** |
| **3.2.2.** | **Có trình độ Tiếng Anh đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.** | *U3* |
|  | *- Kĩ năng nghe: Thể hiện khả năng nghe các diễn ngôn (phỏng vấn, hội thoại, thông báo, bản tin) giọng đọc chuẩn và rõ ràng, có độ dài 200-300 từ về chủ điểm giao tiếp xã hội, công việc*  *- Kĩ năng đọc: Thể hiện khả năng đọc các bài đọc dài tương đối (200-250 từ), với lượng từ vựng và cấu trúc đa dạng, phức tạp; đọc ý chính các bài báo dài về các chủ đề xã hội như thể thao, giao thông, lối sống, văn hóa; và đọc hiểu nhanh các lời nhắn, thư tín công việc, quảng cáo, tin tức.*  *- Kĩ năng nói: Thể hiện khả năng trò chuyện trôi chảy về những chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, hoàn thành bài nói ngắn gọn, mạch lạc về các chủ đề quen thuộc*  *- Kĩ năng viết: Hoàn thành bài viết đoạn văn có độ dài 100-150 từ với các chủ đề liên quan đến bản thân, gia đình, nghề nghiệp, xã hội; thể hiện khả năng viết thư tín trong các tình huống trang trọng và không trang trọng liên quan đến các chủ đề cá nhân và công việc* | *TU3* |
|  | *Trình bày**được**sự hiểu biết**về hệ thống pháp luật, hệ thống tòa án, công việc của một luật sư, cách thức thành lập công ty, phá sản và giải thể, sát nhập và mua lại … bằng tiếng Anh* | *TU3* |
| **3.2.3** | **Có khả năng thuyết trình và giao tiếp hiệu quả bằng văn bản, đa phương tiện** | **TU4** |
|  | *Tham gia thực hiện bài luận để giải quyết đề tài liên quan đến nhà nước và pháp luật* | *TU2* |
|  | *Tự trình bày một nội dung kiến thức liên quan đến ngành Luật Hiến pháp Việt Nam trong thời gian ngắn.* | *TU2* |
|  | *Hoàn thành một bản báo cáo viết, bản lập luận để giải quyết đề tài liên quan đến luật dân sự* | *TU3* |
|  | *Hoàn thành việc xây dựng các dạng văn bản hành chính và các loại hợp đồng để giải quyết vấn đề pháp lý* | *TU3* |
|  | *Hoàn thành bản báo cáo quá trình thực tập tại đơn vị* | *TU3* |
|  | *Hoàn thành bài tiểu luận cá nhân để giải quyết đề tài về các vấn đề pháp lý liên quan đến kinh doanh bảo hiểm* | *TU3* |
|  | *Hoàn thành bài tiểu luận cá nhân để giải quyết đề tài về các vấn đề pháp lý liên quan đến cộng đồng ASEAN* | *TU3* |
|  | *Kết hợp bài luận và bài thuyết trình về các vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực đất đai* | *TU4* |
|  | *Kết hợp báo cáo viết và thuyết trình, trả lời câu hỏi về quá trình thực tập* | *TU4* |
|  | *Phối hợp kỹ năng viết luận và kỹ năng thuyết trình để trình bày một vấn đề pháp lý trong quá trình đàm phán, soạn thảo hợp đồng kinh doanh thương mại.* | *U4* |
|  | *Phối hợp các kỹ năng soạn thảo văn bản và sử dụng đa phương tiện, kỹ năng viết luận để giải quyết và trình bày đề tài* | *U4* |
| **4** | **Thực hành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường – Quá trình sáng tạo** |  |
| **4.1** | **Bối cảnh bên ngoài xã hội** |  |
| **4.1.1** | **Kết hợp các kiến thức về lý luận chính trị và điều kiện thực tế để chứng minh chủ trường, đường lối đúng đắn của Đảng.** | **TU4** |
|  | *Thể hiện chính xác các quan điểm của triết học Mác - Lê nin về các quy luật phổ biến qua một số hoạt động thực tiễn xã hội* | *TU3* |
|  | *Thể hiện các kiến thức kinh tế chính trị Mác - Lê nin trong nhận thức một số vấn đề thực tiễn ở Việt Nam* | *TU3* |
|  | *Thể hiện được niềm tin về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* | *TU3* |
|  | *Kết hợp các kiến thức về tư tưởng Hồ Chí Minh và điều kiện thực tế để minh hoạt nền tảng tư tưởng của Đảng* | *TU4* |
|  | *Kết hợp các kiến thức về lịch sử Đảng và điều kiện thực tế để chứng minh chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng* | *TU4* |
| **4.1.2** | **Liên hệ bối cảnh lịch sử, văn hóa và phát triển quan điểm toàn cầu tới sự thay đổi trong pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật kinh doanh nói riêng** | **TU4** |
|  | *Giải thích được sự thay đổi của Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong tiến trình phát triển của Nhà nước và pháp luật thế giới; mối liên hệ giữa các kiểu Nhà nước và pháp luật trên thế giới trong lịch sử với hiện nay* | *TU2* |
|  | *Giải thích sự phát triển của pháp luật trong tương quan sự thay đổi của các yếu tố xã hội* | *TU2* |
|  | *Chứng minh được sự thay đổi và tiến bộ của pháp luật Việt Nam dưới tác động của Luật quốc tế trong bối cảnh hợp tác toàn diện trên nhiều lĩnh vực với các quốc gia* | *TU3* |
|  | *Chứng minh sự phát triển, tiến bộ của pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam dưới tác động của pháp luật quốc tế* | *TU3* |
|  | *Liên hệ pháp luật Việt Nam với sự phát triển toàn cầu trong cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng* | *TU4* |
|  | *Liên hệ pháp luật Việt Nam với sự phát triển toàn cầu trong đàm phán, soạn thảo hợp đồng kinh doanh thương mại* | *TU4* |
|  | *Liên hệ pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật kinh doanh thương mại nói riêng với thực tiễn thi hành trong phạm vi đề tài nghiên cứu* | *TU4* |
| **4.2** | **Bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp** |  |
| **4.2.1** | **Thích ứng vai trò và trách nhiệm của cử nhân Luật kinh doanh tại các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp trong nước và quốc tế.** | **U4** |
|  | *Thảo luận về hành vi nghề nghiệp cụ thể để từ đó nhận diện được vai trò của cử nhân Luật trong tình huống* | *IT2* |
|  | *Trả lời được trách nhiệm của cử nhân Luật tương ứng với vị trí nhân viên pháp chế tại một doanh nghiệp* | *TU2* |
|  | *Bày tỏ quan điểm cá nhân về tính cần thiết của thực hiện đúng vai trò của từng cá nhân trong thực hiện quy trình và thủ tục tố tụng dân sự* | *TU3* |
|  | *Bày tỏ được quan điểm cá nhân về tầm quan trọng của việc thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm của vị trí nghề nghiệp được đảm nhận trong quá trình thực tập* | *U3* |
|  | *Thích ứng vai trò và trách nhiệm của cử nhân Luật kinh doanh tại các doanh nghiệp trong quá trình đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản* | *TU4* |
|  | *Thích ứng vai trò và trách nhiệm của cử nhân Luật kinh doanh phù hợp với vị trí nghề nghiệp được đảm nhận trong quá trình thực tập* | *U4* |
| **4.3** | **Triển khai quy trình giải quyết vụ việc pháp lý** |  |
| **4.3.1** | **Phối hợp thực hiện các quy trình tư vấn và tố tụng để giải quyết vấn đề pháp lý** | **TU4** |
|  | *Tự thực hiện được các thủ tục hành chính và quy trình giải quyết các khiếu nại về hành chính* | *TU2* |
|  | *Tự thực hiện quy trình tố tụng hình sự để giải quyết một vụ án hình sự theo luật định* | *TU2* |
|  | *Thực hiện chính xác quy trình để giải quyết các vấn đề về hợp đồng trong thương mai quốc tế* | *TU3* |
|  | *Thực hiện chính xác các quy trình đăng ký sở hữu trí tuệ* | *TU4* |
|  | *Phối hợp các thủ tục nội bộ, quy trình tư vấn khách hàng và các hành động với các bên liên quan để giải quyết vụ tranh chấp kinh doanh thương mại theo lựa chọn của khách hàng* | *U4* |
|  | *Phối hợp các quy trình quản lý nhà nước và quản lý doanh nghiệp, quy trình tố tụng để giải quyết đề tài nghiên cứu* | *U4* |

***4.5. Ma trận phân bổ các chuẩn đầu ra cho các học phần***

| **Học kỳ** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **CĐR và các TĐNL được phân bổ cho học phần** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.1.1** | **1.1.2** | **1.1.3** | **1.2.1** | **1.2.2** | **1.3.1** | **1.4.1** | **2.1.1** | **2.1.2** | **2.2.1** | **2.3.1** | **3.1.1** | **3.2.1** | **3.2.2** | **3.2.3** | **4.1.1** | **4.1.2** | **4.2.1** | **4.3.1** |
| **1** | 11468 | Nhập môn Luật học |  |  |  | T2 |  |  |  |  |  |  | T2 | IT2 |  |  |  |  |  | IT2 |  |
|  | 19101 | Triết học Mác - Lênin | T2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | TU3 |  |  |  |
|  | 11481 | Lịch sử nhà nước và pháp luật |  |  |  | T2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | TU2 |  |  |
|  | 11470 | Lý luận chung về nhà nước và pháp luật |  |  |  | TU2 |  |  |  |  |  | TU2 |  |  |  |  | TU2 |  |  |  |  |
|  | 15101 | Kinh tế vi mô |  |  |  |  | TU3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | 19401 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin | T2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | TU3 |  |  |  |
|  | 11472 | Văn hóa pháp lý |  |  | T2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | TU2 |  |  |
|  | 11471 | Luật Hiến pháp Việt Nam |  |  |  | TU3 |  |  |  |  |  |  |  | TU2 |  |  | TU2 |  |  |  |  |
|  | 11431 | Luật Hành chính Việt Nam |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | TU2 |
|  | 11482 | Luật Hình sự |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  | TU2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | 19501 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | T2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | TU3 |  |  |  |
|  | 11483 | Luật Dân sự |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  | TU3 |  |  |  |  | TU3 |  |  |  |  |
|  | 19110 | Logic học |  |  | T2 |  |  |  |  |  |  |  |  | TU2 |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 11493 | Luật Thương mại Việt Nam |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | TU2 |  |
|  | 25105 | Anh văn cơ bản 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | TU3 |  |  |  |  |  |
| **4** | 19201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | T2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  |
|  | 11474 | Soạn thảo văn bản pháp luật |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  |  |  |  |  |  | TU3 |  |  |  |  |
|  | 11485 | Luật Tố tụng hình sự |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  |  |  | TU3 |  |  |  |  |  |  | TU2 |
|  | 11486 | Luật Tố tụng dân sự |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  |  | TU2 |  |  |  |  |  |  | TU3 |  |
|  | 11487 | Công pháp quốc tế |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | TU3 |  |  |
|  | 15102 | Kinh tế vĩ mô |  |  |  |  | TU3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | 19303 | Lịch sử Đảng Cộng sản VN | T2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  |
|  | 11478 | Luật Bảo vệ môi trường |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | TU3 |  |  |
|  | 11494 | Pháp luật về phòng chống tham nhũng |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  | TU3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 11484 | Luật Lao động |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  | TU3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 25459 | Tiếng Anh chuyên ngành Luật |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | TU3 |  |  |  |  |  |
|  | 11405 | Thực tập cơ sở ngành |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  | TU3 | U2 |  |  |  | TU3 |  |  | U3 |  |
| **6** | 11495 | Luật Kinh doanh bảo hiểm |  |  |  |  |  |  | TU4 |  |  | TU3 |  |  |  |  | TU3 |  |  |  |  |
|  | 11496 | Pháp luật về cộng đồng ASEAN |  |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  |  |  |  |  | TU3 |  |  |  |  |
|  | 11476 | Luật Ngân hàng |  |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  |  | TU4 |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 11475 | Luật Đất đai |  |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  |  |
|  | 11408 | Luật An sinh xã hội |  |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  |  | TU4 |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 11453 | Luật Thương mại quốc tế |  |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  | TU3 |  |  |  |  |  |  |  | TU3 |
| **7** | 11447 | Tư pháp quốc tế |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  | TU3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 11409 | Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng |  |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |
|  | 11410 | Pháp luật về sở hữu trí tuệ |  |  |  |  |  |  | TU4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | TU4 |
|  | 11498 | Luật Tài chính |  |  |  |  |  |  | TU5 |  |  |  |  | TU4 |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 11411 | Pháp luật kinh doanh bất động sản |  |  |  |  |  |  | TU5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | TU4 |  |
| **8** | 11415 | Thực tập tốt nghiệp |  |  |  |  |  |  | TU5 |  |  | TU4 | U3 |  |  |  | TU4 |  |  | U4 |  |
|  | 11412 | Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại |  |  |  |  |  |  | TU5 |  |  | TU4 |  |  |  |  |  |  |  |  | U4 |
|  | 11414 | Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại |  |  |  |  |  |  | TU5 |  |  |  |  |  |  |  | U4 |  | TU4 |  |  |
|  | 11416 | Khóa luận tốt nghiệp |  |  |  |  |  |  | TU5 |  |  | TU4 |  |  |  |  | U4 |  | TU4 |  | U4 |
| **Không phân kỳ** | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 24102 | Công tác quốc phòng và an ninh |  | T2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 24103 | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam |  | T2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 24203 | Quân sự chung |  | T2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 24204 | Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật |  |  |  |  |  |  |  | TU3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Các học phần GDTC |  |  |  |  |  |  |  |  | TU3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Chúng chỉ ngoại ngữ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | U3 |  |  |  |  |  |
|  |  | Chứng chỉ tin học MOS |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | U3 |  |  |  |  |  |  |

***4.6. Đánh giá năng lực của sinh viên theo học kỳ***

| **Học kỳ** |  | **CĐR và các TĐNL được phân bổ cho học kỳ** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.1.1** | **1.1.2** | **1.1.3** | **1.2.1** | **1.2.2** | **1.3.1** | **1.4.1** | **2.1.1** | **2.1.2** | **2.2.1** | **2.3.1** | **3.1.1** | **3.2.1** | **3.2.2** | **3.2.3** | **4.1.1** | **4.1.2** | **4.2.1** | **4.3.1** |
| **1** | T2 |  |  | TU2 | TU3 |  |  |  |  | TU2 | T2 | IT2 |  |  | TU2 | TU3 | TU2 | IT2 |  |
| **2** | T2 |  | T2 | TU3 |  | TU4 |  |  |  | TU2 |  | TU2 |  |  | TU2 | TU3 | TU2 |  | TU2 |
| **3** | T2 |  | T2 |  |  | TU4 |  |  |  | TU3 |  | TU2 |  | TU3 | TU3 | TU3 |  | TU2 |  |
| **4** | T2 |  |  |  | TU3 | TU4 |  |  |  |  | TU2 | TU3 |  |  | TU3 | TU4 | TU3 | TU3 | TU2 |
| **5** | T2 |  |  |  |  | TU4 |  |  |  | TU3 | U2 |  |  | TU3 | TU3 | TU4 | TU3 | U3 |  |
| **6** |  |  |  |  |  |  | TU4 |  |  | TU3 | TU3 | TU4 |  |  | TU4 |  |  |  | TU3 |
| **7** |  |  |  |  |  | TU4 | TU5 |  |  | TU4 |  | TU4 |  |  |  |  | TU4 | TU4 | TU4 |
| **8** |  |  |  |  |  |  | TU5 |  |  | TU4 | U3 |  |  |  | U4 |  | TU4 | U4 | U4 |
|  | **T2** | **T2** | **T2** | **TU3** | **TU3** | **TU4** | **TU5** | **TU3** | **TU3** | **TU4** | **U3** | **TU4** | **U3** | **U3** | **U4** | **TU4** | **TU4** | **U4** | **U4** |

***4.7. Tổng hợp phân bổ các học phần theo học kỳ***

**4.7.1. Hệ chính quy**

**Học kỳ I**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **TC** | **LT** | **TH/ XM** | **BTL** | **ĐA** | **Loại HP** | **HP học trước** |
| ***Bắt buộc*** | | | ***16*** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | 19101 | Triết học Mác - Lê nin | 3 | 35 | 20 |  |  | I |  |
| 2 | 11468 | Nhập môn Luật học | 2 | 30 |  |  |  | I |  |
| 3 | 11481 | Lịch sử nhà nước và pháp luật | 4 | 45 |  | 15 |  | I |  |
| 4 | 11470 | Lý luận chung về nhà nước và pháp luật | 4 | 45 |  | 15 |  | I |  |
| 5 | 15101 | Kinh tế vi mô | 3 | 45 |  |  |  | I |  |
| ***Tự chọn*** | | | ***3*** |  |  |  |  |  |  |
| 6 | 17102 | Tin học văn phòng | 3 | 25 | 40 |  |  | I |  |
| 7 | 25121 | Anh văn cơ bản 1 | 3 | 45 |  |  |  | I |  |

**Học kỳ II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **TC** | **LT** | **TH/ XM** | **BTL** | **ĐA** | **Loại HP** | **HP học trước** |
| ***Bắt buộc*** | | | ***15*** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | 19401 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin | 2 | 20 | 20 |  |  | I | 19101 |
| 2 | 11472 | Văn hóa pháp lý | 2 | 30 |  |  |  | I |  |
| 3 | 11471 | Luật Hiến pháp Việt Nam | 4 | 45 |  | 15 |  | I |  |
| 4 | 11431 | Luật Hành chính Việt Nam | 3 | 45 |  |  |  | I | 11470 |
| 5 | 11482 | Luật Hình sự | 4 | 45 |  | 15 |  | I |  |
| ***Tự chọn*** | | | ***2*** |  |  |  |  |  |  |
| 6 | 25122 | Anh văn cơ bản 2 | 3 | 45 |  |  |  | I |  |
| 7 | 26101 | Môi trường và bảo vệ môi trường | 2 | 30 |  |  |  | I |  |
| 8 | 29101 | Kỹ năng mềm 1 | 2 | 30 |  |  |  | I |  |

**Học kỳ III**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **TC** | **LT** | **TH/ XM** | **BTL** | **ĐA** | **Loại HP** | **HP học trước** |
| ***Bắt buộc*** | | | ***18*** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | 19501 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 20 | 20 |  |  | I | 19401 |
| 2 | 11483 | Luật Dân sự | 5 | 60 |  | 15 |  | I |  |
| 3 | 19110 | Logic học | 2 | 30 |  |  |  | I |  |
| 4 | 11493 | Luật thương mại Việt Nam | 5 | 55 | 10 | 15 |  | I |  |
| 5 | 25105 | Anh văn cơ bản 3 | 4 | 60 |  |  |  | I | (\*) |

***(\*)*** *Sinh viên đạt trình độ tiếng Anh tương tương Trình độ 2 (A2) Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*

**Học kỳ IV**

| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **TC** | **LT** | **TH/ XM** | **BTL** | **ĐA** | **Loại HP** | **HP học trước** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bắt buộc*** | | | ***16*** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | 19201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 20 | 20 |  |  | I | 19501 |
| 2 | 11474 | Soạn thảo văn bản pháp luật | 2 | 25 | 10 |  |  | I |  |
| 3 | 11485 | Luật Tố tụng hình sự | 3 | 40 | 10 |  |  | I | 11482 |
| 4 | 11486 | Luật Tố tụng dân sự | 3 | 40 | 10 |  |  | I | 11483 |
| 5 | 11487 | Công pháp quốc tế | 3 | 45 |  |  |  | I |  |
| 6 | 15102 | Kinh tế vĩ mô | 3 | 45 |  |  |  | I | 15101 |
| ***Tự chọn*** | | | ***3*** |  |  |  |  |  |  |
| 7 | 15601 | Thanh toán quốc tế | 3 | 45 |  |  |  | I |  |
| 8 | 28214 | Quản trị doanh nghiệp | 3 | 45 |  |  |  | I |  |
| 9 | 11403 | Pháp luật kinh doanh thương mại điện tử | 3 | 45 |  |  |  | I |  |

**Học kỳ V**

| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **TC** | **LT** | **TH/ XM** | **BTL** | **ĐA** | **Loại HP** | **HP học trước** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bắt buộc*** | | | ***16*** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | 19303 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | 20 | 20 |  |  | I | 19201 |
| 2 | 11484 | Luật Lao động | 3 | 30 |  | 15 |  | I |  |
| 3 | 11478 | Luật Bảo vệ môi trường | 3 | 45 |  |  |  | I |  |
| 4 | 25459 | Tiếng Anh chuyên ngành Luật | 4 | 60 |  |  |  | I |  |
| 5 | 11494 | Pháp luật phòng, chống tham nhũng | 2 | 30 |  |  |  | I |  |
| 6 | 11405 | Thực tập cơ sở ngành | 2 |  | 90 |  |  | II | 11470 |
| ***Tự chọn*** | | | ***2*** |  |  |  |  |  |  |
| 7 | 11467 | Luật Hôn nhân và gia đình | 2 | 30 |  |  |  | I |  |
| 8 | 11450 | Pháp luật về dịch vụ hàng hải | 2 | 25 | 10 |  |  | I |  |

**Học kỳ VI**

| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **TC** | **LT** | **TH/ XM** | **BTL** | **ĐA** | **Loại HP** | **HP học trước** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bắt buộc*** | | | ***15*** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | 11476 | Luật Ngân hàng | 3 | 35 | 20 |  |  | I |  |
| 2 | 11475 | Luật Đất đai | 3 | 40 | 10 |  |  | I | 11483 |
| 3 | 11495 | Luật Kinh doanh bảo hiểm | 2 | 30 |  |  |  | I | 11493 |
| 4 | 11496 | Pháp luật về cộng đồng ASEAN | 2 | 30 |  |  |  | I | 11487 |
| 5 | 11408 | Luật An sinh xã hội | 2 | 30 |  |  |  | I |  |
| 6 | 11453 | Luật Thương mại quốc tế | 3 | 45 |  |  |  | I |  |
| ***Tự chọn*** | | | ***2*** |  |  |  |  |  |  |
| 7 | 11406 | Kinh tế khai thác thương vụ | 2 | 30 |  |  |  | I |  |
| 8 | 11420 | Tập quán thương mại quốc tế | 2 | 30 |  |  |  | I |  |
| 9 | 28523 | Khởi nghiệp sáng tạo | 2 | 30 |  |  |  | I |  |

**Học kỳ VII**

| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **TC** | **LT** | **TH/ XM** | **BTL** | **ĐA** | **Loại HP** | **HP học trước** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bắt buộc*** | | | ***14*** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | 11447 | Tư pháp quốc tế | 3 | 30 |  | 15 |  | I | 11483 |
| 2 | 11411 | Pháp luật kinh doanh bất động sản | 2 | 30 |  |  |  | I | 11475 |
| 3 | 11409 | Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | 3 | 45 |  |  |  | I |  |
| 4 | 11498 | Luật Tài chính | 3 | 45 |  |  |  | I |  |
| 5 | 11410 | Pháp luật về sở hữu trí tuệ | 3 | 40 | 10 |  |  | I | 11483 |
| ***Tự chọn*** | | | ***2*** |  |  |  |  | I |  |
| 6 | 11479 | Pháp luật phòng chống vận chuyển trái phép động vật hoang dã bằng đường biển | 2 | 30 |  |  |  | I |  |
| 7 | 11490 | Giải quyết tranh chấp hàng hải | 3 | 30 |  | 15 |  | I |  |
| 8 | 29102 | Kỹ năng mềm 2 | 2 | 30 |  |  |  | I |  |

**Học kỳ VIII**

| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **TC** | **LT** | **TH/ XM** | **BTL** | **ĐA** | **Loại HP** | **HP học trước** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bắt buộc*** | | | ***10*** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | 11415 | Thực tập tốt nghiệp | 4 |  | 180 |  |  | II | 11405, 11493 |
| 2 | 11416 | Khóa luận tốt nghiệp | 6 |  |  |  | 90 | II |  |
| *Học phần thay thế tốt nghiệp* | | |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | 11414 | Kĩ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại | 3 | 35 | 20 |  |  | I |  |
| 4 | 11412 | Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại | 3 | 30 |  | 15 |  | I |  |

**4.7.2. Hệ vừa học vừa làm**

**Học kỳ I**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **TC** | **LT** | **TH/ XM** | **BTL** | **ĐA** | **Loại HP** | **HP học trước** |
| ***Bắt buộc*** | | | ***16*** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | 19101 | Triết học Mác - Lê nin | 3 | 35 | 20 |  |  | I |  |
| 2 | 11468 | Nhập môn Luật học | 2 | 30 |  |  |  | I |  |
| 3 | 11481 | Lịch sử nhà nước và pháp luật | 4 | 45 |  | 15 |  | I |  |
| 4 | 11470 | Lý luận chung về nhà nước và pháp luật | 4 | 45 |  | 15 |  | I |  |
| 5 | 15101 | Kinh tế vi mô | 3 | 45 |  |  |  | I |  |
| ***Tự chọn*** | | | ***3*** |  |  |  |  |  |  |
| 6 | 17102 | Tin học văn phòng | 3 | 25 | 40 |  |  | I |  |
| 7 | 25121 | Anh văn cơ bản 1 | 3 | 45 |  |  |  | I |  |

**Học kỳ II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **TC** | **LT** | **TH/ XM** | **BTL** | **ĐA** | **Loại HP** | **HP học trước** |
| ***Bắt buộc*** | | | ***15*** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | 19401 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin | 2 | 20 | 20 |  |  | I | 19101 |
| 2 | 11472 | Văn hóa pháp lý | 2 | 30 |  |  |  | I |  |
| 3 | 11471 | Luật Hiến pháp Việt Nam | 4 | 45 |  | 15 |  | I |  |
| 4 | 11431 | Luật Hành chính Việt Nam | 3 | 45 |  |  |  | I | 11470 |
| 5 | 11482 | Luật Hình sự | 4 | 45 |  | 15 |  | I |  |
| ***Tự chọn*** | | | ***2*** |  |  |  |  |  |  |
| 6 | 25122 | Anh văn cơ bản 2 | 3 | 45 |  |  |  | I |  |
| 7 | 26101 | Môi trường và bảo vệ môi trường | 2 | 30 |  |  |  | I |  |
| 8 | 29101 | Kỹ năng mềm 1 | 2 | 30 |  |  |  | I |  |

**Học kỳ III**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **TC** | **LT** | **TH/ XM** | **BTL** | **ĐA** | **Loại HP** | **HP học trước** |
| ***Bắt buộc*** | | | ***16*** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | 19501 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 20 | 20 |  |  | I | 19401 |
| 2 | 11483 | Luật Dân sự | 5 | 60 |  | 15 |  | I |  |
| 3 | 11493 | Luật thương mại Việt Nam | 5 | 55 | 10 | 15 |  | I |  |
| 4 | 25105 | Anh văn cơ bản 3 | 4 | 60 |  |  |  | I | (\*) |

***(\*)*** *Sinh viên đạt trình độ tiếng Anh tương tương Trình độ 2 (A2) Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*

**Học kỳ IV**

| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **TC** | **LT** | **TH/ XM** | **BTL** | **ĐA** | **Loại HP** | **HP học trước** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bắt buộc*** | | | ***12*** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | 19110 | Logic học | 2 | 30 |  |  |  | I |  |
| 2 | 19201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 20 | 20 |  |  | I | 19501 |
| 3 | 11474 | Soạn thảo văn bản pháp luật | 2 | 25 | 10 |  |  | I |  |
| 4 | 11485 | Luật Tố tụng hình sự. | 3 | 40 | 10 |  |  | I | 11482 |
| 5 | 11486 | Luật Tố tụng dân sự | 3 | 40 | 10 |  |  | I | 11483 |
| ***Tự chọn*** | | | ***3*** |  |  |  |  |  |  |
| 6 | 15601 | Thanh toán quốc tế | 3 | 45 |  |  |  | I |  |
| 7 | 28214 | Quản trị doanh nghiệp | 3 | 45 |  |  |  | I |  |
| 8 | 11403 | Pháp luật kinh doanh thương mại điện tử | 3 | 45 |  |  |  | I |  |

**Học kỳ V**

| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **TC** | **LT** | **TH/ XM** | **BTL** | **ĐA** | **Loại HP** | **HP học trước** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bắt buộc*** | | | ***14*** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | 11487 | Công pháp quốc tế | 3 | 45 |  |  |  | I |  |
| 2 | 15102 | Kinh tế vĩ mô | 3 | 45 |  |  |  | I | 15101 |
| 3 | 19303 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | 20 | 20 |  |  | I | 19201 |
| 4 | 11484 | Luật Lao động | 3 | 30 |  | 15 |  | I |  |
| 5 | 11478 | Luật Bảo vệ môi trường | 3 | 45 |  |  |  | I |  |
| ***Tự chọn*** | | | ***2*** |  |  |  |  |  |  |
| 7 | 11467 | Luật Hôn nhân và gia đình | 2 | 30 |  |  |  | I |  |
| 8 | 11450 | Pháp luật về dịch vụ hàng hải | 2 | 25 | 10 |  |  | I |  |

**Học kỳ VI**

| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **TC** | **LT** | **TH/ XM** | **BTL** | **ĐA** | **Loại HP** | **HP học trước** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bắt buộc*** | | | ***14*** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | 25459 | Tiếng Anh chuyên ngành Luật | 4 | 60 |  |  |  | I |  |
| 2 | 11494 | Pháp luật phòng, chống tham nhũng | 2 | 30 |  |  |  | I |  |
| 3 | 11405 | Thực tập cơ sở ngành | 2 |  | 90 |  |  | II | 11470 |
| 4 | 11476 | Luật Ngân hàng | 3 | 35 | 20 |  |  | I |  |
| 5 | 11475 | Luật Đất đai | 3 | 40 | 10 |  |  | I | 11483 |
| ***Tự chọn*** | | | ***2*** |  |  |  |  |  |  |
| 6 | 11406 | Kinh tế khai thác thương vụ | 2 | 30 |  |  |  | I |  |
| 7 | 11420 | Tập quán thương mại quốc tế | 2 | 30 |  |  |  | I |  |
| 8 | 28523 | Khởi nghiệp sáng tạo | 2 | 30 |  |  |  | I |  |

**Học kỳ VII**

| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **TC** | **LT** | **TH/ XM** | **BTL** | **ĐA** | **Loại HP** | **HP học trước** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bắt buộc*** | | | ***12*** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | 11495 | Luật Kinh doanh bảo hiểm | 2 | 30 |  |  |  | I | 11493 |
| 2 | 11496 | Pháp luật về cộng đồng ASEAN | 2 | 30 |  |  |  | I | 11487 |
| 3 | 11408 | Luật An sinh xã hội | 2 | 30 |  |  |  | I |  |
| 4 | 11453 | Luật Thương mại quốc tế | 3 | 45 |  |  |  | I |  |
| 5 | 11447 | Tư pháp quốc tế | 3 | 30 |  | 15 |  | I | 11483 |
| ***Tự chọn*** | | | ***2*** |  |  |  |  | I |  |
| 6 | 11479 | Pháp luật phòng chống vận chuyển trái phép động vật hoang dã bằng đường biển | 2 | 30 |  |  |  | I |  |
| 7 | 11490 | Giải quyết tranh chấp hàng hải | 3 | 30 |  | 15 |  | I |  |
| 8 | 29102 | Kỹ năng mềm 2 | 2 | 30 |  |  |  | I |  |

**Học kỳ VIII**

| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **TC** | **LT** | **TH/ XM** | **BTL** | **ĐA** | **Loại HP** | **HP học trước** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bắt buộc*** | | | ***11*** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | 11411 | Pháp luật kinh doanh bất động sản | 2 | 30 |  |  |  | I | 11475 |
| 2 | 11409 | Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | 3 | 45 |  |  |  | I |  |
| 3 | 11498 | Luật Tài chính | 3 | 45 |  |  |  | I |  |
| 4 | 11410 | Pháp luật về sở hữu trí tuệ | 3 | 40 | 10 |  |  | I | 11483 |

**Học kỳ IX**

| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **TC** | **LT** | **TH/ XM** | **BTL** | **ĐA** | **Loại HP** | **HP học trước** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bắt buộc*** | | | ***10*** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | 11415 | Thực tập tốt nghiệp | 4 |  | 180 |  |  | II | 11405, 11493 |
| 2 | 11416 | Khóa luận tốt nghiệp | 6 |  |  |  | 90 | II |  |
| *Học phần thay thế tốt nghiệp* | | |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | 11414 | Kĩ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại | 3 | 35 | 20 |  |  | I |  |
| 4 | 11412 | Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại | 3 | 30 |  | 15 |  | I |  |

**5. Nội dung các học phần**

**5.1. Triết học Mác – Lênin Mã HP: 19101**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 34 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 20 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 01 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Học phần Triết học Mác - Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin. Từ đó, xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để sinh viên tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

***6.2. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Những NLCB của chủ nghĩa Mác - Lênin - Trường ĐHHHVN (2023), *Tài liệu học tập Triết học Mác - Lênin,* Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.3. Tài liệu tham khảo***

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo: Nguyễn Viết Thông, Phạm Văn Sinh... (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Mác - Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Trình bày được quan điểm của Triết học Mác-Lênin | 1.1.1 |
| **G2** | Thể hiện chính xác các quan điểm của Triết học Mác-Lênin về các quy luật phổ biến qua một số hoạt động thực tiễn xã hội | 4.1.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Trình bày lại được vấn đề cơ bản của triết học; biết được sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin. Biết được đối tượng, chức năng và trình bày lại được vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay | T2 |
| **G1.2** | Trình bày lại được bản chất của thế giới theo quan điểm của triết học Mác - Lênin và những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật. | T2 |
| **G1.3** | Trình bày lại được các quy luật xã hội theo quan điểm duy vật lịch sử. | T2 |
| **G2.1** | Thể hiện được quan điểm của triết học Mác - Lênin với các biểu hiện: duy vật, duy tâm; biện chứng, siêu hình. | TU3 |
| **G2.2** | Cho thấy được quan điểm của CNDVLS về một số vấn đề cá nhân, chính trị - xã hội | TU3 |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| X. Đánh giá quá trình | X2: Kiểm tra viết tự luân | G1.1; G1.2; G2.1; | 25 |
| X3: Trình bày báo cáo chuyên đề | G1.1;G1.2;G1.3; G2.1;G2.2 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y: Thi viết tự luận | G1.1;G1.2;G1.3;  G2.1;G2.2. | 50 |

Các yêu cầu về điều kiện để hoàn thành học phần:

- Sinh viên tuân thủ nghiêm túc các quy định của Trường;

- Sinh viên không được vắng quá 25% tổng số giờ lý thuyết và thảo luận

- Sinh viên gian lận trong kiểm tra, thi: nhận điểm 0

- X2;X3;Y>=4

Điểm đánh giá học phần:

X = (X2+X3)/2

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

***Giảng dạy trên lớp***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội**  1.1.Triết học và vấn đề cơ bản của triết học.  1.2.Triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. | 4 | G1.1 | - **Giảng viên**: Giới thiệu, thuyết giảng  - **Sinh viên**: Tham gia phát biểu và xây dựng bài học. | X2;Y |
| **Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng**  2.1. Vật chất và ý thức  2.2. Phép biện chứng duy vật  2.3. Lý luận nhận thức | 16 | G1.2 | - **Giảng viên**: Thuyết giảng; đặt câu hỏi, kết luận…; giao bài về nhà  - **Sinh viên**:  + Tham gia phát biểu xây dựng bài học.  + Trình bày lại, trao đổi.  **\* Về nhà:**  Sinh viên tự học theo nội dung giảng viên đã giao trên lớp. | X2;Y |
| **Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử**  3.1. Học thuyết hình thái kinh tế-xã hội  3.2. Giai cấp và dân tộc  3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội  3.4. Ý thức xã hội  3.5. Triết học về con người | 14 | G1.3 | - **Giảng viên**: Thuyết giảng, đặt câu hỏi, kết luận…; giao bài về nhà  - **Sinh viên:**  + Tham gia phát biểu và xây dựng bài học.  + Trình bày lại và trao đổi.  **\* Về nhà:**  Sinh viên tự học theo nội dung giảng viên đã giao trên lớp. | Y |

***Giảng dạy Xeminar***

| **NỘI DUNG XEMINAR** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối liên hệ giữa chúng. | 5 | G1.2  G2.1 | - **Sinh viên**: Thuyết trình chuyên đề 1 và tham gia thảo luận.  - **Giảng viên**: Nhận xét, đánh giá những nội dung của buổi thuyết trình.  **\* Về nhà**: Sinh viên chuẩn bị chuyên đề 2. | X3 |
| 2. Nội dung và ý nghĩa phương pháp luận của các nguyên lý, các quy luật và các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật.  Bản chất của nhận thức và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức | 7 | G1.2;  G2.1, | - **Sinh viên**: Thuyết trình chuyên đề 2 và tham gia thảo luận.  - **Giảng viên**: Nhận xét, đánh giá những nội dung của buổi thuyết trình.  **\* Về nhà**: Sinh viên chuẩn bị chuyên đề 3. | X3 |
| 3. Nội dung và liên hệ thực tiễn các quy luật**:** Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; Quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng; Nhà nước và cách mạng xã hội; Vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử | 8 | G1.3;  G2.2; | **- Sinh viên:** Thuyết trình chuyên đề 3 và tham gia thảo luận.  **- Giảng viên**: Nhận xét, đánh giá những nội dung của buổi thuyết trình. | X3 |

**5.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin Mã HP: 19401**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 19 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 20 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 01 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Triết học Mác – Lênin 19101

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Học phần Kinh tế chính trị Mác-Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật. Học phần cung cấp kiến thức nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin về hàng hóa, thị trường; giá trị thặng dư; cạnh tranh, độc quyền trong nền kinh tế thị trường và các kiến thức kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam từ đó giúp sinh viên nhận thức đúng đắn về đường lối xây dựng kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

***6.2. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (2023), *Tài liệu học tập Kinh tế chính trị Mác - Lênin,* NXB Hàng hải, Hải Phòng.

***6.3. Tài liệu tham khảo***

[1] Trần Hoàng Hải chủ biên (2022), *268 câu hỏi trắc nghiệm Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Tập 1: Những câu hỏi trắc nghiệm Kinh tế chính trị Mác - Lênin về phương thức sản xuất Tư bản chủ nghĩa*, NXB Hàng hải, Hải Phòng.

[2] Nguyễn Thị Thanh, Quách Thị Hà (chủ biên) (2023), *268 câu hỏi trắc nghiệm Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Tập 2: Những câu hỏi trắc nghiệm Kinh tế chính trị Mác - Lênin về thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam*, NXB Hàng hải, Hải Phòng.

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Trình bày được quan điểm của Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 1.1.1 |
| **G2** | Thể hiện các kiến thức kinh tế chính trị Mác - Lênin trong nhận thức một số vấn đề thực tiễn ở Việt Nam | 4.1.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảngdạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Trình bày được lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin về hàng hóa, thị trường; về giá trị thặng dư; về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường | **T2** |
| **G1.2** | Trình bày được các vấn đề về KTTT định hướng XHCN; các vấn đề về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam | **T2** |
| **G2.1** | Cho thấy sự vận dụng các kiến thức Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong nhận thức một số vấn đề thực tiễn ở Việt Nam | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X2: Kiểm tra trắc nghiệm kết hợp tự luận. (X2>=4) | G1.1, G2.1 | 25% |
| X3: Bài tập nhóm, thảo luận, thuyết trình, vấn đáp. (X3>=4) | G2.1 | 25% |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y: Thi viết tự luận (hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận) | G1.1 - G1.2  G2.1 | 50% |

Các yêu cầu về điều kiện để hoàn thành học phần:

- Sinh viên cần tuân thủ nghiêm túc các nội quy và quy định của Nhà trường.

- Sinh viên không được vắng quá 25% tổng số buổi lý thuyết và thảo luận.

- Đối với bất kỳ gian lận trong quá trình làm bài tập, bài kiểm tra, bài thi, sinh viên phải chịu mọi hình thức kỷ luật của Nhà trường và bị điểm 0 cho học phần này.

Điểm đánh giá học phần:

X = (X2+X3)/2

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

***Giảng dạy trên lớp***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin** | 2 |  | **Dạy:** Giới thiệu đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin  **Học ở lớp:**  - Theo dõi bài giảng  - Đặt câu hỏi cho giảng viên  **Học ở nhà:**  - Đối tượng nghiên cứu môn học Kinh tế chính trị Mác Lênin  - Phương pháp nghiên cứu. |  |
| **Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường**  2.1. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa  2.2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường | 4 | G1.1, G2.1 | **Dạy***:* Thuyết trình và đặt câu hỏi.  - Thuyết trình về lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa  - Có thể đặt câu hỏi:  *Vận dụng lý luận về chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác – Lênin, lý giải những điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa?*  - Thuyết trình về thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.  *-* Có thể đặt câu hỏi:  *+ Thị trường là gì?*  *+ Các chủ thể có vai trò gì khi tham gia thị trường?*  - Tóm tắt nội dung chính của bài học và giao nhiệm vụ ôn tập cho sinh viên  **Học ở lớp:**  - Nghe giảng  - Trả lời các câu hỏi  - Ghi chép lại các chú ý và tổng kết của giảng viên  **Học ở nhà:**  + Vận dụng lý luận về hàng hóa và thị trường trong để thấy được vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. | X2,Y |
| **Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường**  3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư  3.2. Tích lũy tư bản  3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường | 4 | G1.1, G2.1 | **Dạy***:* thuyết trình và đặt câu hỏi  - Thuyết trình về lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư  - Có thể đặt câu hỏi:  *Giá trị thặng dư là gì?*  *-* Thuyết trình về tích lũy tư bản, và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.  - Có thể đặt câu hỏi:  *+ Giá trị thặng dư có những hình thức biểu hiện là gì?*  - Tóm tắt nội dung chính của bài học và giao nhiệm vụ ôn tập cho sinh viên  **Học ở lớp:**  - Nghe giảng  - Trả lời các câu hỏi  - Ghi chép lại các chú ý và tổng kết của giảng viên  **Học ở nhà:**  - Vận dụng lý luận về giá trị thặng dư và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | X2,Y |
| **Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường**  4.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường  4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường | 3 | G1.1, G2.1 | **Dạy**Thuyết trình và đặt câu hỏi  -Thuyết trình về quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường  - Có thể đặt câu hỏi*:*  *+Cạnh tranh và độc quyền có mối quan hệ như thế nào trong nền kinh tế thị trường?*  *-* Thuyết trình về độc quyền, độc nhà nước trong nền kinh tế thị trường  - Có thể đặt câu hỏi:  *Vận dụng lý luận về chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác – Lênin, lý giải sự xuất hiện của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường là gì?*  - Tóm tắt nội dung chính của bài học và giao nhiệm vụ ôn tập cho sinh viên  **Học ở lớp:**  - Nghe giảng  - Trả lời các câu hỏi  - Ghi chép lại các chú ý và tổng kết của giảng viên  **Học ở nhà:**  - Vận dụng lý luận cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | X2,Y |
| **Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam**  5.1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam  5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam  5.3. Quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam | 4 | G1.2 | **Dạy***:*thuyết trình và đặt câu hỏi  - Thuyết trình về kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam  *-* Có thể đặt câu hỏi:  ***+*** *Thế nào là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN?*  *-* Thuyết trình về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam  *-* Có thể đặt câu hỏi:  *+ Làm thế nào để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam?*  *+ Thuyết trình về quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam*  *+ Quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam được thể hiện như thế nào?*  - Tóm tắt nội dung chính của bài học và giao nhiệm vụ ôn tập cho sinh viên  **Học ở lớp**  - Nghe giảng  - Trả lời các câu hỏi  - Ghi chép lại các chú ý và tổng kết của giảng viên - Nghe giảng  - Trả lời các câu hỏi  - Ghi chép lại các chú ý và tổng kết của giảng viên  **Học ở nhà:**  + Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. | Y |
| **Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam**    6.1.Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam  6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam | 3 | G1.2 | **Dạy***:* thuyết trình và đặt câu hỏi  -Thuyết trình về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam  - Có thể đặt câu hỏi:  *+Thế nào là công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam?*  - Thuyết trình về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam  - Có thể đặt câu hỏi:  *+ Hiện nay, Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế có những điều kiện thuận lợi và đối mặt với những khó khăn, thách thức nào?*  Tóm tắt nội dung chính của bài học và giao nhiệm vụ ôn tập cho sinh viên  **Học ở lớp:**  - Nghe giảng  - Trả lời các câu hỏi  - Ghi chép lại các chú ý và tổng kết của giảng viên  **Học ở nhà:**  - Đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam  - Đường lối hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam | Y |

***Giảng dạy thực hành***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Vấn đề hàng hóa, thị trường và giá trị thặng dư trong Kinh tế thị trường. Vận dụng vào thực tiễn ở Việt Nam. | 5 | G2.1 | **Dạy:**  - Nêu vấn đề thảo luận theo chuyên đề  - Hướng dẫn sinh viên  - Lắng nghe sinh viên trao đổi, thảo luận.  - Giải đáp thắc mắc  - Đánh giá kết quả thảo luận của sinh viên  **Học ở lớp**  + Thảo luận theo chuyên đề  + Thuyết trình  + Tương tác với các nhóm  + Nhận xét và đánh giá phần thuyết trình của các nhóm.  + Lắng nghe giải đáp thắc mắc. | X3, Y |
| 2. Vấn đề canh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.  Vận dụng vào thực tiễn ở Việt Nam. | 5 | G2.1 | **Dạy:**  - Nêu vấn đề thảo luận theo chuyên đề  - Hướng dẫn sinh viên  - Lắng nghe sinh viên trao đổi, thảo luận.  - Giải đáp thắc mắc  - Đánh giá kết quả thảo luận của sinh viên  **Học ở lớp**  + Thảo luận theo chuyên đề  + Thuyết trình  + Tương tác với các nhóm  + Nhận xét và đánh giá phần thuyết trình của các nhóm.  + Lắng nghe giải đáp thắc mắc | X3, Y |
| 3. Vấn đề kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Vận dụng vào thực tiễn ở Việt Nam. | 5 | G2.1 | **Dạy :**  - Nêu vấn đề thảo luận theo chuyên đề  - Hướng dẫn sinh viên  - Lắng nghe sinh viên trao đổi, thảo luận.  - Giải đáp thắc mắc  - Đánh giá kết quả thảo luận của sinh viên  **Học ở lớp:**  + Thảo luận theo chuyên đề  + Thuyết trình  + Tương tác với các nhóm  + Nhận xét và đánh giá phần thuyết trình của các nhóm.  + Lắng nghe giải đáp thắc mắc | X3, Y |
| 4. Vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam. Vận dụng vào thực tiễn ở Việt Nam. | 5 | G2.1 | **Dạy:**  - Nêu vấn đề thảo luận theo chuyên đề  - Hướng dẫn sinh viên  - Lắng nghe sinh viên trao đổi, thảo luận.  - Giải đáp thắc mắc  - Đánh giá kết quả thảo luận của sinh viên  **Học ở lớp:**  + Thảo luận theo chuyên đề  + Thuyết trình  + Tương tác với các nhóm  + Nhận xét và đánh giá phần thuyết trình của các nhóm.  + Lắng nghe giải đáp thắc mắc | X3, Y |

**5.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học Mã HP: 19501**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 19 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 20 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 01 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Kinh tế chính trị Mác – Lênin 19401

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc khối kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật. Học phần giúp sinh viên có nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Từ đó hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, giúp sinh viên xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

***6.2. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (2022), *Tài liệu học tập Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng.

***6.3. Tài liệu tham khảo***

[1] Hội đồng Lý luận Trung ương (2002), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Trình bày được quan điểm của Chủ nghĩa xã hội khoa học | 1.1.1 |
| **G2** | Thể hiện được niềm tin về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | 4.1.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Trình bày lại được sự ra đời, các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. | **T2** |
| **G1.2** | Trình bày lại được vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã; vấn đề dân tộc và tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. | **T2** |
| **G2.1** | Thể hiện được niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. | **TU3** |
| **G2.2** | Thể hiện được quan điểm Chủ nghĩa xã hội khoa học về một số vấn đề chính trị xã hội ở Việt Nam. | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X2: Kiểm tra viết tự luân | G1.1, G1.2, G2.1 | 25%  X2>=4 |
| X3: Bài tập nhóm hoặc thuyết trình | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | 25%  X3>=4 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y: Thi viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | 50%  Y>=4 |

Các yêu cầu về điều kiện để hoàn thành học phần:

- Sinh viên cần tuân thủ nghiêm túc các nội quy và quy định của Nhà trường.

- Sinh viên không được vắng quá 25% tổng số buổi lý thuyết và thảo luận.

- Đối với bất kỳ gian lận trong quá trình làm bài tập, bài kiểm tra, bài thi, sinh viên phải chịu mọi hình thức kỷ luật của Nhà trường và bị điểm 0 cho học phần này.

Điểm đánh giá học phần:

X=(X2+X3)/2

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học**  1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học  2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học  3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học | 1 | G1.1 | **Dạy**:  -Giảng viên thuyết giảng và kết hợp với trao đổi vấn đề.  **Học ở lớp:** tham gia phát biểu và xây dựng bài học.  **Học ở nhà:**  Sinh viên tự học theo nội dung giảng viên đã giao trên lớp | X2, Y |
| **Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**  1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân  2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay  3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam | 3 | G1.1 | **Dạy**:  -Giảng viên thuyết giảng và kết hợp với trao đổi vấn đề.  *-* Có thể đặt câu hỏi:  *Vận dụng kiến thức Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa để làm rõ:*  + Giai cấp công nhân là gì?  + Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và giai cấp công nhân hiện nay có còn sứ mệnh lịch sử không?  **Học ở lớp:** Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học.  **Học ở nhà**:  Sinh viên tự học theo nội dung giảng viên đã giao trên lớp | X2, Y |
| **Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**  1. Chủ nghĩa xã hội  2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | 3 | G1.1 | **Dạy**:  Giảng viên thuyết giảng và kết hợp với trao đổi vấn đề.  *-* Có thể đặt câu hỏi:  *Vận dụng kiến thức Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa để làm rõ:*  + Điều kiện ra đời của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa?  + Tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa?  **Học ở lớp:**  Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học.  **Học ở nhà**:  Sinh viên tự học theo nội dung giảng viên đã giao trên lớp | X2, Y |
| **Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa**  1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa  2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa  3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | 3 | G1.2 | **Dạy**:  - Giảng viên thuyết giảng và kết hợp với trao đổi vấn đề.  Học ở lớp: tham gia phát biểu và xây dựng bài học.  **Học ở nhà**:  Sinh viên tự học theo nội dung giảng viên đã giao trên lớp | X2, Y |
| **Chương 5: Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**  1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | 3 | G1.2 | **Dạy**:  - Giảng viên thuyết giảng và kết hợp với trao đổi vấn đề.  **Học ở lớp:**  Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học.  **Học ở nhà**:  Sinh viên tự học theo nội dung giảng viên đã giao trên lớp | X2, Y |
| **Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội**  1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam | 3 | G1.2 | **Dạy**:  Giảng viên thuyết giảng và kết hợp với trao đổi vấn đề.  **Học ở lớp:**  Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học.  **Học ở nhà**:  Sinh viên tự học theo nội dung giảng viên đã giao trên lớp | Y |
| **Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội**  1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình  2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | 3 | G1.2 | **Dạy**:  Giảng viên thuyết giảng và kết hợp với trao đổi vấn đề.  **Học ở lớp:**  Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học.  **Học ở nhà:**  Sinh viên tự học theo nội dung giảng viên đã giao trên lớp | Y |

***Giảng dạy thực hành***

| **NỘI DUNG THỰC HÀNH** | **Số**  **tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay | 4 | G1.1,  G2.1 | **Dạy:**  - Nêu vấn đề thảo luận theo chuyên đề  - Hướng dẫn sinh viên  - Lắng nghe sinh viên trao đổi, thảo luận.  - Giải đáp thắc mắc  - Đánh giá kết quả thảo luận của sinh viên  **Học trên lớp:**  - Lắng nghe, định hướng vấn đề  - Làm theo hướng dẫn của giảng viên: tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu.  - Trao đổi, thảo luận, làm việc nhóm. Làm rõ kết quả của sinh viên khác (nhóm khác) với thái độ tôn trọng | X3, Y |
| 2. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào điều kiện cụ thể Việt Nam. | 4 | G1.1,  G2.1,  G2.2 | **Dạy**:  - Nêu vấn đề thảo luận theo chuyên đề  - Hướng dẫn sinh viên  - Lắng nghe sinh viên trao đổi, thảo luận.  - Giải đáp thắc mắc  - Đánh giá kết quả thảo luận của sinh viên  **Học trên lớp**:  - Lắng nghe, định hướng vấn đề  - Làm theo hướng dẫn của giảng viên: tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu.  - Trao đổi, thảo luận, làm việc nhóm. Làm rõ kết quả của sinh viên khác (nhóm khác) với thái độ tôn trọng | X3, Y |
| 3. Vấn đề dân chủ và nhà nước trong quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin với việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay. | 4 | G1.2,  G2.1,  G2.2 | **Dạy**:  - Nêu vấn đề thảo luận theo chuyên đề  - Hướng dẫn sinh viên  - Lắng nghe sinh viên trao đổi, thảo luận.  - Giải đáp thắc mắc  - Đánh giá kết quả thảo luận của sinh viên  **Học trên lớp**:  - Lắng nghe, định hướng vấn đề  - Làm theo hướng dẫn của giảng viên: tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu.  - Trao đổi, thảo luận, làm việc nhóm. Làm rõ kết quả của sinh viên khác (nhóm khác) với thái độ tôn trọng | X3, Y |
| 4. Những nguyên tắc cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo, ý nghĩa của nó với việc giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay | 4 | G1.2,  G2.1,  G2.2 | **Dạy**:  - Nêu vấn đề thảo luận theo chuyên đề  - Hướng dẫn sinh viên  - Lắng nghe sinh viên trao đổi, thảo luận.  - Giải đáp thắc mắc  - Đánh giá kết quả thảo luận của sinh viên  **Học trên lớp**:  - Lắng nghe, định hướng vấn đề  - Làm theo hướng dẫn của giảng viên: tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu.  - Trao đổi, thảo luận, làm việc nhóm. Làm rõ kết quả của sinh viên khác (nhóm khác) với thái độ tôn trọng | X3, Y |
| 5. Vấn đề gia đình và ý nghĩa của nó với việc xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay | 4 | G1.2,  G2.1,  G2.2 | **Dạy**:  - Nêu vấn đề thảo luận theo chuyên đề  - Hướng dẫn sinh viên  - Lắng nghe sinh viên trao đổi, thảo luận.  - Giải đáp thắc mắc  - Đánh giá kết quả thảo luận của sinh viên  **Học trên lớp**:  - Lắng nghe, định hướng vấn đề  - Làm theo hướng dẫn của giảng viên: tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu.  - Trao đổi, thảo luận, làm việc nhóm. Làm rõ kết quả của sinh viên khác (nhóm khác) với thái độ tôn trọng | X3, Y |

**5.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh Mã HP: 19201**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 19 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 20 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 01 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Chủ nghĩa xã hội khoa học 19501.

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam, đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế, văn hóa, đạo đức, con người. Từ đó, góp phần minh họa nền tảng tư tưởng của Đảng.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam (2023), *Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh,* Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng

[2] TS Nguyễn Thị Thanh Sâm (Chủ biên) (2022), *Xây dựng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ở Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng.

***7. Mục tiêu của học phần:***

Sinh viên học xong học phần này có khả năng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Trình bày được các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh | 1.1.1 |
| **G2** | Kết hợp các kiến thức về tư tưởng Hồ Chí Minh và điều kiện thực tế để minh họa nền tảng tư tưởng của Đảng | 4.1.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảngdạy** |
| **G1.1** | Tóm tắt được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh | **T2** |
| **G1.2** | Tóm tắt được tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội | **T2** |
| **G1.3** | Tóm tắt được tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân | **T2** |
| **G1.4** | Tóm tắt được tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế | **T2** |
| **G1.5** | Tóm tắt được tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người | **T2** |
| **G2.1** | Lồng ghép được ý nghĩa học tập tư tưởng Hồ Chí Minh | **TU4** |
| **G2.2** | Lồng ghép được hiểu biết về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh | **TU4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X2: Bài kiểm tra kết hợp trắc nghiệm và tự luận | G1.1 - G1.5 | 25% |
| X3: Bài thực hành (thuyết trình, thảo luận, vấn đáp, tiểu luận, sản phẩm sáng tạo...) | G1.1 - G1.5  G2.1 - G2.2 | 25% |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y: Thi viết tự luận (hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận) | G1.1 - G1.5  G2.1 - G2.2 | 50% |

Các yêu cầu về điều kiện để hoàn thành học phần:

- Sinh viên cần tuân thủ nghiêm túc các nội quy và quy định của Nhà trường.

- Sinh viên không được vắng quá 25% tổng số buổi lý thuyết và thảo luận.

- Đối với bất kỳ gian lận trong quá trình làm bài tập, bài kiểm tra, bài thi, sinh viên phải chịu mọi hình thức kỷ luật của Nhà trường và bị điểm 0 cho học phần này.

Điểm đánh giá học phần:

X = (X2+X3)/2

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá X. Y** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập tư tưởng Hồ Chí Minh**  1.1. Khái niệm Tư tưởng Hồ Chí Minh  1.2. Đối tượng nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh  1.3. Phương pháp nghiên cứu  1.4. Ý nghĩa của việc học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh | 1 | G1.1  G2.1 | **Dạy:** Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập tư tưởng Hồ Chí Minh  **Học ở lớp:**  Định nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh  Ý nghĩa học tập tư tưởng Hồ Chí Minh  **Học ở nhà:**  Đối tượng nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh  Phương pháp nghiên cứu. | X2,Y |
| **Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh**  2.1. Cơ sở hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh  2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh  2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh | 3 | G1.1  G2.2 | **Dạy**: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh  **Học ở lớp:**  Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh  Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh  **Học ở nhà:**  + Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh. | X,Y |
| **Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội**  3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc  3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội  3.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng việt Nam giai đoạn hiện nay | 3 | G1.2  G2.2 | **Dạy:** Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội  ***Có thể đặt câu hỏi:*** *Vận dụng lý luận Mác - Lênin để làm rõ sự kế thừa và phát triển sáng tạo của Hồ Chí Minh về: cách mạng giải phóng dân tộc và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?*  **Học ở lớp:**  + Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc  + Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội.  **Học ở nhà:**  Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.  Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay. | X2,Y |
| **Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân do dân, vì dân**  4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam  4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân do dân và vì dân  4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước. | 4 | G1.3  G2.2 | **Dạy***:* Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân do dân, vì dân  ***Có thể đặt câu hỏi:*** *Vận dụng lý luận Mác - Lênin để làm rõ sự kế thừa và phát triển sáng tạo của Hồ Chí Minh về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam*  **Học ở lớp:**  Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam  Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân do dân và vì dân  **Học ở nhà:**  Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước. | X2,Y |
| **Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế**  5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc  5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế  5.3. Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay | 4 | G1.4  G2.2 | **Dạy:** Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế  **Học ở lớp***:*  Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc  **Học ở nhà:**  Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế  Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay. | Y |
| **Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người**  6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa  6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức  6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người  6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh | 4 | G1.5  G2.2 | **Dạy:**Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người  **Học ở lớp:**  Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa  Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức  **Học ở nhà:**  Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người.  Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh. | Y |

***Giảng dạy thực hành***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh** | 4 | G1.1  G2.1 | **Dạy:**  Tổ chức cho sinh viên thuyết trình  Trao đổi thảo luận, giải đáp  Tổng kết đánh giá  **Học ở lớp:**  Thuyết trình  Đặt câu hỏi  Tương tác với các nhóm | X3 |
| **2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội** | 4 | G1.2  G2.2 | **Dạy:**  Tổ chức cho sinh viên thuyết trình  Trao đổi thảo luận, giải đáp  Tổng kết đánh giá.  **Học ở lớp:**  Thuyết trình  Đặt câu hỏi  Tương tác với các nhóm | X3 |
| **3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân** | 4 | G1.3  G2.2 | **Dạy:**  Tổ chức cho sinh viên thuyết trình  Trao đổi thảo luận, giải đáp  Tổng kết đánh giá.  Yêu cầu sinh viên liên hệ thực tiễn về những thành tựu cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng  **Học ở lớp:**  Thuyết trình  Đặt câu hỏi  Tương tác với các nhóm | X3 |
| **4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế** | 4 | G1.4  G2.2 | **Dạy:**  Tổ chức cho sinh viên thuyết trình  Trao đổi thảo luận, giải đáp  Tổng kết đánh giá.  **Học ở lớp:**  Thuyết trình  Đặt câu hỏi  Tương tác với các nhóm | X3 |
| **5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người** | 4 | G1.5  G2.2 | **Dạy:**  Tổ chức cho sinh viên thuyết trình  Trao đổi thảo luận, giải đáp  Tổng kết đánh giá.  **Học ở lớp:**  Thuyết trình  Đặt câu hỏi  Tương tác với các nhóm  Sinh viên liên hệ thực tiễn học tập, rèn luyện của bản thân theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh | X3 |

**5.5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam Mã HP: 19303**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 19 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 20 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 01 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Tư tưởng Hồ Chí Minh 19201.

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc khối kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật. Học phần cung cấp cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Từ đó, khẳng định được vai trò và năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị),* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

***6.2. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2023), Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, *Tài liệu học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam,* Nhà xuất bản Hàng hải*.*

***6.3. Tài liệu tham khảo***

[1] Phạm Thị Xuân, Phạm Thị Thu (2018), *Hướng dẫn ôn tập và kiểm tra kiến thức lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Hàng hải.

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR**  **của CTĐT** |
| **G1** | Trình bày được các nội dung về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 1.1.1 |
| **G2** | Kết hợp các kiến thức về lịch sử Đảng và điều kiện thực tế để chứng minh chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng. | 4.1.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Trình bày được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam | **T2** |
| **G1.2** | Trình bày được quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền thời kỳ (1930 - 1945) | **T2** |
| **G1.3** | Trình bày được quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975) | **T2** |
| **G1.4** | Trình bày được nội dung cơ bản đường lối lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018) | **T2** |
| **G2.1** | Tự xây dựng được nhận thức về tính đúng đắn trong chủ trương, đường lối của Đảng trên cơ sở kết hợp kiến thức về quá trình Đảng lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và điều kiện, hoàn cảnh của nước ta thời kỳ 1930 – 1975 | **TU4** |
| **G2.2** | Tự xây dựng được nhận thức về tính đúng đắn trong chủ trương, đường lối của Đảng trên cơ sở kết hợp kiến thức về quá trình Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới và điều kiện, hoàn cảnh của nước ta thời kỳ 1975 - 2018 | **TU4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X2: Kiểm tra viết tự luận | G1.1 – G1.3 | 25% |
| X3: Trả lời câu hỏi, thảo luận, thể hiện ý kiến đối với các thành viên khác trong lớp. | G1.1 – G1.4  G2.1 – G2.2 | 25% |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y: Thi viết tự luận | G1.1 – G1.4  G2.1 – G2.2 | 50% |

Các yêu cầu về điều kiện để hoàn thành học phần:

- Sinh viên cần tuân thủ nghiêm túc các nội quy và quy định của Nhà trường

- Sinh viên không được vắng quá 25% tổng số buổi lý thuyết và thảo luận.

- Đối với bất kỳ gian lận trong quá trình làm bài tập, bài kiểm tra, bài thi, sinh viên phải chịu mọi hình thức kỷ luật của Nhà trường và bị điểm 0 cho học phần này.

Điểm đánh giá học phần:

X=(X2+X3)/2.

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

***Giảng dạy lý thuyết***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương mở đầu: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam** | 1 |  | **Dạy**: Giới thiệu đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  **Học ở lớp:** Theo dõi bài giảng; đặt câu hỏi cho giảng viên |  |
| **Chương 1. Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)**  1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng (2.1930)  1.2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền ( 1930 – 1945*)* | 5 | G1.1  G1.2 | **Dạy:**  + Thuyết trình về hoàn cảnh và điều kiện khi Đảng ra đời  + Đặt câu hỏi: Vận dụng kiến thức lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản, hãy chứng minh sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu, khách quan?  + Thuyết trình về Hội nghị thành lập Đảng  *+* Đặt các câu hỏi để làm rõ nội dung Hội nghị thành lập Đảng và tư tưởng của Cương lĩnh Chính trị đầu tiên.  + Thuyết trình về hoàn cảnh lịch sử và sự lãnh đạo của Đảng đối với các phong trào cách mạng 1930-1931, 1936-1939, 1939-1945.  + Đặt các câu hỏi để làm rõ chủ trương của Đảng những năm 1930-1931, 1936-1939,1939-1945.  + GV tóm tắt nội dung chính của bài học và giao nhiệm vụ ôn tập cho sinh viên.  **Học ở lớp**:  + Nghe giảng, đọc tài liệu  + Trả lời các câu hỏi  + Ghi chép lại các chú ý và tổng kết của giảng viên | X2,Y |
| **Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975)**  2.1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ( 1945 - 1954)  2.2. Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc | 5 | G1.3 | **Dạy:**  + Thuyết trình về hoàn cảnh Việt Nam và đường lối kháng chiến của Đảng những năm 1945 - 1954  + Đặt các câu hỏi để làm rõ sự lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Pháp những năm 1945 - 1954  + Thuyết trình về hoàn cảnh Việt Nam và đường lối kháng chiến của Đảng những năm 1954-1975.  + Nêu các câu hỏi để làm rõ sự lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Pháp những năm 1954-1975.  + GV tóm tắt nội dung chính của bài học và giao nhiệm vụ ôn tập cho SV.  **Học ở lớp**:  + Nghe giảng, đọc tài liệu  + Trả lời các câu hỏi  + Ghi chép lại các chú ý và tổng kết của giảng viên | X2,Y |
|  |  |  |  |  |
| **Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới ( 1975 - 2018)**  3.1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 – 1986)  3.2. Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 - 2018) | 7 | G1.4  G2.2  G1.4 | **Dạy:**  + Thuyết trình về hoàn cảnh lịch sử và chủ trương, đường lối của Đảng những năm 1975-1986.  + Đặt câu hỏi: Vận dụng kiến thức lý luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử trong Triết học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội để giải thích cho sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.  + Thuyết trình về sự lãnh đạo của Đảng những năm 1986-2018  + Đặt các câu hỏi để làm rõ sự lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, hệ thống chính trị, đối ngoại thời kỳ đổi mới.  + GV tóm tắt nội dung chính của bài học và giao nhiệm vụ ôn tập cho sinh viên  **Học ở lớp**:  + Nghe giảng, đọc tài liệu  + Trả lời các câu hỏi  + Ghi chép lại các chú ý và tổng kết của giảng viên | Y |
| **Chương tổng kết: Những thắng lợi và** **bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng** | 1 |  | **Dạy:** Giới thiệu những thắng lợi và bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng.  **Học ở lớp**: Theo dõi bài giảng; đặt câu hỏi cho giảng viên |  |

***Giảng dạy thực hành***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR**  **học phần** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng. | 4 | G1.1 | **Dạy:**  + Nêu vấn đề thảo luận theo chuyên đề  + Hướng dẫn sinh viên  + Lắng nghe sinh viên trao đổi, thảo luận  + Giải đáp thắc mắc  + Đánh giá kết quả thảo luận của sinh viên  ***Học ở lớp****:*  + Nghiên cứu tài liệu  + Chuẩn bị và trình bày các vấn đề thảo luận  + Tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi và trả lời | X3, Y |
| 2. Vấn đề ý nghĩa của sự nghiệp giải phóng dân tộc (1930 - 1975). | 4 | G1.2  G1.3  G2.1 | **Dạy:**  + Nêu vấn đề thảo luận theo chuyên đề  + Yêu cầu sinh viên liên hệ thực tiễn hoàn cảnh lịch sử nước ta trong những năm 1945 - 1975 và thành quả của hai cuộc kháng chiến để chứng minh sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.  + Hướng dẫn sinh viên  + Lắng nghe sinh viên trao đổi, thảo luận  + Giải đáp thắc mắc  + Đánh giá kết quả thảo luận của sinh viên  **Học ở lớp**:  + Nghiên cứu tài liệu  + Chuẩn bị và trình bày các vấn đề thảo luận  + Tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi và trả lời | X3, Y |
| 3. Sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng phát triển nền văn hóa thời kỳ đổi mới. Liên hệ thực tiễn, trách nhiệm bản thân. | 4 | G1.4  G2.2 | **Dạy:**  + Nêu vấn đề thảo luận theo chuyên đề  *+* Yêu cầu sinh viên liên hệ thực tiễn những thành tựu trên lĩnh vực văn hóa của Việt Nam thời kỳ đổi mới để chứng minh những chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng  + Hướng dẫn sinh viên  + Lắng nghe sinh viên trao đổi, thảo luận  + Giải đáp thắc mắc  + Đánh giá kết quả thảo luận của sinh viên  **Học ở lớp**:  + Nghiên cứu tài liệu  + Chuẩn bị và trình bày các vấn đề thảo luận  + Tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi và trả lời | X3, Y |
| 4. Sự lãnh đạo của Đảng đối với việc đổi mới công nghiệp hóa-hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. | 4 | G1.4  G2.2 | **Dạy:**  + Nêu vấn đề thảo luận theo chuyên đề  *+* Yêu cầu sinh viên liên hệ thực tiễn những thành tựu kinh tế của Việt Nam thời kỳ đổi mới để chứng minh những chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng  + Hướng dẫn sinh viên  + Lắng nghe sinh viên trao đổi, thảo luận  + Giải đáp thắc mắc  + Đánh giá kết quả thảo luận của sinh viên  **Học ở lớp**:  + Nghiên cứu tài liệu  + Chuẩn bị và trình bày các vấn đề thảo luận  + Tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi và trả lời | X3,Y |
| 5. Sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới hệ thống chính trị. Liên hệ thực tiễn, trách nhiệm bản thân. | 4 | G1.4  G2.2 | **Dạy:**  + Nêu vấn đề thảo luận theo chuyên đề  *+* Yêu cầu sinh viên liên hệ thực tiễn những thành tựu chính trị của Việt Nam thời kỳ đổi mới để chứng minh những chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng  + Hướng dẫn sinh viên  + Lắng nghe sinh viên trao đổi, thảo luận  + Giải đáp thắc mắc  + Đánh giá kết quả thảo luận của sinh viên  **Học ở lớp**:  + Nghiên cứu tài liệu  + Chuẩn bị và trình bày các vấn đề thảo luận  + Tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi và trả lời | X3,Y |

**5.6. Logic học Mã HP: 19110**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 21 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 08 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 01 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Học phần Lôgic học thuộc khối kiến thức và lập luận ngành. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về lôgic học. Từ đó, sinh viên vận dụng để xây dựng tư duy đúng. Có khả năng phát hiện lỗi lôgic và bác bỏ lập luận sai của người khác.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] Nguyễn Thuý Vân, Nguyễn Anh Tuấn (2020). *Logic học đại cương* *(sách giáo trình dùng trong các trường đại học)*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội

***6.2. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin. *Tài liệu học tập Lôgic học*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng

***6.3. Tài liệu tham khảo***

[1] Nguyễn Như Hải (2007). *Giáo trình lôgic học đại cương*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Hiểu các kiến thức về Lôgic học để sử dụng trong quá trình giải quyết các vấn đề xã hội | 1.1.3 |
| **G2** | Tổ chức được nhóm nhỏ có phân công nhiệm vụ của các thành viên giải quyết vấn đề về tư duy lôgic được giao | 3.1.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| **G1.1** | Hiểu các quy luật cơ bản của tư duy và các hình thức cơ bản của tư duy: Khái niệm, phán đoán, suy luận | **T2** |
| **G1.2** | Hiểu các thao tác tư duy để giải quyết một số vấn đề xã hội. | **T2** |
| **G2.1** | Tổ chức được nhóm nhỏ có phân công nhiệm vụ của các thành viên giải quyết vấn đề về tư duy lôgic được giao | **TU2** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Bài tập nhóm | G1.2, G2.1 | 25% |
| X2: Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G1.2 | 25% |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y: Thi viết tự luận | G1.1, G1.2 | 50% |

Các yêu cầu về điều kiện để hoàn thành học phần:

- Học trên lớp cần tuân thủ nghiêm túc các quy định của Nhà trường.

- Sinh viên không được vắng quá 25% tổng số thời gian học tập trên lớp.

- Điểm đánh giá học phần: Z = 0.5X + 0.5Y (ĐK: X2,Y>=4)

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn lô-gíc học**  1.1. Đối tượng của lôgíc học  1.2. Mối quan hệ giữa lôgíc học và các khoa học khác  1.3. Phương pháp của lôgíc học  1.4. Khái lược về lịch sử phát triển của lô-gíc học  1.5. Ý nghĩa của việc nghiên cứu lô-gíc học | 3 | G1.1 | **Dạy** :Thuyết giảng; đặt câu hỏi, kết luận…; giao bài về nhà  **Học ở lớp:**  Tham gia phát biểu xây dựng bài học.  Trình bày lại, trao đổi.  **Học ở nhà:**  Sinh viên tự học theo nội dung giảng viên đã giao trên lớp. | Y |
| **Chương 2. Các quy luật cơ bản của lô-gíc hình thức**  2.1. Quy luật và đặc điểm chung của các quy luật lôgíc hình thức  2.2. Những quy luật cơ bản của lôgíc hình thức | 5,5 | G1.1  G1.2  G2,1 | **Dạy** :Thuyết giảng; đặt câu hỏi, kết luận…; giao bài về nhà  **Học ở lớp:**  Tham gia phát biểu xây dựng bài học.  Trình bày lại, trao đổi.  **Học ở nhà:**  Sinh viên tự học theo nội dung giảng viên đã giao trên lớp. | X1, X2, Y |
| **Chương 3: Khái niệm**  3.1 Những vấn đề chung về khái niệm  3.2 Cấu trúc khái niệm  3.3 Phân loại khái niệm  3.4 Quan hệ giữa các khái niệm  3.5 Các thao tác trên khái niệm | 6 | G1.1  G1.2  G2.1 | **Dạy** :Thuyết giảng; đặt câu hỏi, kết luận…; giao bài về nhà  **Học ở lớp:**  Tham gia phát biểu xây dựng bài học.  Trình bày lại, trao đổi.  **Học ở nhà:**  Sinh viên tự học theo nội dung giảng viên đã giao trên lớp. | X1, X2, Y |
| **Chương 4: Phán đoán**  4.1. Những vấn đề chung về phán đoán  4.2. Mối Phân loại phán đoán  4.3. Tính đẳng trị của phán đoán  4.4. Tình thái của phán đoán | 7 | G1.1  G1.2  G2.1 | **Dạy** :Thuyết giảng; đặt câu hỏi, kết luận…; giao bài về nhà  **Học ở lớp:**  Tham gia phát biểu xây dựng bài học.  Trình bày lại, trao đổi.  **Học ở nhà:**  Sinh viên tự học theo nội dung giảng viên đã giao trên lớp. | X1, X2, Y |
| **Chương 5: Suy luận**  5.1 Những vấn đề chung về suy luận  5.2. Các hình thức suy luận thông thường  5.3. Chứng minh và bác bỏ | 7,5 | G1.1  G1.2  G2.1 | **Dạy** :Thuyết giảng; đặt câu hỏi, kết luận…; giao bài về nhà  **Học ở lớp:**  Tham gia phát biểu xây dựng bài học.  Trình bày lại, trao đổi.  **Học ở nhà:**  Sinh viên tự học theo nội dung giảng viên đã giao trên lớp. | X1, Y |
| **Báo cáo bài tập nhóm** | 2 | G1.2  G2.1 | Giảng viên tổ chức buổi báo cáo, hướng dẫn, đánh giá  Sinh viên làm việc nhóm, báo cáo kết quả làm việc. | X1 |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1 G1.2 | Giảng viên giao câu hỏi kiểm tra  Sinh viên trả lời câu hỏi | X2 |

**5.7. Văn hóa pháp lý Mã HP: 11472**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 28 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Học phần Văn hóa pháp lý là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức kĩ năng, kỹ năng cơ bản của chương trình đào tạo ngành Luật. Thông qua học phần, sinh viên được học những kiến thức cơ bản về các quan điểm văn hóa pháp lý chủ đạo trên thế giới thông qua phương pháp tiếp cận so sánh luật, qua đó sinh viên liên hệ những kinh nghiệm có thể tiếp thu và ứng dụng với để hoàn thiện hơn văn hóa pháp lý tại Việt Nam.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Văn hóa pháp lý,* Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội (2020). *Giáo trình lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật*, Nhà xuất bản Công an nhân dân.

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội (2019). *Giáo trình Luật so sánh*, Nhà xuất bản Công an nhân dân.

[3] Hoàng Thị Kim Quế - Ngô Huy Cương (2012). *Văn hoá pháp luật, những vấn đề lý luận cơ bản và ứng dụng chuyên ngành,* Nhà xuất bản Đại học Quốc gia.

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Hiểu các kiến thức về văn hóa pháp lý để giải quyết các vấn đề xã hội | 1.1.3 |
| **G2** | Giải thích sự phát triển của pháp luật trong tương quan sự thay đổi của các yếu tố xã hội | 4.1.2 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Hiểu các kiến thức về văn hóa pháp lý làm cơ sở giải quyết các vấn đề pháp lý trong đời sống. | **T2** |
| **G1.2** | Hiểu các kiến thức về văn hóa pháp lý làm cơ sở đưa ra giải pháp hoàn thiện hơn hệ thống văn hóa pháp lý tại Việt Nam | **T2** |
| **G2.1** | Giải thích sự phát triển của văn hóa pháp lý trên thế giới dưới sự tác động sâu sắc của vấn đề toàn cầu hóa hiện nay. | **TU2** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1 | 25 |
| X2 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Tổng quan về văn hóa pháp lý**  1.1. Khái niệm văn hoá pháp lý  1.2. Đặc điểm của văn hoá pháp lý  1.3. Cấu thành văn hoá pháp lý  1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa pháp lý  1.5. Vị trí, vai trò, chức năng của văn hoá pháp lý trong đời sống xã hội  1.6. Lịch sử phát triển của văn hoá pháp lý Việt Nam. | 7 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy**:   * Thuyết giảng các nội dung lý thuyết về khái niệm, đặc điểm, cấu thành văn hóa pháp lý. * Thuyết giảng các nội dung lý thuyết về các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa pháp lý; vị trí, vai trò, chức năng của văn hóa pháp lý trong đời sống xã hội; lịch sử phát triển của văn hóa pháp lý Việt Nam. * Giảng viên giao câu hỏi cho sinh viên thảo luận nhóm trên lớp về các ý nghĩa khoa học khi nghiên cứu văn hóa pháp lý và các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa pháp lý * Giảng viên giao câu hỏi về nhà cho sinh viên nghiên cứu về thực trạng và triển vọng về văn hóa pháp lý tại Việt Nam   **Học ở lớp:**   * Sinh viên thảo luận nhóm, áp dụng lý thuyết, trả lời câu hỏi được giao và trình bày sự hình thành và phát triển của văn hóa pháp lý; ý nghĩa lý luận và thực tiễn khi nghiên cứu về văn hóa pháp lý.   **Học ở nhà:**   * Sinh viên tự nghiên cứu lý thuyết và đánh giá được về thực trạng và triển vọng phát triển của văn hóa pháp lý ở Việt Nam | X1, X2, Y |
| **Chương 2. Văn hoá pháp lý và ý thức pháp luật**  2.1 Khái niệm về ý thức pháp luật  2.2 Đặc điểm của ý thức pháp luật  2.3 Cấu trúc ý thức pháp luật  2.3.1 Trí tuệ pháp luật  2.3.2 Tình cảm pháp luật  2.3.3 Ý chí, thói quen pháp luật  2.4 Mối quan hệ giữa ý thức pháp luật và văn hoá pháp lý  2.5 Xây dựng ý thức pháp luật và văn hoá pháp lý | 8 | G1.1, G1.2,  G2.1 | **Dạy:**  **-** Thuyết giảng các nội dung lý thuyết về khái niệm, đặc điểm, cấu trúc của ý thức pháp luật.  **-** Giải thích mối quan hệ giữa văn hóa pháp lý và ý thức pháp luật; định hướng xây dựng văn hóa pháp lý và ý thức pháp luật.  - Giảng viên giao các tình huống về ý thức pháp luật, cho sinh viên thảo luận về sự tác động của văn hóa pháp lý tới sự phát triển ý thức pháp luật tại Việt Nam.  **-** Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu lý thuyết, đưa ra quan điểm để xây dựng ý thức pháp luật và văn hóa pháp lý tại Việt Nam.  **Học trên lớp:**  **-**  Sinh viên áp dụng lý thuyết, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi giảng viên giao về sự tác động của văn hóa pháp lý tới sự phát triển ý thức pháp luật tại Việt Nam  **Học ở nhà:**  Sinh viên tự nghiên cứu lại lý thuyết theo hướng dẫn của giảng viên, đưa ra giải pháp nâng cao văn hóa pháp lý và ý thức pháp luật tại Việt Nam.  **-** Giảng viên đưa ra các tình huống về văn hóa pháp lý trong hoạt động xây dựng pháp luật để sinh viên thảo luận nhóm.  **-** Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu về thực tiễn hoạt động xây dựng pháp luật tại Việt Nam.  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên nghiên cứu các tình huống và đưa ra quan điểm về sự tác động của văn hóa pháp lý và hoạt động xây dựng pháp luật.  **Học ở nhà:**   * Sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu môn học theo hướng dẫn của giảng viên. | X1, X2, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1  G1.2  G2.1 | * Giảng viên giao các câu hỏi kiểm tra * Sinh viên trả lời câu hỏi | X1 |
| **Chương 3: Văn hoá pháp lý và nhà nước pháp quyền**  3.1. Mối quan hệ giữa văn hoá pháp lý và nhà nước pháp quyền  3.2 Văn hoá pháp lý trong lĩnh vực lập pháp  3.3 Văn hoá pháp lý trong lĩnh vực hành pháp  3.4 Văn hoá pháp lý trong lĩnh vực tư pháp  3.5 Văn hoá pháp lý trong việc bảo đảm quyền con người | 6 | G1.1  G1.2  G2.1 | **Dạy**:  - Thuyết giảng các nội dung lý thuyết  về mối quan hệ giữa văn hóa pháp lý và nhà nước pháp quyền.  - Giải thích các nội dung lý thuyết về sự ảnh hưởng của văn hóa pháp lý đến các lĩnh vực lập pháp, hành pháp, tư pháp và trong vấn đề bảo đảm quyền con người.  - Giảng viên đưa ra các tình huống về sự tác động văn hóa pháp lý trong hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp tại Việt Nam để sinh viên thảo luận nhóm.  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu về sự ảnh hưởng văn hóa pháp lý tới việc đảm bảo quyền con người tại Việt Nam.  **Học ở lớp:**  - Trên cơ sở phân tích lý thuyết, sinh viên nghiên cứu các tình huống và đưa ra quan điểm về mối quan hệ của văn hóa pháp lý và hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp.  **Học ở nhà:**   * Sinh viên đọc tài liệu môn học, liên hệ thực tiễn hoạt động bảo đảm quyền con người tại Việt Nam dưới ảnh hưởng của văn hóa pháp lý. | X2, Y |
| **Chương 4. Văn hóa pháp lý với nghề luật và đào tạo luật**  4.1 Văn hoá pháp lý với nghề luật  4.1.1 Tổng quan về nghề luật  4.1.2 Đạo đức nghề luật  4.1.3 Vai trò của văn hóa pháp lý trong nghề luật  4.2. Văn hóa pháp lý đối với đào tạo luật  4.2.1 Tổng quan về đào tạo luật  4.2.2 Ảnh hưởng của văn hoá pháp lý đối với hoạt động đào tạo luật | 5 | G1.1  G1.2  G2.1 | **Dạy:**  **-** Thuyết giảng lý thuyết về vai trò của văn hóa pháp lý đối với nghề luật và hoạt động đào tạo luật.  **-** Giảng viên giao câu hỏi thảo luận cho sinh viên về so sánh hoạt động đào tạo luật tại một số quốc gia trên thế giới gắn liền với văn hóa pháp lý của từng quốc gia.  **-** Giảng viên giao câu hỏi về nhà cho sinh viên tự nghiên cứu lý thuyết về vai trò văn hóa pháp lý trong nghề luật và hoạt động đào tạo luật tại Việt Nam.  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên thảo luận nhóm, chỉ ra được điểm giống và khác nhau trong hoạt động đào tạo luật ở một số quốc gia dưới sự tác động của nền văn hóa pháp lý khác nhau.  **Học ở nhà:**   * Sinh viên tự nghiên cứu lý thuyết và chỉ ra được vai trò của văn hóa pháp lý trong nghề luật và hoạt động đào tạo luật tại Việt Nam. | X2, Y |
| **Chương 5. Văn hóa pháp lý và vấn đề toàn cầu hóa**  5.1. Tổng quan về toàn cầu hóa  5.2 Toàn cầu hoá với văn hoá pháp lý  5.3 Văn hoá pháp lý Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá | 2 | G1.1, G1.2,  G2.1 | **Dạy**:  - Thuyết giảng các nội dung lý thuyết về mối quan hệ giữa văn hóa pháp lý và vấn đề toàn cầu hóa.  - Giải thích xu hướng phát triển của văn hóa pháp lý trong mối tương quan với sự thay đổi của các yếu tố xã hội.  - Giảng viên giao câu hỏi thảo luận nhóm cho sinh viên nghiên cứu lý thuyết, liên hệ thực tiễn với Việt Nam về triển vọng phát triển văn hóa pháp lý.  - Giảng viên giao câu hỏi về nhà cho sinh viên tự nghiên cứu tài liệu học tập và ôn tập, chuẩn bị cho bài kiểm tra tư cách lần 2.  **Học ở lớp:**  **-** Vận dụng các kiến thức đã nghiên cứu, sinh viên thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi và liên hệ thực tiễn để đánh giá về thực trạng và triển vọng phát triển của văn hóa pháp lý ở Việt Nam.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên nghiên cứu tài liệu môn học và ôn tập cho bài kiểm tra tư cách lần 2. | X2, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1,  G1.2, G2.1 | * Giảng viên giao các câu hỏi kiểm tra * Sinh viên trả lời câu hỏi | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Vũ Thị Thanh Lan** |

**5.8. Anh văn cơ bản 3 Mã HP: 25105**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***4 TC | | | **BTL** |  | **ĐAMH** | |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn tiếng Anh đại cương | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 60 tiết |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 55 tiết | |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết | |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 05 tiết | |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Sinh viên đạt trình độ tiếng Anh tương tương Trình độ 2 (A2) Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Học phần Anh văn cơ bản 3 được xây dựng để đáp ứng CĐR ngoại ngữ của chương trình đào tạo. Kết thúc học phần, sinh viên đạt tương ứng trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.

Chương trình học trên lớp tập trung vào 4 kỹ năng thực hành tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) cùng từ vựng, ngữ pháp phục vụ các chủ đề phổ biến trong giao tiếp xã hội và công việc (như nhà đất, thực phẩm, thể thao, lối sống, văn hóa, giáo dục, đầu tư, môi trường làm việc). Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của Giảng viên.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] Oxenden, C., Koenig, C. L., & Seligson, P. (2007). *American English File –student book 2*. Oxford University Press.

[2] Tu, N.T., Thao B.T.P., Linh H.T.P., Nam T.Q., & Trang L.T.T. (2017). *VSTEP Collection – 20 Mock Test*. NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Mann, M., & Taylore-Knowles, S. (2008). *Destination B1: grammar & vocabulary. with answer key*. Macmillan Education.

[2] Chia S.C., & Lewis L. (2022). *Voices B1*. National Graphic Learning.

[3] Emily B., & Christien L. (2022). *Voices A2+*. National Graphic Learning.

[4] Doff, A., Thaine, C., Puchta, H., Lewis-Jones, P., Stranks, J., Godfrey, R., & Davies, G. (2015). *Empowers - Intermediate student's book*. Cambridge University Press.

[5] Anderson P. (2015). *Empowers - Intermediate workbook*. Cambridge University Press

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Kĩ năng nghe: Thể hiện khả năng nghe các diễn ngôn (phỏng vấn, hội thoại, thông báo, bản tin) giọng đọc chuẩn và rõ ràng, có độ dài 200-300 từ về chủ điểm giao tiếp xã hội, công việc. | 3.2.2 |
| **G2** | Kĩ năng đọc: Thể hiện khả năng đọc các bài đọc dài tương đối (200-250 từ), với lượng từ vựng và cấu trúc đa dạng, phức tạp; đọc ý chính các bài báo dài về các chủ đề xã hội như thể thao, giao thông, lối sống, văn hóa; và đọc hiểu nhanh các lời nhắn, thư tín công việc, quảng cáo, tin tức. | 3.2.2 |
| **G3** | Kĩ năng nói: Thể hiện khả năng trò chuyện trôi chảy về những chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, hoàn thành bài nói ngắn gọn, mạch lạc về các chủ đề quen thuộc. | 3.2.2 |
| **G4** | Kĩ năng viết: Hoàn thành bài viết đoạn văn có độ dài 100-150 từ với các chủ đề liên quan đến bản thân, gia đình, nghề nghiệp, xã hội; thể hiện khả năng viết thư tín trong các tình huống trang trọng và không trang trọng liên quan đến các chủ đề cá nhân và công việc. | 3.2.2 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Thể hiện kỹ năng nghe cụm từ, câu miêu tả hoàn chỉnh. | **TU3** |
| **G1.2** | Thể hiện kỹ năng nghe hội thoại độ dài trung bình. | **TU3** |
| **G1.3** | Thể hiện kỹ năng nghe phỏng vấn, thông báo, bản tin độ dài trung bình. | **TU3** |
| **G2.1** | Thể hiện kỹ năng đọc nắm ý chính bài đọc có độ dài trung bình. | **TU3** |
| **G2.2** | Thể hiện kỹ năng đọc nắm thông tin chi tiết chính, xuyên suốt bài đọc và ẩn ý của người viết. | **TU3** |
| **G2.3** | Thể hiện kỹ năng nắm bắt chính xác nghĩa từ mới và các cấu trúc, hiện tượng ngữ pháp xuất hiện thường xuyên trong bài đọc. | **TU3** |
| **G3.1** | Cho thấy kỹ năng trò chuyện trôi chảy về các chủ đề giao tiếp thường ngày hoặc tình huống giao tiếp đơn giản trong môi trường làm việc. | **TU3** |
| **G3.2** | Hoàn thành bài nói ngắn gọn, mạch lạc về các chủ đề quen thuộc, phát âm đúng từ, trọng âm, ngữ điệu, nói tắt, và nối âm. | **TU3** |
| **G4.1** | Thể hiện kỹ năng viết câu đơn, câu ghép, câu phức chính xác về cấu trúc và ngữ pháp. | **TU3** |
| **G4.2** | Hoàn thành bài văn viết miêu tả có độ dài trung bình (150 từ) hoặc viết thư hay email (tình huống không trang trọng, trang trọng) chính xác về từ vựng, đúng văn phong, ngữ pháp và đúng mục tiêu giao tiếp. | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| X. Đánh giá quá trình | X1: điểm bài kiểm tra đánh giá lần 1 tại lớp (kiểm tra 03 kĩ năng: Nghe, Đọc, Viết). | G1.1, G1.2, G1.3  G2.1, G2.2, G2.3  G4.1, G4.2 | 15 |
| X2: điểm bài kiểm tra đánh giá lần 2 tại lớp (kiểm tra 03 kĩ năng: Nghe, Đọc, Viết). | G1.1, G1.2, G1.3  G2.1, G2.2, G2.3  G4.1, G4.2 | 15 |
| X3: điểm bài kiểm tra đánh giá lần 2 tại lớp (kiểm tra kĩ năng Nói) | G3.1, G3.2 | 20 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y: Bài kiểm tra tự luận tích hợp 03 kĩ năng Nghe, Đọc, Viết.  Điều kiện dự thi:  - SV tham dự tối thiểu 75% giờ học trên lớp.  - Các điểm X1, X2, X3, đều ≥4. | G1.1, G1.2, G1.3  G2.1, G2.2, G2.3  G4.1, G4.2 | 50 |

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Food: fuel or pleasure?** | 14 |  |  |  |
| 1.1. Food: fuel or pleasure? (1A) | 3,0 | G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2. | **Dạy:**  1.1.1. Reading & Speaking: Teachers ask students to work in pairs, play roles (one as an interviewer, one as Alice, then Jacqueline) read the interview and match the answer with the questions  1.1.2. Grammar: present simple and continuous, action and non-action verbs: Teachers teach the use of present simple and present continuous tense; then ask students to do the exercises in Grammar bank 1A (p.130)  1.1.3. Vocabulary: food and restaurants: Teachers ask students to do the exercises in Vocabulary bank “Food and restaurants” (p.144), then check and explain necessary words or expressions  1.1.4. Pronunciation: /ʊ/ and /u:/, understanding phonetics: Teachers play track 1.2 and ask students to listen and do the task.  1.1.5. Speaking: Teachers ask students to work in groups, choose one statement to discuss  **Học ở lớp***:*  *-* Reading & Speaking: Read the two texts of two women talking about their relationship with food and match the questions with the right answers.  *-* Grammar: Do exercises on present tenses (simple and continuous, action and non-action verbs)  *-* Vocabulary: Do exercises on food and restaurants  - Speaking: Work in pairs and discuss six topics  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook and VSTEP mock test (Reading & Speaking)  - Food: fuel or pleasure? – Workbook  - VSTEP Mock Test 1 | X1, X2, X3, Y |
| 1.2. If you really want to win, cheat (1B) | 3,0 | G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2. | **Dạy:**  1.2.1. Grammar: past tenses: simple, continuous, perfect: teachers teach the use of past tenses, then ask students to do the exercises in Grammar bank 1B (p.130)  1.2.2. Speaking 1: Teacher ask students to work in small groups, choose one topic, make outline, then make up a complete story  1.2.3. Vocabulary: sports: Teachers ask students to do the exercises in Vocabulary bank “Sports” (p.145)  1.2.4. Pronunciation: / ɔ:/ and / ɜ:/: Teachers play track 1.7, then ask students to listen and do the task.  1.2.5. Speaking 2: Teachers ask students to work in pairs, take turns to ask and answer the questions in the questionnaire.  1.2.6. Reading: When you hear the final whistle: Teachers ask students to read the text and do the tasks, then check  **Học ở lớp***:*  - Grammar: Do exercises on past tenses  - Speaking 1: Work in groups or pairs to tell a story based on suggested questions.  - Vocabulary: Do exercises on sports  - Speaking 2: Work in pairs, take turn to interview each other about sports  - Reading: Read the text and choose the suitable topic sentences  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook and VSTEP mock test (Reading & Speaking)  - If you really want to win, cheat  - VSTEP Mock Test 1 | X1, X2, X3, Y |
| 1.3. We are family(1C) | 3,0 | G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2. | **Dạy:**  1.3.1. Vocabulary & Speaking: family, personality: Teachers ask students to read the text, do the vocabulary exercise to know the meanings of the words about topic “family”, then ask students to work in pairs to ask and answer about their family  1.3.2. Grammar: future forms: going to, present continuous, will/shall: Teachers teach the use of future forms, then ask students to do the exercises in Grammar bank 1C (p.130)  1.3.3. Reading: We are family: Teachers ask students to read the text and do the tasks  1.3.4. Pronunciation: prefixes and suffixes: Teachers play track 1.10, then ask students to listen and do the task.  1.3.5. Speaking: Family  **Học ở lớp***:*  - Vocabulary: Do exercises on topic “family”, “personality  - Grammar: Do exercises on future forms  - Reading: Read the text “We are family” and answer the questions  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook and VSTEP mock test (Reading & Speaking)  - We are family  - VSTEP Mock Test 1 | X1, X2, X3, Y |
| 1.4.Listening: Talks and conversations | 3,0 | G1.1, G1.2, G1.3. | **Dạy:**  - Teacher introduce format of short talks (announcements, instructions) and conversations.  - Teacher guide students to look through questions to identify the type of information to be focus: Main idea, specific details, inference  - Teacher guides student’s prediction before listening.  - Teacher plays tracks T1.1, T1.2 (Mock Test 1) for students to listen and finish the tasks.  - Teacher gives feedbacks: Provides answers, reminds students of useful expressions.  **Học ở lớp***:*  - Work in pair or group to analyze the format of the listening texts, information types to be focused, & predict before listening.  - Listen and do listening exercises  - Check answer in pairs, then get feedback from teacher.  **Học ở nhà***:*  - Learn useful vocabulary and structures.  - Listen to track 1.3 (Mock Test 1: Listening): understanding long talks and conversations. | X1, X2, X3, Y |
| 1.5. Writing: Describing a person | 2,0 | G4.1, G4.2. | **Dạy:**  - Teachers teach how to write an email to describe a person: words and structures to describe people  **Học ở lớp***:*  - Do writing exercises on the textbook  **Học ở nhà***:* Write an email based on the topic on the textbook | X1, X2, X3, Y |
| **Chương 2. Ka-ching!** | 13 |  |  |  |
| 2.1. Ka-ching! (2A) | 3,0 | G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2. | **Dạy:**  2.1.1. Vocabulary and listening: money, phrasal verbs: Teachers play track 2.1, ask students to listen to complete the songs, then learn new words by doing task b in the book; then teachers ask students to do the exercises in Vocabulary bank “Money” (p.147)  2.1.2. Grammar: present perfect and past simple: Teachers teach the use of present perfect and past simple tense, then ask students to do the exercises in Grammar bank 2A (p.132)  2.1.3. Speaking: Teachers ask students to work in pairs, take turns to ask and answer questions in the “Money questionnaire”  2.1.4. Reading: My life without money: teachers ask students to read the text and do the tasks  2.1.5. Vocabulary and Pronunciation: saying numbers: Teachers play track 2.3, then ask students to listen, write the numbers and repeat  2.1.6. Listening and speaking: teachers play track 2.5, ask students to listen and answer the questions  **Học ở lớp***:*  - Vocabulary: Do exercises on money, phrasal verbs  - Grammar: Do exercises on present perfect and past simple  - Reading: Read the text and answer the questions  - Listening & Speaking: Listen to a news program and answer the questions  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook and VSTEP mock test (Reading & Speaking)  - Ka-ching!  - VSTEP Mock Test 2 | X1, X2, X3, Y |
| 2.2. Changing your life(2B) | 3,0 | G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2. | **Dạy:**  2.2.1. Grammar: present perfect continuous with for/since: teachers teach the use of present perfect continuous tense, then ask students to do the exercise in Grammar bank 2B (p.132)  2.2.2. Pronunciation: sentence stress: Teachers play tracks 2.8, 2.9, then ask students to listen and do the tasks  2.2.3. Speaking: Teachers ask students to work in small groups, each groups choose one different situation to discuss, then present in front of the class  2.2.4. Reading: It was just a holiday, but it changed my life: Teachers ask students to read the text and do the tasks  2.2.5. Vocabulary and pronunciation: strong adjectives: Teachers ask students to do the exercises in the book  2.2.6. Grammar: present perfect continuous  **Học ở lớp***:*  - Grammar: Do exercises on present perfect continuous  - Reading: Read the two texts and answer the questions  - Speaking: Work in pairs, and describe the objects listed on the text book  - Vocabulary: Do exercise on strong adjectives  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook and VSTEP mock test (Reading & Speaking)  - Changing your life  - VSTEP Mock Test 2 | X1, X2, X3, Y |
| 2.3. Race to the sun (2C) | 3,0 | G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2. | **Dạy:**  2.3.1. Reading: race to the sun: teachers ask students to read the text and do the tasks  2.3.2. Grammar: comparatives and superlatives: teachers teach the use of comparison and ask students to do the exercises in Grammar bank 2C (p.132)  2.3.3. Vocabulary: transport and travel: Teachers ask students to do the exercises in Vocabulary bank “Transportation and Travel” (p.148)  2.3.4. Pronunciation and speaking: stress in compound nouns: Teachers play track 2.14 and ask students to listen and do the Q&A tasks  **Học ở lớp***:*  - Reading: Read the text and rearrange it in the right order  - Grammar: Do exercises on comparatives and superlatives  - Vocabulary: Do exercises on transport and travel  - Speaking: Work in pairs or groups to discuss the answer for the question “Which of these things is the most dangerous when you’re driving a car?”  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook and VSTEP mock test (Reading & Speaking)  - Race to the Sun  - VSTEP Mock Test 2 | X1, X2, X3, Y |
| 2.4. Listening: Talks and conversations | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3. | **Dạy:**  - Teacher reviews format of short talks (announcements, instructions) and conversations.  - Teacher guides students to look through questions to identify the type of information to be focus: Main idea, specific details, inference  - Teacher guides student’s prediction before listening.  - Teacher plays tracks T2.1, T2.2 (Mock Test 2) for students to listen and finish the tasks.  - Teacher gives feedbacks: Provides answers, reminds students of useful expressions.  **Học ở lớp***:*  - Work in pair or group to analyze the format of the listening texts, information types to be focused, & predict before listening.  - Listen and do listening exercises  - Check answer in pairs, then get feedback from teacher.  **Học ở nhà***:*  - Learn useful vocabulary and structures.  - Listen to track 2.3 (Mock Test 2: Listening): understanding long talks and conversations. | X1, X2, X3, Y |
| 2.5. Writing: telling a story | 2,0 | G4.1, G4.2. | **Dạy:**  - Teachers teach how to write a story telling about a trip  **Học ở lớp***:*  - Students do exercise on textbook, work in pairs or groups to prepare an outline, and write their stories.  **Học ở nhà***:* Write a story telling about a nightmare trip (Writing Mock Test, Task 1) | X1, X2, X3, Y |
| **Review and Test 1 (X1)** | 2.0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2. | **Dạy:**  - Teachers review vocabulary, grammar, and language skills.  - Teacher delivers Progress Test 1 (written test) to measure students’ performances on listening, reading and writing in English.  **Học ở lớp***:*  - Students consolidate vocabulary, grammar, and language skills  - Students to Progress Test 1 on their own.  **Học ở nhà***:*  - Do Mock Test 5 (Reading, Speaking) | X1, X2, X3, Y |
| **Chương 3. Modern Manners** | 13 |  |  |  |
| 3.1. Modern manners(3A) | 3,0 | G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2. | **Dạy:**  3.1.1. Vocabulary and speaking: mobile phones: Teachers ask students to do the vocabulary task in the book, then work in pairs, take turns to ask and answer questions in the “Cell phone questionnaire”  3.1.2. Grammar: must, have to, should: Teachers teach the theory, then ask students to do the exercises in Grammar bank 3A (p.134)  3.1.3. Pronunciation and speaking: sentence stress: Teachers play track 3.3, then ask students to listen and repeat the sentences  3.1.4. Reading : culture shock: Teachers ask students to read the text, then do the tasks  3.1.5. Speaking: Teachers ask students to work in small groups, read five situations in the book, then discuss and present in front of the class  **Học ở lớp***:*  *-* Vocabulary: Learn new words by doing the matching exercise about topic “cell phones”  - Grammar: Do exercises on must, have to, should  - Reading: Read the text and do the True or False exercise  - Speaking: Read the five situations, work in pairs or groups to decide whether the manners are good or bad in your culture  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook and VSTEP mock test (Reading & Speaking)  - Modern manners  - VSTEP Mock Test 3 | X2, X3, Y |
| 3.2. Judging by appearances (3B) | 3,0 | G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2. | **Dạy:**  3.2.1. Reading: Do I really look like this?: Teachers ask students to read the text and do the tasks  3.2.2. Vocabulary: describing people: Teachers ask students to do the exercises in Vocabulary bank “Describing people” (p.149)  3.2.3. Pronunciation: -eigh, -aigh, -igh: Teachers play track 3.6, then ask students to listen and do the task  3.2.4. Grammar: must, may, might, can’t: Teachers teach the theory and ask students to do the exercises in Grammar bank 3B (p.134)  **Học ở lớp***:*  - Reading: Read the text and answer the questions  - Vocabulary: Learn words to describe people  - Grammar: Do exercises on must, may, might, can’t  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook and VSTEP mock test (Reading & Speaking)  - Judging by appearances  - VSTEP Mock Test 3 | X2, X3, Y |
| 3.3. If at first you don’t succeed, … (3C) | 3,0 | G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2. | **Dạy:**  3.3.1. Grammar: can, could, be able to: teachers teach the theory, then ask students to listen and do the exercises in Grammar bank 3C (p.134)  3.3.2. Pronunciation: sentence stress: Teachers play tracks 3.10, 3.11, then ask students to listen and do the tasks  3.3.3. Speaking: Teachers ask students to work in pairs, take turns to interview each other using the chart in the book  3.3.4. Vocabulary: -ed/-ing adjectives: teachers explain the use of –ed/-ing adjectives, then ask students to do the tasks  3.3.5. Reading: Never give up: teachers ask students to read the text, and do the tasks, then check  3.3.6. Song: You can get it if you really want  **Học ở lớp***:*  - Grammar: Do the exercises on can, could, be able to  - Vocabulary: Do exercises on –ed/-ing adjectives  - Speaking: Work in pairs, take turn to interview each other with the chart  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook and VSTEP mock test (Reading & Speaking)  - If at first you don’t succeed, …  - VSTEP Mock Test 3 | X2, X3, Y |
| 3.4. Listening: Talks and conversations | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3. | **Dạy:**  - Teacher reviews format of short talks (announcements, instructions) and conversations.  - Teacher guides students to look through questions to identify the type of information to be focus: Main idea, specific details, inference  - Teacher guides student’s prediction before listening.  - Teacher plays tracks T3.1, T3.2 (Mock Test 1) for students to listen and finish the tasks.  - Teacher gives feedbacks: Provides answers, reminds students of useful expressions.  **Học ở lớp***:*  - Work in pair or group to analyze the format of the listening texts, information types to be focused, & predict before listening.  - Listen and do listening exercises  - Check answer in pairs, then get feedback from teacher.  **Học ở nhà***:*  - Learn useful vocabulary and structures.  - Listen to track 3.3 (Mock Test 3: Listening): understanding long talks and conversations. | X2, X3, Y |
| 3.5. Writing: An informal letter | 2,0 | G4.1, G4.2. | **Dạy:**  - Teacher guides how to write an informal letter to thank someone  **Học ở lớp***:*  - Students do exercise on textbook, work in pairs or groups to prepare an outline for an informal letter to thank someone  **Học ở nhà***:* Write a letter according to the topic required in the text book | X2, X3, Y |
| **Chương 4. School** | 10 |  |  | X2, X3, Y |
| 4.1. Back to school, age 35 (4A) | 3,0 | G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2. | **Dạy:**  4.1.1. Vocabulary: Teacher introduces vocabulary on education, asks students to do the exercises in Vocabulary bank “Education” (p.150)  4.1.2. Grammar: First conditional and future time clauses: Teachers summarizes main theory, then ask students to do the exercises in Grammar bank 4A (p.136)  4.1.3. Speaking: Teachers ask students to work in pairs, take turns to ask and answer questions about their education and school.  4.1.4. Reading: So school these days is easy? Think again: Teacher ask students to read the text and do the comprehension tasks  4.1.5. Pronunciation: Teachers make models, then have student listen and practice speaking out words with letter “u”  **Học ở lớp***:*  - Vocabulary: Do exercises on money, phrasal verbs  - Grammar: Do exercises First conditional and future time  - Reading: Read the text and answer the questions  - Speaking: Make Qs&A about education, practice saying words with “u”.  **Học ở nhà***:* Do exercises in VSTEP mock test 4 (Reading & Speaking) | X2, X3, Y |
| 4.2. In an idea world (4B) | 3,0 | G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2. | **Dạy:**  4.2.1. Grammar: Second conditional: Teacher summarize the use of second conditional, then ask students to do the exercise in Grammar bank 4B (p.136)  4.2.2. Pronunciation: sentence stress: Teachers play tracks 4.8, then ask students to listen and do practicing tasks with sentence stress.  4.2.3. Vocabulary: Teacher introduces vocabulary on houses, asks students to do the exercises in Vocabulary bank “Houses” (p.151)  4.2.4. Speaking: Teachers ask students to work in pairs, take turns to ask and answer questions about their dream houses.  4.2.5. Reading: Houses you’ll never forget: Teachers ask students to read the text and do the comprehension tasks  **Học ở lớp***:*  - Grammar: Do exercises on second conditional  - Vocabulary: Do exercise on topic *houses*.  - Reading: Read the texts and answer the questions  - Speaking: Make Qs&A about education, practice sentence stress.  **Học ở nhà***:* Do exercises in VSTEP mock test 4,5 (Reading & Speaking) | X2, X3, Y |
| 4.3. Listening: Talks and conversations | 2,0 | G3.1, G3.1. | **Dạy:**  - Teacher reviews format of short talks (announcements, instructions) and conversations.  - Teacher guides students to look through questions to identify the type of information to be focus: Main idea, specific details, inference  - Teacher guides student’s prediction before listening.  - Teacher plays tracks T4.1, T4.2 (Mock Test 4) for students to listen and finish the tasks.  - Teacher gives feedbacks: Provides answers, reminds students of useful expressions.  **Học ở lớp***:*  - Work in pair or group to analyze the format of the listening texts, information types to be focused, & predict before listening.  - Listen and do listening exercises  - Check answer in pairs, then get feedback from teacher.  **Học ở nhà***:*  - Learn useful vocabulary and structures.  - Listen to track 4.3 (Mock Test 4: Listening): understanding long talks and conversations. | X2, X3, Y |
| 4.4. Writing: Describing a house or an apartment | 2,0 | G4.1, G4.2. | **Dạy:**  - Teachers analyzes two texts that describe houses.  - Teacher guides the outline of the writing: introduction, the house, the neighborhood, the owner.  - Have students work in group to complete their writing.  **Học ở lớp***:*  - Students analyze text structures and language use.  - Students works in small groups to complete writing tasks.  **Học ở nhà***:* Write an email about to the topic required in the text book (house) | X2, X3, Y |
| **Review and Test 2 (X2)** | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2. | **Dạy:**  - Teachers review vocabulary, grammar, and language skills.  - Teacher delivers Progress Test 2 (written test) to measure students’ performances on listening, reading and writing in English.  **Học ở lớp***:*  - Students consolidate vocabulary, grammar, and language skills  - Students to Progress Test 2 on their own.  **Học ở nhà***:*  - Do Mock Test 5 (Reading, Speaking) | X2, X3, Y |
| **Test 3 (X3)** | 3,0 | G3.1, G3.2. | **Dạy:**  - Teacher delivers Progress Test 3 (Spoken test) to measure students’ performances on speaking ability across common topics.  **Học ở lớp***:*  - Students to Progress Test 3.  **Học ở nhà***:*  - Do Mock Test 5 (Reading, Speaking) | X3, Y |
| **Chương 4. School (cont)** | 3,0 |  |  |  |
| 4.5. Still friends? (4C) | 3,0 | G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2. | **Dạy:**  4.3.1. Grammar: Usually and Used to: Teacher summarizes the use of Usually and Used to, then ask students to do the exercise in Grammar bank 4C (p.136)  4.3.2. Pronunciation: /s/, /z/: Teachers play tracks 4.13, then ask students to listen and do practicing saying words with /s/ or /z/ sounds  4.3.2. Reading: DO you need to edit your friends? Teachers ask students to read the text and do the comprehension tasks  4.3.3. Vocabulary: Teacher introduces vocabulary on topic Friendship.  4.3.4. Speaking: Teachers ask students to work in pairs, take turns to describe people or objects.  **Học ở lớp***:*  - Grammar: Do exercises on Usually and Used to  - Vocabulary: Do exercise on topic Friendship.  - Reading: Read the texts and answer the questions  - Speaking: Make short talk to describe a person or thing, practice saying /s/ and /z/ sounds.  **Học ở nhà***:* Do exercises in VSTEP mock test 5 (Listening & Writing) | X2, X3, Y |

**5.9. Nhập môn Luật học Mã HP: 11468**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 27 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 03 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Nhập môn Luật học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức, kỹ năng cơ sở của chương trình đào tạo ngành Luật. Thông qua học phần, sinh viên được học những kiến thức lý luận cơ bản về: Phương pháp học ngành Luật; đặc điểm của ngành Luật; yêu cầu về năng lực của cử nhân Luật; ví trí, vai trò, đạo đức nghề nghiệp của cử nhân Luật trong lĩnh vực chuyên ngành; phương pháp, kỹ năng xử lý vấn đề của cử nhân Luật; những nhận diện cơ bản về (các) chuyên ngành thuộc ngành Luật.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Nhập môn Luật học*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Học viện Tư pháp (2020), *Giáo trình Luật sư và nghề Luật sư,* Nhà xuất bản Tư pháp.

[2] Nguyễn Thanh Huyền (2022). *Một số yêu cầu nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo ngành luật của các cơ sở đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số tại Việt Nam*, VNU Journal of Science: Legal Studies, Vol. 38, No. 4 (2022) 69-79.

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Trình bày các kiến thức tổng quan về ngành luật | 1.2.1 |
| **G2** | Trả lời được các quy tắc nghề nghiệp của nghề luật trong một số tình huống giả định và thực tiễn | 2.3.1 |
| **G3** | Tổ chức được nhóm nhỏ theo sự phân công và hướng dẫn của giảng viên để giải quyết chủ đề về lĩnh vực Luật | 3.1.1 |
| **G4** | Thảo luận về hành vi nghề nghiệp cụ thể để từ đó nhận diện được vai trò của cử nhân Luật trong tình huống | 4.2.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Trình bày được kiến thức tổng quan về vị trí, vai trò của ngành Luật | **T2** |
| **G1.2** | Trình bày được kiến thức tổng quan về đặc điểm, vai trò của chuyên ngành đào tạo thuộc ngành Luật | **T2** |
| **G2.1** | Trả lời được các quy tắc nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp của cử nhân Luật trong một số tình huống giả định và thực tiễn | **T2** |
| **G3.1** | Tổ chức được nhóm nhỏ theo sự phân công và hướng dẫn của giảng viên để giải quyết chủ đề về lĩnh vực Luật | **IT2** |
| **G4.1** | Thảo luận về hành vi nghề nghiệp cụ thể để từ đó nhận diện được vai trò của cử nhân Luật trong tình huống | **IT2** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1 | 25 |
| X2 – Thuyết trình nhóm | G3.1, G4.1 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Tiểu luận cá nhân | G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G4.1 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Giới thiệu về nghề Luật**  1.1. Tại sao bạn chọn ngành Luật  1.2. Là sinh viên Luật bạn nên làm gì  1.3. Trong nghề Luật, bạn sẽ làm gì  1.4. Bạn sẽ làm việc ở đâu | 5 | G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G4.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về khái niệm, đặc điểm của nghề Luật; giới thiệu các đặc điểm của hoạt động nghề nghiệp và các chức danh tư pháp  - Giảng viên đặt câu hỏi cho cá nhân, tổ chức làm việc nhóm thảo luận câu hỏi  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm, sinh viên tóm tắt được các nội dung lý thuyết về đặc điểm và hoạt động nghề nghiệp của ngành Luật.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự tìm hiểu về bộ phận pháp chế của các đơn vị doanh nghiệp | X1, X2, Y |
| **Chương 2. Phương pháp học tập ở bậc đại học**  2.1. Học tập ở bậc đại học  2.2. Phương pháp học tập hiệu quả ở đại học  2.3. Kỹ năng làm việc nhóm | 6 | G3.1, G4.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về khái niệm, đặc điểm, phương pháp học tập hiệu quả ở bậc đại học và kỹ năng làm việc nhóm  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm, giảng viên giao cho sinh viên các tình huống thực tiễn liên quan tới ngành để sinh viên tìm hiểu và trả lời các câu hỏi có liên quan.  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên so sánh được sự khác biệt về phương pháp học tập giữa bậc đại học và các bậc học khác.  **-** Sinh viên hình dung được các phương pháp học tập để đạt được kết quả tốt ở bậc đại học  **-** Sinh viên hình dung được các kỹ năng để làm việc nhóm hiệu quả  **-** Thông qua sự hướng dẫn của giáo viên, nhóm sinh viên áp dụng các kỹ năng làm việc nhóm để trả lời các câu hỏi có liên quan tới tình huống thực tiễn được giáo viên giao cho  **Học ở nhà:**  Sinh viên tự nghiên cứu các phong cách lãnh đạo nhóm và trả lời các câu hỏi của giáo viên | X2, Y |
| **Chương 3. Phẩm chất và vị trí của ngành Luật**  3.1. Những phẩm chất của ngành Luật  3.2. Vị trí của cử nhân Luật Kinh doanh trong ngành Luật  3.3. Đạo đức nghề nghiệp | 5 | G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G4.1 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về phẩm chất, vị trí và đạo đức nghề của cử nhân Luật  - Hướng dẫn sinh viên thảo luận tìm hiểu, so sánh và trả lời các câu hỏi có liên quan:  + Đạo đức nghề nghiệp của cử nhân Luật và đạo đức nghề nghiệp với ngành khác.  + Phẩm chất và vị trí của của nhân Luật với các ngành khác  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên hình dung được phẩm chất, vị trí và đạo đức của cử nhân Luật  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên so sánh sự khác biệt giữa nghành Luật và các ngành nghề khác  **Học ở nhà:**  Sinh viên tự tìm hiểu về cơ hội và vị trí việc làm của cử nhân Luật để chuẩn bị cho bài học tiếp theo | X1, X2, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1, G1.2, G2.1 | Giảng viên giao các các câu hỏi tự luận cho sinh viên | X1 |
| **Chương 4. Kỹ năng giải quyết vấn đề**  4.1. Một số khái niệm cơ bản  4.2. Các kỹ năng cần thiết để giải quyết vấn đề  4.3. Phương pháp giải quyết vấn đề | 5 | G3.1, G4.1 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về khái niệm, các kỹ năng giải quyết vấn đề và phương pháp giải quyết vấn đề trong ngành Luật  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên thảo luận tìm hiểu chi tiết một số kỹ năng và phương pháp cơ bản, cần thiết đối với cử nhân Luật để giải quyết một số tình huống cụ thể của ngành Luật  **Học ở lớp:**  - Thông qua thảo luận nhóm, sinh viên hình dung được các kỹ năng cần thiết, phương pháp để giải quyết các vấn đề liên quan tới ngành Luật  **-** Sinh viên áp dụng các kỹ năng và phương pháp để trả lời được các câu hỏi có liên quan được giáo viên giao cho  **Học ở nhà:**  Sinh viên nghiên cứu và tìm câu trả lời cho vấn đề sau: Cử nhân Luật cần có những trang bị gì, công cụ gì và phương pháp gì để giải quyết một vấn đề liên quan? | X2, Y |
| **Chương 5. Chương trình đào tạo ngành Luật**  5.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Luật  5.2. Chuẩn đầu ra của ngành Luật  5.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp  5.4. Nội dung chương trình đào tạo của ngành Luật | 6 | G3.1, G4.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, vị trí việc làm của cử nhân Luật  - Đưa ra tình huống đơn giản về hành vi nghề nghiệp của cử nhân Luật để sinh viên thảo luận và trả lời các câu hỏi có liên quan  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên thảo luận và thể hiện được hành vi nghề nghiệp của cử nhân Luật  - Sinh viên trình bày được mục tiêu, vị trí việc làm, chuẩn đầu ra và nội dung chương trình đào tạo của ngành Luật  **Học ở nhà:**  Sinh viên tự tìm hiểu cơ hội việc làm của cử nhân Luật trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp | X2, Y |
| **Báo cáo bài tập nhóm** | 2 | G3.1, G4.1 | Giảng viên giao các chủ đề cho các nhóm sinh viên thảo luận và thuyết trình báo cáo | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** |

**5.10. Lịch sử nhà nước và pháp luật Mã HP: 11481**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***4 TC | | | **BLT** | | **X** | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 60 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 43 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 15 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Lịch sử nhà nước và pháp luật là học phần bắt buộc thuộc khối môn học cơ sở thuộc chương trình đào tạo ngành Luật. Học phần cung cấp những kiến thức về quá trình hình thành nhà nước đầu tiên ở Việt Nam- Nhà nước Văn Lang- Âu Lạc; nhà nước và pháp luật giai đoạn đấu tranh chống đồng hoá của phong kiến Trung Quốc; nhà nước và pháp luật các triều đại phong kiến Việt Nam; quá trình hình thành, phát triển, thay thế của các kiểu Nhà nước và pháp luật điển hình trên thế giới (từ thời kỳ chiếm hữu nô lệ cho đến giai đoạn xã hội chủ nghĩa).

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Lịch sử nhà nước và pháp luật*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Lê Minh Tâm, Vũ Thị Nga (c.b), Vũ Thị Yến,.. (2017). *Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.

[2] Trần Đăng Thao, Nguyễn Văn Ánh, Nguyễn Hoàng Điệp, Nguyễn Quang Thái, Nguyễn Gia Phu (2000). *Bộ thông sử thế giới vạn năm,* Tập 1,Nhà xuất bản Văn hoá thông tin, Hà Nội.

[3] Trần Đăng Thao, Nguyễn Văn Ánh, Nguyễn Hoàng Điệp, Nguyễn Quang Thái(2000). *Bộ thông sử thế giới vạn năm,* Tập 2A,Nhà xuất bản Văn hoá thông tin, Hà Nội.

[4] Trần Đăng Thao, Nguyễn Văn Ánh, Nguyễn Hoàng Điệp (2000). *Bộ thông sử thế giới vạn năm.* Tập 2B,Nhà xuất bản Văn hoá thông tin, Hà Nội.

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Hiểu về quá trình hình thành, phát triển, của nhà nước và pháp luật Việt Nam; sự thay thế của các kiểu Nhà nước và pháp luật điển hình trên thế giới | 1.2.1 |
| **G2** | Giải thích được sự thay đổi của Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong tiến trình phát triển của Nhà nước và pháp luật thế giới; mối liên hệ giữa các kiểu Nhà nước và pháp luật trên thế giới trong lịch sử với hiện nay | 4.1.2 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Hiểu quá trình hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật Việt Nam qua các giai đoạn trong lịch sử. | **T2** |
| **G1.2** | Hiểu được sự ra đời, mô hình tổ chức, thay thế của các kiểu nhà nước và tư tưởng cốt lõi của một số chế định pháp luật điển hình trong lịch sử thế giới. | **T2** |
| **G2.1** | Giải thích được mối liên hệ và sự phát triển của giữa nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam. | **TU2** |
| **G2.2** | Giải thích được mối liên hệ giữa tổ chức bộ máy nhà nước trong lịch sử với các mô hình tổ chức bộ máy nhà nước hiện nay; mối liên hệ giữa các quy định trong Bộ luật Hammurabi, Luật La Mã, những chế định cơ bản của pháp luật tư sản, pháp luật CHXHCN Xô viết … có giá trị đến hiện tại | **TU2** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1 | 15 |
| X2 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G2.1 | 15 |
| X3 – Bài tập lớn | G1.2, G2.2 | 20 |
| X. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G1.2 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Quá trình hình thành Nhà nước đầu tiên ở Việt Nam**  1.1.Tiền đề vật chất và yếu tố thúc đẩy sự ra đời Nhà nước  1.2. Nhà nước trong trạng thái đang hình thành ở thời Hùng Vương  1.3. Nhà nước ở thời An Dương Vương  1.4. Sự ra đời pháp luật | 3 | G1.1 | **Dạy**:  - Giảng viên giảng về tình hình kinh tế-xã hội dẫn sự ra đời sớm của Nhà nước, hình thành nhà nước cuối thời Hùng Vương, thời Âu Lạc  - Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận về các vấn đề sau: (1) Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời pháp luật của nhà nước Văn Lang – Âu Lạc; (2) Các hình thức pháp luật của nhà nước Văn Lang – Âu Lạc  **Học ở lớp**:  - Sinh viên thảo luận để hiểu về pháp luật nhà nước Văn Lang – Âu Lạc  **Học ở nhà**:  - Sinh viên so sánh NN Văn Lang – Âu Lạc | X1, Y |
| **Chương 2. Nhà nước và pháp luật giai đoạn đấu tranh chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc**  2.1. Bộ máy chính quyền đô hộ của phong kiến Trung Quốc  2.2. Chính sách cai trị của chính quyền đô hộ | 2 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận về các vấn đề sau: (1) Tổ chức bộ máy chính quyền và luật lệ của chính quyền đô hộ phong kiến Trung Quốc ở Âu Lạc; (2) Chính sách đồng hoá; chính sách “ràng buộc lỏng lẻo”; chính sách bóc lột  **Học ở lớp:**  - Từ việc thảo luận nhóm sinh viên trình bày: (1) Đặc điểm của chính quyền đô hộ phong kiến TQ ở Âu Lạc; (2) Nguồn luật và một số nội dung chủ yếu của pháp luật chính quyền đô hộ phong kiến Trung Quốc ở Âu Lạc; (3) Các biện pháp và cách thức thực hiện chính sách đồng hoá; chính sách “ràng buộc lỏng lẻo”; chính sách bóc lột  **Học ở nhà:**  - Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về những hệ quả của thời kỳ Bắc thuộc trong tiến trình phát triển của nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam | X1, Y |
| **Chương 3: Một số vấn đề chung về Nhà**  **nước và pháp luật phong kiến**  3.1. Lược sử các triều đại  3.2. Cơ sở hình thành và phát triển của Nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam  3.3. Các yếu tố cấu thành thể chế chính trị quân chủ phong kiến Việt Nam  3.4.Pháp luật phong kiến Việt Nam | 4 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm tìm hiểu và trình bày cơ sở hình thành và phát triển của nhà nước, pháp luật Việt Nam  - Giảng viên giảng về: (1) Hệ tư tưởng chính trị - pháp lý và đường lối cai trị của nhà nước phong kiến Việt Nam; (2) Vua và quan lại; (3) Nguồn hình thành và hệ thống pháp luật phong kiến Việt Nam  **Học ở lớp:**  - Từ sự chuẩn bị trước ở nhà và thông qua hoạt động nhóm, sinh viên trình bày được các nội dung được giao  **Học ở nhà**:  - Sinh viên tự nghiên cứu những vấn đề mà giảng viên giao để chuẩn bị cho hoạt động nhóm trên lớp  - Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về lược sử các triều đại phong kiến Việt Nam và quy trình và kỹ thuật làm luật, các thành tựu lập pháp trong các triều đại phong kiến VN | X1, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1 | - Giảng viên giao các câu hỏi tự luận  - Sinh viên trả lời câu hỏi | X1 |
| **Chương 4: Nhà nước và pháp luật Ngô, Đinh, Tiền Lê**  4.1. Tổ chức bộ máy Nhà nước  4.2. Tình hình pháp luật | 3 | G1.1,  G2.1 | **Dạy:**  Giảng viên giảng và tổ chức làm việc nhóm về:  - Chính quyền trung ương; chính quyền địa phương các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê  - Một số nét về pháp luật của các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê  **Học ở lớp:**  - Sinh viên trình bày được tổ chức bộ máy nhà nước triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê dưới dạng sơ đồ  - Từ sự tự nghiên cứu ở nhà theo yêu cầu của giảng viên, sinh viên trình bày được tổ chức quân đội các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê  **Học ở nhà:**  - Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về tổ chức quân đội các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê | X2, Y |
| **Chương 5: Nhà nước và pháp luật các triều đại: Lý, Trần, Hồ**  5.1. Tổ chức bộ máy Nhà nước  5.2. Pháp luật | 3 | G1.1,  G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên giảng về: + Chính quyền trung ương; chính quyền địa phương  + Tình hình pháp luật và hình thức văn bản pháp luật; các tập luật lệ; các chiếu, lệnh  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên thảo luận để nghiên cứu về tổ chức quân độ triều đại Lý, Trần, Hồ và quy định trong lĩnh vực hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình  **Học ở lớp:**  - Sinh viên tóm tắt được quá trình phân chia đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương thời Lý, Trần, Hồ dưới dạng sơ đồ  - Sinh viên giải thích được sự ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo, Phật giáo đến sự thay đổi về tổ chức bộ máy nhà nước và pháp luật các triều đại phong kiến Việt Nam  **Học ở nhà:**  - Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về tổ chức quân độ triều đại Lý, Trần, Hồ và quy định trong lĩnh vực hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình | X2, Y |
| **Chương 6: Nhà nước phong kiến thời Lê sơ**  6.1. Tổ chức bộ máy Nhà nước  6.2. Cuộc cải tổ bộ máy nhà nước của Lê Thánh Tông | 3 | G1.1,  G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên giảng về:  + Tổ chức bộ máy nhà nước đầu thời Lê sơ  + Nguyên nhân đưa đến cải cách bộ máy nhà nước của Lê Thánh Tông  + Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tổ chức bộ máy nhà nước thời kỳ cải cách của Lê Thánh Tông  - Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận những vấn đề sau:  + Những cải tổ bộ máy chính quyền trung ương của Lê Thánh Tông  + Những cải tổ bộ máy chính quyền địa phương của Lê Thánh Tông  - Giảng viên giải thích sự ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo, Phật giáo đến sự thay đổi về tổ chức bộ máy nhà nước và pháp luật thời Lê Sơ  **Học ở lớp**  - Sinh viên trình bày được các vấn đề được giao thảo luận  **Học ở nhà**:  - Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về cải tổ tổ chức quân đội của Lê Thánh Tông | X2, Y |
| **Chương 7: Nhà nước trong thời kỳ nội chiến phân liệt**  7.1. Thể chế lưỡng đầu Lê- Trịnh  7.2. Tổ chức chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong  7.3. Tổ chức bộ máy nhà nước của triều đại Quang Trung | 4 | G1.1,  G2.1 | **Dạy:**  Giảng viên giảng về tổ chức chính quyền Đàng Trong giai đoạn 1600-1744 và giai đoạn 1744-1777; tổ chức chính quyền, tổ chức quân đội của triều đại Quang Trung  **Học ở lớp:**  Sinh viên trình bày được về tổ chức chính quyền Đàng Trong giai đoạn 1600-1744 và giai đoạn 1744-1777; tổ chức chính quyền, tổ chức quân đội của triều đại Quang Trung dưới dạng sơ đồ  **Học ở nhà:**  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về nguyên nhân hình thành và đặc điểm của thể chế nhà nước lưỡng đầu Lê – Trịnh ở Đàng Ngoài | X2, Y |
| **Chương 8: Nhà nước và pháp luật triều Nguyễn**  8.1. Tổ chức bộ máy Nhà nước  8.2. Pháp luật triều Nguyễn | 4 | G1.1,  G2.1 | **Dạy:**  -Giảng viên giảng về tổ chức chính quyền của triều Nguyễn và văn bản, cấu trúc và hiệu lực bộ Hoàng Việt luật lệ  -Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận về nội dung của các chế định hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình và tố tụng trong bộ Hoàng Việt luật lệ  **Học ở lớp:**  Từ hoạt động thảo luận nhóm, sinh viên trình bày được các nội dung được giao và giải thích được sự ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo, Phật giáo đến nội dung bộ Hoàng Việt luật lệ  **Học ở nhà:**  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về nội dung khái quát về hoạt động lập pháp triều Nguyễn | X2, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1,  G2.1 | - Giảng viên giao các các câu hỏi tự luận cho sinh viên  - Sinh viên trả lời câu hỏi | X2 |
| **Chương 9. Sự tan rã của công xã nguyên thủy quá trình hình thành nhà nước và pháp luật**  1.1. Tổ chức của công xã nguyên thủy  1.2. Tổ chức công xã nguyên thủy tan rã và sự hình thành nhà nước. Đặc điểm con đường hình thành nhà nước ở phương Đông  1.3. Sự ra đời của pháp luật | 1 | G1.2 | **Dạy**:  - Giảng viên thuyết trình về xã hội công xã nguyên thuỷ, các tiền đề cho sự hình thành nhà nước; nguồn gốc của pháp luật  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và đặt câu hỏi thảo luận.  **Học ở lớp:**  - Thông qua thảo luận nhóm, sinh viên mô tả được những đặc điểm riêng biệt về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội tác động đến sự hình thành nhà nước ở phương Đông  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự mô tả sự ra đời nhà nước ở Việt Nam, Trung Quốc, Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ | X4, Y |
| **Chương 10. Nhà nước và pháp luật Phương Đông cổ đại**  2.1 Nhà nước và pháp luật Ai Cập cổ đại  2.2 Nhà nước và pháp luật Trung Quốc cổ đại  2.3 Nhà nước và pháp luật Lưỡng Hà cổ đại  2.4 Nhà nước và pháp luật Ấn Độ cổ đại | 3 | G1.2,  G2.2 | **Dạy:**  **-** Giảng viên thuyết trình về sự ra đời, tổ chức bộ máynhà nước Trung Quốc, Ai Cập, Lưỡng Hà, quốc gia cổ Babilon, Ấn Độ cổ đại; nội dung cơ bản của pháp luật Trung Quốc, Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ cổ đại  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và đặt câu hỏi thảo luận  **Học ở lớp**  **-** Thông qua thảo luận nhóm, sinh viên mô tả các chế định về hợp đồng, hôn nhân gia đình, thừa kế, hình sự, chế định tố tụng của bộ luật trong Bộ luật Hammurabi và bộ luật Manu  **Học ở nhà**:  - Sinh viên lấy ví dụ các quy định của bộ luật Hammurabi, Bộ luật Manu được có ý nghĩa với pháp luật hiện nay. | X4, Y |
| **Chương 11. Nhà nước và pháp luật Phương Tây cổ đại**  3.1 Nhà nước và pháp luật Hi Lạp cổ đại  3.2 Nhà nước và pháp luật La Mã cổ đại | 3 | G1.2,  G2.2 | **Dạy:**  **-** Giảng viên thuyết trình về sự ra đời, tổ chức bộ máynhà nước Hi Lạp, La Mã cổ đại; nội dung cơ bản của pháp luật Hi Lạp, La Mã cổ đại  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và đặt câu hỏi thảo luận  **Học ở lớp:**  - Sinh viên mô tả về tổ chức bộ máy Nhà nước cộng hòa quý tộc chủ nô Xpác, Nhà nước cộng hòa Dân chủ chủ nô Aten  - Thông qua thảo luận nhóm, sinh viên mô tả nội dung các chế định về tài sản, sở hữu, chế định nghĩa vụ, thừa kế … trong Luật La Mã  **Học ở nhà:**  - Sinh viên lấy ví dụ về tính kế thừa từ chính thể cộng hoà ở Hi Lạp và La Mã trong tổ chức bộ máy của các nhà nước theo chính thể Cộng hoà hiện nay  - Sinh viên lấy ví dụ các quy định của Luật Lã Mã có ý nghĩa với pháp luật hiện nay. | X4, Y |
| **Chương 12. Nhà nước và pháp luật phong kiến phương Đông**  4.1. Nhà nước và pháp luật phong kiến Trung Quốc  4.2 Nhà nước và pháp luật phong kiến Nhật Bản | 2 | G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết trình về sự hình thành, phát triển, tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến Trung Quốc, Nhật Bản; nội dung cơ bản của pháp luật phong kiến Trung Quốc, Nhật Bản  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và đặt câu hỏi thảo luận  **Học ở lớp:**  **-** Thông qua thảo luận nhóm, sinh viên giải thích nhữngảnh hưởng của tổ chức bộ máy nhà nước, pháp luật Trung Quốc tới bộ máy nhà nước, pháp luật Việt Nam thời kì phong kiến  **Học ở nhà:**  - Sinh viên trình bày lại cải cách Taika ở Nhật Bản (từ năm 645) | X4, Y |
| **Chương 13. Nhà nước và pháp luật phong kiến Tây Âu**  5.1 Nhà nước phong kiến Tây Âu  5.2 Pháp luật phong kiến Tây Âu | 3 | G1.2, G2.2 | **Dạy:**  **-** Giảng viên thuyết trình về sự hình thành, phát triển, tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến ở Tây Âu**;** nội dung cơ bản của pháp luật phong kiến Tây Âu  **Học ở lớp:**  - Sinh viên mô tả về nhà nước phong kiến Frăng  - Thông qua thảo luận nhóm, sinh viên giải thích về vai trò của Thiên chúa với nhà nước phong kiến, và hiện nay và mô tả về Tòa án giáo hội  **Học ở nhà**  **-** Sinh viên mô tả vềchính thể quân chủ chuyên chế ở Tây Âu trong thời kỳ suy vong của chế độ phong kiến  **-** Sinh viên giải thích được ảnh hưởng của chính thể quân chủ chuyên chế thời kì phong kiến tới chính thể quân chủ nghị viện hiện nay | X3, Y |
| **Chương 14. Nhà nước và pháp luật tư sản**  6.1 Nhà nước quân chủ nghị viện Anh  6.2Nhà nước Cộng hoà Tổng thống ở Hợp chủng quốc Hoa kỳ  6.3 Nhà nước cộng hòa nghị viện Pháp  6.4 Nhà nước quân chủ nghị viện Nhật Bản  6.5 Pháp luật tư sản | 3 | G1.2,  G2.2 | **Dạy:**  **-** Giảng viên thuyết trình về sự hỉnh thành nhà nước quân chủ nghị viện Anh, nhà nước Cộng hoà Tổng thống ở Hợp chủng quốc Hoa kỳ, Nhà nước cộng hòa nghị viện Pháp, Nhà nước quân chủ nghị viện Nhật Bản  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và đặt câu hỏi thảo luận về Những chế định cơ bản của pháp luật tư sản  **Học ở lớp:**  - Sinh viên mô tả hai hệ thống chính của pháp luật tư sản (COMMON LAW và CIVIL LAW)  - Sinh viên thảo luận so sánh sự giống và khác nhau giữa nhà nước và pháp luật tư sản giữa hai thời kì cận đại và hiện đại  **Học ở nhà:**  - Sinh viên so sánh sự khác nhau trong tổ chức bộ máy nhà nước và pháp luật tư sản so với thời kì phong kiến và giải thích ảnh hưởng tới tổ chức bộ máy nhà nước tư sản hiện nay.  **-** Sinh viên trình bày lạinguyên nhân và tác động của 2 cuộc chiến tranh thế giới tới nhà nước và pháp luật trên thế giới. | X3, Y |
| **Chương 15: Nhà nước và pháp luật Công xã Paris, Liên xô và các nước Cộng hoà dân chủ nhân dân**  8.1Công xã Paris 1871  8.2. Nhà nước và pháp luật Xô Viết  8.3. Nhà nước và pháp luật các nước cộng hòa Dân chủ nhân dân và Cộng hòa Cuba | 2 | G1.2,  G2.2 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết trình về nhà nước và pháp luật Công xã Paris 1871.  - Giảng viên thuyết trình về Cách mạng tháng 10 Nga và Nhà nước và pháp luật Xô Viết ở Nga (1917 – 1922), Nhà nước và pháp luật của Liên Bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết (1922-1991)  - Giảng viên thuyết trình về nhà nước và pháp luật các nước cộng hòa Dân Chủ nhân dân ở Đông Âu  **Học ở lớp:**  - Sinh viên trình bày lại về sự sụp đổ của công xã Paris và mô hình nhà nước XHCN ở Liên Xô và Đông Âu  **Học ở nhà**  - Sinh viên tóm tắt tổ chức bộ máy nhà nước của các nước XHCN trên thế giới hiện nay: Việt Nam, Trung Quốc, Cuba | X4, Y |
| **Bài tập lớn** | 15 | G2.1  G2.2 | **Dạy:**  **-** Giảng viên hướng dẫn sinh viên chọn và hoàn thiện đề tài về trình bày các nội dung lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới và giải thích được mối liên hệ giữa tổ chức bộ máy nhà nước trong lịch sử với các mô hình tổ chức bộ máy nhà nước hiện nay  **+** Nhà nước và pháp luật phong kiến Trung Quốc  + Nhà nước quân chủ nghị viện Anh  + Nhà nước Cộng hoà Tổng thống ở Hợp chủng quốc Hoa kỳ  + Nhà nước cộng hòa nghị viện Pháp  + Nhà nước quân chủ nghị viện Nhật Bản  + Pháp luật tư sản  + Nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa  **-** Giảng viên giải đáp thắc mắc, tư vấn cho sinh viên  **-** Giảng viên thu bài tập lớn và đánh giá kết quả  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên liên hệ lý thuyết, đặt câu hỏi cho giảng viên về nội dung bài tập lớn  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên hoàn thiện bài tập và nộp đúng hạn | X3 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Viết Hà** |

**5.11. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật Mã HP: 11470**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***4 TC | | | **BTL** | | **X** | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 60 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 43 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 15 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Lý luận chung về nhà nước và pháp luật là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức, kỹ năng cơ sở của chương trình đào tạo ngành Luật. Thông qua học phần, sinh viên được học những kiến thức lý luận cơ bản về: Tổng quan lí luận chung về nhà nước và pháp luật; nguồn gốc và kiểu nhà nước; Bản chất và chức năng của nhà nước; hình thức và bộ máy nhà nước; nhà nước pháp quyền; hệ thống chính trị; nguồn gốc và kiểu pháp luật; vị trí, bản chất và vai trò của pháp luật; hình thức và nguồn của pháp luật; hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luât; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; pháp chế.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Nguyễn Minh Đoan, Nguyễn Văn Năm và cộng sự (2018). *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật,* Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội

[2] Aristotle, Nông Duy Trường (dịch và chú giải) (2013). *Chính trị luận – The polictics,* Nhà xuất bản Thế giới.

[3] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017). *Những vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa: Giáo trình trung cấp lý luận chính trị - hành chính,* Nhà xuất bản Lý luận chính trị

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Tự lấy ví dụ minh họa trong các tình huống giả định hoặc thực tế về các kiến thức lý luận chung về nhà nước và pháp luật. | 1.2.1 |
| **G2** | Tự xác định các vấn đề pháp lý phát sinh và căn cứ pháp lý được áp dụng trong tình huống liên quan đến nhà nước và pháp luật. | 2.2.1 |
| **G3** | Tham gia viết một nội dung trong bài luận nghiên cứu về các vấn đề lý luận liên quan nhà nước và pháp luật. | 3.2.3 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Tự lấy ví dụ minh họa trong các tình huống giả định hoặc thực tế về các kiến thức lý luận chung về nhà nước liên quan đến nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức nhà nước, bộ máy nhà nước, mối quan hệ giữa nhà nước và công dân, nhà nước pháp quyền. | **TU2** |
| **G1.2** | Tự lấy ví dụ minh họa trong các tình huống giả định hoặc thực tế về các kiến thức lý luận chung về pháp luật liên quan đến nguồn gốc, kiểu hình thức pháp luật, vị trí, vai trò, bản chất của pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý, pháp chế. | **TU2** |
| **G2.1** | Tự xác định các vấn đề pháp lý phát sinh và căn cứ pháp lý được áp dụng trong tình huống liên quan đến vấn đề lý luận về quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý…. | **TU2** |
| **G3.1** | Tham gia thực hiện bài luận nghiên cứu để giải quyết đề tài liên quan tới các vấn đề lý luận về nhà nước và pháp luật. | **TU2** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Bài tập lớn | G1.1, G1.2, G2.1, G3.1 | 20 |
| X2 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1 | 15 |
| X3 – Kiểm tra viết tự luận | G1.2 | 15 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G1.2 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Nhập môn lý luận chung về nhà nước và pháp luật**  1.1**.** Vị trí của môn học trong hệ thống khoa học xã hội và khoa học pháp lý  1.2. Đối tượng nghiên cứu  1.3. Phương pháp nghiên cứu  1.4. Ý nghĩa và yêu cầu của môn học | 2 | G1.1  G3.1 | **Dạy**:  - Giảng viên giới thiệu các nội dung về phạm vi, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu của môn học.  - Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu kiến thức tổng quan về nhà nước và pháp luật thông qua các câu hỏi  **Học ở lớp:**  - Sinh viên tự nghiên cứu lý thuyết tổng quan về môn học và trả lời các câu hỏi được giao  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự tóm tắt nội dung kiến thức tổng quan về môn học và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên | X1, X2, Y |
| **Chương 2. Nguồn gốc và kiểu nhà nước; Bản chất và chức năng của nhà nước**  2.1. Khái niệm nhà nước  2.2. Nguồn gốc nhà nước  2.3. Kiểu nhà nước  2.4. Bản chất nhà nước  2.5. Chức năng nhà nước | 5 | G1.1,  G2.1, G3.1 | **Dạy**:  - Giảng viên giải thích được các quan điểm khác nhau về nguồn gốc nhà nước; nhấn mạnh sâu sắc vấn đề này theo quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin. Giao cho sinh viên thảo luận nhóm theo chủ đề:  + So sánh các quan điểm phi Mác xít và quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin về nguồn gốc ra đời nhà nước.  - Giảng viên giải thích nội dung tính giai cấp và tính xã hội của nhà nước, đồng thời mô tả sự vận động biến đổi của hai thuộc tính trên qua các kiểu nhà nước, cho sinh viên thảo luận nhóm so sánh đối chiếu với bản chất và các đặc trưng của nhà nước Việt Nam hiện nay .  - Giảng viên giải thích sự phát triển của chức năng nhà mước qua các kiểu nhà nước, cho sinh viên thảo luận nhóm so sánh đối chiếu với các chức năng của nhà nước Việt Nam hiện nay  - Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu về nguồn gốc, kiểu và chức năng của nhà nước thông qua câu hỏi  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên mô tả lý thuyết về nguồn gốc, bản chất, chức năng nhà nước để trả lời các câu hỏi được giao.  - Sinh viên thảo luận và trả lời các câu hỏi, thắc mắc và nhận giải đáp nguồn gốc, kiểu, chức năng nhà nước.  **-** Sinh viên thảo luận theo nhóm để giải quyết câu hỏi nhận được, báo cáo kết quả nghiên cứu tại lớp trên cơ sở trình bày nội dung lý thuyết.  **Học ở nhà:**  Sinh viên tự lấy ví dụ chứng tỏ tính kế thừa và phát triển của bản chất, chức năng nhà nước qua các kiểu nhà nước. | X1, X2, Y |
| **Chương 3. Hình thức và bộ máy nhà nước**  3.1. Khái niệm hình thức nhà nước  3.2. Sự biến đổi của hình thức nhà nước qua các kiểu nhà nước  Khái niệm bộ máy nhà nước  3.3. Phân loại cơ quan trong bộ máy nhà nước  3.4. Các nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước  3.5. Sự phát triển của bộ máy nhà nước qua các kiểu nhà nước  3.6. Bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay | 5 | G1.1, G2.1,  G3.1 | **Dạy:**  - Giảng viên giải thích các nội dung lý thuyết về bộ máy nhà nước, so sánh sự phát triển của bộ máy nhà nước qua các kiểu nhà nước, lấy ví dụ với bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay và giao các câu hỏi cho sinh viên giải quyết theo nhóm về:  +So sánh sự phát triển của bộ máy nhà nước qua các kiểu nhà nước.  - Giảng viên giải thích các nội dung lý thuyết và lấy ví dụ minh họa về cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay  - Giảng viên giải thích các nội dung lý thuyết về hình thức nhà nước, đồng thời mô tả về sự biến đổi của hình thức nhà nước trong lịch sử.  - Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu về bộ máy nhà nước thông qua câu hỏi  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên thảo luận và trả lời các câu hỏi, thắc mắc và nhận giải đáp về bộ máy nhà nước  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên tóm tắt lý thuyết về bộ máy nhà nước và các cơ quan trong bộ máy nhà nước để trả lời các câu hỏi được giao.  **-** Sinh viên so sánh hình thức của một số nhà nước trên thế giới với hình thức nhà nước Việt Nam  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tìm hiểu và phân biệt điểm khác nhau giữa cơ quan nhà nước với cơ quan của tổ chức xã hội khác  - Thông qua nội dung lý thuyết trên lớp, sinh viên lấy ví dụ về sự biến đổi của hình thức nhà nước trong lịch sử. | X1, X2, Y |
| **Chương 4. Nhà nước pháp quyền**  4.1. Khái niệm nhà nước pháp quyền  4.2. Những đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền  4.3. Xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay | 2 | G1.1, G2.1, G3.1 | **Dạy:**  - Giảng viên giải thích các nội dung lý thuyết về Nhà nước pháp quyền, bao gồm nội dung:  + Khái niệm nhà nước pháp quyền  + Các đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền  - Giảng viên giải thích quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay  **Học ở lớp:**  - Trên cơ sở quy định pháp luật về nhà nước pháp quyền, sinh viên lấy ví dụ thực tiễn tại Việt Nam.  **Học ở nhà:**  Sinh viên giải thích nội dung về nhà nước pháp quyền Việt Nam theo câu hỏi định hướng của giảng viên. | X1, X2, Y |
| **Chương 5. Hệ thống chính trị; Mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân**  5.1. Khái niệm hệ thống chính trị  5.2. Vị trí, vai trò của nhà nước trong hệ thống chính trị  5.3. Mối quan hệ giữa nhà nước với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị  5.4. Nhà nước trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay | 2 | G1.1, G2.1, G3.1 | **Dạy**:  - Giảng viên giải thích các nội dung lý thuyết về hệ thống chính và giao các câu hỏi cho sinh viên giải quyết theo nhóm về:  + Vị trí, vai trò của nhà nước trong hệ thống chính trị.  + Quan hệ giữa nhà nước CHXN Việt Nam với Đảng Cộng sản Việt Nam  - Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu về mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân thông qua câu hỏi  **Học ở lớp:**  - Sinh viên thảo luận theo nhóm để giải quyết câu hỏi nhận được, báo cáo kết quả nghiên cứu tại lớp.  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên tóm tắt lý thuyết về hệ thống chính trị để trả lời các câu hỏi được giao.  **Học ở nhà:**  Sinh viên diễn giải quan hệ giữa nhà nước CHXHCN Việt Nam với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị | X1, X2, Y |
| **Kiếm tra** | 1 | G1.1 | Giảng viên giao các các câu hỏi tự luận cho sinh viên | X2 |
| **Chương 6. Nguồn gốc và kiểu pháp luật**  6.1. Khái niệm pháp luật  6.2. Nguồn gốc pháp luật  6.3. Kiểu pháp luật | 2 | G1.2,  G2.1, G3.1 | **Dạy:**  - Giảng viên giải thích các nội dung lý thuyết nguồn gốc ra đời của pháp luật và các kiểu pháp luật trong lịch sử, giao câu hỏi cho sinh viên thảo luận nhóm, bao gồm:  + Các con đường hình thành pháp luật theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê Nin.  + Các đặc điểm cơ bản của từng kiểu pháp luật trong lịch sử.  - Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu về nguồn gốc và kiểu pháp luật thông qua câu hỏi  **Học ở lớp:**  - Sinh viên trình bày lại kiến thức lý thuyết về nguồn gốc và kiểu pháp luật để giải quyết câu hỏi được nhận, báo cáo kết quả nghiên cứu tại lớp  **Học ở nhà:**  Sinh viên mô tả những ưu điểm và hạn chế của từng kiểu pháp luật | X1, X3, Y |
| **Chương 7. Vị trí, bản chất, vai trò của pháp luật**  7.1. Vị trí của pháp luật trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội  7.2. Bản chất pháp luật  7.3. Vai trò của pháp luật | 2 | G1.2,  G2.1, G3.1 | **Dạy**:  - Giảng viên giải thích lý thuyết về bản chất, vai trò của pháp luật và giao các câu hỏi cho sinh viên giải quyết theo nhóm về:  + So sánh sự vận động, biến đổi của hai thuộc tính thể hiện bản chất pháp luật qua các kiểu pháp luật.  - Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu về vị trí, bản chất, vai trò của pháp luật thông qua câu hỏi  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên trình bày lại lý thuyết về hai thuộc tính thể hiện bản chất của pháp luật và vai trò của pháp luật để trả lời câu hỏi được giao.  **Học ở nhà:**  Sinh viên diễn giải về bản chất, vai trò của pháp luật Việt Nam | X1, X3, Y |
| **Chương 8. Mối quan hệ giữa pháp luật và các công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội khác**  8.1. Điều chỉnh quan hệ xã hội  8.2. Quan hệ giữa pháp luật với các công cụ khác trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội  8.3. Hoàn thiện hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội ở Việt Nam hiện nay | 4 | G1.2,  G2.1, G3.1 | **Dạy**:  - Giảng viên giải thích các nội dung lý thuyết về mối quan hệ giữa pháp luật và các công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội khác và giao các câu hỏi cho sinh viên giải quyết theo nhóm về:  + Vị trí, vai trò của pháp luật trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội.  + Mối quan hệ giữa pháp luật với các công cụ khác trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội.  - Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về mối quan hệ giữa pháp luật và các công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội thông qua câu hỏi  **Học ở lớp:**  - Trên cơ sở diễn giải lý thuyết về mối quan hệ giữa pháp luật và các công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội khác, sinh viên trả lời những câu hỏi được giao  **Học ở nhà:**  Sinh viên tóm tắt lại lý thuyết với các vấn đề pháp lý phát sinh trong tình huống được giao, từ đó diễn giải sự cần thiết của việc điều chỉnh quan hệ xã hội. | X1, X3, Y |
| **Chương 9. Hình thức và nguồn của pháp luật**  9.1. Khái niệm hình thức và nguồn của pháp luật  9.2. Các loại nguồn của pháp luật  9.3. Nguồn của pháp luật Việt Nam hiện nay | 4 | G1.2,  G2.1, G3.1 | **Dạy:**  - Giảng viên giải thích các nội dung lý thuyết về hình thức và nguồn của pháp luật, giao các câu hỏi cho sinh viên giải quyết theo nhóm về:  + Nội dung các đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật.  + Cách xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật  - Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu về hình thức và nguồn của pháp luật thông qua câu hỏi  **Học ở lớp:**  - Trên cơ sở diễn giải lý thuyết về hình thức và nguồn của pháp luật, sinh viên trả lời những câu hỏi được giao  - Sinh viên trình bày lại lý thuyết về hình thức và nguồn của pháp luật , so sánh thực tiễn với Việt Nam  **Học ở nhà:**  Sinh viên tóm tắt lại nội dung kiến thức đã học về hình thức và nguồn của pháp luật, tự lấy ví dụ về các quy định của pháp luật Việt Nam về hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật. | X1, X3, Y |
| **Chương 10. Hệ thống pháp luật**  10.1. Khái niệm hệ thống pháp luật  10.2. Hệ thống pháp luật thực định  10.3. Các thành tố khác của hệ thống pháp luật  10.4. Các hệ thống pháp luật chính trên thế giới (dòng họ pháp luật)  10.5. Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay | 2 | G1.2,  G2.1, G3.1 | **Dạy:**  - Giảng viên giải thích các nội dung lý thuyết về hệ thống pháp luật và giao các câu hỏi cho sinh viên giải quyết theo nhóm về:  + So sánh sự khác nhau giữa các hệ thống pháp luật chính trên thế giới.  - Giảng viên giải thích lý thuyết về hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay, giao cho sinh viên câu hỏi nghiên cứu theo nhóm:  + Trình bày ưu, nhược điểm của hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay  - Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu về hệ thống pháp luật thông qua câu hỏi được giao  **Học ở lớp:**  - Trên cơ sở hình dung lý thuyết về hệ thống pháp luật, sinh viên trả lời những câu hỏi được giao  - Sinh viên hình dung lý thuyết về hệ thống pháp luật với thực tiễn tại Việt Nam để trả lời câu hỏi được giao  **Học ở nhà:**  Sinh viên hình dung lại nội dung kiến thức đã học về hệ thống pháp luật | X1, X3, Y |
| **Chương 11. Quan hệ pháp luật**  11.1.Khái niệm quan hệ pháp luật  11.2. Cấu thành quan hệ pháp luật  11.3. Sự kiện pháp lý | 4 | G1.2,  G2.1, G3.1 | **Dạy:**  - Giảng viên giải thích các nội dung lý thuyết về quan hệ pháp luật và giao các câu hỏi cho sinh viên giải quyết theo nhóm về:  + So sánh đặc điểm của năng lực pháp luật và năng lực hành vi của chủ thể là cá nhân và pháp nhân trong quan hệ pháp luật.  + Phân biệt các sự kiện pháp lý thông qua các ví dụ thực tiễn  - Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu về quan hệ pháp luật thông qua câu hỏi  **Học ở lớp:**  - Trên cơ sở hệ thống lại lý thuyết về quan hệ pháp luật sinh viên trả lời những câu hỏi được giao  - Sinh viên hình dung lý thuyết với các vấn đề pháp lý phát sinh trong tình huống thực tế, từ đó phân biệt được năng lực pháp luật và năng lực hành vi của chủ thể trong quan hệ pháp luật.  - Sinh viên tự lấy ví dụ để phân biệt được các loại sự kiện pháp lý.  **Học ở nhà:**  Sinh viên tóm tắt nội dung kiến thức đã học về quan hệ pháp luật, từ đó phân biệt được quan hệ pháp luật với quan hệ xã hội khác | X1,X3, Y |
| **Chương 12. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý**  12.1. Vi phạm pháp luật  12.2. Trách nhiệm pháp lý | 5 | G1.2,  G2.1, G3.1 | **Dạy:**  - Giảng viên giải thích các nội dung lý thuyết về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý, giao các tình huống thực tế để sinh viên làm việc nhóm phân biệt được các cấu thành của vi phạm pháp luật  - Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý thông qua tình huống giảng viên giao  **Học ở lớp:**  - Trên cơ sở hệ thống lại lý thuyết về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý, sinh viên trả lời những câu hỏi được giao  - Sinh viên hình dung lý thuyết với các vấn đề pháp lý phát sinh trong tình huống được giao, từ đó chứng tỏ sự cần thiết của việc phân tích yếu tố cấu thành của vi phạm pháp luật  **Học ở nhà:**  Sinh viên tóm tắt lại nội dung kiến thức đã học về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý, phân biệt các yếu tố đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của vi phạm pháp luật. | X1, X3, Y |
| **Chương 13. Thực hiện pháp luật**  13.1. Thực hiện pháp luật  13.2. Áp dụng pháp luật  13.3. Giải thích pháp luật | 2 | G1.2,  G2.1, G3.1 | **Dạy:**  - Giảng viên giải thích các nội dung lý thuyết về thực hiện pháp luật giao các câu hỏi cho sinh viên giải quyết theo nhóm về:  + Lấy ví dụ minh họa về các hình thức thực hiện pháp luật  + Giao các tình huống thực tế để sinh viên áp dụng lý thuyết về thực hiện pháp luật, áp dụng pháp luật, giải thích pháp luật  - Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu về lý thuyết về thực hiện pháp luật thông qua câu hỏi  **Học ở lớp:**  - Trên cơ sở áp dụng lý thuyết về thực hiện pháp luật, sinh viên trả lời những câu hỏi được giao  - Sinh viên hình dung lý thuyết với các hình thức thực hiện pháp luật trong tình huống được giao, so sánh được văn bản áp dụng pháp luật với văn bản quy phạm pháp luật.  **Học ở nhà:**  Sinh viên tóm tắt lại nội dung kiến thức đã học về thực hiện pháp luật trong việc điều chỉnh quan hệ xã hội. | X1, X3, Y |
| **Chương 14. Pháp chế**  14.1 Khái niệm pháp chế  14.2 Vai trò của pháp chế  14.3. Các nguyên tắc của pháp chế  14.4. Tăng cường pháp chế XHCN | 2 | G1.2,  G2.1, G3.1 | **Dạy:**  - Giảng viên giải thích các nội dung lý thuyết về pháp chế xã hội chủ nghĩa, giao các câu hỏi cho sinh viên giải quyết theo nhóm về:  + Diễn giải mối quan hệ giữa pháp chế và pháp luật  - Hướng dẫn và tổ chức sinh viên thuyết trình bài tập nhóm  - Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu về pháp chế thông qua câu hỏi  **Học ở lớp:**  - Trên cơ sở hình dung lý thuyết về thực hiện pháp luật, sinh viên trả lời những câu hỏi được giao  - Sinh viên so sánh lý thuyết về pháp chế với pháp luật trong tình huống pháp luật.  - Sinh viên thuyết trình bài tập nhóm  **Học ở nhà:**  Sinh viên tóm tắt lại nội dung kiến thức đã học về pháp chế. | X1, X3, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.2 | Giảng viên giao các các câu hỏi tự luận cho sinh viên | X3 |
| **Bài tập lớn** | 15 | G1.1, G1.2, G2.2, G3.2 | **Dạy:**  **-** Giảng viên hướng dẫn sinh viên chọn và hoàn thiện đề tài giải thích nội dung về nhà nước và pháp luật liên quan tới:  + Nguồn gốc và kiểu nhà nước  +Bản chất và chức năng của nhà nước  + Hình thức và bộ máy nhà nước  + Nhà nước pháp quyền  + Hệ thống chính trị  + Mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân  + Nguồn gốc và kiểu pháp luật  + Vị trí, bản chất, vai trò của pháp luật  + Mối quan hệ giữa pháp luật và các công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội khác  + Hình thức và nguồn của pháp luật  + Hệ thống pháp luật  + Quan hệ pháp luật  + Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý  + Thực hiện pháp luật  + Pháp chế  - Giảng viên giải đáp thắc mắc, tư vấn cho sinh viên  - Giảng viên thu bài tập lớn và đánh giá kết quả  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên hình dung lý thuyết, đặt câu hỏi cho giảng viên về nội dung bài tập lớn.  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên hoàn thiện bài tập và nộp đúng hạn. | X1 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **TS. Lương Thị Kim Dung** |

**5.12. Luật Hiến pháp Việt Nam Mã HP: 11471**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***4 TC | | | **BTL** | | **X** | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 60 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 40 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 15 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 05 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Luật Hiến pháp Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức, kỹ năng cơ sở của chương trình đào tạo ngành Luật. Thông qua học phần, sinh viên được học những kiến thức lý luận cơ bản về: Một số vấn đề cơ bản của ngành Luật hiến pháp, Chế độ chính trị, Chế độ kinh tế, Chính sách đối ngoại, quốc phòng và an ninh quốc gia, Quyền con người và quyền,nghĩa vụ cơ bản của công dân; Bộ máy nhà nước.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Luật hiến pháp Việt Nam*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh chủ biên (2013). *Giáo trình luật hiến pháp Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân

[2] Vũ Văn Nhiêm chủ biên (2016). *Bình luận khoa học các điều của hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,* Nhà xuất bản Hồng Đức.

[3] Quốc hội (2013), *Hiến pháp Việt Nam*.

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Áp dụng các kiến thức về Hiến pháp Việt Nam để giải thích những vấn đề pháp lý trong hệ thống pháp luật thực định. | 1.2.1 |
| **G2** | Tự tổ chức được nhóm nhỏ có phân công nhiệm vụ của các thành viên giải quyết các vấn đề về chế độ chính trị của nhà nước Việt Nam, chế độ kinh tế, tổ chức bộ máy nhà nước, quyền con người. | 3.1.1 |
| **G3** | Tự trình bày một nội dung kiến thức liên quan đến ngành Luật Hiến pháp Việt Nam trong thời gian ngắn. | 3.2.3 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Giải thích sự hình thành của Hiến pháp, vị trí của ngành Luật Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam | **TU2** |
| **G1.2** | Vận dụng các quy định của hiến pháp để giải quyết các vấn đề pháp lý thực định liên quan đến chế dộ, chính sách của nhà nước Việt Nam trong cách lĩnh vực. | **TU3** |
| **G2.1** | Tự tổ chức được nhóm nhỏ có phân ông nhiệm vụ của các thành viên giải quyết các vấn đề liên quan đến Hiến pháp Việt Nam. | **TU2** |
| **G3.1** | Tự trình bày một nội dung kiến thức liên quan đến nội dung trong ngành Luật Hiến pháp Việt Nam thông qua báo cáo đề tài, trả lời câu hỏi. | **TU2** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Bài tập nhóm, thuyết trình | G1.2, G2.1, G3.1 | 15 |
| X2 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G1.2 | 15 |
| X3 – Bài tập lớn | G1.1, G1.2 | 20 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y – Thi vấn đáp | G1.1, G1.2, G3.1 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Một số vấn đề cơ bản của ngành luật Hiến pháp**  1.1. Khái niệm ngành luật Hiến pháp  1.2. Quan hệ pháp luật Hiến pháp  1.3. Nguồn của luật Hiến- pháp | 6 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về một số vấn đề cơ bản của ngành Luật hiến pháp như khái niệm, quan hệ pháp luật, nguồn của luật Hiến pháp.  - Giảng viên yêu cầu sinh viên tự xây dựng các nhóm nhỏ để tham gia giải quyết các câu hỏi.  - Giảng viên giao câu hỏi nghiên cứu về các bản Hiến pháp Việt Nam  **Học ở lớp:**  - Sinh viên trình bày lại kiến thức nội dung trên lớp thông qua giơ tay phát biểu.  - Sinh viên được chia theo nhóm thể hiện được sự hiểu biết của mình qua nội dung kiến thức đã được giảng dạy thông qua trả lời câu hỏi.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên so sánh các bản Hiến pháp Việt Nam và trả lời câu hỏi của giảng viên | X2, Y |
| **Chương 2: Chế độ chính trị**  2.1. Chính thể của nước CHXHCN Việt nam  2.2. Bản chất của nước CHXHCN Việt Nam  2.3. Hệ thống chính trị của nước CHXHCN Việt Nam | 4 | G1.2  G2.1  G3.1 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về Chế độ chính trị của nước CHXHCN Việt Nam.  - Giảng viên yêu cầu sinh viên tự xây dựng các nhóm nhỏ để tham gia giải quyết các câu hỏi  - Giảng viên giao đề tài bài tập nhóm về nội dung Chương học và hướng dẫn các nhóm sinh viên.  - Giảng viên giao câu hỏi về chế độ chính trị của Việt Nam trong các bản Hiến pháp.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên được chia theo nhóm thể hiện được sự hiểu biết của mình qua nội dung kiến thức đã được giảng dạy thông qua thuyết trình trước lớp.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu chế độ chính trị của Việt Nam trong các bản Hiến pháp và trả lời câu hỏi  - Sinh viên tự tổ chức nhóm nhỏ, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và giải quyết đề tài bài tập nhóm | X1, X2, Y |
| **Chương 3: Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt nam**  3.1. Khái niệm  3.2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động bộ máy nhà nước.  3.3. Quốc hội  3.4. Chủ tịch nước  3.5. Chính phủ  3.6. Tòa án nhân dân  3.7. Viện kiểm sát nhân dân  3.8. Chính quyền đia phương | 10 | G1.2  G2.1  G3.1 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về Bộ máy nhà nước nước CHXHCN Việt Nam.  - Giảng viên yêu cầu sinh viên tự xây dựng các nhóm nhỏ để tham gia giải quyết các câu hỏi  - Giảng viên giao đề tài bài tập nhóm về nội dung Chương học và hướng dẫn các nhóm sinh viên.  - Giảng viên giao câu hỏi về sự thay đổi của Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam trong các bản Hiến pháp.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên được chia theo nhóm thể hiện được sự hiểu biết của mình qua nội dung kiến thức đã được giảng dạy thông qua thuyết trình trước lớp.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu sự thay đổi của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam trong các bản Hiến pháp và trả lời câu hỏi  - Sinh viên tự tổ chức nhóm nhỏ, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và giải quyết đề tài bài tập nhóm | X1, X2, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1, G1.2 | - Giảng viên giao các các câu hỏi tự luận cho sinh viên  - Sinh viên trả lời câu hỏi tự luận | X2 |
| **Chương 4: Quyền con người**  4.1. Khái niệm  4.2. Nguồn gốc quyền con người  4.3. Các thế hệ quyền con người  4.4. Nhóm người dễ bị tổn thương | 8 | G1.2, G2.1  G3.1 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về quyền con người theo Hiến pháp Việt Nam.  - Giảng viên yêu cầu sinh viên tự xây dựng các nhóm nhỏ để tham gia giải quyết các câu hỏi  - Giảng viên giao đề tài bài tập nhóm về nội dung Chương học và hướng dẫn các nhóm sinh viên.  - Giảng viên giao câu hỏi về sự thay đổi của chế định quyền con người, quyền công dân trong các bản Hiến pháp.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên được chia theo nhóm thể hiện được sự hiểu biết của mình qua nội dung kiến thức đã được giảng dạy thông qua thuyết trình trước lớp.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu sự thay đổi của chế định quyền con người, quyền công dân trong các bản Hiến pháp và trả lời câu hỏi  - Sinh viên tự tổ chức nhóm nhỏ, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và giải quyết đề tài bài tập nhóm | X1, Y |
| **Chương 5: Chế độ kinh tế**  5.1. Khái niệm  5.2. Các hình thức sở hữu  5.3. Các thành phần kinh tế | 4 | G1.2  G2.1  G3.1 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về chế độ kinh tế của Việt Nam.  - Giảng viên yêu cầu sinh viên tự xây dựng các nhóm nhỏ để tham gia giải quyết các câu hỏi  - Giảng viên giao đề tài bài tập nhóm về nội dung Chương học và hướng dẫn các nhóm sinh viên.  - Giảng viên giao câu hỏi về sự thay đổi của chế độ kinh tế qua các bản Hiến pháp.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên được chia theo nhóm thể hiện được sự hiểu biết của mình qua nội dung kiến thức đã được giảng dạy thông qua thuyết trình trước lớp.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu sự thay đổi của chế độ kinh tế Việt Nam trong các bản Hiến pháp và trả lời câu hỏi  - Sinh viên tự tổ chức nhóm nhỏ, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và giải quyết đề tài bài tập nhóm | X1, Y |
| **Chương 6: Chính sách xã hội, văn hóa, giáo dục.**  6.1. Chính sách xã hội  6.2. Chính sách văn hóa  6.3. Chính sách giáo dục | 8 | G1.2  G2.1  G3.1 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng chính sách xã hội, văn hóa, giáo dục theo Hiến pháp Việt Nam.  - Giảng viên yêu cầu sinh viên tự xây dựng các nhóm nhỏ để tham gia giải quyết các câu hỏi  - Giảng viên giao đề tài bài tập nhóm về nội dung Chương học và hướng dẫn các nhóm sinh viên.  - Giảng viên giao câu hỏi về sự thay đổi của chính sách giáo dục trong các bản Hiến pháp.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên được chia theo nhóm thể hiện được sự hiểu biết của mình qua nội dung kiến thức đã được giảng dạy thông qua thuyết trình trước lớp.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu sự thay đổi của chính sách giáo dục trong các bản Hiến pháp và trả lời câu hỏi  - Sinh viên tự tổ chức nhóm nhỏ, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và giải quyết đề tài bài tập nhóm | X1, Y |
| **Báo cáo kết quả bài tập nhóm** | 4 | G1.2, G2.1, G3.1 | **Dạy:**  - Giảng viên tổ chức thuyết trình kết quả bài tập nhóm về đề tài thuộc chương học, đặt câu hỏi và đánh giá  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên báo cáo kết quả làm việc nhóm, trả lời câu hỏi  **Học ở nhà:**  - Sinh viên làm việc theo nhóm để giải quyết đề tài được giao | X1 |
| **Bài tập lớn** | 15 | G1.1  G1.2 | **Dạy:**  **-** Giảng viên hướng dẫn sinh viên chọn và hoàn thiện đề tài trình bày về tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCNVN và chứng minh sự phân công, phối hợp trong hoạt động giữa các cơ quan trong  + Quốc hội  + Chủ tịch nước  + Chính phủ  + Tòa án nhân dân  + Viện kiểm sát nhân dân  + Hội đồng nhân dân  + Ủy ban nhân dân  **-** Giảng viên giải đáp thắc mắc, tư vấn cho sinh viên  **-** Giảng viên thu bài tập lớn và đánh giá kết quả  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên liên hệ lý thuyết, đặt câu hỏi cho giảng viên về nội dung bài tập lớn  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên hoàn thiện bài tập và nộp đúng hạn | X3 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Trần Gia Ninh** |

**5.13. Kinh tế vi mô Mã HP: 15101**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | **BTL** |  | **ĐAMH** |  |  |

***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Kinh tế cơ bản *Email: kinhtecoban@vimaru.edu.vn*

***3. Phân bổ thời gian:***

- Tổng số (TS): 45 tiết. - Lý thuyết (LT): 33 tiết.

- Thực hành (TH): 0 tiết. - Bài tập (BT): 11 tiết.

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết. - Kiểm tra (KT): 01 tiết.

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không.

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Kinh tế vi mô là môn học cơ sở ngành của chuyên ngành Luật Kinh Doanh, với mục tiêu cung cấp kiến thức nền tảng về kinh tế học nói chung và kinh tế học vi mô nói riêng. Nội dung môn học tìm hiểu về mười nguyên lý cơ bản của kinh tế học, lý thuyết cung - cầu, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp, từ đó giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về cơ chế hoạt động của thị trường và hình thành giá cả sản phẩm. Đồng thời môn học cũng nghiên cứu các loại cấu trúc thị trường khác nhau để thấy được ưu/nhược điểm của cơ chế thị trường và từ đó nhìn nhận được vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế.

***6. Nguồn học liệu***

**Giáo trình**

[1] Nguyễn Hồng Vân, Nguyễn Thị Thúy Hồng (2018). *Kinh tế học vi mô*. Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

[2] TS. Vũ Kim Dũng (2008). *Hướng dẫn thực hành kinh tế học vi mô*, Nhà xuất bản Thống kê.

[3] Robert Pindiyck DanielL Rubinfeld (2000), *Kinh tế học vi mô*, Nhà xuất bản khoa học Kỹ thuật.

[4] Nguyễn Thị Thúy Hồng, Quách Thị Hà, Trương Thị Như Hà (2020). *599 câu hỏi trắc nghiệm kinh tế vi mô*. Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Áp dụng kiến thức về thị trường và hành vi của các tác nhân kinh tế để giải thích các hoạt động kinh tế | 1.2.2 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy (I, T, U)** |
| **G1.1** | Giải thích các khái niệm và các nguyên lý cơ bản của kinh tế học | **TU3** |
| **G1.2** | Tính toán cân bằng cung – cầu, các nhân tố ảnh hưởng tới cung – cầu, kiểm soát giá, tác động của thuế. | **TU3** |
| **G1.3** | Tính toán lựa chọn tiêu dùng tối ưu dựa trên lý thuyết lợi ích và sự lựa chọn tiêu dùng tối ưu của người tiêu dùng. | **TU3** |
| **G1.4** | Áp dụng lý thuyết sản xuất, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp để tính toán sản lượng, chi phí, lợi nhuận tối ưu. | **TU3** |
| **G1.5** | Phân loại đặc điểm và các quyết định sản lượng trên từng loại thị trường. Tính toán sản lượng trên từng loại thị trường. | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1: Kiểm tra viết tự luận | **G1.1, G1.3, G1.4** | 50 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y: Thi trắc nghiệm | **G1.2 , G1.5** | 50 |

Điểm đánh giá quá trình: X = X1

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự ≥75% và Xi ≥ 4

Điểm đánh giá học phần: Z = 0,5X + 0,5Y (Z = 0 nếu Y <4)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần** | **Hình thức kiểm tra** | **Tiêu chí**  **đánh giá** | **CĐR** | **Trọng số** | **Mô tả mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **10 – 8.5** | **8.4 – 7.0** | **6.9 – 4.0** | **3.9 – 0.0** |  |
| X1 | Trắc nghiệm | Giải thích các khái niệm và các nguyên lý cơ bản của kinh tế học | G1.1 | 20% | Trả lời đúng 85% - 100% câu hỏi | Trả lời đúng 70% - dưới 85% câu hỏi | Trả lời đúng 40% - dưới 70% câu hỏi | Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi |  |
| Tính toán lựa chọn tiêu dùng tối ưu dựa trên lý thuyết lợi ích và sự lựa chọn tiêu dùng tối ưu của người tiêu dùng. | G1.3 | 30% | Trả lời đúng 85% - 100% câu hỏi | Trả lời đúng 70% - dưới 85% câu hỏi | Trả lời đúng 40% - dưới 70% câu hỏi | Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi |  |
| Áp dụng lý thuyết sản xuất, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp để tính toán sản lượng, chi phí, lợi nhuận tối ưu. | G1.4 | 50% | Trả lời đúng 85% - 100% câu hỏi | Trả lời đúng 70% - dưới 85% câu hỏi | Trả lời đúng 40% - dưới 70% câu hỏi | Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi |  |
| Y |  |  |  |  | **10 – 8.5** | **8.4 – 7.0** | **6.9 – 4.0** | **3.9 – 0.0** |  |
|  | Trắc nghiệm | Tính toán cân bằng cung – cầu, các nhân tố ảnh hưởng tới cung – cầu, kiểm soát giá, tác động của thuế. | G1.2 | 50% | Trả lời đúng 85% - 100% câu hỏi | Trả lời đúng 70% - dưới 85% câu hỏi | Trả lời đúng 40% - dưới 70% câu hỏi | Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi |  |
|  |  | Phân loại đặc điểm và các quyết định sản lượng trên từng loại thị trường. Tính toán sản lượng trên từng loại thị trường. | G1.5 | 50% | Trả lời đúng 85% - 100% câu hỏi | Trả lời đúng 70% - dưới 85% câu hỏi | Trả lời đúng 40% - dưới 70% câu hỏi | Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi |  |

***10. Nội dung giảng dạy***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR**  **học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| **Chương 1. Tổng quan về kinh tế học vi mô** | **8** | **G1.1** |  | **X1** |
| * 1. Các khái niệm cơ bản | *2* | **G1.1** | *Dạy:*  - Giới thiệu các thông tin cơ bản về môn học và thông tin liên hệ của GV.  - GV thuyết giảng về các khái niệm cơ bản của Kinh tế học và kinh tế học vi mô, giảng từng nguyên lý cơ bản của kinh tế học, lấy ví dụ cụ thể.  *Học ở lớp*: SV tập trung theo dõi bài giảng, ghi chép, làm bài tập.  *Học ở nhà:* Đọc tài liệu học tập | **X1** |
| * 1. Các nguyên lý của kinh tế học | *6* | **G1.1** |
| **Chương 2. Cung – cầu** | **8** | **G1.2** |  | **Y** |
| 2.1. Cầu | *1* | **G1.2** | *Dạy:* GV thuyết giảng về lý thuyết cung - cầu. Đưa các ví dụ để sinh viên áp dụng tính toán và phân tích.  *Học ở lớp:* SV tập trung theo dõi bài giảng, vận dụng tính toán cung cầu, kiểm soát giá & tác động của thuế.  *Học ở nhà:* Đọc tài liệu học tập | **Y** |
| 2.2. Cung | *1* | **G1.2** |
| 2.3. Cân bằng cung - cầu | *6* | **G1.2** |
| **Chương 3. Lý thuyết hành vi người tiêu dùng** | **7** | **G1.3** |  | **X1** |
| 3.1. Lý thuyết về lợi ích | *2* | **G1.3** | *Dạy: -* GV thuyết giảng lý thuyết về lợi ích, các hệ số co giãn của cầu & ứng dụng, phân tích đường bàng quan, đường ngân sách & điểm tiêu dùng tối ưu.  -Đưa ví dụ để SV áp dụng tính toán*.*  *Học ở lớp:* SV tập trung theo dõi bài giảng, trao đổi kiến thức, áp dụng lý thuyết tính toán thặng dư tiêu dùng, hệ số co giãn của cầu & bài toán tiêu dùng tối ưu.  *Học ở nhà:* Đọc tài liệu trước khi đến lớp. | **X1** |
| 3.2. Sự co giãn của cầu | *3* | **G1.3** |
| 3.3. Lựa chọn sản phẩm và tiêu dùng tối ưu | *2* | **G1.3** |
| **Chương 4. Lý thuyết hành vi người sản xuất** | **8** | **G1.4** |  | **X1** |
| 4.1. Lý thuyết về sản xuất | *3* | **G1.4** | *Dạy:*  - GV thuyết giảng về lý thuyết hành vi của người sản xuất thông qua ba nội dung cơ bản: hàm sản xuất, chi phí sản xuất & mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp.  - Đưa ví dụ để sv tính toán & phân tích.  *Học ở lớp:* SV tập trung theo dõi bài giảng, ghi chép, trao đổi kiến thức & làm bài tập.  *Học ở nhà:* Đọc tài liệu học tập. | **X1** |
| 4.2. Lý thuyết về chi phí sản xuất | *3* | **G1.4** |
| 4.3. Lý thuyết về lợi nhuận và quyết định cung cấp | *2* | **G1.4** |
| **Kiểm tra giữa kỳ** | **1** | **G1.1, G1.3, G1.4** | Kiểm tra kiến thức chương 1, chương 3, chương 4 | **X1** |
| **Chương 5. Cấu trúc thị trường** | **12** | **G1.5** |  | **Y** |
| 5.1. Các loại thị trường | *1* | **G1.5** | *Dạy:* - GV thuyết giảng về các cấu trúc thị trường truyền thống, xem xét việc ra quyết định sản xuất của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường này. Trong đó, nội dung chương tập trung chủ yếu vào hai cấu trúc là thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường độc quyền. Đồng thời cũng đề cập đến đặc điểm & nội dung cơ bản nhất của hai cấu trúc thị trường cạnh tranh độc quyền và độc quyền tập đoàn.  - Đưa ví dụ để sv tính toán & phân tích.  *Học ở lớp:* Tập trung nghe giảng, ghi chép & trao đổi kiến thức & làm bài tập.  *Học ở nhà:* Đọc tài liệu học tập. | **Y** |
| 5.2. Cạnh tranh hoàn hảo | *4* | **G1.5** |
| 5.3. Độc quyền (bán) | *4* | **G1.5** |
| 5.4. Cạnh tranh không hoàn hảo | *3* | **G1.5** |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

**Trưởng Khoa/Viện/Trung tâm Trưởng Bộ môn Người biên soạn**

***13. Tiến trình cập nhật Đề cương:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cập nhật lần 1:** *ngày 30/08 /2017*  **Nội dung**: Xây dựng mới đề cương học phần theo chuẩn đầu ra của CDIO | Người cập nhật  ***ThS Trương Thị Như Hà*** Trưởng Bộ môn  ***ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng*** |
| **Cập nhật lần 2:** *ngày 30/09/2017*  **Nội dung**: Chỉnh sửa phần mô tả cách đánh giá học phần | Người cập nhật  ***ThS Trương Thị Như Hà*** Trưởng Bộ môn  ***ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng*** |
| **Cập nhật lần 3:** *ngày 30/05/2018*  **Nội dung**: Chỉnh sửa phần mô tả hoạt động dạy và học. Cập nhật, chỉnh sửa chuẩn đầu ra của học phần | Người cập nhật  ***ThS Trương Thị Như Hà*** Trưởng Bộ môn  ***TS. Nguyễn Thị Thúy Hồng*** |
| **Cập nhật lần 4:** *ngày 30/08/2018*  **Nội dung**: Chỉnh sửa phần ***10. Nội dung giảng dạy. Chương 3***  và nội dung mô tả hoạt động dạy và học. Cập nhật, chỉnh sửa chuẩn đầu ra của học phần | Người cập nhật  ***ThS Trương Thị Như Hà*** Trưởng Bộ môn  ***TS. Nguyễn Thị Thúy Hồng*** |
| **Cập nhật lần 5:** *ngày 30/05/2020*  **Nội dung**:  Chỉnh sửa phần lại phần:***7. Mục tiêu của học phần và 8. Chuẩn đầu ra của học phần*** *theo phân nhiệm mới*  Chỉnh sửa phần ***10. Nội dung giảng dạy***: Cập nhật, chỉnh sửa chuẩn đầu ra của học phần | Người cập nhật  ***ThS Trương Thị Như Hà*** Trưởng Bộ môn  ***TS. Phạm Thị Thu Hằng*** |
| **Cập nhật lần 6:** *ngày 28./5./2023*  **Nội dung**: 7. Mục tiêu học phần và 8. Chuẩn đầu ra của học phần theo phân nhiệm mới | Người cập nhật  ***ThS Trương Thị Như Hà*** Trưởng Bộ môn  ***TS. Phạm Thị Thu Hằng*** |
| **Cập nhật lần 7:** *ngày....../....../......*  **Nội dung**: | Người cập nhật  Trưởng Bộ môn |

**5.14. Kinh tế vĩ mô Mã HP: 15102**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** | |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Kinh tế cơ bản *Email: kinhtecoban@vimaru.edu.vn*  ***3. Phân bổ thời gian:***  - Tổng số (TS): 45 tiết. - Lý thuyết (LT): 34 tiết.  - Thực hành (TH): 0 tiết. - Bài tập (BT): 9 tiết.  - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết. - Kiểm tra (KT): 2 tiết.  ***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Kinh tế vi mô  ***5. Mô tả nội dung học phần:***  Kinh tế vĩ mô là học phần cơ sở ngành của chuyên ngành Luật Kinh Doanh có vai trò cung cấp khung lý thuyết cho các học phần chuyên môn thuộc nhóm ngành kinh tế và quản trị kinh doanh. Học phần kinh tế vĩ mô bao gồm những khái niệm, cách tính toán cũng như ý nghĩa của các biến số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân, thất nghiệp, lạm phát, tổng cung, tổng cầu ... Đồng thời thông qua môn học, người học có được những hiểu biết về những chính sách của chính phủ như chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ,… và tác động của chúng đến nền kinh tế.  ***6. Nguồn học liệu:***  **Giáo trình**  [1] Nguyễn Văn Ngọc (2008), Bài giảng Kinh tế vĩ mô, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân  **Tài liệu tham khảo**  [1] PGS.TS Đỗ Đức Bình, TS. Nguyễn Thường Lạng (2004), Giáo trình kinh tế học quốc tế, Nhà xuất bản lao động xã hội.  [2] N. Grogory Mankiw (2021), Brief Principles of Macroeconomics, South-Western Cengage Learning  ***7. Mục tiêu của học phần:***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** | | **G1** | Áp dụng kiến thức về các biến số và chính sách kinh tế vĩ mô để giải thích các hoạt động kinh tế | 1.2.2 |   ***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** | | **G1.1** | Áp dụng kiến thức lý thuyết cơ bản của kinh tế vĩ mô như tài khoản quốc gia, tổng cung tổng cầu, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ để giải quyết tình huống kinh tế cụ thể. | TU3 | | **G1.2** | Tính toán một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô như tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp, cán cân thanh toán quốc tế. | TU3 |   ***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** | | X. Đánh giá quá trình | X1: Kiểm tra trắc nghiệm | G1.1, G1.2 | 50 | | Y. Đánh giá cuối kỳ | Y: Bài thi trắc nghiệm | G1.1, G1.2 | 50 |   Điều kiện dự thi: Sinh viên được yêu cầu tham dự giờ giảng trên lớp ít nhất 75% (số lần được điểm danh chuyên cần). Ngoài ra sinh viên phải hoàn thành tất cả bài tập đúng hạn cũng như thực hiện đầy đủ các phần bài tập. Đây là những điều kiện cần để sinh viên đạt học phần này. Sinh viên cần lưu ý điểm bài kiểm tra viết phải lớn hơn hoặc bằng 4.  X = X1  Điểm đánh giá học phần:  Z = 0.5X + 0.5Y  **RUBRIC ĐÁNH GIÁ: ĐIỂM BÀI KIỂM TRA VÀ THI TRẮC NGHIỆM**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR** | **Trọng số** | **Mô tả mức chất lượng** | | | | | **10 – 8.5** | **8.4 – 7.0** | **6.9 – 4.0** | **3.9 – 0.0** | | **X1** | Áp dụng kiến thức lý thuyết cơ bản của kinh tế vĩ mô như tài khoản quốc gia, tổng cung tổng cầu, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ để phân tích tình huống kinh tế cụ thể. | G1.1 | 50% | Trả lời đúng 85% - 100% câu hỏi | Trả lời đúng 70% - dưới 85% câu hỏi | Trả lời đúng 40% - dưới 70% câu hỏi | Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi | | Tính toán một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô như tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp, cán cân thanh toán quốc tế. | G1.2 | 50% | Trả lời đúng 85% - 100% câu hỏi | Trả lời đúng 70% - dưới 85% câu hỏi | Trả lời đúng 40% - dưới 70% câu hỏi | Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi | | **Y** | Áp dụng kiến thức lý thuyết cơ bản của kinh tế vĩ mô như tài khoản quốc gia, tổng cung tổng cầu, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ để phân tích tình huống kinh tế cụ thể. | G1.1 | 50% | Trả lời đúng 85% - 100% câu hỏi | Trả lời đúng 70% - dưới 85% câu hỏi | Trả lời đúng 40% - dưới 70% câu hỏi | Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi | | Tính toán một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô như tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp, cán cân thanh toán quốc tế. | G1.2 | 50% | Trả lời đúng 85% - 100% câu hỏi | Trả lời đúng 70% - dưới 85% câu hỏi | Trả lời đúng 40% - dưới 70% câu hỏi | Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi |   ***10. Nội dung giảng dạy***   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** | | **Giới thiệu về học phần**  *+ Thông tin Thầy/ Cô*  *+ Các vấn đề liên quan học phần*  *+ Cách thức dạy và học* | **1** |  | Giới thiệu về bản thân và các thông tin cơ bản về học phần.  Thông tin về cách đánh giá học phần |  | | **Chương 1: Khái quát về kinh tế vĩ mô** | **8** |  |  |  | | *1.1. Tổ chức kinh tế của một nền kinh tế hỗn hợp* | *1* | **G1.1**  **G1.2** | Dạy: Trình bày các nội dung khái quát về kinh tế vĩ mô.  Học ở lớp: Ghi chép và hiểu các nội dung khái quát về kinh tế vĩ mô.  Học ở nhà: Tự nghiên cứu tài liệu. | **X1** | | *1.2. Hệ thống kinh tế vĩ mô* | *1* | | *1.3. Một số khái niệm và mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản* | *6* | | **Chương 2: Tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân** | **6** |  |  |  | | *2.1. Tổng sản phẩm quốc dân – thước đo thành tựu của một nền kinh tế* | *1* | **G1.1**  **G1.2** | Dạy: Trình bày lý thuyết về tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân.  Học ở lớp: Ghi chép và hiểu lý thuyết về tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân, làm các ví dụ và bài tập được giao.  Học ở nhà: Tự nghiên cứu tài liệu. | **X1** | | *2.2. Phương pháp xác định GDP* | *4* | | *2.3. Mối quan hệ giữa các chỉ tiêu  tổng sản phẩm, thu nhập quốc dân và thu nhập có thể sử dụng*  *2.4. Tăng trưởng kinh tế* | *1* | | **Chương 3: Tổng cầu và chính sách tài khóa** | **8** |  |  |  | | | *3.1. Tổng cầu và sản lượng cân bằng* | *4* | **G1.1**  **G1.2** | Dạy: Trình bày lý thuyết về tổng cầu và chính sách tài khóa.  Học ở lớp: Ghi chép và hiểu lý thuyết về tổng cầu và chính sách tài khóa, làm các ví dụ và bài tập được giao.  Học ở nhà: Tự nghiên cứu tài liệu. | | **X1** | | *3.2. Chính sách tài khoá* | *4* | | | **Kiểm tra trắc nghiệm** | **2** | **G1.1**  **G1.2** |  | **X1** | | **Chương 4: Tiền tệ và chính sách tiền tệ** | **8** |  |  |  | | | | *4.1. Chức năng của tiền tệ* |  | **G1.1**  **G1.2** | Dạy: Trình bày lý thuyết về tiền tệ và chính sách tiền tệ.  Học ở lớp: Ghi chép và hiểu lý thuyết về tiền tệ và chính sách tiền tệ, làm các ví dụ và bài tập được giao.  Học ở nhà: Tự nghiên cứu tài liệu. | **Y** | | | | *4.2. Mức cung tiền và vai trò kiểm soát tiền tệ của ngân hàng trung ương* | *2* | | | | *4.3. Mức cầu tiền tệ* | *2* | | | | *4.4. Tiền tệ, lãi suất và tổng cầu* | *2* | | | | **Chương 5: Thất nghiệp và lạm phát** | **6** |  |  |  | | *5.1. Thất nghiệp* | *3* | **G1.1**  **G1.2** | Dạy: Trình bày lý thuyết về thất nghiệp và lạm phát.  Học ở lớp: Ghi chép và hiểu lý thuyết về thất nghiệp và lạm phát, làm các ví dụ và bài tập được giao.  Học ở nhà: Tự nghiên cứu tài liệu. | **Y** | | *5.2. Lạm phát* | *2* | | *5.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp* | *1* | | **Chương 6: Kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở** | **6** |  |  |  | | *6.1. Cán cân thanh toán* | *2* | **G1.1**  **G1.2** | Dạy: Trình bày lý thuyết về kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở.  Học ở lớp: Ghi chép và hiểu lý thuyết về kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở, làm các ví dụ và bài tập được giao.  Học ở nhà: Tự nghiên cứu tài liệu. | **Y** | | *6.2. Thị trường ngoại hối*  *6.3. Các hệ thống tỷ giá hối đoái* | *2* | | *6.4. Các chính sách thương mại* | *2* |   ***11. Ngày phê duyệt:*** *30/05/2023*  ***12. Cấp phê duyệt:***  **Trưởng Khoa/Viện/Trung tâm Trưởng Bộ môn Người biên soạn**  ***13. Tiến trình cập nhật Đề cương:***   |  |  | | --- | --- | | **Cập nhật lần 1:** ngày 30/08 /2017  **Nội dung:** Xây dựng mới đề cương học phần theo chuẩn đầu ra của CDIO | Người cập nhật  ***ThS. Phạm Thị Thu Hằng***  Trưởng Bộ môn  ***ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng*** | | **Cập nhật lần 2:** *ngày 30/09/2017*  **Nội dung**: Chỉnh sửa phần mô tả cách đánh giá học phần | Người cập nhật  ***ThS. Trương Thị Như Hà***  Trưởng Bộ môn  ***ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng*** | | **Cập nhật lần 3:** *ngày 30/05/2018*  **Nội dung**: Chỉnh sửa phần mô tả hoạt động dạy và học. Cập nhật, chỉnh sửa chuẩn đầu ra của học phần | Người cập nhật  ***ThS. Vũ Thanh Trung***  Trưởng Bộ môn  ***TS. Nguyễn Thị Thúy Hồng*** | | **Cập nhật lần 4:** *ngày 30/08/2018*  **Nội dung**: Chỉnh sửa phần ***10. Nội dung giảng dạy. Chương 3***  và nội dung mô tả hoạt động dạy và học. Cập nhật, chỉnh sửa chuẩn đầu ra của học phần | Người cập nhật  ***ThS. Trương Thị Như Hà*** Trưởng Bộ môn  ***TS. Nguyễn Thị Thúy Hồng*** | | **Cập nhật lần 5:** *ngày 30/05/2020*  **Nội dung**: Chỉnh sửa phần lại phần: cập nhật chuẩn đầu ra của học phần | Người cập nhật  ***ThS. Trương Thị Như Hà*** Trưởng Bộ môn  ***TS. Phạm Thị Thu Hằng*** | | **Cập nhật lần 6:** *ngày 1/6/2023*  Nội dung: Chỉnh sửa mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra học phần và hoạt động dạy và học. Cập nhật danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo. | Người cập nhật  ***ThS. Hàn Huyền Hương***  Trưởng Bộ môn  ***TS. Phạm Thị Thu Hằng*** | | | | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | | | |
|  |  |  | |  | | |  | | |  | |
|  |  |  | |  | | |  | | |  | |
|  |  |  | |  | | |  | | |  | |

**5.15. Luật Hành chính Việt Nam Mã HP: 11431**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** | |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | | | - Lý thuyết (LT): | | | 43 tiết | |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết | |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết | |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:***  Lý luận chung về nhà nước và pháp luật 11470

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Luật Hành chính Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật. Học phần trang bị cho sinh viên một cách hệ thống và khoa học các vấn đề cơ bản về hoạt động quản lý hành chính nhà nước: những khái niệm chung về quản lý, quản lý nhà nước, quản lý hành chính nhà nước; bộ máy hành chính nhà nước; khái niệm và chế độ của cán bộ, công chức và công vụ; vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính; quyền, nghĩa vụ hành chính của tổ chức, công dân và người nước ngoài cư trú tại Việt Nam.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Luật hành chính Việt Nam,* Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Quý Lâm (2020). *Luật xử lý vi phạm hành chính 510 hành vi vi phạm, mức phạt và thẩm quyền xử phạt trong các lĩnh vực mới nhất*, Nhà xuất bản Công an nhân dân.

[2] Trần Minh Hương chủ biên (2018). *Giáo trình luật hành chính Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân.

[3] Nguyễn Ngọc Duy (2013). *Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án hành chính và chỉ dẫn áp dụng pháp luật tố tụng hành chính*, Nhà xuất bản Văn hoá – Thông tin.

[4] Vũ Duy Khang (2016). *So sánh - đối chiếu và chỉ dẫn áp dụng luật Tố tụng hành chính 2010 - 2015 áp dụng 01-07-2016*, Nhà xuất bản Hồng Đức

[5] Quốc hội (2022), *Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các văn bản hướng dẫn thi hành*, Nhà xuất bản Thanh Niên

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Phân tích các kiến thức luật hành chính để xác định hướng giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực hành chính phát sinh trong một số tình huống giả định và thực tiễn. | 1.3.1 |
| **G2** | Tự thực hiện được các thủ tục hành chính và quy trình giải quyết các khiếu nại về hành chính. | 4.3.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân tích các quy định pháp luật hành chính về quản lý hành chính, thủ tục hành chính và quyết định hành chính để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế | **TU4** |
| **G1.2** | Phân tích các quy định pháp luật hành chính về cơ quan hành chính nhà nước, quy chế pháp lý của công dân, vi phạm và xử lý vi phạm hành chính để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế. | **TU4** |
| **G2.1** | Tự thực hiện được các thủ tục hành chính và quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. | **TU2** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G2.1 | 10 |
| X2 – Kiểm tra viết tự luận | G1.2, G2.1 | 10 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y – Tự luận | G1.1, G1.2, G2.1 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Khái niệm Luật hành chính và quản lý hành chính nhà nước**  1.1. Khái niệm Luật hành chính  1.2. Quản lý hành chính nhà nước  1.3. Các nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước.  1.4. Hình thức quản lý hành chính nhà nước  1.5 Phương pháp quản lý hành chính nhà nước | 12 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng và đặt câu hỏi cho sinh viên, tổ chức thảo luận  - Giảng viên giao câu hỏi định hướng nghiên cứu về nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước.  **Học ở lớp:**  - Thông qua thảo luận nhóm, sinh viên phân biệt giữa Luật hành chính với các ngành luật khác: Luật hiến pháp, Luật dân sự, Luật đất đai…; phân biệt giữa quản lý hành chính nhà nước với quản lý tại các tổ chức kinh tế  - Thông qua làm việc cá nhân, sinh viên phân biệt hai hình thức quản lý hành chính nhà nước nói trên.  **Học ở nhà:**  - Thông qua việc trả lời câu hỏi, sinh viên nghiên cứu để hiểu rõ các nguyên tắc trong quản lý hành chính nhà nước; đọc tài liệu môn học và các văn bản pháp luật có liên quan. | X1, Y |
| **Chương 2. Thủ tục hành chính và quyết định hành chính**  2.1. Khái niệm và phân loại thủ tục hành chính  2.2. Cải cách thủ tục hành chính  2.3. Khái niệm quyết định hành chính  2.4. Các loại quyết định hành chính  2.5. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại | 8 | G1.1, G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng và đặt câu hỏi cho sinh viên, tổ chức thảo luận  - Giảng viên hướng dẫn và ra bài tập cho sinh viên về vấn đề khiếu nại và giải quyết khiếu nại hành chính tại cơ quan hành chính địa phương.  - Giảng viên giao câu hỏi định hướng nghiên cứu về thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại hành chính.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên thảo luận để phân biệt giữa thủ tục hành chính với thủ tục lập pháp và thủ tục tư pháp.  - Sinh viên nghiên cứu để so sánh giữa quyết định quy phạm với quyết định chủ đạo và quyết định cá biệt.  - Sinh viên làm bài tập mà giảng viên đã đưa ra về vấn đề khiếu nại và giải quyết khiếu nại hành chính tại cơ quan hành chính địa phương.  **Học ở nhà:**  Thông qua trả lời câu hỏi định hướng, sinh viên tự nghiên cứu tìm hiểu rõ về thủ tục khiếu nại và giải thích khiếu nại. | X1, X2, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1, G2.1 | - Giảng viên giao câu hỏi  - Sinh viên trả lời câu hỏi được giao | X1 |
| **Chương 3. Cơ quan hành chính nhà nước**  3.1. Khái niệm và phân loại cơ quan hành chính nhà nước  3.2. Địa vị pháp lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước  3.3. Khái niệm, đặc điểm cán bộ, công chức nhà nước  3.4. Quy chế pháp lý hành chính của cán bộ, công chức  3.5. Khen thưởng và xử lý vi phạm đối với cán bộ công chức | 8 | G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng và đặt câu hỏi cho sinh viên, tổ chức thảo luận  - Giảng viên đặt câu định hướng nghiên cứu về địa vị pháp lý hành chính của cơ quan hành chính.  **Học ở lớp:**  **-** Thông qua làm việc nhóm, sinh viên phân biệt giữa cơ quan hành chính nhà nước với cơ quan quyền lực nhà nước và cơ quan xét xử  - Thông qua làm việc cá nhân, sinh viên làm rõ sự khác nhau và giống nhau giữa cán bộ và công chức.  **Học ở nhà:**  **-** Thông qua việc trả lời câu hỏi, sinh viên nghiên cứu, tìm hiểu về vấn đề địa vị pháp lý của cơ quan hành chính. | X2, Y |
| **Chương 4. Quy chế pháp lý hành chính của công dân Việt Nam và người nước ngoài ở Việt Nam**  4.1. Quy chế pháp lý của công dân Việt Nam  4.2. Quy chế pháp lý của người nước ngoài ở Việt Nam | 4 | G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng, giao tình huống cho sinh viên và tổ chức thảo luận về tình huống  - Giảng viên đặt câu định hướng nghiên cứu về hoạt động bảo đảm thực thi quyền và nghĩa vụ của công dân, người nước ngoài từ phía cơ quan hành chính nhà nước  **Học ở lớp:**  - Thông qua thảo luận nhóm, sinh viên phân biệt giữa quy chế pháp lý hành chính của công dân Việt Nam và người nước ngoài.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên lựa chọn một quyền hoặc nghĩa vụ của công dân để tìm hiểu cụ thể về cơ sở pháp lý, cơ quan hành chính nhà nước đảm bảo thực thi quyền hoặc nghĩa vụ đó.  - Sinh viên lựa chọn một quyền hoặc nghĩa vụ của người nước ngoài để tìm hiểu cụ thể về cơ sở pháp lý, cơ quan hành chính nhà nước đảm bảo thực thi quyền hoặc nghĩa vụ đó. | X2, Y |
| **Chương 5. Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính**  5.1 Vi phạm hành chính  5.2 Trách nhiệm pháp lý hành chính | 11 | G1.2, G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng và đặt câu hỏi cho sinh viên  - Giảng viên đưa ra bài tập và hướng dẫn bài tập về vấn đề vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính.  - Giảng viên đặt câu hỏi cho sinh viên nghiêm cứu về vi phạm hành chính trên thực tế.  **Học ở lớp:**  - Thông qua trả lời câu hỏi, sinh viên phân biệt giữa vi phạm hành chính với các loại vi phạm khác, giữa trách nhiệm pháp lý hành chính với các loại trách nhiệm pháp lý khác.  - Sinh viên làm bài tập được giao theo cá nhân hoặc theo nhóm.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự lấy ví dụ và phân tích vi phạm hành chính trên thực tế | X1, X2, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.2, G2.1 | - Giảng viên giao câu hỏi  - Sinh viên trả lời câu hỏi được giao | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Bùi Hưng Nguyên** |

**5.16. Luật Hình sự Mã HP: 11482**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***4 TC | | | **BTL** | | **X** | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 60 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 43 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 15 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Luật Hình sự là là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật. Thông qua học phần, sinh viên các kiến thức lý luận cơ bản về: Luật hình sự phần chung cung cấp những vấn đề lí luận cơ bản về tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt. Luật hình sự phần các tội phạm cung cấp lí luận cơ bản về tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt của từng tội danh cụ thể; là cơ sở  khoa học để giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Luật Hình sự*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên (2018). *Giáo trình luật hình sự Việt Nam: Phần các tội phạm,* tập I, Nhà xuất bản Công an nhân dân.

[2] Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên (2018). *Giáo trình luật hình sự Việt Nam: Phần chung,* tập II, Nhà xuất bản Công an nhân dân.

[3] Trần Văn Biên, Phạm Trung Hoài (2017). *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015: Sửa đổi, bổ sung năm 2017,* Nhà xuất bản Thế giới

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong một số tình huống giả định và thực tiễn của lĩnh vực hình sự. | 1.3.1 |
| **G2** | Tự xác định các vấn đề pháp lý phát sinh và các căn cứ pháp lý được áp dụng trong tình huống thực tiễn luật hình sự. | 2.2.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân tích được đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của ngành luật hình sự; Tội phạm và các yếu tố cấu thành; Hình phạt. | **TU4** |
| **G1.2** | Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam về các nhóm tội phạm cụ thể | **TU4** |
| **G2.1** | Tự xác định các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn áp dụng luật hình sự | **TU2** |
| **G2.2** | Tự xác định các căn cứ pháp lý và hướng giải quyết các tình huống phát sinh trong lĩnh vực luật hình sự | **TU2** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G2.2 | 15 |
| X2 – Kiểm tra viết tự luận | G1.2, G2.2 | 15 |
| X3 – Bài tập lớn | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | 20 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G2.1, G2.2 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc, nguồn của luật hình sự**  1.1. Khái niệm luật hình sự  1.2. Các nhiệm vụ (chức năng) của luật hình sự Việt Nam  1.3. Các nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam  1.4. Nguồn của Luật Hình sự  1.5. Hiệu lực của Bộ luật hình sự VN | 1 | G1.1  G2.1 | **Dạy:**  Giảng viên phân tích những nội dung tổng quan về Luật hình sự, bao gồm: khái niệm; Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh; Hiệu lực của luật hình sự.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên phân biệt được đối tượng điều chỉnh của ngành luật hình sự với các ngành luật khác.  - Sinh viên xác định được hiệu lực của luật hình sự trong một số tình huống cụ thể.  **Học ở nhà:**  Sinh viên tìm hiểu về hiệu lực của luật hình sự theo quy định pháp luật của một số quốc gia khác. | X1, Y |
| **Chương 2.** **Tội phạm**  2.1. Khái niệm, đặc điểm của tội phạm trong luật hình sự Việt Nam  2.2. Phân loại tội phạm  2.3. Tội phạm và các vi phạm pháp luật khác | 1 | G1.1  G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích khái niệm tội phạm và các đặc điểm của tội phạm;  - Giảng viên hướng dẫn về phân loại tội phạm.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên phân biệt tội phạm và các vi phạm pháp luật khác.  - Sinh viên giải thích một số câu hỏi bán trắc nghiệm về phân loại tội phạm.  **Học ở nhà**  Sinh viên nghiên cứu về cách nhận diện tội phạm theo pháp luật của một số quốc gia trên thế giới. | X1, Y |
| **Chương 3.** **Các yếu tố của tội phạm và cấu thành tội phạm**  3.1. Các yếu tố của tội phạm  3.2. Cấu thành tội phạm  4.3.Ý nghĩa của CTTP | 1 | G1.2  G2.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích các yếu tố của tội phạm và cấu thành tội phạm  - Giảng viên giao tình huống và tổ chức làm việc nhóm  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích cấu thành của tội phạm trong một số tình huống đơn giản.  **Học ở nhà:**  Sinh viên liên hệ thực tiễn một số vụ án hình sự. | X1, Y |
| **Chương 4.** **Khách thể của tội phạm**  4.1. Khái niệm Khách thể của tội phạm  4.2. Các loại khách thể của tội phạm  4.3. Đối tượng tác động của khách thể TP | 2 | G1.2  G2.2 | **Dạy**  - Giảng viên phân tích khách thể của tội phạm  - Giảng viên giao tình huống và đặt câu hỏi cho cá nhân  **Học ở lớp:**  - Sinh viên giải thích được khách thể trong một số tình huống cụ thể.  **Học ở nhà**  Sinh viên liên hệ thực tiễn một số vụ án hình sự. | X1, Y |
| **Chương 5. Mặt khách quan của tội phạm**  5.1. Khái niệm  5.2. Hành vi khách quan của tội phạm  5.3. Hậu quả nguy hiểm cho xã hội  5.4. Vấn đề quan hệ nhân quả trong luật hình sự  5.5. Những nội dung biểu hiện khác của mặt khách quan của tội phạm | 2 | G1.2  G2.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích mặt khách quan của tội phạm.  - Giảng viên giao tình huống và đặt câu hỏi cho cá nhân  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên phân tích mặt khách quan trong một số tình huống.  **Học ở nhà**  Sinh viên liên hệ thực tiễn một số vụ án hình sự. | X1, Y |
| **Chương 6.** **Chủ thể của tội phạm**  6.1. Khái niệm  6.2. Năng lực TNHS  6.3.Tuổi chịu TNHS  6.4. Chủ thể đặc biệt của tội phạm  6.5. Vấn đề nhân thân người phạm tội trong luật hình sự | 2 | G1.2  G2.1 | **Dạy**  - Giảng viên phân tích chủ thể của tội phạm.  - Giảng viên giao tình huống và đặt câu hỏi cho cá nhân  **Học ở lớp:**  - Sinh viên phân tích năng lực chủ thể trong quy định pháp luật Việt Nam  **Đọc ở nhà:**  Sinh viên liên hệ quy định pháp luật của một số nước về độ tuổi của chủ thể. | X1, Y |
| **Chương 7.** **Mặt chủ quan của tội phạm**  7.1. Khái niệm  7.2. Lỗi  7.3. Sự kiện bất ngờ  7.4. Động cơ và mục đích phạm tội  7.5. Sai lầm và ảnh hưởng của sai lầm đối với TNHS | 2 | G1.2  G2.2 | **Dạy**  - Giảng viên phân tích mặt khách quan của tội phạm.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và đặt câu hỏi về yếu tố lỗi trong mặt khách quan  **Học ở lớp:**  - Sinh viên giải thích được các nội dung của mặt khách quan.  - Sinh viên thảo luận để phân tích các loại lỗi trong một số tình huống cụ thể.  **Học ở nhà:**  Sinh viên liên hệ thực tiễn một số vụ án hình sự. | X1, Y |
| **Chương 8.** **Các giai đoạn thực hiện tội phạm**  8.1. Khái niệm  8.2. Chuẩn bị phạm tội  8.3. Phạm tội chưa đạt  8.4.Tội phạm hoàn thành  8.5. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội | 2 | G1.2  G2.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích các giai đoạn thực hiện tội phạm và đặt câu hỏi  **Học ở lớp:**  - Sinh viên giải thích các giai đoạn cụ thể trong tình huống.  **Học ở nhà**  Sinh viên liên hệ thực tiễn một số vụ án hình sự. | X1, Y |
| **Chương 9.** **Đồng phạm**  9.1. Khái niệm  9.2. Các loại người đồng phạm  9.3. Các hình thức đồng phạm  9.4. Vấn đề TNHS trong đồng phạm  9.5. Những hành vi liên quan đến tội phạm cấu thành tội độc lập | 2 | G1.2  G2.1 | **Dạy**  - Giảng viên phân tích đồng phạm và các loại người đồng phạm.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và giao tình huống phân tích trách nhiệm hình sự trong trường hợp đồng phạm.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên so sánh được vai trò của các loại người đồng phạm.  - Sinh viên thảo luận để phân tích trách nhiệm hình sự của các chủ thể trong tình huống có đồng phạm.  **Học ở nhà**  Sinh viên nghiên cứu quy định pháp luật một số nước về đồng phạm. | X1, Y |
| **Chương 10.** **Các căn cứ hợp pháp của hành vi gây thiệt hại**  10.1.Khái niệm  10.2.Phòng vệ chính đáng  10.3. Tình thế cấp thiết  10.4. Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội  10.5 Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kĩ thuật và công nghệ  10.6 Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên | 2 | G1.2  G2.2 | **Dạy**  - Giảng viên phân tích các căn cứ hợp pháp của hành vi gây thiệt hại.  - Giảng viên giao tình huống và đặt câu hỏi thảo luận về Phòng vệ chính đáng, Tình thế cấp thiết và Các căn cứ hợp pháp khác.  **Học ở lớp**:  - Sinh viên giải thích được các quy định pháp luật về căn cứ hợp pháp của hành vi gây thiệt hại  - Sinh viên tbaor luận nhóm để so sánh Phòng vệ chính đáng và Tình thế cấp thiết.  **Học ở nhà**  Sinh viên liên hệ thực tiễn các vụ án hình sự. | X1, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1  G2.2 | Giảng viên giao câu hỏi tự luận  Sinh viên trả lời câu hỏi | X1, Y |
| **Chương 11.** **Trách nhiệm hình sự và hình phạt; hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp**  11.1. Trách nhiệm hình sự  11.2. Khái niệm và mục đích hình phạt  11.3. Hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp  11.3.1. Hệ thống hình phạt  11.3.2. Các biện pháp tư pháp | 1 | G1.1  G2.1 | **Dạy**  - Giảng viên phân tích các quy định pháp luật về hình phạt.  - Giảng viên phân tích các quy định pháp luật về biện pháp tư pháp và đặt câu hỏi thảo luận  **Học ở lớp:**  - Sinh viên phân tích điều kiện áp dụng từng loại hình phạt.  - Sinh viên thảo luận nhóm để phân biệt được các hình phạt và các biện pháp tư pháp.  **Học ở nhà**  Sinh viên tìm hiểu hệ thống hình phạt của một số quốc gia trên thế giới. | X2, Y |
| **Chương 12. Quyết định hình phạt và Các chế định liên quan đến chấp hành hình phạt**  12.1. Khái niệm  12.2. Quyết định hình phạt đối với người phạm tội  12.3 Quyết định hình phạt đối với pháp nhân thương mại  12.4. Thời hiệu thi hành bản án  12.5. Miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt  12.6. Xoá án tích | 1 | G1.1  G2.2 | **Dạy**  - Giảng viên phân tích các căn cứ quyết định hình phạt và đặt câu hỏi  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và đặt câu hỏi thảo luận về quá trình thi hành bản án  **Học ở lớp:**  - Sinh viên giải thích các căn cứ quyết định hình phạt trong một số tình huống thực tế.  - Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích thời hiệu thi hành bản án và việc thi hành bản án trong một số trường hợp đặc biệt.  **Học ở nhà**  Sinh viên nghiên cứu một số bản án về quyết định hình phạt. | X2, Y |
| **Chương 13. Trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội**  13.1. Các nguyên tắc xử lí người dưới 18 tuổi phạm tội  13.2. Các biện pháp giám sát, giáo dục đối với người dưới 18 tuổi phạm tội  13.3. Các hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội | 1 | G1.1  G2.1 | **Dạy**  Giảng viên phân tích trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội và đặt câu hỏi  **Học ở lớp:**  Sinh viên lí giải các nguyên tắc và phân tích các quy định pháp luật khi xử lý trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội  **Học ở nhà**  Sinh viên liên hệ với quy định của một số quốc gia khác. | X2, Y |
| **Chương 14. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia**  1.4.1. Khái niệm về các tội xâm phạm an ninh quốc gia  1.4.2. Các tội trực tiếp uy hiếp sự tồn tại của chính quyền nhân dân  1.4.3. Các tội trực tiếp uy hiếp sự vững mạnh của chính quyền nhân dân | 3 | G1.2  G2.1  G2.2 | **Dạy**  - Giảng viên phân tích các quy định pháp luật về một số tội phạm được quy định tại Chương XIII BLHS.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và giao tình huống thảo luận  **Học ở lớp:**  Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích một số tình huống thực tiễn thuộc nhóm tội xâm phạm an ninh quốc gia.  **Học ở nhà**  Sinh viên phân biệt các tội được quy định tại Chương XIII BLHS. | X2, Y |
| **Chương 15. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ của con người**  15.1. Các tội xâm phạm tính mạng con người  15.2. Các tội xâm phạm sức khoẻ con người | 4 | G1.2  G2.2 | **Dạy**  - Giảng viên phân tích các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người được quy định tại Chương XIV BLHS.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và giao tình huống thảo luận  **Học ở lớp:**  Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích các quy định pháp luật trong một số tình huống thực tiễn.  **Đọc ở nhà**  Sinh viên phân biệt các tội phạm có cấu thành tương đồng thuộc nhóm tội này. | X2, Y |
| **Chương 16. Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người**  16.1. Khái niệm chung  16.2. Các tội phạm cụ thể | 4 | G1.2  G2.2 | **Dạy**  - Giảng viên phân tích các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người được quy định tại Chương XIV BLHS.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và giao tình huống thảo luận  **Học ở lớp:**  Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích các quy định pháp luật trong một số tình huống thực tiễn.  **Đọc ở nhà**  Sinh viên phân biệt các tội phạm có cấu thành tương đồng thuộc nhóm tội này. | X2, Y |
| **Chương 17. Các tội xâm phạm sở hữu**  17.1. Những vấn đề chung về các tội xâm phạm sở hữu  17.2. Các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt  17.3. Các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt | 4 | G1.2  G2.2 | **Dạy**  - Giảng viên phân tích các tội xâm phạm sở hữu được quy định tại Chương XVI BLHS.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và giao tình huống thảo luận  **Học ở lớp:**  Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích các quy định pháp luật trong một số tình huống thực tiễn.  **Đọc ở nhà**  Sinh viên phân biệt các tội phạm có cấu thành tương đồng thuộc nhóm tội này. | X2, Y |
| **Chương 18. Các tội phạm về ma tuý**  18.1. Khái niệm chung  18.1. Các tội phạm cụ thể | 3 | G1.2  G2.1 | **Dạy**  - Giảng viên phân tích các tội phạm về ma túy được quy định tại Chương XX BLHS.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và giao tình huống thảo luận  **Học ở lớp:**  Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích các quy định pháp luật trong một số tình huống thực tiễn.  **Đọc ở nhà**  Sinh viên nghiên cứu một số bản án về nhóm các tội phạm về ma túy. | X2, Y |
| **Chương 19. Các tội phạm về tham nhũng**  19.1. Sơ lược lịch sử lập pháp hình sự nước Cộng hoà XHCN Việt Nam về các tội phạm về chức vụ  19.2. Khái niệm và những đặc điểm chung của các tội phạm về chức vụ  19.3. Các tội phạm cụ thể | 3 | G1.2  G2.1 | **Dạy**  - Giảng viên phân tích các tội phạm tham nhũng được quy định tại Chương XX BLHS.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và giao tình huống thảo luận  **Học ở lớp:**  Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích các quy định pháp luật trong một số tình huống thực tiễn.  **Đọc ở nhà**  Sinh viên nghiên cứu một số bản án về nhóm các tội phạm tham nhũng. | X2, Y |
| **Chương 20. Pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm**  20.1. Khái niệm động vật hoang dã quý hiếm  20.2. Các tội phạm cụ thể | 2 | G1.2  G2.1 | **Dạy**  - Giảng viên phân tích tội phạm được quy định tại Điều 234 và Điều 244 BLHS.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và giao tình huống thảo luận  **Học ở lớp:**  Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích các quy định pháp luật trong một số tình huống thực tiễn.  **Đọc ở nhà**  Sinh viên tìm hiểu số liệu thực tế về các hành vi phạm tội liên quan đến vấn đề bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm. | X2 |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.2  G2.2 | Giảng viên giao câu hỏi tự luận  Sinh viên trả lời câu hỏi | X2 |
| **Bài tập lớn** | 15 | G1.1 G1.2  G2.1  G2.2 | **Dạy:**  **-** Giảng viên hướng dẫn sinh viên chọn và hoàn thiện đề tài về phân tích nội dung pháp luật và tình huống thực tiễn liên quan tới:  **+** Nhóm tội xâm phạm tính mạng của con người,  **+** Nhóm tội xâm phạm sức khỏe của con người,  **+** Nhóm tội xâm danh dự, nhân phẩm của con người,  **+** Nhóm tội xâm phạm sở hữu,  **+** Nhóm tội phạm ma túy,  **+** Nhóm tội phạm về tham nhũng.  **-** Giảng viên giải đáp thắc mắc, tư vấn cho sinh viên  **-** Giảng viên thu bài tập lớn và đánh giá kết quả  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên liên hệ lý thuyết, đặt câu hỏi cho giảng viên về nội dung bài tập lớn  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên hoàn thiện bài tập và nộp đúng hạn | X3 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **TS. Lương Thị Kim Dung** |

**5.17. Luật Dân sự Mã HP: 11483**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ*:** 5 TC | | | **BTL** | | **X** | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 75 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 58 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 15 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Luật Dân sự là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật. Thông qua học phần, sinh viên được học những kiến thức: Khái niệm Luật dân sự; Quan hệ pháp luật dân sự; Giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu; Quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản; Quyền thừa kế, Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Môn học không chỉ giúp cho sinh viên nhận thức rõ được cách thức vận hành của pháp luật dân sự, mà còn giúp sinh viên trau dồi, hoàn thiện kiến thức một cách thực tế thông qua các giờ thảo luận trên lớp, các tình huống thực tiễn, nghị luận các phán quyết của Tòa án các cấp.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Luật Dân sự*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1]Đinh Văn Thanh, Nguyễn Văn Tuấn chủ biên (2018). *Giáo trình Luật dân sự Việt Nam,* Tập 1&2,Nhà xuất bản Công an nhân dân.

[2] Nguyễn Minh Tuấn chủ biên (2016). *Bình luật khoa học Bộ luật dân sự của nước CHXHCN Việt Nam năm 2015*, Nhà xuất bản Tư pháp.

[3] Nguyễn Văn Cừ, Trần Thị Huệ chủ biên (2017). *Bình luận khoa học Bộ luật dân sự năm 2015 của nước CHXHCN Việt Nam,* Nhà xuất bản Công an nhân dân*.*

[4]Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự Việt Nam*

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam thuộc các ngành luật dân sự để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực dân sự. | 1.3.1 |
| **G2** | Hoàn thành việc giải quyết vấn đề pháp lý trên cơ sở nghiên cứu các căn cứ pháp lý và các bất cập trong thực tiễn thi hành luật Dân sự tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp cho vấn đề pháp lý được xác định | 2.2.1 |
| **G3** | Hoàn thành một bản báo cáo viết, bản lập luận để giải quyết đề tài liên quan đến luật dân sự | 3.2.3 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân tích vị trí của ngành luật dân sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam, các quan hệ pháp luật dân sự, giao dịch dân sự và vấn đề đại diện, thời hạn, thời hiệu. | **TU4** |
| **G1.2** | Phân tích một số chế định về quyền và nghĩa vụ dân sự để xác định hướng giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong một số tình huống giả định và thực tiễn. | **TU4** |
| **G2.1** | Hoàn thành việc giải quyết vấn đề pháp lý trên cơ sở nghiên cứu các căn cứ pháp lý luật Dân sự tại Việt Nam để đề ra các giải pháp áp dụng trong một số tình huống giả định và thực tiễn. | **TU3** |
| **G2.2** | Hoàn thành việc giải quyết vấn đề pháp lý trên cơ sở nghiên cứu các bất cập trong thực tiễn thi hành luật Dân sự tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật dân sự Việt Nam. | **TU3** |
| **G3.1** | Hoàn thành bản lập luận để giải quyết tình huống pháp lý trong lĩnh vực luật dân sự | **TU3** |
| **G3.2** | Hoàn thành bản báo cáo viết để giải quyết vấn đề pháp lý trong lĩnh vực luật dân sự. | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G2.1, G3.1 | 15 |
| X2 – Kiểm tra viết tự luận | G1.2, G2.1, G3.1 | 15 |
| X3 – Bài tập lớn | G1.1, G1.2, G2.2, G3.2 | 20 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1, G3.1 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Khái niệm Luật dân sự**  1.1. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự  1.2. Những nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự. | 4 | G1.1 | **Dạy:**  **-** Giảng viên phân tích các đặc trưng của ngành luật dân sự và đặt câu hỏi cho sinh viên.  - Giảng viên tổ chức nhóm và giao câu hỏi thảo luận:Phân biệt ngành Luật dân sự với một số ngành luật khác  - Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu về đối tượng điều chỉnh và các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự thông qua câu hỏi  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên phân biệt đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của ngành luật so với các ngành luật khác  **-** Thông qua làm việc nhóm, sinh viên thảo luận để phân biệt được ngành Luật dân sự với một số ngành luật khác thông qua làm việc nhóm  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên nghiên cứu các quy định của Bộ luật dân sự 2015 về các nguyên tắc cơ bản và trả lời câu hỏi | X1, Y |
| **Chương 2. Quan hệ pháp luật dân sự.**  2.1 Khái niệm quan hệ pháp luật dân sự  2.2 Cá nhân – Chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự  2.3 Pháp nhân – Chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự | 7 | G1.1, G2.1, G3.1 | **Dạy:**  **-** Giảng viên phân tích cấu thành của quan hệ pháp luật dân sự và các chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự  **-** Giảng viên tổ chức nhóm và giao câu hỏi lý thuyết và tình huống  **-** Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu về một số quan hệ pháp luật dân sự thông qua câu hỏi.  **Học ở lớp:**  **-** Thông qua thảo luận nhóm, sinh viên nghiên cứu các tình huống và quy định pháp luật để đưa ra quan điểm cá nhân về các tình huống; chỉ ra sự khác biệt giữa năng lực chủ thể của pháp nhân với năng lực chủ thể của cá nhân.  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi về một số quan hệ pháp luật | X1, X3, Y |
| **Chương 3. Giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu**  3.1. Khái niệm và phân loại giao dịch dân sự  3.2. Đại diện, thời hạn và thời hiệu  3.3. Bài tập | 4 | G1.1, G2.1, G3.1 | **Dạy:**  **-** Giảng viên phân tích lý thuyết và quy định pháp luật về giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn và thời hiệu  **-** Giảng viên tổ chức hoạt động nhóm và giao tình huống về giao dịch dân sự  **-** Giảng viên giao bài tập về về đại diện trong pháp luật dân sự  **-** Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu về thời hạn và thời hiệu  **Học ở lớp:**  **-** Thông qua thảo luận nhóm, sinh viên nghiên cứu tình huống và các căn cứ pháp lý để xác định giao dịch dân sự.  **-** Sinh viên làm bài tập tình huống về đại diện trong pháp luật dân sự  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên nghiên cứu tình huống và trả lời câu hỏi về thời hạn, thời hiệu. | X1, X3, Y |
| **Kiểm tra** | 01 | G1.1, G2.1, G3.1 | - Giảng viên giao câu hỏi  - Sinh viên trả lời câu hỏi | X1 |
| **Chương 4. Quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản**  4.1. Sở hữu và quyền sở hữu  4.2. Quan hệ pháp luật dân sự về sở hữu  4.3. Căn cứ xác lập và chấm dứt quyền sở hữu  4.4 Các hình thức sở hữu  4.5 Bảo vệ quyền sở hữu  4.6 Những quy định khác về quyền sở hữu  4.7 Hướng dẫn sinh viên lựa chọn đề tài và cách thức hoàn thành bài tập lớn | 12 | G1.2, G2.1, G3.1 | **Dạy:**  **-** Giảng viên phân tích các vấn đề lý luận và pháp luật về quyền sở hữu và các quyền tài sản khác.  - Giảng viên tổ chức hoạt động nhóm và giao câu hỏi, tình huống  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứ về các quyền khác liên quan đến tài sản thông qua câu hỏi.  **Học ở lớp:**  **-** Thông qua làm việc nhóm, sinh viên phân biệt quyền hưởng dụng và quyền sử dụng; nghiên cứu tình huống và các căn cứ pháp lý để đưa ra nhận định về vụ việc.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên trả lời các câu hỏi về các quyền khác liên quan đến tài sản | X2, X3, Y |
| **Chương 5. Quyền thừa kế**  5.1 Các khái niệm và nguyên tắc về quyền thừa kế  5.2 Thừa kế theo di chúc  5.3 Thừa kế theo pháp luật  5.4 Thanh toán và phân chia di sản | 5 | G1.2, G2.1, G3.1 | **Dạy:**  **-** Giảng viên thuyết giảng cho sinh viên về thừa kế, thừa kế theo pháp luật và thừa kế theo di chúc  **-** Giảng viên giao câu hỏi cho sinh viên thảo luận nhóm theo chủ đề  **+** So sánh giữa thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luậ  **+** Tình huống liên quan đến phân chia di sản thừa kế  **-** Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu về pháp luật thừa kế thông qua câu hỏi  **Học ở lớp:**  **-** Thông qua thảo luận nhóm, sinh viên phân tích lý thuyết về pháp luật thừa kế để trả lời câu hỏi được giao; liên hệ lý thuyết để so sánh giữa thừa kế theo pháp luật và thừa kế theo di chúc; suy luận để làm bài tập tình huống về phân chia di sản thừa kế.  **Học ở nhà:**  **-** Đọc tài liệu môn học và các văn bản pháp luật có liên quan | X2, X3, Y |
| **Chương 6. Nghĩa vụ dân sự và hợp đồng**  6.1 Nghĩa vụ  6.2 Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ  6.3 Hợp đồng  6.4 Các hợp đồng thông dụng | 16 | G1.2, G2.1, G3.1 | **Dạy:**  **-** Giảng viên thuyết giảng nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự.  **-** Giảng viên giao câu hỏi cho sinh viên thảo luận nhóm theo chủ đề:  + So sánh các hình thức bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự  + Phân loại một số hợp đồng cụ thể để sắp xếp vào nhóm những hợp đồng trong dân sự.  **Học ở lớp:**  **-** Thông qua làm việc nhóm, sinh viên phân tích lý thuyết về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng để trả lời câu hỏi được giao**;** phân biệt được các hình thức bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự**;** xác định một số hợp đồng cụ thể được sắp xếp vào nhóm những hợp đồng nào trong dân sự.  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên tự tìm và nghiên cứu một hợp đồng dân sự thông dụng | X2, X3, Y |
| **Chương 7. Thực hiện công việc không có ủy quyền, nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật**  7.1 Thực hiện công việc không có ủy quyền  7.2 Nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật | 2 | G1.2, G2.1, G3.1 | **Dạy:**  **-** Giảng viên phân tích về thực hiện công việc không có ủy quyền; nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.  **-** Giảng viên giao tình huống cho sinh viên thảo luận nhóm.  **-** Giảng viên hướng dẫn sinh nghiên nghiên cứu lý thuyết về nghĩa vụ hoàn trả để trả lời câu hỏi  **Học ở lớp:**  **-** Phân tích các kiến thức đã tự nghiên cứu, sinh viên thảo luận và trả lời các câu hỏi được giao; đưa ra quản điểm riêng về tình huống  **Học ở nhà:**  - Sinh viên so sánh sự giống và khác nhau giữa các chế định về nghĩa vụ hoàn trả. | X2, X3, Y |
| **Chương 8. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng**  8.1 Quy định chung về bồi thường thiệt hại  8.2 Bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể | 8 | G1.2, G2.1, G3.1 | **Dạy:**  **-** Giảng viên phân tích chế định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.  **-** Giảng viên giao câu hỏi cho sinh viên thảo luận nhóm theo chủ đề:  + Giải thích quan hệ pháp luật bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể  + Giải quyết tình huống về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu lý thuyết về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thông qua câu hỏi  **Học ở lớp:**  **-** Phân tích các kiến thức đã tự nghiên cứu, sinh viên thảo luận và trả lời các câu hỏi, thắc mắc và nhận giải đáp về về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; giải thích quan hệ pháp luật bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể**;** Sinh viên làm bài tập tình huống về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên so sánh chế định bồi thường thiệt hại trong Bộ luật dân sự 2005 và 2015 | X2, X3, Y |
| **Kiểm tra** | 01 | G1.2, G2.1, G3.1 | - Giảng viên giao câu hỏi  - Sinh viên trả lời câu hỏi | X2 |
| **Bài tập lớn** | 15 | G1.1, G1.2, G2.2, G3.2 | **Dạy:**  **-** Giảng viên hướng dẫn sinh viên chọn và hoàn thiện đề tài về phân tích nội dung pháp luật liên quan tới:  **+** Giao dịch dân sự,  **+** Quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản,  **+** Quyền thừa kế,  **+** Thực hiện công việc không có ủy quyền, nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật  **+** Nghĩa vụ dân sự và hợp đồng,  **+** Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng  **-** Giảng viên giải đáp thắc mắc, tư vấn cho sinh viên  **-** Giảng viên thu bài tập lớn và đánh giá kết quả  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên liên hệ lý thuyết, đặt câu hỏi cho giảng viên về nội dung bài tập lớn  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên hoàn thiện bài tập và nộp đúng hạn | X3 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Bùi Hưng Nguyên** |

**5.18. Luật Thương mại Việt Nam Mã HP: 11493**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***5 TC | | | **BTL** | | **X** | **ĐAMH** | |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 55 tiết | |  | | | - Lý thuyết (LT): | | | 53 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 10 tiết | |  | | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 15 tiết | |  | | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Luật Thương mại Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức, kỹ năng chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Luật. Thông qua học phần, sinh viên được học những kiến thức về: pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật đầu tư, luật thương mại, pháp luật về phá sản.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Pháp luật kinh doanh thương mại*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1]Nguyễn Viết Tý, Nguyễn Thị Dung chủ biên (2018). *Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam,* Tập 1 và 2*,* Nhà xuất bản Tư pháp

[2] Nguyễn Mạnh Cường (2013). *Pháp luật về đấu giá hàng hoá trong thương mại ở Việt Nam: Sách chuyên khảo*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật.

[3] Quốc hội (2014). *Luật Thương mại và văn bản hướng dẫn thi hành*, Nhà xuất bản Hồng Đức

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam để giải quyết được một số vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực thương mại | 1.3.1 |
| **G2** | Trả lời được trách nhiệm của cử nhân Luật tương ứng với vị trí nhân viên pháp chế tại một doanh nghiệp | 4.2.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam để tiến hành thủ tục đăng ký doanh nghiệp; thủ tục đầu tư; thủ tục phá sản, giải thể doanh nghiệp. tư vấn, đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại đơn giản. | **TU4** |
| **G1.2** | Phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam để giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại | **TU4** |
| **G2.1** | Trả lời được trách nhiệm của cử nhân Luật tương ứng với vị trí pháp chế tại một doanh nghiệp | **TU2** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G2.1 | 15 |
| X2 – Kiểm tra viết tự luận | G1.2, G2.1 | 15 |
| X3 – Bài tập lớn | G1.1, G2.1, G2.1 | 20 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G1.2 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy:***

| **Nội dung giảng dạy** | **Số tiết** | **CĐR**  **học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Pháp luật doanh nghiệp**  1.1.Một số vấn đề chung về doanh nghiệp  1.2. Công ty | 10 | G1.1  G2.1 | **Dạy**:  -Giảng viên giảng về một vấn đề tổng quan về doanh nghiệp.  -Giảng viên hướng dẫn sinh viên phân tích quy định pháp luật về điều kiện, thủ tục thành lập doanh nghiệp; thủ tục giải thể doanh nghiệp.  -Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận về khái niệm và đặc điểm của:  +Doanh nghiệp tư nhân  +Công ty hợp danh  +Công ty TNHH một thành viên  +Công ty TNHH có từ hai thành viên trở lên  +Công ty cổ phần  **Học ở lớp**:  -Thông qua hoạt động thảo luận nhóm, sinh viên trình bày được địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp.  -Từ việc phân tích quy định pháp luật, sinh viên hình dung được các công việc cần thực hiện để đăng ký thành lập doanh nghiệp, giải thể doanh nghiệp trong vị trí là nhân viên pháp chế của một doanh nghiệp.  **Học ở nhà**:  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về những điểm giống và khác nhau của công ty TNHH một thành viên và doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH hai thành viên trở lên và công ty cổ phần. | X1, Y |
| **Chương 2. Pháp luật đầu tư**  2.1. Khái niệm đầu tư, phân loại đầu tư, các hình thức đầu tư  2.2. Đầu tư ra nước ngoài, lĩnh vực địa bàn ưu đãi đầu tư và bảo đảm đầu tư | 10 | G1.1  G2.1 | **Dạy:**  -Giảng viên giảng về khái niệm đầu tư; đầu tư ra nước ngoài; lĩnh vực, địa bàn ưu đãi đầu tư và bảo đảm đầu tư.  -Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận về các loại đầu tư và các hình thức đầu tư.  -Giảng viên hướng dẫn sinh viên phân tích quy định pháp luật về thủ tục đầu tư.  **Học ở lớp:**  -Thông qua hoạt động thảo luận nhóm, sinh viên trình bày được giảng viên giao.  -Thông qua việc phân tích quy định pháp luật, sinh viên hình dung được các công việc cần thực hiện để đầu tư trong vị trí là nhân viên pháp chế của một doanh nghiệp.  **Học ở nhà:**  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư khi có những thay đổi về chính sách pháp luật. | X1, Y |
| **Chương 3: Luật thương mại**  3.1. Khái niệm luật Thương mại  3.2. Hợp đồng thương mại  3.3. Một số hoạt động thương mại cụ thể | 15 | G1.1  G2.1 | **Dạy:**  -Giảng viên giảng các vấn đề về luật thương mại, thương nhân, hợp đồng thương mại, một số hoạt động thương mại cụ thể  -Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận về:  +Đề nghị giao kết hợp đồng  +Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng  +Thời điểm giao kết hợp đồng  -Giảng viên hướng dẫn sinh viên phân tích quy định pháp luật về chế tài trong hợp đồng thương mại.  **Học ở lớp:**  -Thông qua hoạt động thảo luận nhóm, sinh viên trình bày được các vấn đề được giảng viên giao.  -Sinh viên lấy được ví dụ về một số hoạt động thương mại mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, xúc tiến thương mại, trung gian thương mại.  -Qua việc phân tích quy định pháp luật, sinh viên trình bày được các trường hợp áp dụng của từng loại chế tài trong hợp đồng thương mại và có kỹ năng tư vấn, soạn thảo điều khoản về chế tài trong hợp đồng thương mại.  **Học ở nhà**:  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về sự khác biệt giữa hoạt động thương mại và hoạt động kinh doanh, thương nhân và doanh nghiệp. | X2, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1  G2.1 | Giảng viên giao các các câu hỏi tự luận cho sinh viên. | X1 |
| **Chương 4: Pháp luật phá sản**  4.1. Khái niệm phá sản  4.2. Thủ tục phá sản | 8 | G1.1  G2.1 | **Dạy:**  -Giảng viên giảng về khái niệm phá sản.  -Giảng viên hướng dẫn sinh viên phân tích quy định pháp luật về thủ tục phá sản.  **Học ở lớp:**  -Sinh viên phân biệt được phá sản và giải thể.  -Từ việc phân tích quy định pháp luật, sinh viên trả lời được trách nhiệm của nhân viên pháp chế của một doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.  **Học ở nhà:**  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về ý nghĩa của hội nghị chủ nợ trong thủ tục phá sản và hậu quả pháp lý của quyết định tuyên bố phá sản. | X2, Y |
| **Chương 5. Giải quyết tranh chấp trong thương mại**  5.1. Khái niệm tranh chấp trong thương mại  5.2. Các phương thức giải quyết tranh chấp trong thương mại | 10 | G1.2  G2.1 | **Dạy:**  -Giảng viên giảng về khái niệm tranh chấp trong thương mại.  -Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận về các phương thức giải quyết tranh chấp trong thương mại.  -Giảng viên lấy ví dụ về cách giải quyết một số vụ tranh chấp trong thương mại trên thực tế.  -Giảng viên đặt ra một số tình huống tranh chấp trong thương mại và yêu cầu sinh viên giải quyết.  **Học ở lớp:**  -Thông qua hoạt động thảo luận nhóm, sinh viên trình bày được các phương thức giải quyết tranh chấp trong thương mại.  -Từ các ví dụ mà giảng viên nêu ra, sinh viên trình bày được ưu, nhược điểm của từng phương thức giải quyết tranh chấp trong thương mại.  -Sinh viên vận dụng lý thuyết để giải quyết các tình huống tranh chấp trong thương mại mà giảng viên đặt ra. Từ đó, sinh viên trả lời được trách nhiệm của nhân viên pháp chế trong việc giải quyết tranh chấp trong thương mại.  **Học ở nhà:**  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về điểm giống và khác nhau giữa phương thức giải quyết tranh chấp tại tòa án và phương thức giải quyết tranh chấp tại trọng tài thương mại. | X2, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.2,  G2.1 | Giảng viên giao các các câu hỏi tự luận cho sinh viên. | X2 |
| **Bài tập lớn** | 15 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy**: Giảng viên giao các tình huống cho sinh viên và hướng dẫn sinh viên giải quyết các tình huống về đầu tư, giải thể, phá sản, hợp đồng, tranh chấp trong thương mại  **Học ở lớp:**  Sinh viên thắc mắc và định hướng giải quyết theo hướng dẫn của giảng viên  Học ở nhà:  Sinh viên hoàn thiện bài tập lớn và nộp bài theo yêu cầu của giảng viên | X3 |

***Giảng dạy thực hành***

| **Nội dung giảng dạy** | **Số tiết** | **CĐR**  **học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Pháp luật doanh nghiệp**  **Chương 2. Pháp luật đầu tư**  **Chương 3. Luật thương mại** | 10 | G1.1  G2.1 | **Dạy**:  Giảng viên hướng dẫn sinh viên thực hành các thủ tục đăng ký doanh nghiệp; thủ tục đầu tư; thủ tục phá sản, giải thể doanh nghiệp. tư vấn, đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại đơn giản.  **Học ở lớp**:  Sinh viên hoàn thành thực hành theo hướng dẫn của giảng viên  **Học ở nhà**:  Sinh viên hoàn thành thực hành theo hướng dẫn của giảng viên | X1, Y |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Bùi Hưng Nguyên** |

**5.19. Soạn thảo văn bản pháp luật Mã HP: 11474**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 24 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 10 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 01 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Soạn thảo văn bản pháp luật là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật. Đây là môn khoa học pháp lí ứng dụng, thông qua học phần, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về văn bản pháp luật và kĩ năng soạn thảo văn bản pháp luật.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Soạn thảo văn bản pháp luật,* Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Quốc hội (2013). *Hiến pháp Việt Nam.*

[2] Quốc hội (2005). *Luật Thương mại Việt Nam*

[3] Quốc hội (2015). *Bộ Luật Dân sự Việt Nam*

[4] Quốc hội (2019). *Bộ Luật Lao động Việt Nam*.

[5] Quốc hội (2020). *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020*.

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam về xây dựng và ban hành văn bản pháp luật | 1.3.1 |
| **G2** | Hoàn thành việc xây dựng các dạng văn bản hành chính và các loại hợp đồng để giải quyết vấn đề pháp lý | 3.2.3 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam về xây dựng và ban hành VBQPPL và văn bản hành chính thông dụng. | **TU4** |
| **G1.2** | Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam về xây dựng nội dung và hình thức một số loại hợp đồng. | **TU4** |
| **G2.1** | Hoàn thành việc xây dựng các dạng văn bản hành chính thông dụng để giải quyết tình huống cụ thể | **TU3** |
| **G2.2** | Hoàn thành các dạng hợp đồng thông dụng để giải quyết tình huống cụ thể | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G1.2 | 25 |
| X2 – Kiểm tra thực hành | G2.1, G2.2 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Khái quát chung về soạn thảo Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)**  1.1. Khái quát về VBQPPL  1.2. Quy trình xây dựng VBQPPL  1.3. Ngôn ngữ trong VBQPPL  1.4. Hình thức VBQPPL  1.5. Nội dung VBQPPL | 4 | G1.1, G2.1 | **Dạy**:  - Thuyết giảng các nội dung lý thuyết khái quát về văn bản quy phạm pháp luật; quy trình xây dựng, ngôn ngữ trong, hình thức và nội dung  - Giảng viên giao câu hỏi cho sinh viên thảo luận nhóm về  + Đặc điểm của từng nhóm VBQPPL, lấy ví dụ minh họa  + Quy trình để ban hành VBQPPL, lấy ví dụ minh họa  + Phân tích tầm quan trọng của ngôn ngữ và hình thức của VBQPPL  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên về nhà tự nghiên cứu lý thuyết và vận dụng soạn thảo hình thức VBQPPL.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi của giảng viên theo nội dung sau:  + Trình bày được đặc điểm của từng nhóm VBQPPL và lấy ví dụ minh họa cho mỗi nhóm  + Lấy được ví dụ minh họa cho từng hoạt động trong quy trình ban hành VBQPPL. Vận dụng để chỉ ra được các bước trong quy trình để ban hành VBQPPL cụ thể.  + Phân tích được sự cần thiết phải đặt ra các yêu cầu đối với việc sử dụng ngôn ngữ.  + Hiểu được ý nghĩa của từng yếu tố hình thức trong VBQPPL  **Học ở nhà:**  - Sinh viên vận dụng để diễn đạt được quy định của VBQPPL trong tình huống cụ thể.  - Sinh viên vận dụng để soạn thảo được hình thức của VBQPPL cụ thể. | X1, Y |
| **Chương 2. Soạn thảo một số VBQPPL điển hình**  2.1. Luật, pháp lệnh  2.2. Nghị quyết  3.3. Nghị định  3.4. Thông tư  3.5. Quyết định  3.6. Chỉ thị | 5 | G1.1, G2.1 | **Dạy:**  **-** Giảng viên **t**huyết giảng các nội dung lý thuyết về thẩm quyền ban hành và nội dung của một số VBQPPL điển hình bao gồm Luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định, thông tư, quyết định, chỉ thị.  **-** Giảng viên hướng dẫn sinh viên áp dụng lý thuyết để trình bày kết cấu hình thức và nội dung của một số VBQPPL điển hình  **-** Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu ở nhà về cơ sở pháp lý về thực trạng ban hành và chất lượng VBQPPL hiện nay.  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên áp dụng lý thuyết để trình bày được kết cấu hình thức và nội dung của các VBQPPL điển hình theo tình huống cụ thể.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tìm hiểu cơ sở pháp lý và đánh giá về thực trạng ban hành và chất lượng của VBQPPL hiện nay. | X1, Y |
| **Chương 3. Soạn thảo văn bản hành chính thông dụng**  3.1. Khái quát về văn bản hành chính thông dụng  3.2. Soạn thảo biên bản  3.3. Soạn thảo công văn  3.4. Soạn thảo báo cáo  3.5. Soạn thảo nội quy, quy chế | 6 | G1.1, G2.1 | **Dạy**:  - Giảng viên thuyết giảng các nội dung lý thuyết về văn bản hành chính thông dụng; khái niệm, mục đích, yêu cầu và cách thức soạn thảo của biên bản, công văn, tờ trình, báo cáo, đề án, kế hoạch công tác, nội quy và quy chế.  - Giảng viên giao câu hỏi cho sinh viên thảo luận nhóm về phân biệt văn bản hành chính thông dụng với văn bản QPPL và văn bản ADPL.  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu và áp dụng lý thuyết để soạn thảo được một số văn bản hành chính thông dụng trong các tình huống cụ thể ở nhà.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi được giao về phân biệt được văn bản hành chính thông dụng với văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng pháp luật.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên áp dụng lý thuyết để soạn thảo được một số văn bản hành chính thông dụng trong các tình huống cụ thể. | X1, X2, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1, G2.1 | Giảng viên giao câu hỏi tự luận cho sinh viên | X1 |
| **Chương 4. Soạn thảo một số dạng hợp đồng thông dụng**  4.1. Khái quát về hợp đồng  4.2. Soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực dân sự  4.3. Soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực lao động  4.4 Soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực thương mại | 6 | G1.2, G2.2 | **Dạy:**  **-** Giảng viên thuyết giảng nội dung lý thuyết về hợp đồng và soạn thảo hợp đồng; các kỹ năng đặc thù khi soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực dân sự, lao động, thương mại.  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm để xác định nguồn luật áp dụng khi soạn thảo mỗi loại hợp đồng cụ thể.  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu lý thuyết tại nhà và vận dụng để soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực dân sự, lao động, thương mại.  **Học trên lớp:**  **-** Sinh viên thảo luận nhóm và xác định được thành thạo nguồn luật cần áp dụng cho mỗi loại hợp đồng cụ thể.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên vận dụng được nội dung kỹ năng đặc thù khi soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực dân sự, lao động, thương mại. | X2, Y |
| **Chương 5. Kiểm tra, rà soát và xử lí văn bản pháp luật**  5.1. Kiểm tra văn bản pháp luật  5.2. Rà soát văn bản pháp luật  5.3. Xử lí văn bản pháp luật | 3 | G1.1, G1.2 | **Dạy:**  **-** Giảng viên **t**huyết giảng lý thuyết về kiểm tra, rà soát văn bản pháp luật; lý thuyết về khái niệm và nguyên tắc xử lí VBPL khuyết thiếu.  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm theo nội dung:  + So sánh và chỉ ra những điểm khác biệt giữa hoạt động kiểm tra và hoạt động thẩm tra, thẩm định, rà soát VBPL.  + Giải thích được sự khác nhau giữa các phương thức kiểm ta VBPL.  + Chỉ ra những dạng khiếm khuyết cụ thể trong các VBPL và xử lý trong các tình huống thực tiễn  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu lý thuyết và được quan điểm cá nhân về nguyên nhân dẫn đến những khiếm khuyết của VBPL và việc lựa chọn thẩm quyền xử lí VBPL khiếm khuyết.  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên chỉ ra được những điểm khác biệt giữa hoạt động kiểm tra và hoạt động thẩm tra, thẩm định, rà soát VBPL.  - Sinh viên giải thích được sự khác nhau giữa các phương thức kiểm tra VBPL  - Sinh viên chỉ ra được dạng khiếm khuyết cụ thể trong các VBPL và lựa chọn được biện pháp xử lí cụ thể trong tình huống thực tiễn.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu lý thuyết và nêu được quan điểm cá nhân về nguyên nhân dẫn đến những khiếm khuyết của VBPL và việc lựa chọn thẩm quyền xử lí VBPL khiếm khuyết. | X2, Y |

***Giảng dạy thực hành***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng** | 5 | G2.1, G2.2 | **Dạy:**  - Giảng viên yêu cầu sinh viên tự xây dựng các nhóm nhỏ để tham gia thực hành soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng.  - Giảng viên giao các đề tài tình huống pháp lý và yêu cầu sinh viên nghiên cứu tài liệu liên quan, xây dựng nội dung và hình thức của các loại VBPL.  - Giảng viên đánh giá kết quả làm việc của các nhóm sinh viên  **Học ở lớp:**  - Nhóm sinh viên hoàn thành việc tổ chức nhóm để tự triển khai xây dựng nội dung và hình thức của một số văn bản hành chính thông dụng trên cơ sở tình huống pháp lý.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên hoàn thành việc tổ chức nhóm, xây dựng nội dung và hình thức của VBPL trong đó các thành viên cùng lên kế hoạch, đảm nhiệm các vị trí riêng và đánh giá kết quả của từng cá nhân. | X2 |
| **Soạn thảo một số hợp đồng thông dụng** | 5 | G2.1, G2.2 | **Dạy:**  - Giảng viên yêu cầu sinh viên tự xây dựng các nhóm nhỏ để tham gia thực hành soạn thảo một số dạng hợp đồng thông dụng.  - Giảng viên giao các đề tài tình huống pháp lý và yêu cầu sinh viên nghiên cứu tài liệu liên quan, xây dựng nội dung và hình thức của các loại VBPL.  - Giảng viên đánh giá kết quả làm việc của các nhóm sinh viên  **Học ở lớp:**  - Nhóm sinh viên hoàn thành việc tổ chức nhóm để tự triển khai xây dựng nội dung và hình thức của một số hợp đồng thông dụng trên cơ sở tình huống pháp lý.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên hoàn thành việc tổ chức nhóm, xây dựng nội dung và hình thức của VBPL trong đó các thành viên cùng lên kế hoạch, đảm nhiệm các vị trí riêng và đánh giá kết quả của từng cá nhân. | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Vũ Thị Thanh Lan** |

**5.20. Luật Tố tụng hình sự Mã HP: 11485**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:*** 3 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 38 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 10 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Luật Hình sự 11482

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Luật Tố tụng Hình sự là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật. Thông qua học phần, sinh viên được học những kiến thức lý luận cơ bản về: Những vấn đề lí luận chung về TTHS và những giai đoạn tố tụng cụ thể trong trình tự tố tụng giải quyết vụ án hình sự từ khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đến thi hành án hình sự

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Luật tố tụng Hình sự,* Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1]Trường Đại học Luật Hà Nội (2017). *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam,* Nhà xuất bản Công an nhân dân.

[2] Nguyễn Ngọc Duy (2013). *Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự và chỉ dẫn áp dụng pháp luật tố tụng hình sự,* Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin

[3] Quốc hội (2015). *Bộ luật Tố tụng Hình sự Việt Nam*

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam thuộc ngành luật Tố tụng Hình sự để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình tố tụng của một vụ án hình sự | 1.3.1 |
| **G2** | Hoàn thành việc tổ chức một phiên tòa xét xử vụ án hình sự trong đó các thành viên của nhóm cùng lên kế hoạch, xây dựng kịch bản, đảm nhiệm các vị trí riêng và đánh giá kết quả của từng cá nhân. | 3.1.1 |
| **G3** | Tự thực hiện quy trình tố tụng hình sự để giải quyết một vụ án hình sự theo luật định | 4.3.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân tích các quy định pháp luật tố tụng hình sự để giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến quá trình tố tụng của một vụ án hình sự | **TU4** |
| **G1.2** | Lựa chọn các quy định pháp luật phù hợp làm cơ sở để tổ chức một phiên tòa xét xử vụ án hình sự theo đúng thủ tục tố tụng | **TU4** |
| **G2.1** | Hoàn thành việc tổ chức nhóm xây dựng kịch bản một phiên tòa hình sự trong đó các thành viên cùng lên kế hoạch, đảm nhiệm các vị trí riêng và đánh giá kết quả của từng cá nhân. | **TU3** |
| **G2.2** | Hoàn thành việc tổ chức nhóm triển khai một phiên tòa xét xử vụ án hình sự trên cơ sở kịch bản vụ án và thủ tục luật định | **TU3** |
| **G3.1** | Tự thực hiện quy trình tố tụng hình sự để giải quyết một vụ án hình sự theo luật định | **TU2** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1 | 25 |
| X2 – Đánh giá thực hành diễn án | G1.2, G2.1, G2.2, G3.1 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

***Giảng dạy trên lớp***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Khái niệm luật TTHS; nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của TTHS**  1.1. Khái niệm TTHS, luật TTHS, các giai đoạn TTHS, khoa học luật TTHS và mối liên quan với các ngành khoa học khác  1.2. Nhiệm vụ của luật TTHS; Nguồn của luật Tố tụng hình sự;  1.3. Các nguyên tắc cơ bản của Tố tụng hình sự. | 2 | G1.1 | **Dạy:**  **-** Giảng viên thuyết giảng về khái niệm: TTHS, luật TTHS, các giai đoạn TTHS; trình bày các nguyên tắc quy định tại các điều 9, 10, 11, 13, 23 BLTTHS 2015.  - Giảng viên đưa các vấn đề liên quan đến chương 1 nhằm yêu cầu sinh viên áp dụng giải quyết vấn đề đó.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên áp dụng kiến thức nội dung trên lớp thông qua giơ tay phát biểu.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia TTHS và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên | X1, Y |
| **Chương 2. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia TTHS**  2.1. Khái niệm, đặc điểm  2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn | 2 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, việc thay đổi người tiến hành tố tụng. Người tham gia tố tụng hình sự.  - Giảng viên đưa các vấn đề liên quan đến chương 2 nhằm yêu cầu sinh viên thảo luận áp dụng giải quyết vấn đề đó.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên thảo luận nhóm để áp dụng kiến thức nội dung trên lớp thông qua giơ tay phát biểu.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia TTHS và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên | X1, Y |
| **Chương 3. Chứng cứ và chứng minh**  3.1. Khái niệm , các thuộc tính , nguồn chứng cứ. Đối tượng chứng minh và phân loại nghĩa vụ , quá trình chứng minh  3.2. Phân loại chứng cứ  3.3. Cơ sở lí luận, các quan điểm về, phân loại chứng cứ. Quá trình chứng minh trong các giai đoạn tố tụng khác nhau | 3 | G1.1 | **Dạy:**  **-** Giảng viên thuyết giảng về khái niệm và các thuộc tính của chứng cứ: Các nguồn chứng cứ; đối tượng chứng minh: nghĩa vụ chứng minh; quá trình chứng minh.  - Giảng viên đưa các vấn đề liên quan đến chương 3 nhằm yêu cầu sinh viên áp dụng giải quyết vấn đề đó.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên áp dụng kiến thức nội dung trên lớp thông qua giơ tay phát biểu.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Biện pháp ngăn chặn và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên | X1, Y |
| **Chương 4. Biện pháp ngăn chặn**  4.1. Khái niệm, căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn, phân biệt biện pháp ngăn chặn và biện pháp cưỡng chế; liệt kê được các biện pháp ngăn chăn cụ thể; phân tích biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam  4.2. Các biện pháp ngăn chặn khác.  4.3. Thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn | 3 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng khái niệm biện pháp ngăn chặn, căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn, nêu các biện pháp ngăn chặn. Phân tích các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam.  - Giảng viên đưa các vấn đề liên quan đến chương 4 nhằm yêu cầu sinh viên thảo luận áp dụng giải quyết vấn đề đó.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên thảo luận nhóm để áp dụng kiến thức đã học ở Chương 4 nhằm giải quyết vấn đề giáo viên đưa ra.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Khởi tố vụ án hình sự và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên. | X1, Y |
| **Chương 5 : Khởi tố vụ án hình sự**  5.1. Thẩm quyền khởi tố vụ án; căn cứ, cơ sở khởi tố vụ án hình sự; căn cứ không khởi tố vụ án; khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại  5.2. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của khởi tố vụ án hình sự; trình tự khởi tố vụ án  5.3. Quyền hạn, trách nhiệm của viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố. | 3 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự; cơ sở và căn cứ khởi tố vụ án hình sự; căn cứ không khởi tố vụ án hình sự; khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại.  - Giảng viên đưa các vấn đề liên quan đến chương 5 nhằm yêu cầu sinh viên áp dụng giải quyết vấn đề đó.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên áp dụng kiến thức đã học ở Chương 5 nhằm giải quyết vấn đề giáo viên đưa ra.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Điều tra vụ án hình sự và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên. | X1, Y |
| **Chương 6. Điều tra vụ án hình sự**  6.1. Thẩm quyền điều tra; các quyết định của cơ quan điều tra  6.2. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa một số hoạt động điều tra: Khởi tố bị can, hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, khám xét, tạm giữ đồ vật, tài liệu khi khám xét, xem xét dấu vết trên thân thể, khám nghiệm hiện trường  6.3. Những quy định chung về hoạt động điều tra; các hoạt động điều tra khác | 3 | G1.1 | **Dạy**:  - Giảng viên thuyết giảng về xác định thẩm quyền điều tra trong các tình huống cụ thể; các hoạt động điều tra khám xét, tạm giữ đồ vật, tài liệu khi khám xét, khám nghiệm hiện trường, xem xét dấu vết trên thân thể.  - Giảng viên đưa các vấn đề liên quan đến chương 6 nhằm yêu cầu sinh viên áp dụng giải quyết vấn đề đó.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên áp dụng kiến thức đã học ở Chương 6 nhằm giải quyết vấn đề giáo viên đưa ra.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Điều tra vụ án hình sự và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên. | X1, Y |
| **Chương 7. Truy tố**  7.1. Các quyết định của viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố  7.2. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của giai đoạn truy tố  7.3. Các hoạt động của viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố: Nhận và nghiên cứu hồ sơ | 3 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về Nhiệm vụ của viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố; hoạt động của viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố; các quyết định của viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố.  - Giảng viên đưa các vấn đề liên quan đến chương 7 nhằm yêu cầu sinh viên áp dụng giải quyết vấn đề đó.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên áp dụng kiến thức đã học ở Chương 7 nhằm giải quyết vấn đề giáo viên đưa ra.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Xét xử sơ thẩm vụ án và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên. | X1, Y |
| **Chương 8. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự**  8.1. Thẩm quyền xét xử sơ thẩm của toà án; giới hạn xét xử; các quyết định của toà án trong quá trình chuẩn bị xét xử  8.2. Những quy định chung về thủ tục tố tụng tại phiên toà; trình tự phiên toà sơ thẩm hình sự  8.3. Hoạt động nhận, nghiên cứu hồ sơ; những việc cần làm sau khi kết thúc phiên toà | 5 | G1.1  G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về Thẩm quyền xét xử sơ thẩm; các quyết định của toà án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; quy định chung về thủ tục tố tụng tại phiên toà; trình tự phiên toà sơ thẩm.  - Giảng viên đưa các vấn đề liên quan đến chương 8 nhằm yêu cầu sinh viên thảo luận áp dụng giải quyết vấn đề đó.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên thảo luận nhóm để áp dụng kiến thức đã học ở Chương 8 nhằm giải quyết vấn đề giáo viên đưa ra.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Xét xử phúc thẩm vụ án hình sự và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên. | X1, Y |
| **Chương 9. Xét xử phúc thẩm vụ án hình sự**  9.1. Kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm; phạm vi xét xử phúc thẩm; thẩm quyền của toà án cấp phúc thẩm  9.2. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của giai đoạn xét xử phúc thẩm; những quy định chung; trình tự phiên toà phúc thẩm  9.3. Phúc thẩm các quyết định của toà án sơ thẩm | 5 | G1.1  G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về Kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm; phạm vi xét xử phúc thẩm; thẩm quyền của toà án cấp phúc thẩm  - Giảng viên đưa các vấn đề liên quan đến chương 9 nhằm yêu cầu sinh viên thảo luận áp dụng giải quyết vấn đề đó.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên thảo luận nhóm để áp dụng kiến thức đã học ở Chương 9 nhằm giải quyết vấn đề giáo viên đưa ra.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Xét xử phúc thẩm vụ án hình sự và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên. | X1, Y |
| **Chương 10. Thi hành bản án, quyết định của toà án**  10.1. Những quy định chung về thi hành bản án và quyết định của toà án  10.2. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của thi hành án hình sự; thi hành hình phạt tử hình, hình phạt tù; hoãn, tạm đình chỉ thi hành án phạt tù  10.3. Thi hành các loại hình phạt khác; giảm thời hạn, miễn chấp hành hình phạt; xoá án tích | 3 | G1.1 | **Dạy**  - Giảng viên thuyết giảng về Quy định chung về thi hành án hình sự; thi hành hình phạt tử hình và hình phạt tù.  - Giảng viên đưa các vấn đề liên quan đến chương 10 nhằm yêu cầu sinh viên áp dụng giải quyết vấn đề đó.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên áp dụng kiến thức đã học ở Chương 10 nhằm giải quyết vấn đề giáo viên đưa ra.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên. | X1, Y |
| **Chương 11. Thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án**  11.1. Tính chất của giám đốc thẩm, tái thẩm; căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm  11.2. Những vấn đề pháp lí khác về giám đốc thẩm và tái thẩm  11.3. Phân biệt thủ tục giám đốc thẩm với xét xử sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục tái thẩm | 6 | G1.1  G1.2 | **Dạy**  **-** Giảng viên thuyết giảng về Tính chất giám đốc thẩm và tái thẩm; kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm; thẩm quyền của hội đồng giám đốc thẩm và tái thẩm.  - Giảng viên đưa các vấn đề liên quan đến chương 11 nhằm yêu cầu sinh viên thảo luận áp dụng giải quyết vấn đề đó.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên thảo luận nhóm để áp dụng kiến thức đã học ở Chương 11 nhằm giải quyết vấn đề giáo viên đưa ra.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về nội dung kiến thức lý thuyết đã học chuẩn bị thực hành diễn án. | X1, Y |
| **Kiểm tra** | 2 | G1.1 | Giảng viên giao câu hỏi kiểm tra  Sinh viên trả lời câu hỏi | X1 |

***Giảng dạy thực hành***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Thủ tục tố tụng xét xử vụ án hình sự**  **-** Sơ thẩm  - Phúc thẩm  - Giám đốc thẩm  - Tái thẩm | 5 | G2.1  G2.2 | **Dạy:**  - Giảng viên yêu cầu sinh viên tự xây dựng các nhóm nhỏ để tham gia thảo luận thực hành.  - Giảng viên giao các bản án, đặt câu hỏi thảo luận liên quan đến bản án và đánh giá kết quả thảo luận theo nhóm  **Học ở nhà:**  - Sinh viên làm việc theo nhóm, nghiên cứu tình huống và phân tích các quy định pháp luật liên quan để trả lời câu hỏi thảo luận | X2 |
| **Diễn án** | 5 | G2.1  G2.2  G3.1 | **Dạy:**  - Giảng viên yêu cầu sinh viên tự xây dựng các nhóm nhỏ để tham gia thực hành diễn án.  - Giảng viên giao các bản án và yêu cầu sinh viên nghiên cứu tài liệu liên quan, xây dựng kịch bản của buổi xét xử vụ án hình sự,…  - Giảng viên tổ chức diễn án và đánh giá kết quả làm việc của các nhóm sinh viên  **Học ở lớp:**  - Nhóm sinh viên hoàn thành việc tổ chức nhóm để tự triển khai một phiên tòa xét xử vụ án hình sự trên cơ sở kịch bản vụ án và thủ tục pháp luật.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên hoàn thành việc tổ chức nhóm, xây dựng kịch bản một phiên tòa hình sự trong đó các thành viên cùng lên kế hoạch, đảm nhiệm các vị trí riêng và đánh giá kết quả của từng cá nhân. | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **TS. Lương Thị Kim Dung** |

**5.21. Luật Tố tụng dân sự Mã HP: 11486**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 39 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 10 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 01 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Luật dân sự 11483

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Luật tố tụng dân sự là học phần bắt thuộc nhóm kiến thức, kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật. Thông qua học phần, sinh viên được học những kiến thức về hoạt động giải quyết các vụ việc dân sự: Khái niệm và các nguyên tắc của Luật tố tụng dân sự Việt Nam, thẩm quyền của tòa án nhân dân, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng, chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự, biện pháp khẩn cấp tạm thời, thời hạn tố tụng, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Luật tố tụng dân sự*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Đoàn Tấn Minh (2016). *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015*, Nhà xuất bản Lao động.

[2] Nguyễn Công Bình chủ biên (2018). *Giáo trình luật tố tụng dân sự Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân

[3] Vũ Duy Khang (2016). *So sánh - đối chiếu bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 và 2015 áp dụng 01-07-2016*, Nhà xuất bản Hồng Đức.

[4] Quốc hội (2015). *Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam*.

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam thuộc ngành luật tố tụng dân sự để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình tố tụng của vụ việc dân sự | 1.3.1 |
| **G2** | Trả lời được trách nhiệm của từng vị trí trong thành phần tham gia tố tụng dân sự | 2.3.1 |
| **G3** | Bày tỏ quan điểm cá nhân về tính cần thiết của thực hiện đúng vai trò của từng cá nhân trong thực hiện quy trình và thủ tục tố tụng dân sự. | 4.2.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân tích các quy định pháp luật tố tụng dân sự về các quan hệ pháp luật trong tố tụng dân sự; nguyên tắc của Luật tố tụng dân sự Việt Nam; thẩm quyền của toà án dân sự các cấp; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tống đạt tố tụng, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu | **TU4** |
| **G1.2** | Phân tích thủ tục giải quyết vụ án dân sự; thủ tục giải quyết việc dân sự; thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài và phán quyết của trọng tài nước ngoài | **TU4** |
| **G2.1** | Trả lời được trách nhiệm của từng vị trí trong thành phần tham gia tố tụng dân sự | **TU2** |
| **G3.1** | Bày tỏ quan điểm cá nhân về tính cần thiết của thực hiện đúng vai trò và trách nhiệm của người tiến hành tố tụng trong quá trình tố tụng dân sự. | **TU3** |
| **G3.2** | Bày tỏ quan điểm cá nhân về tính cần thiết của thực hiện đúng vai trò và trách nhiệm của người tham gia tố tụng trong quá trình tố tụng dân sự. | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G2.1 | 25 |
| X2 – Kiểm tra thực hành | G1.2, G3.1, G3.2 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Khái niệm và các nguyên tắc của Luật tố tụng dân sự Việt Nam**  1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh  1.2 Quan hệ pháp luật tố tụng dân sự  1.3. Các nguyên tắc của Luật tố tụng dân sự Việt Nam. | 4 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích khái niệm và các nguyên tắc của ngành luật tố tụng dân sự.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và đặt câu hỏi thảo luận về các nguyên tắc của ngành luật tố tụng dân sự.  - Giảng viên đặt câu hỏi định hướng để sinh viên nghiên cứu về Bộ luật Tố tụng dân sự qua các thời kỳ.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên làm việc nhóm để phân tích các điều luật thể hiện nguyên tắc của luật tố tụng dân sự.  **Học ở nhà:**  **-** Thông qua việc trả lời câu hỏi định hướng, sinh viên phân tích điểm giống và khác nhau giữa Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam 2004 và 2015 về các nguyên tắc | X1, Y |
| **Chương 2. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân**  2.1. Khái niệm thẩm quyền dân sự và ý nghĩa việc xác định thẩm quyền dân sự của tòa án.  2.2. Thẩm quyền dân sự của tòa án theo loại việc.  2.3. Việc phân định thẩm quyền giữa các tòa án. | 4 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích thẩm quyền dân sự của tòa án nhân dân.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và giao bài tập thảo luận về thẩm quyền theo loại việc.  - Giảng viên giao tình huống để sinh viên phân định thẩm quyền giữa các tòa án.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên làm việc nhóm để phân tích các điều luật xác định thẩm quyền của tòa án trong từng tình huống.  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên nghiên cứu tình huống và phân định thẩm quyền giữa các tòa án | X1, Y |
| **Chương 3. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng**  3.1. Cơ quan tiến hành tố tụng  3.2. Người tiến hành tố tụng  3.3. Người tham gia tố tụng | 5 | G2.1  G3.1  G3.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và giao tình huống thảo luận về vai trò và trách nhiệm của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng  - Giảng viên đặt câu hỏi định hướng để sinh viên nghiên cứu về các cơ quan tiến hành tố tụng.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên làm việc nhóm để phân tích các điều luật để trả lời được trách nhiệm, vai trò của người tiến hành tốt tụng, người tham gia tố tụng trong tình huống.  **Học ở nhà:**  **-** Thông qua việc trả lời câu hỏi định hướng, sinh viên bày tỏ được tầm quan trọng của việc các cơ quan tiến hành tố tụng dân sự thực hiện đúng trách nhiệm | X1, Y |
| **Chương 4. Chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự**  4.1. Chứng minh trong tố tụng dân sự  4.2. Chứng cứ trong tố tụng dân sự | 4 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích chứng minh và chứng cứ.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và đặt câu hỏi thảo luận chứng cứ trong tố tụng dân sự.  - Giảng viên đặt câu hỏi định hướng để sinh viên nghiên cứu về chứng minh trong tố tụng dân sự  **Học ở lớp:**  - Sinh viên làm việc nhóm để trả lời các câu hỏi thảo luận về chứng cứ.  **Học ở nhà:**  **-** Thông qua trả lời câu hỏi định hướng, sinh viên phân tích các quy định pháp luật về chứng minh trong tố tụng dân sự | X1, Y |
| **Chương 5. Biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tống đạt tố tụng, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu**  5.1. Biện pháp khẩn cấp tạm thời  5.2. Cấp, tống đạt và thông báo văn bản tố tụng  5.3. Thời hạn tố tụng dân sự, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu | 5 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích các biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tống đạt tố tụng; thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và giao tình huống thảo luận về các biện pháp khẩn cấp tạm thời, thời hạn và thời hiệu trong tố tụng dân sự.  - Giảng viên đặt câu hỏi định hướng để sinh viên nghiên cứu về cấp, tống đạt và thông báo văn bản tố tụng.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên thảo luận để giải quyết tình huống trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật liên quan.  **Học ở nhà:**  **-** Thông qua việc trả lời câu hỏi định hướng, sinh viên phân tích quy định pháp luật về cấp, tống đạt và thông báo văn bản tố tụng dân sự | X1, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1  G2.1 | - Giảng viên giao câu hỏi kiểm tra  - Sinh viên trả lời câu hỏi | X1 |
| **Chương 6. Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự**  6.1. Thủ tục giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm  6.2. Thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại tòa án cấp phúc thẩm  6.3. Thủ tục rút gọn giải quyết vụ án dân sự  6.4. Thủ tục xét lại bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự của tòa án đã có hiệu lực pháp luật | 10 | G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích thủ tục giải quyết các vụ án dân sự  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và đặt câu hỏi về thủ tục xét lại bản án, quyết định.  - Giảng viên đặt câu hỏi định hướng nghiên cứu về thủ tục rút gọn.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên thảo luận để phân biệt thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm.  **Học ở nhà:**  **-** Thông qua việc trả lời câu hỏi định hướng, sinh viên so sánh thủ tục rút gọn và thủ tục thông thường trong xét xử vụ án dân sự | X2, Y |
| **Chương 7. Thủ tục giải quyết việc dân sự**  7.1. Những quy định chung về giải quyết việc dân sự  7.2. Các thủ tục giải quyết viêc dân sự | 4 | G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích thủ tục giải quyết các việc dân sự  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và đặt câu hỏi về thủ tục giải quyết việc dân sự.  - Giảng viên giao tình huống nghiên cứu về thủ tục giải quyết việc dân sự.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên thảo luận để so sánh thủ tục giải quyết việc dân sự và thủ tục giải quyết vụ án dân sự.  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên phân tích quy định pháp luật để giải quyết tình huống. | X2, Y |
| **Chương 8. Thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài và phán quyết của trọng tài nước ngoài**  8.1. Những quy định chung  8.2. Các thủ tục cụ thể | 3 | G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích thủ tục công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và giao tình huống về các trường hợp không được công nhận và thi hành.  - Giảng viên đặt câu hỏi định hướng nghiên cứu về thủ tục công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên thảo luận để giải quyết các tình huống được giao.  **Học ở nhà:**  **-** Thông qua việc trả lời câu hỏi định hướng, sinh viên nghiên cứu về thủ tục công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài | X2, Y |

***Giảng dạy thực hành***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Viết đơn khởi kiện** | 5 | G1.2, G3.1, G3.2 | **Dạy:**  **-** Giảng viên yêu cầu sinh viên thực hành viết đơn khởi kiện dân sự.  - Giảng viên đánh giá thông qua bài làm của sinh viên nộp.  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên tự nghiên cứu và phân tích các quy định pháp luật liên quan để tự thực hiện việc viết đơn khởi kiện dân sự. | X2 |
| **Diễn án** | 5 | G1.2, G3.1, G3.2 | **Dạy:**  **-** Giảng viên yêu cầu sinh viên tự xây dựng các nhóm nhỏ để tham gia thực hành diễn án.  - Giảng viên giao các bản án và yêu cầu sinh viên nghiên cứu tài liệu liên quan, xây dựng kịch bản của buổi xét xử vụ án dân sự.  - Giảng yên yêu cầu sinh viên chuẩn bị tài liệu hồ sơ tham gia tố tụng dân sự.  - Giảng viên tổ chức diễn án và đánh giá kết quả làm việc của các nhóm sinh viên.  **Học ở lớp:**  - Nhóm sinh viên hoàn thành việc tổ chức nhóm để tự triển khai một phiên tòa xét xử vụ án dân sự trên cơ sở kịch bản vụ án và thủ tục pháp luật tố tụng dân sự.  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên chuẩn bị tài liệu hồ sơ tham gia tố tụng dân sự.  - Sinh viên hoàn thành việc tổ chức nhóm, xây dựng kịch bản một phiên tòa dân sự trong đó các thành viên cùng lên kế hoạch, đảm nhiệm các vị trí riêng và đánh giá kết quả của từng cá nhân. | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Bùi Hưng Nguyên** |

**5.22. Công pháp quốc tế Mã HP: 11487**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 43 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Công pháp quốc tế (Luật quốc tế) là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật. Thông qua học phần, sinh viên được học những kiến thức lý luận cơ bản về: Tổng quan về Luật quốc tế; các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế; luật Điều ước quốc tế; lãnh thổ trong luật quốc tế; dân cư trong luật quốc tế; luật Ngoại giao và lãnh sự; luật quốc tế về hợp tác đấu tranh phòng chống tội phạm; hòa bình giải quyết các tranh chấp quốc tế; trách nhiệm pháp lý quốc tế.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Công pháp quốc tế*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Lê Mai Anh và cộng sự (2016). *Giáo trình luật quốc tế,* Nhà xuất bản Công an Nhân dân, Hà Nội.

[2] Ngô Hữu Phước (2013). *Luật quốc tế*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội

[3] Malcolm N.Shaw (2014). *International law*, Cambridge: Cambridge University Press.

[4] Valerie Epps (2009). *International law*, Duram: Carolina Academic Press.

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Phân tích các kiến thức pháp luật quốc tế để xác định hướng giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong một số tình huống giả định và thực tiễn quốc tế. | 1.3.1 |
| **G2** | Chứng minh được sự thay đổi và tiến bộ của pháp luật Việt Nam dưới tác động của Luật quốc tế trong bối cảnh hợp tác toàn diện trên nhiều lĩnh vực với các quốc gia | 4.1.2 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân tích được mối quan hệ biện chứng giữa luật quốc tế và luật quốc gia | **TU4** |
| **G1.2** | Phân tích các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế và pháp luật quốc tế về lãnh thổ, dân cư, ngoại giao và lãnh sự, hợp tác quốc tế đấu tranh phòng chống tội phạm, các biện pháp hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế, trách nhiệm pháp lý quốc tế để xác định hướng giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong một số tình huống giả định và thực tiễn quốc tế. | **TU4** |
| **G2.1** | Chứng minh sự phát triển của pháp luật Việt Nam dưới tác động của một số Điều ước quốc tế quan trọng mà Việt Nam là thành viên. | **TU3** |
| **G2.2** | Chứng minh sự cần thiết của việc Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế liên chính phủ và các Điều ước quốc tế song phương, đa phương trong xu thế hợp tác toàn diện giữa các quốc gia hiện nay. | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Bài tập nhóm thuyết trình | G1.1, G2.1 | 25 |
| X2 – Kiểm tra tự luận, vấn đáp | G1.2, G2.2 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y – Thi vấn đáp | G1.1, G1.2 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển và nguồn của luật quốc tế**  1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của luật quốc tế  1.2. Khái niệm luật quốc tế  1.3. Nguồn của luật quốc tế  1.4. Mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia | 12 | G1.1, G2.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết và giao các câu hỏi cho sinh viên giải quyết theo nhóm về:  + So sánh các nguồn luật và phân tích mối quan hệ giữa các nguồn luật  + Phân biệt Luật quốc tế và luật quốc gia; phân tích mối quan hệ biện chứng giữa luật quốc tế và luật quốc gia  - Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu về Luật Điều ước quốc tế thông qua câu hỏi  - Giao đề tài, hướng dẫn và tổ chức buổi báo cáo kết quả nghiên cứu.  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên phân tích lý thuyết về đặc điểm và nguồn của Luật quốc tế để trả lời các câu hỏi được giao  - Vận dụng các kiến thức đã tự nghiên cứu trước ở nhà, sinh viên thảo luận và trả lời các câu hỏi, thắc mắc và nhận giải đáp về Luật Điều ước quốc tế  - Sinh viên thảo luận theo nhóm để giải quyết câu hỏi nhận được, báo cáo kết quả nghiên cứu tại lớp.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Điều ước quốc tế và trả lời các câu hỏi định hướng  - Sinh viên làm việc theo nhóm: chứng minh sự phát triển của pháp luật Việt Nam trong một số lĩnh vực (được giao) dưới tác động của pháp luật quốc tế. Báo cáo kết quả nghiên cứu theo phân công của giảng viên. | X1, Y |
| **Chương 2. Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế**  2.1. Khái niệm nguyên tắc cơ bản  2.2. Nội dung của các nguyên tắc cơ bản | 6 | G1.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích lý thuyết về khái niệm và đặc điểm của các nguyên tắc cơ bản  - Thông qua các tình huống ngắn, giảng viên đặt câu hỏi cho sinh viên nghiên cứu một số nội dung của các nguyên tắc cơ bản  - Giao tình huống và hướng dẫn sinh viên phân tích kiến thức lý thuyết và căn cứ pháp lý phù hợp để xác định vi phạm pháp luật quốc tế  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên liên hệ nội dung của các nguyên tắc cơ bản với vi phạm pháp luật quốc tế trong tình huống đơn giản được giao  **-** Thông qua thảo luận nhóm, trên cơ sở phân tích nội dung của các nguyên tắc cơ bản, Hiến chương Liên Hợp Quốc và thực tiễn tự tìm hiểu, sinh viên xác định vi phạm pháp luật quốc tế trong một số cuộc chiến (đã/đang) xảy ra từ cuối thế kỷ 20 đến nay.  **Học ở nhà:**  Sinh viên tự nghiên cứu về một số cuộc chiến tranh (đã/đang) xảy ra từ cuối thế kỷ 20 đến nay để chuẩn bị cho các câu hỏi thảo luận. | X2, Y |
| **Chương 3. Lãnh thổ trong luật quốc tế**  3.1. Khái niệm lãnh thổ  3.2. Lãnh thổ quốc gia  3.3. Lãnh thổ quốc gia có quyền chủ quyền  3.4. Lãnh thổ quốc tế | 3 | G1.2, G2.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích nội dung lý thuyết về các loại vùng lãnh thổ thuyết và giao các câu hỏi cho sinh viên giải quyết theo nhóm về:  + So sánh quy chế pháp lý của lãnh thổ quốc gia, lãnh thổ quốc gia có quyền chủ quyền và lãnh thổ quốc tế  + So sánh biên giới quốc gia trên bộ, biên giới quốc gia trên biển và biên giới quốc gia trên không  - Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về UNCLOS 1982 để phân tích vai trò của Công ước này trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển của Việt Nam  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên phân tích lý thuyết về của các vùng lãnh thổ để trả lời các câu hỏi được giao.  **-** Sinh viên liên hệ lý thuyết và thực tiễn giải quyết tranh chấp chủ quyền biển đảo giữa Việt Nam và các quốc gia để chứng minh giá trị của UNCLOS 1982  **Học ở nhà:**  Sinh viên tự tìm hiểu về lịch sử hình thành và phát triển của UNCLOS 1982 để chuẩn bị cho câu hỏi thảo luận | X2, Y |
| **Chương 4. Dân cư trong luật quốc tế**  4.1. Các vấn đề pháp lý quốc tế về quốc tịch  4.2. Chế độ pháp lý của người nước ngoài  4.3. Bảo hộ công dân | 3 | G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về quốc tịch và chế độ pháp lý dành cho người nước ngoài.  - Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu pháp luật Việt Nam và một số quốc gia để so sánh quy định về hưởng và mất quốc tịch, cách thức giải quyết 2 trường hợp đặc biệt về quốc tịch.  - Thông qua tình huống giả định và thực tiễn, giảng viên phân tích các quy định về bảo hộ công dân.  **Học ở lớp:**  - Trên cơ sở phân tích quy định pháp luật về quốc tịch và liên hệ thực tiễn (tự tìm hiểu) của Việt Nam và một số quốc gia, sinh viên trả lời câu hỏi được giao.  **-** Sinh viên liên hệ nội dung pháp luật về bảo hộ công với các vấn đề pháp lý phát sinh trong tình huống được giao.  **Học ở nhà:**  Sinh viên tự nghiên cứu về pháp luật quốc tịch của Việt Nam và một số quốc gia theo câu hỏi định hướng của giảng viên. | X2, Y |
| **Chương 5. Luật ngoại giao và lãnh sự**  5.1. Khái niệm  5.2. Các cơ quan đại diện ngoại giao và lãnh sự  5.3. Quyền miễn trừ ngoại giao. | 6 | G1.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về quan hệ ngoại giao và quan hệ lãnh sự, các Điều ước quốc tế điều chỉnh và giao các câu hỏi thảo luận về:  + So sánh cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự  + So sánh quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao và quyền ưu đãi miễn trừ lãnh sự  - Đưa ra tình huống đơn giản để sinh viên thảo luận và trả lời, từ đó hiểu nội dung các quyền ưu đãi miễn trừ.  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên phân tích lý thuyết về quan hệ ngoại giao – quan hệ lãnh sự, cơ quan đại diện ngoại giao – cơ quan lãnh sự và các quyền ưu đãi miễn trừ để trả lời các câu hỏi được giao.  - Sinh viên liên hệ các quy định về quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, lãnh sự với các vấn đề pháp lý phát sinh trong tình huống.  **Học ở nhà:**  Sinh viên nghiên cứu lịch sử thiết lập quan hệ ngoại giao của Việt Nam với các nước đối tác chiến lược toàn diện. | X2, Y |
| **Chương 6. Luật quốc tế về hợp tác đấu tranh phòng chống tội phạm**  6.1. Khái niệm tội phạm quốc tế và tội phạm hình sự có tính quốc tế  6.2. Khái niệm hợp tác quốc tế đấu tranh phòng chống tội phạm  6.3. Nội dung hợp tác quốc tế đấu tranh phòng chống tội phạm  6.4. Phương thức hợp tác quốc tế đấu tranh phòng chống tội phạm | 3 | G1.2, G2.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về tội phạm quốc tế, tội phạm hình sự có tính quốc tế và nội dung hợp tác quốc tế đấu tranh phòng chống tội phạm.  - Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu và phân tích các phương thức hợp tác đấu tranh phòng chống một loại tội phạm có tính quốc tế giữa Việt Nam và các quốc gia khác.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên liên hệ kiến thức lý thuyết về hợp tác quốc tế đấu tranh phòng chống tội phạm với việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế hiện nay  - Sinh viên phân tích các phương thức hợp tác đấu tranh phòng chống một loại tội phạm xuyên biên giới giữa Việt Nam và các quốc gia khác, từ đó chứng minh sự cần thiết của việc hợp tác quốc tế này trong việc duy trì an ninh Việt Nam và quốc tế.  **Học ở nhà:**  Sinh viên tìm hiểu cơ sở pháp lý và thực tiễn hợp tác quốc tế của Việt Nam trong hoạt động đấu tranh phòng chống một loại tội phạm xuyên biên giới | X2, Y |
| **Chương 7. Giải quyết tranh chấp quốc tế**  7.1. Khái niệm tranh chấp quốc tế  7.2. Các biện pháp hoà bình giải quyết tranh chấp quốc tế | 6 | G1.2, G2.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích lý thuyết về tranh chấp quốc tế, các biện pháp hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế và giao các câu hỏi cho sinh viên giải quyết theo nhóm về:  + So sánh nhóm biện pháp hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế  + So sánh các thiết chế giải quyết tranh chấp.  - Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về thực tiễn tranh chấp trên Biển Đông, từ đó phân tích vai trò của ASEAN, UNCLOS 1982, PCA trong việc giải quyết tranh chấp trên Biển Đông; chứng minh tính tất yếu của việc Việt Nam hợp tác đa phương và song phương với các quốc gia trong, ngoài khu vực ASEAN để giải quyết xung đột trên Biển Đông.  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên phân tích lý thuyết về các biện pháp hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế để trả lời câu hỏi.  - Sinh viên liên hệ lý thuyết về hòa bình giải quyết tranh chấp với thực tiễn tranh chấp trên biển Biển Đông để trả lời câu hỏi được giao.  **Học ở nhà:**  Sinh viên nghiên cứu về lịch sử tranh chấp trên Biển Đông và các biện pháp hòa bình đã/đang được áp dụng. | X2, Y |
| **Chương 8. Trách nhiệm pháp lý quốc tế**  8.1. Khái niệm  8.2. Trách nhiệm pháp lý quốc tế chủ quan  8.3. Trách nhiệm pháp lý quốc tế khách quan. | 4 | G1.2, G2.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về trách nhiệm pháp lý quốc tế  - Đưa ra một vài tình huống pháp lý cụ thể của trách nhiệm pháp lý chủ quan và các trường hợp miễn trách nhiệm để sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Học ở lớp:**  - Trên cơ sở phân tích lý thuyết về trách nhiệm pháp lý, sinh viên so sánh trách nhiệm pháp lý chủ quan và trách nhiệm pháp lý khách quan.  - Sinh viên liên hệ lý thuyết với các vấn đề pháp lý phát sinh trong tình huống được giao, từ đó chứng minh sự cần thiết của hợp tác quốc tế trong việc thực thi trách nhiệm  **Học ở nhà:**  Sinh viên phân tích các yếu tố cấu thành trách nhiệm pháp lý quốc tế liên quan đến một số cuộc chiến tranh / tranh chấp quốc tế hiện nay. | X2, Y |
| **Kiểm tra** | 2 | G1.2, G2.2 | Giảng viên giao các các câu hỏi tự luận cho sinh viên | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Hoàng Thị Ngọc Quỳnh** |

**5.23. Luật Lao động Mã HP: 11484**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | | **BTL** | | **X** | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 28 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 15 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Luật Lao động Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật. Thông qua học phần, sinh viên các kiến thức lý luận cơ bản về: Quan hệ lao động; hợp đồng lao động; thỏa ước lao động tập thể; quyền quản lý của người sử dụng lao động; tiền lương; thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; giải quyết tranh chấp lao động và đình công.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Luật Lao động Việt Nam,* Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Lưu Bình Nhưỡng chủ biên, Đỗ Ngân Bình, Nguyễn Hữu Chí, Đỗ Thị Dung (2018). *Giáo trình luật lao động Việt Nam,* Nhà xuất bản Công an nhân dân.

[2] Lưu Bình Nhưỡng chủ biên, Nguyễn Xuân Thu, Đỗ Thị Dung (2015). *Bình luận khoa học Bộ luật lao động nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,* Nhà xuất bản Lao động.

[3] Vũ Hoa Tươi sưu tầm và hệ thống hóa (2013). *Hướng dẫn chi tiết thi hành bộ luật lao động chính sách tiền lương – chế độ phụ cấp – trợ cấp – bảo hiểm xã hội – bảo hiểm y tế - bảo hiểm thất nghiệp mới nhất,* Nhà xuất bản Lao động.

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Phân tích các quy định pháp luật lao động Việt Nam để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong một số tình huống giả định và thực tiễn của lĩnh vực lao động. | 1.3.1 |
| **G2** | Hoàn thành việc giải quyết vấn đề pháp lý trong lĩnh vực lao động trên cơ sở nghiên cứu các căn cứ pháp lý và các bất cập trong thực tiễn thi hành tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp cho vấn đề pháp lý được xác định | 2.2.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân tích quan hệ pháp luật lao động và các bộ phận cấu thành. | **TU4** |
| **G1.2.** | Phân tích các quy định pháp luật lao động Việt Nam về hợp đồng lao động; quyền và nghĩa vụ của chủ thể trong quan hệ lao động; xử lý kỷ luật lao động, giải quyết tranh chấp lao động để định hướng giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn. | **TU4** |
| **G2.1** | Hoàn thành việc giải quyết tình huống thực tiễn về hợp đồng lao động, xử lý kỷ luật lao động và tranh chấp lao động, từ đó đề xuất các cách thức giải quyết | **TU3** |
| **G2.2** | Hoàn thành việc giải quyết vấn đề pháp lý về quan hệ lao động trên cơ sở nghiên cứu pháp luật lao động và các bất cập trong thực tiễn thi hành tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp cho vấn đề pháp lý được xác định | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1 | 15 |
| X2 – Kiểm tra viết tự luận | G1.2, G2.1 | 15 |
| X1 – Bài tập lớn | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | 20 |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1: Lý luận chung về Luật Lao động**  1.1 Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật lao động  1.2. Những nguyên tắc cơ bản của luật lao động | 2 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về đối tượng điều chỉnh của ngành luật lao động.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và đặt câu hỏi thảo luận về phương pháp điều chỉnh;  - Giảng viên phân tích các nguyên tắc cơ bản của ngành luật.  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên phân biệt được đối tượng điều chỉnh của ngành luật lao động và một số ngành luật khác có nội dung tương đồng.  **-** Sinh viên thảo luận nhóm để giải thích sự bổ trợ lẫn nhau giữa các phương pháp điều chỉnh của ngành luật.  **-** Sinh viên liên hệ các nguyên tắc cơ bản của ngành luật với các biểu hiện trên thực tế.  **Học ở nhà:**  Sinh viên tìm hiểu về lịch sử hình thành ngành luật lao động để giải thích được cách thiết lập đối tượng và phương pháp điều chỉnh của ngành luật. | X1, Y |
| **Chương 2: Quan hệ pháp luật lao động**  2.1. Quan hệ pháp luật giữa NLĐ và NSDLĐ  2.2. Các quan hệ pháp luật có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động | 2 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích và tổ chức làm thảo luận nhóm về quan hệ pháp luật lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động, bao gồm các nội dung: Đặc điểm; các yếu tố của QHPL  - Hướng dẫn sinh viên về các quan hệ có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động.  **Học ở lớp:**  **-** Thông qua thảo luận nhóm, sinh viên phân tích được các đặc điểm của QHPLLĐ và giải thích nguyên nhân của các đặc điểm đó.  **-** Sinh viên liên hệ thực tiễn vai trò của các quan hệ có liên quan đến quan hệ lao động.  **Học ở nhà:**  Sinh viên tự tìm hiểu về các quy định pháp luật về các quan hệ liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động | X1, Y |
| **Chương 3. Hợp đồng lao động**  3.1. Khái niệm và đặc trưng của HĐLĐ  3.2. Các yếu tố của HĐLĐ  3.3. Quá trình xác lập, duy trì và chấm dứt HĐLĐ | 4 | G1.2  G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích đặc điểm và các yếu tố của hợp đồng lao động.  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên về quá trình xác lập, thực hiện, thay đổi và chấm dứt hợp đồng lao động.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên nhận diện hợp đồng lao động và so sánh với các hợp đồng dân sự khác.  - Sinh viên phân tích được hậu quả pháp lý của việc xác lập, thay đổi và chấm dứt hợp đồng lao động.  **Học ở nhà:**  Sinh viên nghiên cứu những quy định trong BLLĐ 2012 và giải thích những điểm mới trong BLLĐ 2019. | X1, Y |
| **Chương 4. Đại diện các bên trong quan hệ lao động**  4.1. Khái niệm  4.2. Đại diện tập thể lao động  4.3. Đại diện bên sử dụng lao động  4.4. Cơ chế ba bên | 2 | G1.2  G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích các quy định pháp luật về đại diện các bên trong quan hệ lao động.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và đặt câu hỏi thảo luận về cơ chế ba bên.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên phân tích được vai trò của đại diện các bên trong quan hệ lao động.  - Sinh viên thảo luận nhóm để giải thích được ý nghĩa của cơ chế ba bên.  **Học ở nhà:**  Sinh viên nghiên cứu các hình thức tương tác của đại diện các bên trong quan hệ lao động. | X1, Y |
| **Chương 5. Đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể và thoả ước lao động tập thể**  5.1. Khái niệm, chủ thể, nội dung, quy trình thương lượng tập thể  5.2. Quy định của pháp luật hiện hành về thoả ước lao động tập thể | 2 | G1.2  G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên về quy trình thương lượng tập thể.  - Giảng viên phân tích các nội dung pháp luật về thỏa ước lao động tập thể và đặt câu hỏi thảo luận  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên trình bày được ý nghĩa của hoạt động thương lượng tập thể đối với các chủ thể.  - Sinh viên thảo luận nhóm để so sánh được hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tìm hiểu thêm về các hình thức đối thoại tại nơi làm việc và vai trò của các hình thức đó. | X1, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1, G1.2, G2.1 | Giảng viên giao câu hỏi tự luận  Sinh viên trả lời câu hỏi | X1 |
| **Chương 6:** **Quyền quản lí lao động của NSDLĐ**  6.1. Khái niệm, nguồn gốc và bản chất của quyền quản lí lao động của NSDLĐ  6.2.Quy định về kỉ luật lao động và bồi thường thiệt hại vật chất | 4 | G1.2  G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên hướng dẫn về quyền quản lý lao động của người sử dụng lao động; phân tích các quy định pháp luật về trách nhiệm kỷ luật, vật chất.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và giao tình huống thảo luận  **Học ở lớp:**  - Sinh viên phân tích các cách thức thực hiện quyền quản lý của người sử dụng lao động.  - Sinh viên thảo luận nhóm để giải quyết tình huống thực tiễn về trường hợp xử lý kỷ luật lao động trái pháp luật.  **Học ở nhà:**  Sinh viên nghiên cứu một số bản án về xử lý kỷ luật và trách nhiệm vật chất. | X1, Y |
| **Chương 7: Tiền lương**  7.1. Một số vấn đề chung về tiền lương  7.2. Nội dung chế độ tiền lương hiện hành  7. 3. Quyền và nghĩa vụ của NSDLĐ và NLĐ trong lĩnh vực trả lương | 3 | G1.2  G2.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích những vấn đề tổng quan về tiền lương.  - Giảng viên phân tích các quy định pháp luật hiện hành về tiền lương.  - Hướng dẫn quyền và nghĩa vụ các chủ thể trong việc trả lương  **Học ở lớp:**  - Sinh viên phân tích được các bộ phận của tiền lương.  - Sinh viên phân tích các nguyên tắc và hình thức trả lương.  - Sinh viên xác định được một số vi phạm về quyền và nghĩa vụ của chủ thể trong việc trả lương.  **Học ở nhà:**  Sinh viên liên hệ về thực tiễn vấn đề tiền lương ở địa phương. | X2, Y |
| **Chương 8: Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi**  8.1. Khái quát về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi  8.2. Các quy định pháp luật về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi | 2 | G1.2  G2.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích khái niệm và ý nghĩa của thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và giao tình huống về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi cụ thể.  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên giải thích được căn cứ cho việc quyết định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.  **-** Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích một số vi phạm thực tế trong việc thực hiện quy định pháp luật về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.  **Học ở nhà:**  Sinh viên nghiên cứu quy định một số nước về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi. | X2, Y |
| **Chương 9. Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động**  9.1. Những vấn đề chung về tranh chấp lao động  9.2.Thương lượng và hoà giải tranh chấp lao động  9.3. Trọng tài lao động  9.4. Giải quyết tranh chấp lao động tại toà án nhân dân | 4 | G1.2  G2.1  G2.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích các loại tranh chấp lao động; các phương thức giải quyết tranh chấp và trình tự áp dụng,  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và giao câu hỏi thảo luận  **Học ở lớp:**  - Sinh viên phân biệt được các loại tranh chấp lao động cụ thể.  - Sinh viên thảo luận nhóm để xác định được phương thức giải quyết các vụ việc thực tế.  **Học ở nhà:**  Sinh viên tìm hiểu ưu điểm và nhược điểm của từng phương thức giải quyết tranh chấp. | X2, Y |
| **Chương 10: Đình công và giải quyết đình công**  10.1. Đình công  10.2. Giải quyết đình công | 3 | G1.2  G2.2 | **Dạy:**  - Giảng viên hướng dẫn về khái niệm của đình công; phân tích việc giải quyết đình công.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và giao câu hỏi thảo luận  **Học ở lớp:**  - Dựa trên khái niệm, sinh viên xác định được các dấu hiệu nhận biết của đình công.  **-** Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích hậu quả pháp lý của việc Tòa án giải quyết đình công.  **Học ở nhà:**  Sinh viên nghiên cứu một số cuộc đình công lớn trên thế giới. | X2, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.2, G2.1, | Giảng viên giao câu hỏi tự luận  Sinh viên trả lời câu hỏi | X2 |
| **Bài tập lớn** | 15 | G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 | **Dạy:**  **-** Giảng viên hướng dẫn sinh viên chọn và hoàn thiện đề tài về phân tích nội dung pháp luật và tình huống thực tiễn liên quan tới:  **+** Hợp đồng lao động,  **+** Thỏa ước lao động tập thể,  **+** Kỷ luật lao động,  **+** Trách nhiệm vật chất,  **+** Tiền lương,  **+** Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi,  **+** Tranh chấp lao động,  + Đình công.  **-** Giảng viên giải đáp thắc mắc cho sinh viên  **-** Giảng viên thu bài tập lớn và đánh giá kết quả  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên liên hệ lý thuyết, đặt câu hỏi cho giảng viên về nội dung bài tập lớn  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên hoàn thiện bài tập và nộp đúng hạn | X3 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Trịnh Thị Thu Thảo** |

**5.24. Tiếng Anh chuyên ngành Luật Mã HP: 25459**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***4 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Tiếng Anh chuyên ngành | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 60 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 52 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 08 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Luật được xây dựng để đáp ứng CĐR ngoại ngữ của chương trình đào tạo. Kết thúc học phần TACNHH, sinh viên đạt tương ứng trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT. Kết thúc học phần Tiếng Anh chuyên ngành Luật, sinh viên có thể phân loại được hệ thống pháp luật, hệ thống tòa án, công việc của một luật sư, cách thức thành lập công ty, phá sản và giải thể, sát nhập và mua lại và thích ứng với vị trí, vai trò, trách nhiệm của người công tác tại các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Chương trình học trên lớp dạy sinh viên kiến thức chuyên ngành Luật và các kỹ năng tiếng Anh và kỹ năng mềm cần thiết như kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp để sinh viên có thể sử dụng trong học tập và môi trường làm việc trong tương lai. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] Gillian D. Brown & Sally Rice (2007). *Cambridge Professional English in Use - Law*, Cambridge University Press, Cambridge.

***6.2. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Tiếng Anh chuyên ngành, *Handouts*

***6.3. Tài liệu tham khảo***

[1] Minsk (1999), *English for law students.* BSU

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Trình bàyđượcsự hiểu biếtvề hệ thống pháp luật, hệ thống tòa án, công việc của một luật sư, cách thức thành lập công ty, phá sản và giải thể, sát nhập và mua lại … bằng tiếng Anh | 3.2.2 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân loại các thuật ngữ chuyên ngành Luật để hiểu được các ý chính của một đoạn văn bản dài hay bài phát biểu về chuyên ngành. | **TU3** |
| **G1.2** | Trình bày được sự hiểu biết về hệ thống pháp luật, hệ thống tòa án, công việc của một luật sư, cách thức thành lập công ty, phá sản và giải thể, sát nhập và mua lại … bằng tiếng Anh | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:* ­**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ** |
| X. Đánh giá quá trình | X1: Điểm chuyên cần |  | 10 |
| X2: Bài kiểm tra hình thức tự luận đánh giá kĩ năng: Đọc | G1.1, G1.2 | 20 |
| X3: Bài kiểm tra hình thức vấn đáp, đánh giá kĩ năng Nói. | G1.2 | 20 |
| X. Đánh giá cuối kỳ | Y: Bài kiểm tra hình thức vấn đáp  *Hai điều kiện dự thi Y:*  1. Sinh viên tham gia học tối thiểu 75% thời lượng trên lớp với ý thức học tập nghiêm túc.  2. Các điểm X1, X2, X3 đều ≥4 | G1.1, G1.2 | 50 |

***10. Kế hoạch giảng dạy***

***Giảng dạy trên lớp***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Unit 1: Legal systems** | 6 | G1.1  G1.2 | **Dạy:**   * Đặt câu hỏi thảo luận theo chủ đề bài học * Giải thích nghĩa các từ mới/ thuật ngữ * Đọc bài khóa, đặt câu hỏi đọc hiểu bài khóa   **Học:**   * Thảo luận, trả lời câu hỏi theo chủ đề bài học * Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi đọc hiểu * Làm bài tập trong SGK | X1,  X2,  X3,  Y |
| **Unit 2: The court system** | 6 | G1.1  G1.2 | **Dạy:**   * Đặt câu hỏi thảo luận theo chủ đề bài học * Giải thích nghĩa các từ mới/ thuật ngữ * Đọc bài khóa, đặt câu hỏi đọc hiểu bài khóa   **Học:**   * Thảo luận, trả lời câu hỏi theo chủ đề bài học * Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi đọc hiểu * Làm bài tập trong SGK | X1,  X2,  X3,  Y |
| **Unit 3: Working lives** | 6 | G1.1  G1.2 | **Dạy:**   * Đặt câu hỏi thảo luận theo chủ đề bài học * Giải thích nghĩa các từ mới/ thuật ngữ * Đọc bài khóa, đặt câu hỏi đọc hiểu bài khóa   **Học:**   * Thảo luận, trả lời câu hỏi theo chủ đề bài học * Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi đọc hiểu * Làm bài tập trong SGK | X1,  X2,  X3,  Y |
| **Unit 4: Business organization** | 6 | G1.1  G1.2 G2.1 | **Dạy:**   * Đặt câu hỏi thảo luận theo chủ đề bài học * Giải thích nghĩa các từ mới/ thuật ngữ * Đọc bài khóa, đặt câu hỏi đọc hiểu bài khóa   **Học:**   * Thảo luận, trả lời câu hỏi theo chủ đề bài học * Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi đọc hiểu * Làm bài tập trong SGK | X1,  X2,  X3,  Y |
| **Unit 5: Formation of the company** | 6 | G1.1  G1.2 | **Dạy:**   * Đặt câu hỏi thảo luận theo chủ đề bài học * Giải thích nghĩa các từ mới/ thuật ngữ * Đọc bài khóa, đặt câu hỏi đọc hiểu bài khóa   **Học:**   * Thảo luận, trả lời câu hỏi theo chủ đề bài học * Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi đọc hiểu * Làm bài tập trong SGK | X1,  X2,  X3,  Y |
| **Unit 6: Insolvency and winding up** | 6 | G1.1  G1.2 | **Dạy:**   * Đặt câu hỏi thảo luận theo chủ đề bài học * Giải thích nghĩa các từ mới/ thuật ngữ * Đọc bài khóa, đặt câu hỏi đọc hiểu bài khóa   **Học:**   * Thảo luận, trả lời câu hỏi theo chủ đề bài học * Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi đọc hiểu * Làm bài tập trong SGK | X1,  X2,  X3,  Y |
| **Unit 7: Merger and Acquisition** | 6 | G1.1  G1.2 | **Dạy:**   * Đặt câu hỏi thảo luận theo chủ đề bài học * Giải thích nghĩa các từ mới/ thuật ngữ * Đọc bài khóa, đặt câu hỏi đọc hiểu bài khóa   **Học:**   * Thảo luận, trả lời câu hỏi theo chủ đề bài học * Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi đọc hiểu * Làm bài tập trong SGK | X1,  X2,  X3,  Y |
| **Unit 8: Forming a contract 1** | 5 | G1.1  G1.2 | **Dạy:**   * Đặt câu hỏi thảo luận theo chủ đề bài học * Giải thích nghĩa các từ mới/ thuật ngữ * Đọc bài khóa, đặt câu hỏi đọc hiểu bài khóa   **Học:**   * Thảo luận, trả lời câu hỏi theo chủ đề bài học * Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi đọc hiểu * Làm bài tập trong SGK | X1,  X2,  X3,  Y |
| **Unit 9: Forming a contract 2** | 5 | G1.1  G1.2 | **Dạy:**   * Đặt câu hỏi thảo luận theo chủ đề bài học * Giải thích nghĩa các từ mới/ thuật ngữ * Đọc bài khóa, đặt câu hỏi đọc hiểu bài khóa   **Học:**   * Thảo luận, trả lời câu hỏi theo chủ đề bài học * Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi đọc hiểu * Làm bài tập trong SGK | X1,  X2,  X3,  Y |
| **Tests (L1+L2)** | 8 | G1.1  G1.2 | * Thuyết trình nhóm, trả lời phỏng vấn (kiến thức chuyên ngành) | X1,  X2,  X3,  Y |

**5.25. Luật Bảo vệ môi trường Mã HP: 11478**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 41 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 04 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Luật bảo vệ môi trường là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh doanh. Thông qua học phần, sinh viên được học những kiến thức lý luận cơ bản về: Tổng quan về môi trường đất, môi trường nước và môi trường không khí; Vai trò của môi trường; Thực trạng ô nhiễm môi trường ở Việt nam; Hành động của Việt nam để khắc phục những sự cố về môi trường; Vai trò của pháp luật đối với bảo vệ môi trường; Quy định của pháp luật Việt nam về bảo vệ môi trường; Nội dung cơ bản của Luật bảo vệ môi trường 2020.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Luật bảo vệ môi trường*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Nguyễn Hồng Thao (2004). *Bảo vệ môi trường biển – vấn đề và giải pháp,* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

[2] Ban Tuyên giáo Trung ương (2014). *99 câu hỏi – đáp về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu,* Nhà xuất bản Lý luận chính trị

[3] Quốc hội (2013). *Hiến pháp Việt Nam*

[4] Quốc hội (2020). *Luật Bảo vệ môi trường*

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Phân tích các quy định của Luật bảo vệ môi trường để làm cơ sở giải thích những vấn đề pháp lý và thực tiễn liên quan đến môi trường và bảo vệ môi trường ở Việt nam | 1.3.1 |
| **G2** | Chứng minh sự phát triển tiến bộ của pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam dưới tác động của pháp luật quốc tế | 4.1.2 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần: giống với luật biển***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Vận dụng các quy định của Luật bảo vệ môi trường để làm cơ sở giải thích những vấn đề pháp lý và thực tiễn liên quan đến hiện trạng môi trường và bảo vệ môi trường ở Việt nam | **TU4** |
| **G1.2** | Vận dụng các quy định của Luật bảo vệ môi trường để làm cơ sở giải thích những vấn đề pháp lý và thực tiễn liên quan đến việc xử lý các vi phạm về bảo vệ môi trường ở Việt nam | **TU4** |
| **G2.1** | Chứng minh sự phát triển tiến bộ của pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam dưới tác động của pháp luật quốc tế | **TU3** |
| **G2.2** | Chứng minh sự cần thiết của việc Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực về bảo vệ môi trường | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1 | 25 |
| X2 – Bài tập nhóm,  thuyết trình | G1.1, G1.2, G2.1 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Môi trường và bảo vệ môi trường**  1.1. Khái niệm về môi trường  1.2. Ô nhiễm môi trường và bảo vệ môi trường  1.3. Hiện trạng môi trường thế giới  1.4. Hiện trạng môi trường Việt nam  1.5. Sự cần thiết bảo vệ môi trường | 6 | G1.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về môi trường, ô nhiễm môi trường, thực trạng môi trường Việt nam và thế giới, vai trò của môi trường và sự cần thiết phải bảo vệ môi trường  - Giảng viên giao cho sinh viên các tình huống, câu hỏi ngắn về môi trường, ô nhiễm môi trường và thực trạng môi trường hiện nay  **Học ở lớp:**  - Sinh viên liên hệ được vai trò của môi trường đối với kinh tế - xã hội và sức khỏe con người  - Sinh viên thông qua làm việc nhóm, tìm kiếm thông tin liên hệ được môi trường, ô nhiễm môi trường và thực trạng môi trường  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu về môi trường biển và ô nhiễm môi trường biển | X1, Y |
| **Chương 2. Pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt nam**  2.1. Bảo vệ môi trường và vai trò của pháp luật  2.2. Khái niệm luật bảo vệ môi trường  2.3. Khái quát sự phát triển của luật bảo vệ môi trường Việt nam | 7 | G1.1  G2.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về bảo vệ môi trường, vai trò của pháp luật đối với việc bảo vệ môi trường  - Phân tích quá trình phát triển luật bảo vệ môi trường Việt nam  - Giao tình huống và hướng dẫn sinh viên phân tích kiến thức lý thuyết và căn cứ pháp lý phù hợp để xác định vai trò của luật bảo vệ môi trường  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên liên hệ nội dung của các nguyên tắc cơ bản bảy tỏ được vai trò của luật và sự phát triển của luật bảo vệ môi trường  **-** Thông qua thảo luận nhóm, trên cơ sở phân tích nội dung của các nguyên tắc cơ bản, các thông tin thực tiễn tự tìm hiểu, sinh viên giải quyết được các tình huống của giáo viên giao cho  **Học ở nhà:**  Sinh viên tự nghiên cứu về luật bảo vệ môi trường biển | X2, Y |
| **Chương 3. Văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt nam**  3.1. Các nguyên tắc và quan điểm của Luật bảo vệ môi trường 2020  3.2. Nội dung của Luật bảo vệ môi trường 2020  2.4. Thực thi các Công ước quốc tế về bảo vệ môi trường ở Việt nam | 7 | G1.1, G2.1  G2.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về những nội dung cơ bản, quan trọng của luật bảo vệ môi trường 2020, những điểm mới so với luật bảo vệ môi trường 2014, đồng thời việc thực thi của Việt nam đối với các công ước quốc tế về bảo vệ môi trường  **Học ở lớp:**   * Sinh viên phân tích được các nguyên tắc, nội dung quan trọng của luật bảo vệ môi trường 2020 * Sinh viên liên hệ được sự phát triển tiến bộ của luật bảo vệ môi trường dưới tác động của Công ước quốc tế   **Học ở nhà:**  Sinh viên tự tìm hiểu về môi trường đất, nước và không khí để chuẩn bị cho bài học tiếp theo | X2, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1  G2.1  G2.2 | Giảng viên giao câu hỏi cho sinh viên làm bài tự luận | X1,Y |
| **Chương 4. Pháp luật bảo vệ môi trường đất, nước và không khí**  4.1. Pháp luật bảo vệ môi trường đất  4.2. Pháp luật bảo vệ môi trường nước  4.3. Pháp luật bảo vệ môi trường không khí | 7 | G1.1  G2.1  G2.2 | **Dạy:**   * Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về pháp luật bảo vệ môi trường đất, nước và không khí. * Giảng viên giao cho sinh viên các tình huống, câu hỏi ngắn về vai trò của pháp luật bảo vệ môi trường đất, nước và không khí   **Học ở lớp:**   * Sinh viên phân tích được nội dung cơ bản của luật bảo vệ môi trường đất, nước, không khí * Sinh viên thông qua làm việc nhóm, tự tìm kiếm thông tin trả lời được các câu hỏi, tình huống của giáo viên giao cho   **Học ở nhà:**   * Sinh viên tự liên hệ các nội dung Việt Nam tham gia tại COP26 và COP27 |  |
| **Chương 5. Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững**  5.1. Các vấn đề cơ bản về phát triển bền vững  5.2.Vai trò của pháp luật đối với phát triển bền vững ở Việt nam  5.3. Một số giải pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt nam | 7 | G1.1  G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về phát triển bền vững, vai trò của pháp luật đối với phát triển bền vững, một số giải pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững  - Giáo viên giao cho sinh viên các tình huống, câu hỏi ngắn về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường  **Học ở lớp:**  - Trên cơ sở làm việc theo nhóm, tìm kiếm thông tin sinh viên trả lời câu hỏi được giao.  **-** Sinh viên liên hệ được phát triển bền vững, vai trò của pháp luật bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, những giải pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường  **Học ở nhà:**   * Sinh viên tự phân tích về các chính sách của Việt nam về phát triển kinh tế bền vững | X2, Y |
| **Chương 6. Xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường**  6.1. Văn bản quy phạm pháp luật xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường  6.2. Chế tài xử phạt vi phạm luật bảo vệ môi trường  6.3. Các tội phạm vi phạm bảo vệ môi trường | 7 | G1.1  G1.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về các tội danh vi phạm bảo vệ môi trường, các chế tài của Việt nam về xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.  - Đưa ra tình huống đơn giản để sinh viên thảo luận và trả lời, từ đó phân tích nội dung về xử phạt vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên phân tích lý thuyết về pháp luật Việt Nam xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường để trả lời các câu hỏi được giao.  - Sinh viên phân tích được các quy định về xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường của Việt Nam  **Học ở nhà:**   * Sinh viên phan tích các quy định của Việt Nam về xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường trong lĩnh vực kinh doanh | X2, Y |
| **Báo cáo bài tập nhóm** | 3 | G1.1  G1.2  G2.1  G2.2 | Giảng viên tổ chức buổi thuyết trình bài tập nhóm, đặt câu hỏi và đánh giá  Sinh viên trình bày kết quả bài tập nhóm | X2, Y |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **TS. Nguyễn Văn Trưởng** |

**5.26. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng Mã HP: 11494**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 27 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 03 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:***

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Pháp luật về phòng, chống tham nhũng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh doanh. Thông qua học phần, sinh viên được học những kiến thức lý luận cơ bản về: Tham nhũng; sự ra đời và phát triển của pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam; phòng ngừa tham nhũng; phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng; thu hồi tài sản tham nhũng; hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng; vai trò, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và xã hội trong phòng, chống tham nhũng.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Pháp luật về phòng, chống tham nhũng*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] GS.TS. Nguyễn Đăng Dung, GS.TS. Phạm Hồng Thái, PGS.TS. Chu Hồng Thanh, PGS.TS. Vũ Công Giao (Đồng chủ biên) (2013). *Giáo trình lý luận và pháp luật về phòng, chống tham nhũng,* Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

Viện Khoa học thanh tra

[2] Viện Khoa học Thanh tra, Thanh tra Chính phủ, *Sổ tay công tác phòng, chống tham nhũng* (2012), Nhà xuất bản Chính trị, Quốc gia – Sự thật.

[3] Trần Văn Biên, Phạm Trung Hoài (2017). *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015: Sửa đổi, bổ sung năm 2017,* Nhà xuất bản Thế giới

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Phân tích các kiến thức pháp luật Việt Nam để giải quyết các vấn quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động phòng chống tham nhũng | 1.3.1 |
| **G2** | Hoàn thành việc giải quyết vấn đề pháp lý về phòng chống tham nhũng trên cơ sở nghiên cứu các căn cứ pháp lý và các bất cập trong thực tiễn thi hành tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp cho vấn đề pháp lý được xác định | 2.2.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân tích các vấn đề lý luận về tham nhũng và phòng, chống tham nhũng | **TU4** |
| **G1.2** | Phân tích các quy định pháp luật hiện hành để giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động phòng chống tham nhũng | **TU4** |
| **G2.1** | Hoàn thành việc giải quyết tình huống phòng, chống tham nhũng trên cơ sở nghiên cứu các căn cứ pháp lý và căn cứ thực tiễn trong tình huống, từ đó đề xuất các giải pháp cho vấn đề pháp lý được xác định | **TU3** |
| **G2.2** | Hoàn thành việc giải quyết một đề tài trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng trên cơ sở nghiên cứu các quy định pháp luật liên quan và bất cập trong thực tiễn thi hành tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp cho vấn đề pháp lý được xác định | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G1.2 | 25 |
| X2 – Thuyết trình bài tập nhóm | G1.2, G2.1, G2,2 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Lý luận chung về phòng, chống tham nhũng**  1.1 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu  1.2 Nhận thức về tham nhũng  1.3 Pháp luật và kinh nghiệm quốc tế về phòng, chống tham nhũng  1.4 Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng  1.5 Phòng, chống tham nhũng trong thời kỳ phong kiến ở Việt Nam  1.6 Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và quan điểm đường lối Đảng Cộng sản Việt Nam về phòng, chống tham nhũng | 06 | G1.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về khái niệm về tham nhũng trong pháp luật quốc tế và Việt Nam; các hành vi tham nhũng; các công ước quốc tế về phòng, chống tham nhũng; phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam thời kỳ trong phong kiến và tư tưởng của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng  - Giảng viên giao câu hỏi định hướng cho sinh viên nghiên cứu liên hệ giữa các bài học kinh nghiệm trong phòng chống tham nhũng thời kì phong kiến, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với tư tưởng của Đảng, Nhà nước ta hiện nay.  **Học ở lớp:**  Thông qua làm việc nhóm, sinh viên phân tích tham nhũng:  - Phân biệt các hành vi tham nhũng  - Phân biệt cách thức đưa ra định nghĩa về tham nhũng trong các công ước quốc tế và pháp luật Việt Nam  **Học ở nhà:**  Sinh viên tìm hiểu các bài học về phòng chống tham nhũng từ một số quốc gia trên thế giới. | X1, Y |
| **Chương 2. Sự ra đời và phát triển của pháp luật về phòng, chống tham nhũng**  2.1 Pháp luật về phòng, chống tham nhũng từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi có Pháp lệnh Chống tham nhũng năm 1988  2.2 Pháp lệnh về việc chống tham nhũng số 03/1998/PL-UBTVQH10  2.3 Luật Phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH11 sửa đổi bổ sung 2007 và 2012  2.4 Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 | 03 | G1.1, G1.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết của pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam từ 1945 - nay  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên phác thảo bước phát triển của pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở Việt nam từ 1945 - nay  **Học ở nhà:**  - Sinh viên lập bảng so sánh các quy phạm pháp luật về phòng chống tham nhũng qua các giai đoạn. | X1, Y |
| **Chương 3. Phòng ngừa tham nhũng**  3.1. Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị  3.2. Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ  3.3. Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn  3.4. Chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức  3.5. Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt  3.6 Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị | 04 | G1.2  G2.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích lý thuyết các biện pháp phòng ngừa tham nhũng: Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ; Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn; Chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức; Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt; Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị  - Giảng viên giao câu hỏi định hướng cho sinh viên nghiên cứu về vai trò của người đứng đầu đơn vị trong phòng ngừa tham nhũng  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên liên hệ các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong nhà trường hiện nay.  **Học ở nhà:**  - Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật, sinh viên suy luận vai trò của phòng ngừa tham nhũng trong phòng, chống tham nhũng | X1, X2, Y |
| **Kiểm tra** | 1 |  | **Sinh viên làm bài kiểm tra tự luận** | X1 |
| **Chương 4. Phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng**  4.1 Công tác kiểm tra và tự kiểm tra  4.2 Giám sát, thanh tra, kiểm toán  4.3 Phản án, tố cáo, báo cáo về tham nhũng | 04 | G1.2  G2.1  G2.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích lý thuyết về các biện pháp phát hiện hành vi tham nhũng.  - Giảng viên giao tình huống và câu hỏi thảo luận / làm việc cá nhân cho sinh viên.  - Giảng viên giao câu hỏi định hướng cho sinh viên nghiên cứu về xử lý hành vi tham nhũng.  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm hoặc làm việc cá nhân, sinh viên phân tích các tình huống được giao về các vụ án tham nhũng và kết quả xử lý tham nhũng.  **Học ở nhà:**  Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật, sinh viên suy luận vai trò của phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng trong phòng, chống tham nhũng | X2, Y |
| **Chương 5. Thu hồi tài sản tham nhũng** | 04 | G1.2  G2.1  G2.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích lý thuyết về các quy định nhằm thu hồi tài sản tham nhũng.  - Giảng viên giao tình huống và câu hỏi thảo luận / làm việc cá nhân cho sinh viên.  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm hoặc làm việc cá nhân, sinh viên phân tích các tình huống được giao về thu hồi tài sản tham nhũng các vụ án.  **Học ở nhà:**  Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật, sinh viên suy luận vai trò của thu hồi tài sản tham nhũng trong phòng, chống tham nhũng. | X2, Y |
| **Chương 6. Hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng** | 03 | G1.2  G2.1  G2.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích lý thuyết về hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng.  - Giảng viên giao tình huống và câu hỏi thảo luận / làm việc cá nhân cho sinh viên.  - Giảng viên giao câu hỏi định hướng cho nhóm sinh viên nghiên cứu kinh nghiệm hợp tác quốc tế của các quốc gia trên thế giới.  - Sinh viên giao yêu cầu và hướng dẫn sinh viên chuẩn bị cho bài kiểm tra lần 2  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm hoặc làm việc cá nhân, sinh viên phân tích các tình huống được giao về nội dung của hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng  **Học ở nhà:**  - Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật, sinh viên suy luận vai trò của hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng  - Sinh viên chuẩn bị nội dung cho bài kiểm tra lần 2 theo hướng dẫn của giảng viên | X2, Y |
| **Chương 7. Vai trò, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và xã hội trong phòng, chống tham nhũng**  7.1 Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận  7.2 Trách nhiệm của cơ quan báo chí, nhà báo  7.3 Trách nhiệm của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề  7.4 Trách nhiệm của công dân, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng  7.5 Phòng chống tham nhũng khu vực ngoài nhà nước | 03 | G1.2  G2.1  G2.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích lý thuyết về giải quyết xung đột pháp luật về Vai trò, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và xã hội trong phòng, chống tham nhũng.  - Giảng viên giao tình huống và câu hỏi thảo luận / làm việc cá nhân cho sinh viên.  - Giảng viên giao câu hỏi định hướng cho nhóm sinh viên nghiên cứu về phòng chống tham nhũng khu vực ngoài nhà nước  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm hoặc làm việc cá nhân, sinh viên phân tích các tình huống được giao về trách nhiệm của xã hội trong phòng chống tham nhũng.  **Học ở nhà:**  Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật, sinh viên liên hệ vai trò, trách nhiệm của bản thân trong phòng, chống tham nhũng.  Sinh viên chuẩn bị nội dung cho bài kiểm tra lần 2 theo hướng dẫn của giảng viên | X2, Y |
| **Kiểm tra** | 2 |  | **Thuyết trình** | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Viết Hà** |

**5.27. Luật Thương mại quốc tế Mã HP: 11453**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:*** *3 TC* | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** | |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | | | - Lý thuyết (LT): | | | 28 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | | - Bài tập (BT): | | | 15 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Luật thương mại quốc tế là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức ngành Luật của chương trình đào tạo ngành Luật nhằm cung cấp cho người học những hiểu biết chung, khái quát nhất về thương mại quốc tế, tạo nền tảng kiến thức pháp lý cho việc triển khai các kiến thức chuyên ngành, đặc biệt là khối kiến thức về hợp đồng vận tải biển. Cụ thể, nội dung học được xây dựng theo chuỗi chuyên đề về: Một số vấn đề cơ bản về Luật thương mại quốc tế; Lý luận chung về hợp đồng thương mại quốc tế; Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và Giải quyết tranh chấp trong Thương mại Quốc tế.

***6. Nguồn học liệu:***

**Giáo trình**

Mutrap, Trường Đại học Luật Hà Nội (2017)*.* *Giáo trình luật thương mại quốc tế,* Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội.

**Tài liệu tham khảo**

1**.** Nguyễn Văn Dung (2011), *Incoterms 2010 : Song ngữ Anh - Việt : Những điều kiện thương mại quốc tế của ICC,* Nhà xuất bản Lao Động, Hà Nội.

2. Ngô Hữu Phước, Lê Đức Phương (2014), *Các hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam với nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu: Luật dân sự, tố tụng dân sự, hình sự, tố tụng hình sự, luật quốc tế, tư pháp quốc tế, thương mại quốc tế*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.

3. Trần Văn Nam (2017), *Giáo trình luật thương mại quốc tế,*Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.

4. Nông Quốc Bình; Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Bá Diến (2018), *Giáo trình luật thương mại quốc tế,*Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.

5. Nguyen Thanh Le, Nguyen Dinh Thuy Huong (2018), *The role of the united nations convention on contracts for the international sale of goods (CISG 1980) in international business law and Vietnam,* Tạp chí Khoa học - Công nghệ hàng hải, Số 56, tr.43-46, Hải Phòng

**Các website**

1. https://cisgvn.wordpress.com/

2. http://www.doingbusiness.org/law-library

3. http://mutrap.org.vn/index.php/vi/explore

4. http://www.worldtradelaw.net/

5. http://www.unidroit.org/

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | **Phân tích** các chủ thể đặc biệt của Luật Thương mại quốc tế, các chế định về hợp đồng và giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế hiện nay. | 1.3.1 |
| **G2** | **Giải thích** được tính cần thiết của tôn trọng các giá trị đạo đức nghề nghiệp trong quá trình giải quyết hợp đồng thương mại quốc tế và trọng tài quốc tế. | 2.3.1 |
| **G3** | **Thực hiện** chính xác quy trình để giải quyết các vấn đề về hợp đồng trong thương mai quốc tế | 4.3.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR**  **(G.x.x)** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân tích được các khái niệm cơ bản trong Luật Thương mại Quốc tế, về hợp đồng thương mại quốc tế, một số chủ thể đặc biệt của quan hệ pháp luật Thương mại Quốc tế, các nguồn pháp luật được áp dụng, cách thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trong Thương mại Quốc tế | **TU4** |
| **G1.2** | So sánh việc áp dụng các nguồn pháp luật: tập quán thương mại quốc tế, công ước quốc tế, pháp luật quốc gia hiện nay nhằm thống nhất các nguồn luật nội dung trong Thương mại Quốc tế. | **TU4** |
| **G2.1** | Giải thích được tính cần thiết cần thiết của tôn trọng các giá trị đạo đức nghề nghiệp trong quá trình giải quyết hợp đồng thương mại quốc tế và trọng tài quốc tế. | **TU3** |
| **G3.1** | Hoàn thành việc giải quyết một đề tài về hợp đồng thương mại quốc tế và trọng tài quốc tế trên cơ sở nghiên cứu các quy định pháp luật liên quan và bất cập trong thực tiễn thi hành tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp cho vấn đề pháp lý được xác định | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm ta viết tự luận | G1.1, G1.2 | 25% |
| X2 – Đánh giá bài tiểu luận | G1.1; G2.1; G2.2 | 25% |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | 50% |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Giới thiệu chung**  1.1 Thương mại và kinh doanh quốc tế có liên quan đến giao dịch  1.2 Nguồn của Luật thương mại và Kinh doanh thương mại | **5** | G1.1; G1.2 | **Dạy:**  **-** Giảng viên phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố cấu thành hợp đồng thương mại quốc tế  - Giảng viên phân tích các nguồn pháp luật sau : pháp luật quốc gia, các Công ước quốc tế, các tập quán thương mại quốc tế  **Học trên lớp:**  - Sinh viên phân loại các yếu tố cấu thành hợp đồng.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên phân tích các nguồn pháp luật quốc tế liên quan đến thương mại quốc tế | X1, Y |
| **Chương 2. Các tổ chức thương mại quốc tế**  2.1 Giới thiệu chung  2.2 Quy tắc WTO và các ngoại lệ  2.3 Thương mại hàng hóa và hoạt động của WTO  2.4 Thương mại dịch vụ và GAT  2.5 Quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPS  2.6 Cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO  2.7 Một số vấn đề mới của WTO  2.8 Việt Nam và các cam kết gia nhập WTO | **8** | G1.1; G1.2 | **Dạy :**  - Giảng viên phân tích về các tổ chức thương mại quốc tế.  **Học trên lớp:**  - Sinh viên phân tích vai trò, đặc điểm các tổ chức thương mại quốc tế  **Học ở nhà:**  - Sinh viên phân tích mối quan hệ giữa Việt Nam và UNCITRAL  - Sinh viên liên hệ với thực tiễn áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO tại Việt Nam. | X1, Y |
| **Kiểm tra** | **1** | G1.1; G1.2 | - Giảng viên giao các các câu hỏi tự luận cho sinh viên  - Giảng viên chữa bài kiểm tra cho sinh viên | X1 |
| **Chương 3 : Quy định về hội nhập kinh tế khu vực** 3.1 Giới thiệu  3.2 Quy định thị trường nội bộ EU  3.3 Hiệp định thương mại Tự do Bắc Mỹ ( NAFTA)  3.4 Quy định về hội nhập kinh tế ASEAN  3.5 Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương ( TPP)  3.6 Việt Nam và hội nhập kinh tế khu vực | **6** | G1.1; G2.1; G2.2 | **Dạy :**  - Giảng viên phân tích các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới.  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên phân tích về tổ chức EU và ASEAN; liên hệ vai trò của các quốc gia trong các tổ chức quốc tế trên.  - Giảng viên giao bài tiểu luận và hướng dẫn sinh viên hoàn thành bài tiểu luận  **Học trên lớp:**  **-** Sinh viên trao đổi, lắng nghe, trả lời câu hỏi giảng viên đưa ra  **Học ở nhà:**  - Sinh viên phân tích đặc thù của địa vị của quốc gia trong quan hệ thương mại Quốc tế. | X2,Y |
| **Chương 4 : Các hiệp định về hợp tác thương mại song phương giữa Việt Nam và một số đối tác**  4.1 Việt Nam-Liên minh châu Âu, trong đó có EU-Việt  Hiệp định thương mại tự do Nam (EVFTA)  4.2 Việt Nam-Hoa Kỳ  4.3 Việt-Trung | **6** | G1.1; G2.1; G2.2 | **Dạy:**  **-** Giảng viên phân tích những hiệp định thương mại song phương Việt Nam tham gia.  **Học trên lớp:** Sinh viên lắng nghe và trao đổi nội dung cùng giảng viên, trả lời câu hỏi giảng viên đưa ra.  **Học ở nhà :**  **-** Sinh viênso sánh và liên hệ thực tiễn những ưu nhược điểm của các hiệp định thế hệ mới đến phát triển kinh tế ở Việt Nam. | X2, Y |
| **Chương 5 : Quy tắc quản lý mua bán hàng hóa quốc tế**  5.1 Giới thiệu  5.2 Điều khoản thương mại quốc tế - INCOTERMS  5.3 Quy định về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế  5.4 Các phương thức tài trợ cho việc mua bán hàng hóa quốc tế | **5** | G1.1; G2.1; G2.2 | **Dạy :**   * Giảng viên phân tích về các quy tắc quản lý mua bán hàng hóa quốc tế.   - Giảng viên phân tích những điều kiện thương mại quốc tế của ICC (Incoterms 2020)  - Giảng viên trên cơ sở các tình huống thực tiễn phân tích nguồn luật xung đột trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế  + Phân tích tình huống các bên có lựa chọn pháp luật áp dụng  + Phân tích tình huống các bên không có lựa chọn pháp luật áp dụng  **Học trên lớp :**  **-** Sinh viênso sánh vàphân tích mối quan hệ giữa các chế định, giải quyết tình huống thực tiễn về các điều khoản FAS, FOB, CFR, CIF  **Học ở nhà :**  **-** Sinh viên phân tích lý thuyết về giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng có yếu tố nước ngoài và tình huống đã được giao. | X2, Y |
| **Chương 6 : Quy tắc quản lý thương mại quốc tế khác**  6.1 Các quy tắc quản lý nhượng quyền thương mại quốc tế -  6.2 Quy định quản lý Logistics quốc tế -  6.3 Quy định về thương mại điện tử dành cho quốc tế  6.4 Giao dịch kinh doanh | **6** |  | **Dạy :**  - Giảng viên phân tích các quy tắc quản lý thương mại quốc tế khác : nhượng quyền, logistic, thương mại điện tử và giao dịch kinh doannh.  **Học trên lớp:**  - Sinh viên phân tích vai trò của các quy tắc trên trong thương mại quốc tế.  **Học ở nhà :**  - Sinh viên tìm hiểu các quy tắc phổ biến tại thị trường Việt Nam. | X2,Y |
| **Chương 7 : Tranh chấp thương mại quốc tế**  7.1 Giới thiệu  7.2 Các phương thức giải quyết tranh chấp  7.3 Lựa chọn luật và thẩm quyền xét xử  7.4 Giải quyết tranh chấp /Công nhận và cho thi hành của nước ngoài  7.5 Phán quyết trọng tài / Công nhận và cho thi hành của nước ngoài/Phán quyết của Tòa án  7.6 Quy tắc quản lý quốc tế của Việt Nam/ Giải quyết tranh chấp thương mại | **7** | G2.1; G2.2;  G3.1 | **Dạy :**  - Giảng viên giao đề tài tiểu luận, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu và phân bổ thời gian báo cáo kết quả  - Giảng viên phân tích ưu điểm, nhược điểm của phương thức trọng tài trong thương mại quốc tế thông qua tình huống cụ thể,  - Giảng viên phân tích các hình thức trọng tài  + phân tích trọng tài thiết chế  + phân tích các Quy tắc trọng tài UNCITRAL  + Phân tích Quy tắc và điều khoản trọng tài ICC và LCIA  - Giảng viên phân tích việc thi hành các phán quyết của trọng tài theo quy định của Công ước New York thông qua các tình huống cụ thể.  - Giảng viên phân tích nguyên tắc vận hành của cơ chế giải quyết tranh chấp theo WTO và thực tiễn.  - Giảng viên đưa ra tình huống, yêu cầu sinh viên lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp  **Học trên lớp :**  - Thông qua tình huống đã giao sinh viên so sánh các phương thức thương lượng, trung gian, hoà giải, toà án với trọng tài.  - Thông qua tình huống cụ thể sinh viên chỉ ra sự khác biệt và lựa chọn giữa hình thức trọng tài ‘ad hoc’ và trọng tài thiết chế  **Học ở nhà:**  - Sinh viên phân tích giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng phương thức trọng tài ở Việt Nam. Từ đó phân tích ưu điểm và hạn chế của trọng tài ở Việt Nam.  - Sinh viên chỉ ra sự khác biệt giữa ‘công nhận’ và ‘thi hành’ phán quyết trọng tài nước ngoài | X2,Y |
| **Kiểm tra** | **1** |  | - Giảng viên đánh giá các bài tập lớn của sinh viên |  |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Đình Thúy Hường** |

**5.28. Luật Kinh doanh bảo hiểm Mã HP: 11495**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** | |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | | - Lý thuyết (LT): | | | 28 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Luật Thương mại Việt Nam 11493

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Luật Kinh doanh bảo hiểm là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức ngành Luật của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh doanh. Thông qua học phần, sinh viên được học những kiến thức lý luận cơ bản về: các nguyên tắc cơ bản trong bảo hiểm, các chủ thể tham gia vào hoạt động kinh doanh bảo hiểm, quan hệ hợp đồng bảo hiểm, kinh doanh bảo hiểm trong một số lĩnh vực cụ thể, quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Luật Kinh doanh bảo hiểm*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

*1.* TS. Phạm Văn Tuyết (2007). *Bảo hiểm và kinh doanh bảo hiểm theo pháp luật Việt Nam*, NXB Tư pháp.

*2.* Quốc hội (2022). *Luật Kinh doanh bảo hiểm*, NXB Lao động.

*3.* John Birds and Norma J.Hird (2004), Modern Insurance Law, Sweet & Maxwell Press, London, U.K.

*4.* P.H.Collin (2000), Dictionary of Law (third edition), Peter Collin Publishing, Teddington, U.K*.*

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | **Phân tích** các kiến thức pháp luật Việt Nam để giải quyết các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm | 1.3.1 |
| **G2** | **Hoàn thành** việc giải quyết vấn đề pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm trên cơ sở nghiên cứu các căn cứ pháp lý và các bất cập trong thực tiễn thi hành tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp cho vấn đề pháp lý được xác định | 3.2.3 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | **Phân tích** được những quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm để giải thích vấn đề các nguyên tắc cơ bản trong bảo hiểm, các chủ thể tham gia vào hoạt động kinh doanh bảo hiểm, quan hệ hợp đồng bảo hiểm | **TU3** |
| **G1.2** | **Phân tích** những quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm trong một số lĩnh vực cụ thể, quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm | **TU3** |
| **G2.1** | **Hoàn thành** bài tiểu luận cá nhân để giải quyết đề tài về các vấn đề pháp lý liên quan đến kinh doanh bảo hiểm | **TU3** |
| **G2.2** | **Hoàn thành** phần trả lời thuyết trình về một chủ đề về hoạt động kinh doanh bảo hiểm, quan hệ hợp đồng bảo hiểm | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Bài đánh giá (X.x)** | **CĐR học phần (Gx.x)** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G.1.2 | 25 |
| X2 – Thuyết trình bài tập nhóm | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y – Thi vấn đáp | G1.1, G1.2, G2.1 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Khái quát về bảo hiểm.**  1.1. Nguồn gốc của bảo hiểm  1.2. Bảo hiểm trong quá trình quản lý rủi ro  1.2.1. Phương pháp quản lý rủi ro và bảo hiểm  1.2.2. Tự bảo hiểm  1.2.3. Lợi ích của việc bảo hiểm  1.3. Khái niệm rủi ro  1.3.1. Rủi ro có thể được bảo hiểm  1. 3.2. Quy luật số đông và các rủi ro đồng nhất  1.3.3. Phân tán rủi ro | 5 | G1.1  G1.2  G2.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về nguồn gốc của bảo hiểm  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về bảo hiểm trong quá trình quản lý rủi ro  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu về các rủi ro trong bảo hiểm  **Học ở lớp:**  - Sinh viên so sánh được các loại rủi ro trong bảo hiểm  - Sinh viên phân tích được quá trình quản lý rủi ro  - Sinh viên phân tích được bảo hiểm trong quá trình quản lý rủi ro  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu về nguồn gốc bảo hiểm ở Việt Nam. | X1, Y |
| **Chương 2. Tổng quan về kinh doanh bảo hiểm.**  2. 1. Các chủ thể tham gia vào hoạt động kinh doanh bảo hiểm  2.1.1. Các công ty bảo hiểm  2.1.2. Môi giới bảo hiểm  2.1.3. Đại lý bảo hiểm  2.2. Nguồn luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh bảo hiểm  2.3. Phí bảo hiểm  2.3.1. Các loại phí bảo hiểm  2.3.2. Cơ cấu của phí bảo hiểm  2.3.3. Công thức tính phí bảo hiểm  2.4. Quy trình của giao dịch kinh doanh bảo hiểm  2.4.1. Đơn yêu cầu bảo hiểm  2.4.2. Đơn bảo hiểm  2.4.3. Đơn bảo hiểm tạm thời và giấy chứng nhận bảo hiểm  2.4.4. Khiếu nại  2.4.5. Giám định tổn thất  2.4.6. Bồi thường  2.4.7. Tái tục bảo hiểm  2.5. Đồng bảo hiểm  2.6. Tái bảo hiểm | 4 | G1.1  G1.2  G2.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về kinh doanh bảo hiểm và đặt các câu hỏi lý thuyết đơn giản cho sinh viên  + Các chủ thể  + Nguồn luật điều chỉnh  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về phí bảo hiểm  - Giảng viên phân tích các nội dung pháp lý về giao dịch kinh doanh bảo hiểm  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên phân loại được các chủ thể tham gia vào hoạt động kinh doanh bảo hiểm  **-** Sinh viên phân tích được giao dịch kinh doanh bảo hiểm  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự tìm hiểu các quy định của Việt Nam có liên quan tới kinh doanh bảo hiểm | X1, Y |
| **Chương 3. Các nguyên tắc cơ bản trong kinh doanh bảo hiểm.**  3.1. Nguyên tắc quyền lợi được bảo hiểm  3.2. Nguyên tắc trung thực tuyệt đối  3.3. Nguyên tắc về nguyên nhân gây ra tổn thất  3.4. Nguyên tắc bồi thường  3.5. Nguyên tắc thế quyền  3.6. Nguyên tắc bảo hiểm trùng và đóng góp bồi thường | 4 | G1.1,  G1.2  G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích các nguyên tắc cơ bản trong kinh doanh bảo hiểm  **Học ở lớp:**  - Sinh viên phân tích các nguyên tắc trong kinh doanh bảo hiểm  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên áp dụng lý thuyết để giải quyết các vấn đề nguyên tắc cơ bản trong kinh doanh bảo hiểm.  **Học ở nhà:**   * Sinh viên tự tìm hiểu về các nguyên tắc cơ bản trong kinh doanh bảo hiểm | X2, Y |
| **Chương 4. Hợp đồng bảo hiểm.**  4.1. Khái niệm hợp đồng bảo hiểm  4.2. Đặc điểm của hợp đồng bảo hiểm  4.3. Các loại hợp đồng bảo hiểm  4.4. Giá trị bảo hiểm và số tiền bảo hiểm  4.5. Phạm vi bảo hiểm  4.6. Giới hạn trách nhiệm  4.7. Giao kết hợp đồng bảo hiểm  4.8. Hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm  4.9. Thực hiện hợp đồng bảo hiểm  4.9.1. Nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm, bên được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm  4.9.2. Nghĩa vụ của công ty bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm  4.10. Tạm ngừng, hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm | 4 | G1.1  G1.2  G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về hợp đồng bảo hiểm  - Giảng viên phân tích thực tiễn hợp đồng bảo hiểm  - Giảng viên đặt ra các câu hỏi tình huống đơn giản cho sinh viên trả lời  **Học ở lớp:**  - Sinh viên phân loại được các hợp đồng bảo hiểm  **-** Sinh viên phân tích được các hợp đồng bảo hiểm  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên tự tìm hiểu các hợp đồng bảo hiểm | X1, Y |
| **Kiểm tra số 1** | 1 | G1.1 G1.2 | Giảng viên giao câu hỏi tự luận cho sinh viên | X1 |
| **Chương 5. Các loại hình bảo hiểm.**  5.1. Bảo hiểm nhân thọ  5.2. Bảo hiểm tài sản  5.2.1. Bảo hiểm cháy, nổ  5.2.2. Bảo hiểm trộm cắp  5.2.3. Bảo hiểm hàng hóa trong quá trình vận chuyển  5.2.4. Bảo hiểm gián đoạn kinh doanh  5.3. Bảo hiểm hàng hải  5.4. Bảo hiểm hàng không  5.5. Bảo hiểm xe cơ giới  5.6. Bảo hiểm trách nhiệm | 5 | G1.1  G2.1  G2.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về các loại hình bảo hiểm  - Giáo viên giao đề tài cho các nhóm sinh viên nghiên cứu và báo cáo thuyết trình  **Học ở lớp:**  - Sinh viên phân loại được các loại hình bảo hiểm  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên áp dụng cơ sở lý thuyết để báo cáo thuyết trình nội dung đề tài đã được giao  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu các loại hình bảo hiểm | X2, Y |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGTS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Lê Kim Phúc** |

**5.29. Pháp luật về cộng đồng ASEAN Mã HP: 11496**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | | | **BTL** | | **X** | **ĐAMH** | |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | | - Lý thuyết (LT): | | | 28 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Công pháp quốc tế 11487

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Pháp luật về Cộng đồng ASEAN là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh doanh. Thông qua học phần, sinh viên được học những kiến thức về: tổng quan về ASEAN, Cộng đồng ASEAN và pháp luật Cộng đồng ASEAN; Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA); tự do hóa thương mại dịch vụ ASEAN; Khu vực đầu tư ASEAN (AIA); hợp tác phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia và tương trợ tư pháp hình sự ASEAN; cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Phạm Thị Thanh Bình (2008). *Di cư lao động ở ASEAN, xu hướng và giải pháp*. Những vấn đề kinh tế & chính trị thế giới, số 1, tr. 18-26.

[2] Hoàng Thị Thanh Nhàn (2008). *FTA song phương của các nước ASEAN và tác động đến cộng đồng kinh tế ASEAN và cộng đồng ASEAN*. Những vấn đề kinh tế & chính trị thế giới, số 5 (145), tr. 11-22.

[3] Phạm Thị Thanh Bình (2008). *Đặc điểm và chính sách phát triển thị trường lao động ASEAN*. Những vấn đề kinh tế & chính trị thế giới, số 5 (145), tr. 72-76.

[4] Nguyễn Thị Nghiên (2015). *Đánh giá tác động của việc thực hiện các cam kết cắt giảm thuế quan của Việt Nam trong Hiệp định ATIGA*.

[5] Nguyễn Thu Hương (2019). *Bối cảnh ASEAN và triển vọng cho sự ra đời của đồng tiền chung khu vực*. Tạp chí khoa học – công nghệ hàng hải số 57, tr.88-92.

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Phân tích các kiến thức pháp luật quốc tế để xác định hướng giải quyết các vấn đề pháp lý về Cộng đồng ASEAN | 1.4.1 |
| **G2** | Hoàn thành bài tiểu luận cá nhân để giải quyết đề tài về các vấn đề pháp lý liên quan đến Cộng đồng ASEAN | 3.2.3 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân tích các kiến thức pháp luật Cộng đồng ASEAN để xác định hướng giải quyết các vấn đề pháp lý về Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA); tự do hóa thương mại dịch vụ ASEAN; Khu vực đầu tư ASEAN (AIA) | **TU4** |
| **G1.2** | Phân tích các kiến thức pháp luật Cộng đồng ASEAN để xác định hướng giải quyết các vấn đề pháp lý về hợp tác phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia và tương trợ tư pháp hình sự ASEAN; cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN | **TU4** |
| **G2.1** | Hoàn thành bài tiểu luận cá nhân để giải quyết đề tài về các vấn đề pháp lý liên quan đến Cộng đồng ASEAN | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1 | 25 |
| X2 – Tiểu luận cá nhân | G1.2, G2.1 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy:***

| **Nội dung giảng dạy** | **Số tiết** | **CĐR**  **học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Tổng quan về ASEAN, Cộng đồng ASEAN và pháp luật Cộng đồng ASEAN**  1.1.Tổng quan về ASEAN  1.2. Tổng quan về Cộng đồng ASEAN  1.3. Tổng quan về pháp luật Cộng đồng ASEAN | 4 | G1.1 | **Dạy**:  - Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận về các vấn đề sau của ASEAN:  + Lịch sử hình thành và phát triển  + Mục đích và nguyên tắc hoạt động  + Thành viên và cơ cấu tổ chức  - Giảng viên thuyết giảng về hợp tác nội khối và hợp tác ngoại khối của ASEAN.  - Giảng viên thuyết giảng về khái niệm Cộng đồng ASEAN (ASEAN Community – AC).  - Giảng viên chia nhóm cho sinh viên thảo luận về cấu trúc nội dung của AC, bao gồm:  + Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)  + Cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN (APSC)  + Cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN (ASCC)  - Giảng viên thuyết giảng về khái niệm pháp luật và nguồn của pháp luật của AC.  **Học ở lớp**:  - Thông qua hoạt động thảo luận nhóm, sinh viên trình bày được các vấn đề được giảng viên giao.  - Từ việc phân tích quy định pháp luật, sinh viên trình bày được nội dung hợp tác của ASEAN, khái quát về AC và về pháp luật của AC.  **Học ở nhà**:  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về mối quan hệ giữa mục đích và nguyên tắc hoạt động của ASEAN, sự khác nhau giữa ASEAN và AC. | X1, Y |
| **Chương 2. Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA)**  2.1. Khái quát về khu vực thương mại tự do ASEAN  2.2. Tự do thương mại hàng hóa  2.3. Thuận lợi hóa thương mại hàng hóa  2.4. Quy tắc xuất xử hàng hóa | 5 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về định nghĩa, mục tiêu, lịch sử hình thành, cơ sở pháp lý, nguyên tắc và phương thức xây dựng AFTA.  - Giảng viên giao câu hỏi cho sinh viên tìm hiểu về lộ trình và cơ chế tự do hóa thuế quan và xóa bỏ các biện pháp phi thuế quan theo Hiệp định về thương mại hàng hóa ASEAN 2009 (ATIGA).  - Giảng viên thuyết giảng về các vấn đề liên quan đến thuận lợi hóa thương mại hàng hóa: hải quan, tiêu chuẩn quy định kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp, các biện pháp vệ sinh dịch tễ.  - Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận về các vấn đề liên quan đến quy tắc xuất xứ hàng hóa, bao gồm:  + Khái niệm  + Các tiêu chí xuất xứ hàng hóa của ASEAN  + Thủ tục chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN  **Học ở lớp:**  - Thông qua hoạt động tự nghiên cứu, thảo luận nhóm sinh viên trình bày được những vấn đề giảng viên giao.  - Thông qua việc phân tích quy định pháp luật, sinh viên trình bày được khái quát về AFTA, chương trình thuận lợi hóa thương mại hàng hóa.  **Học ở nhà:**  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về vai trò của của AFTA đối với việc xây dựng và phát triển của Cộng đồng kinh tế ASEAN và đối với nền kinh tế của các thành viên ASEAN, thực tiễn xóa bỏ các biện pháp phi thuế quan trong ASEAN, ưu và nhược điểm của quy tắc xuất xứ hàng hóa. | X1, Y |
| **Chương 3: Tự do hóa thương mại dịch vụ ASEAN**  3.1. Khái quát về dịch vụ, thương mại dịch vụ  3.2. Xóa bỏ rào cản thương mại dịch vụ ASEAN  3.3. Công nhận lẫn nhau trong thương mại dịch vụ ASEAN | 6 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về định nghĩa dịch vụ và các phương thức thực hiện thương mại dịch vụ quốc tế.  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về các loại rào cản thương mại dịch vụ, cách thức xóa bỏ rào cản thương mại dịch vụ của ASEAN.  - Giảng viên thuyết giảng về định nghĩa công nhận lẫn nhau trong thương mại dịch vụ ASEAN.  - Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận về cơ chế, mức độ công nhận lẫn nhau trong Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN năm 2019 (ATISA).  **Học ở lớp:**  Thông qua hoạt động tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, sinh viên trình bày được các vấn đề được giảng viên giao.  **Học ở nhà**:  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về một gói cam kết về tự do hóa thương mại dịch vụ trong ASEAN của Việt Nam, vai trò của công nhận lẫn nhau trong thương mại dịch vụ của ASEAN trong quá trình xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN và đối với sự phát triển kinh tế của các thành viên ASEAN. | X1, Y |
| **Chương 4: Khu vực đầu tư ASEAN (AIA)**  4.1. Khái quát về Khu vực đầu tư ASEAN  4.2. Các vấn đề pháp lý của Khu vực đầu tư ASEAN | 5 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về khái niệm, mục tiêu, lịch sử hình thành, cơ sở pháp lý, nguyên tắc và phương thức xây dựng Khu vực đầu tư ASEAN (AIA).  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu và chia nhóm cho sinh viên thảo luận về các vấn đề pháp lý liên quan đến AIA, bao gồm:  + Tự do hóa đầu tư  + Bảo hộ đầu tư  + Xúc tiến và tạo thuận lợi đầu tư  **Học ở lớp:**  Thông qua hoạt động thảo luận nhóm, sinh viên trình bày được các vấn đề được giảng viên giao.  **Học ở nhà:**  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về vai trò của AIA đối với việc xây dựng và phát triển của Cộng đồng kinh tế ASEAN và đối với nền kinh tế của các thành viên ASEAN, mối quan hệ giữa AFTA và AIA. | X1, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1 | Giảng viên giao các các câu hỏi tự luận cho sinh viên. | X1 |
| **Chương 5: Hợp tác phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia và tương trợ tư pháp hình sự ASEAN**  5.1. Khái quát tội phạm xuyên quốc gia  5.2. Hợp tác phòng chống tội phạm xuyên quốc gia trong ASEAN  5.3. Tương trợ tư pháp hình sự ASEAN | 4 | G1.2  G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên giao câu hỏi cho sinh viên tìm hiểu về khái niệm, đặc điểm, phân loại tội phạm xuyên quốc gia với tội phạm quốc tế và tội phạm có tính chất quốc tế, các loại tội phạm xuyên quốc gia điển hình.  - Giảng viên thuyết giảng về các loại tội phạm xuyên quốc gia điển hình ở ASEAN, hệ thống thiết chế pháp lý phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia ASEAN.  - Giảng viên chia nhóm cho sinh viên thảo luận về cơ sở pháp lý, nội dung hợp tác phòng, chống một số tội phạm xuyên quốc gia ở ASEAN:  + Tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em  + Tội phạm khủng bố  + Tội phạm cướp biển  + Tội phạm công nghệ cao  - Giảng viên thuyết giảng về khái niệm, cơ sở pháp lý và nội dung cơ bản của hoạt động tương trợ tư pháp hình sự ASEAN.  **Học ở lớp:**  Thông qua hoạt động tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, sinh viên trình bày được các vấn đề được giảng viên giao.  **Học ở nhà:**  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về thực tiễn thực thi pháp luật của Cộng đồng ASEAN về hợp tác phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia và về tương trợ tư pháp hình sự tại Việt Nam. | X2, Y |
| **Chương 6: Cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN**  6.1. Khái quát cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN  6.2. Cơ chế giải quyết tranh chính trị - an ninh của ASEAN  6.3. Cơ chế giải quyết tranh chấp kinh tế - thương mại của ASEAN | 4 | G1.2  G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về khái niệm, nguyên tắc, phương thức giải quyết tranh chấp của ASEAN.  - Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận về cơ chế giải quyết tranh chấp chính trị - an ninh của ASEAN :  + Cơ chế giải quyết tranh chấp theo Hiệp ước thân thiện và hợp tác Đông Nam Á (TAC) năm 1976  + Cơ chế giải quyết tranh chấp theo Nghị định thư năm 2010 về giải quyết tranh chấp theo quy định của Hiến chương ASEAN  - Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận về cơ chế giải quyết tranh chấp kinh tế - thương mại của ASEAN theo Nghị định thư Viêng Chăn năm 2004  - Giảng viên lấy ví dụ về việc vận dụng cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN nhằm giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia thành viên ASEAN.  **Học ở lớp:**  - Thông qua hoạt động thảo luận nhóm, sinh viên trình bày được các vấn đề được giảng viên giao.  - Từ các ví dụ mà giảng viên nêu ra, sinh viên nêu được thực trạng giải quyết tranh chấp trong ASEAN.  **Học ở nhà:**  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày được ưu và nhược điểm trong cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN. | X2, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.2  G2.1 | Đánh giá bài tiều luận | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGTS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Đỗ Thị Khánh Ngọc** |

**5.30. Luật Ngân hàng Mã HP: 11476**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | **BTL** | | |  | **ĐAMH** | |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | | | | |
|  | | - Tổng số (TS): | | 45 tiết |  | | | - Lý thuyết (LT): | | | 33 tiết | |
|  | | - Thực hành (TH): | | 20 tiết |  | | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết | |
|  | | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | | 0 tiết |  | | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết | |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Môn học luật tài chính ngân hàng là môn học khoa học pháp lý chuyên ngành bắt buộc được thiết kế cho sinh viên trong chương trình đào tạo cử nhân Luật kinh doanh.

Luật ngân hàng sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lí của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh ngân hàng (bao gồm ngân hàng nhà nước và ngân hàng thương mại), một số hoạt động kinh doanh ngân hàng cụ thể và quản lí nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng.

Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có được tư duy khoa học và những kiến thức về tài chính, ngân hàng, có khả nãng vận dụng những kiến thức về tài chính công trong công việc như tham gia xây dựng, chấp hành, quyết toán ngân sách, thực hiện việc quản lí thuế hoặc chấp hành pháp luật thuế, thành thạo một số kĩ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp luật ngân hàng để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trong lĩnh vực ngân hàng;

***6. Nguồn học liệu:***

**Giáo trình**

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình luật ngân hàng Việt Nam, Nxb. CAND, Hà Nội, 2017.

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình luật ngân sách nhà nước, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2017.

[3] Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình luật thuế Việt Nam, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2017.

**Các website**

1. http://www.mof.gov.vn
2. http://www.moj.gov.vn

**Văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam**

1. Hiến pháp năm 2013.
2. Luật NSNN năm 2015.
3. Luật phí và lệ phí năm 2015.
4. Luật đầu tư công năm 2014.

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu (Gx)** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT (X.x.x)** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | **Phân tích** các quy định pháp luật Việt Nam làm căn cứ giải quyết vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động ngân hàng | 1.4.1 |
| **G2** | **Phối hợp** hoạt động hiệu quả trong một nhóm để giải quyết một vấn đề pháp lý trong lĩnh vực ngân hàng, các thành viên cùng nhau lãnh đạo, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch nhiệm vụ và đáp ứng các mục tiêu đảm nhiệm. | 3.1.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR**  **(G.x.x)** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy (I, T, U)** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | **Phân tích** các quy định pháp luật Việt Nam làm căn cứ giải quyết vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động ngân hàng | **TU4** |
| **G2.1** | **Phối hợp** hoạt động hiệu quả trong một nhóm để giải quyết một vấn đề pháp lý trong lĩnh vực ngân hàng, các thành viên cùng nhau lãnh đạo, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch nhiệm vụ và đáp ứng các mục tiêu đảm nhiệm. | **TU4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá (X.x)** | **CĐR học phần (Gx.x)** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| X. Đánh giá quá trình | X1 - Kiểm tra viết tự luận | G1.1 | 25% |
| X2 - Kiểm tra viết tự luận | G2.1 | 25% |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1;G2.1 | 50% |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần Gx.x)** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Những vấn đề lí luận về ngân hàng và pháp luật ngân hàng**  1.1 Những vấn đề lí luận về ngân hàng  1.2 Những vấn đề lí luận về luật ngân hàng | 4 | G1.1 | **Dạy:**  GV giới thiệu về hoạt động ngân hàng, hệ thống ngân hàng theo quy định hiện hành.  **Học ở lớp:**  SV tham gia phát biểu và xây dựng bài học  **Học ở nhà:** SV tự đọc Đọc Chương I Giáo trình luật ngân hàng Việt Nam, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. CAND, Hà Nội, 2016. | X1 |
| **Chương 2. Pháp luật về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nhà nước**  2.1 Vị trí pháp lí và chức năng của Ngân hàng Nhà nước  2.2 Tổ chức, quản trị và điều hành Ngân hàng Nhà nước  2.3 Hoạt động của Ngân hàng Nhà nước | 6 | G1.1 | **Dạy:**  GV khái quát chung những vấn đề pháp lí về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  **Học ở lớp:**  SV tham gia phát biểu và xây dựng bài học  **Học ở nhà:**  SV tự đọc Chương II Giáo trình luật ngân hàng Việt Nam, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. CAND, Hà Nội, 2015. | X1 |
| **Chương 3. Pháp luật về chủ thể kinh doanh ngân hàng**  3.1Thành lập, tổ chức, quản trị và điều hành  3.2 Hoạt động của các chủ thể kinh doanh ngân hàng  3.3 Kiểm soát đặc biệt, giải thể, phá sản đối với các chủ thể kinh doanh ngân hàng | 7 | G1.1 | **Dạy:** GV thuyết giảng địa vị pháp lí của tổ chức tín dụng.  **Học ở lớp:** SV tham gia phát biểu và xây dựng bài học  **Học ở nhà**: SV tự đọc Chương III Giáo trình luật ngân hàng Việt Nam, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. CAND, Hà Nội, 2015. | X1 |
| **Kiểm tra lần 1** | 1 | G1.1 | Sinh viên làm bài kiểm tra |  |
| **Chương 4. Pháp luật về huy động vốn của tổ chức tín dụng**  4.1 Pháp luật về nhận tiền gửi  4.2 Pháp luật về vay vốn ngân hàng trung ương  4.3 Pháp luật về vay vốn các tổ chức tín dụng khác | 7 | G1.1 | **Dạy:** GV giải thích bản chất pháp lí của quan hệ nhận tiền gửi; phân tích sự khác biệt giữa các loại tiền gửi theo quy định pháp luật.  **Học ở lớp:** SV tham gia phát biểu và xây dựng bài học  **Học ở nhà:** SV tự đọc Đọc Chương IV Giáo trình luật ngân hàng Việt Nam, Trường Đại học Luật Hà Nội | X2 |
| **Kiểm tra lần 2** | 1 | G2.1 | Sinh viên làm bài kiểm tra |  |
| **Chương 5. Pháp luật về hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng**  5.1 Pháp luật về cho vay  5.2 Pháp luật về chiết khấu giấy tờ có giá  5.3 Pháp luật về bảo lãnh ngân hàng  5.4 Pháp luật về cho thuê tài chính  5.5 Pháp luật về bao thanh toán  5.6.Pháp luật về dịch vụ thanh toán  5.7.Pháp luật về hoạt động ngoại hối | 7 | G1.1 | **Dạy:** GV thuyết giảng về  - Bản chất pháp lí, nội dung của hợp đồng tín dụng.  - Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo hợp đồng tín dụng theo quy định hiện hành.  - Các loại hợp đồng cho vay thông dụng Các loại hình bảo lãnh ngân hàng Pháp luật về bao thanh toán.  **Học ở lớp:** SV tham gia phát biểu và xây dựng bài học  **Học ở nhà:** SV tự đọc Chương V,VI, VII Giáo trình luật ngân hàng Việt Nam, Trường Đại học Luật Hà Nội | X2 |

***Giảng dạy thực hành***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần (Gx.x)** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá X.x** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thực hành** | **10** |  |  |  |
| **Chương 2. Pháp luật về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nhà nước** | *3* | **G2.1** | **Dạy:** GV hướng dẫn sinh viên thảo luận theo chủ đề  **Học ở lớp:** Sinh viên làm việc theo nhóm phối hợp giải quyết tình huống giảng viên đưa ra.  **Học ở nhà:** SV tự học theo nội dung giảng viên đã giao trên lớp | *X2* |
| **Chương 3. Pháp luật về chủ thể kinh doanh ngân hàng**  9.1Thành lập, tổ chức, quản trị và điều hành  9.2 Hoạt động của các chủ thể kinh doanh ngân hàng  9.3 Kiểm soát đặc biệt, giải thể, phá sản đối với các chủ thể kinh doanh ngân hàng | *2* | **G2.1** | **Dạy:** GV hướng dẫn sinh viên thảo luận theo chủ đề về chủ thể kinh doanh ngân hàng.  **Học ở lớp:** Sinh viên làm việc theo nhóm phối hợp giải quyết tình huống giảng viên đưa ra.  **Học ở nhà:** SV tự học theo nội dung giảng viên đã giao trên lớp |  |
| **Chương 5. Pháp luật về hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng**  11.1 Pháp luật về cho vay  11.2 Pháp luật về chiết khấu giấy tờ có giá  11.3 Pháp luật về bảo lãnh ngân hàng  11.4 Pháp luật về cho thuê tài chính  11.5 Pháp luật về bao thanh toán  11.6.Pháp luật về dịch vụ thanh toán  11.7.Pháp luật về hoạt động ngoại hối | *5* | **G2.1** | **Dạy:** GV hướng dẫn sinh viên thảo luận theo chủ đề  **Học ở lớp:** Sinh viên làm việc theo nhóm phối hợp giải quyết tình huống giảng viên đưa ra.  **Học ở nhà**: SV tự học theo nội dung giảng viên đã giao trên lớp |  |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng Khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **TS. Lương T Kim Dung** |

**5.31. Luật Đất đai Mã HP: 11475**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** | |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | |  | - Lý thuyết (LT): | | | 37 tiết | |
|  | - Thực hành (TH): | 10 tiết | |  | |  | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết | |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | |  | - Kiểm tra (KT): | | | 03 tiết | |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Luật Dân sự 11483

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Luật đất đai là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh doanh. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về chế độ sở hữu, chế độ quản lí đất đai ở Việt Nam. Luật đất đai cũng thể hiện dưới góc độ lí luận và thực tiễn về địa vị pháp lý của người sử dụng đất, về quản lý và sử dụng các loại đất, trình tự và thủ tục trong quản lý, sử dụng đất đai. Bên cạnh đó, học phần cung cấp hệ thống kiến thức về thanh tra, giám sát; xử lý các vi phạm pháp luật đất đai; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Luật đất đai.* Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Doãn Hồng Nhung, Trần Ngọc Trúc Quỳnh (2021). *Pháp luật về đất nghĩa trang, nghĩa địa và thực tiễn thi hành*, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội.

[2] Vũ Duy Khang (2016). *Các nguyên tắc và các phương pháp áp dụng pháp luật đất đai*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội

[3] Quí Lâm, Kim Phượng (2014). *Luật đất đai - Luật nhà ở và hướng dẫn mới nhất về công tác quản lý đất đai : Có hiệu lực thi hành từ 01-7-2014*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Tp. Hồ Chí Minh

[4] Quốc hội (2024). *Luật Luật Đất đai số 31/2024/QH15*

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam làm căn cứ giải quyết vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực đất đai  Phân tích các quy định về chế độ sở hữu, quản lý đất đai ở Việt Nam; chế độ pháp lí các nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp; các quy định về giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai | 1.4.1 |
| **G2** | Kết hợp bài luận và bài thuyết trình về các vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực đất đai | 3.2.3 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân tích các quy định về chế độ sở hữu, quản lý đất đai ở Việt Nam. | **TU4** |
| **G1.2** | Phân tích chế độ pháp lí các nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp | **TU4** |
| **G1.3** | Phân tích các quy định về giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai | **TU4** |
| **G2.1** | Kết hợp bài luận và bài thuyết trình về các vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực đất đai | **TU4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X  Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1 | 25 |
| X2 – Bài tập nhóm thuyết trình | G1.2, G1.3 | 25 |
| Y  Đánh giá cuối kỳ | Y – Tự luận | G1.1, G1.2, G1.3 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Những vấn đề lí luận chung về ngành luật đất đai**  1.1. Khái niệm ngành luật đất đai  1.2. Nguồn của luật đất đai  1.3. Các nguyên tắc của ngành luật đất đai  1.4. Quan hệ pháp luật đất đai | 4 | G1.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích  + Khái niệm ngành luật đất đai  + Nguồn của luật đất đai  + Các nguyên tắc của ngành luật đất đai  + Quan hệ pháp luật đất đai  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và đặt câu hỏi thảo luận  **Học ở lớp:**  - Sinh viên thảo luận nhóm để phân biệt quan hệ đất đai với các quan hệ pháp luật khác; phân biệt tính đặc thù quan hệ đất đai với các quan hệ tài sản khác  **Học ở nhà:**  - So sánh các quan điểm học thuyết về luật đất đai. | X1, Y |
| **Chương 2. Chế độ sở hữu toàn dân về đất đai**  2.1. Cơ sở của việc xây dựng chế độ sở hữu toàn dân về đất đai ở nước ta  2.2. Khái niệm, đặc điểm của chế độ sở hữu toàn dân về đất đai  2.3. Nội dung của chế độ sở hữu toàn dân về đất đai | 4 | G1.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn của việc xây dựng chế độ sở hữu toàn dân về đất đai; những sửa đổi, bổ sung của Luật đất đai về sở hữu toàn dân về đất đai; so sánh hình thức sở hữu toàn dân về đất đai với các hình thức sở hữu đất đai khác và phân tích được ưu, nhược điểm của mỗi hình thức sở hữu đất đai này.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và đặt câu hỏi thảo luận  **Học ở lớp:**  - Sinh viên liên hệ sự cần thiết khách quan phải tiếp tục củng cố và hoàn thiện chế độ sở hữu toàn dân về đất đai trong điều kiện nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa  - Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích sự tác động và ảnh hưởng của chế độ sở hữu toàn dân về đất đai tới chế độ quản lý và sử dụng đất  **Học ở nhà:**  - Sinh viên so sánh chế độ sở hữu đất đai ở nước ta với chế độ sở hữu đất đai của một số nước. | X1,Y |
| **Chương 3. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất**  3.1. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất  3.2. Giao đất, cho thuê đất  3.3. Thu hồi đất | 6 | G1.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích:  + Vai trò của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.  + Sự thay đổi cơ bản của Luật Đất đai về quy hoạch kế hoạch sử dụng đất.  + Các nguyên tắc, căn cứ lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.  + Nội dung các quy định về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất  + Các căn cứ giao đất, cho thuê đất.  + Các hinh thức giao đất, cho thuê đất  + Thẩm quyền giao đất, cho thuê đất  + Các trường hợp nhà nước thu hồi đất  + Các căn cứ và nguyên tắc thu hồi đất  + Các điều kiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và đặt câu hỏi thảo luận  **Học ở lớp:**  - Sinh viên thảo luận nhóm để phân biệt quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất; phân biệt giữa giao đất và thuê đất.  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viênphân tích được mối quan hệ giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch ngành. | X1, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1 | Sinh viên làm bài kiểm tra tự luận | X1 |
| **Chương 4. Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Giấy chứng nhận) và hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về đất đai**  4.1. Đăng ký đất đai  4.2. Cấp giấy chứng nhận  4.3. Hệ thống thông tin về đất đai và cơ sở dữ liệu về đất đai | 3 | G1.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích:  + Mục đích, ý nghĩa của hoạt động đăng ký đất đai.  + Sự thay đổi của Luật Đất đai về cách thức cấp giấy chứng nhận.  + Sự thay đổi của Luật Đất đai về điều kiện cấp giấy chứng nhận và cách thức xác định diện tích đất ở trong trường hợp đất ở có vườn ao khi cấp giấy chứng nhận.  + Các nguyên tắc thẩm định và cấp giấy chứng nhận  - Giảng viên phân tích mối quan hệ giữa đăng ký đất đai và cấp giấy chứng nhận.  - Giảng viên đặt câu hỏi cho sinh viên tìm hiểu bài  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên phân tích mục đích, ý nghĩa của hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai.  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên phân tích hoạt động quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai. | X2, Y |
| **Chương 5. Giá đất và các nghĩa vụ tài chính về đất đai**  5.1. Giá đất  5.2. Các nghĩa vụ tài chính về đất đai | 4 | G1.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích:  + Nguyên tắc xác định giá đất.  + Vai trò của tổ chức tư vấn giá đất  - Giảng viên phân biệt mục đích của việc xác định bảng giá đất và giá đất cụ thể.  - Giảng viên phân loại phân loại các nghĩa vụ tài chính khác nhau áp dụng đối với người sử dụng đất.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và đặt câu hỏi thảo luận  **Học ở lớp:**  - Sinh viên phân biệt sự khác nhau giữa hai loại lệ phí: Lệ phí trước bạ và lệ phí địa chính.  - Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích những tồn tại và bất cập của chính sách tài chính về đất đai hiện hành  **Học ở nhà:**  - Sinh viên phân tích bản chất quy địnhNhà nước điều tiết phần giá trị tăng thêm từ đất mà không do đầu tư của người sử dụng đất mang lại. | X2, Y |
| **Chương 6. Địa vị pháp lí của người sử dụng đất**  6.1. Một số vấn đề chung về địa vị pháp lý của người sử dụng đất  6.2. Các quyền cụ thể của người sử dụng đất | 5 | G1.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích ý nghĩa của việc phân loại chủ thể sử dụng đất; sự khác nhau về quyền của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất thuê trả tiền một lần với đất thuê trả tiền hàng năm; điểm khác nhau về quyền của các tổ chức được giao đất không thu tiền sử dụng đất với giao đất có thu tiền; điểm mới của Luật Đất đai 2013 về quyền của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất tại Việt Nam; tích quyền của người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và đặt câu hỏi thảo luận  **Học ở lớp:**  - Sinh viên phân tích về thời điểm thực hiện quyền của người sử dụng đất.  - Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích điều kiện thực hiện quyền của người sử dụng đất.  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên phân tíchquyền của người sử dụng đất trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế và khu chế xuất. | X2, Y |
| **Chương 7. Chế độ pháp lí các loại đất**  7.1. Chế độ pháp lí nhóm đất nông nghiệp  7.2. Chế độ pháp lí nhóm đất phi nông nghiệp | 6 | G1.2,  G2.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích căn cứ, mục đích ý nghĩa của việc phân loại đất theo pháp luật đất đai hiện hành.  - Giảng viên phân tích:  + Mục đích, ý nghĩa của việc quy định thời hạn sử dụng đất nông nghiệp.  + Cơ sở của việc quy định hạn mức đất nông nghiệp.  + Những đặc trưng trong quản lý và sử dụng các loại đất nông nghiệp  + Những đặc trưng trong các quy định về quản lý và sử dụng các loại đất ở.  + Những đặc trưng trong các quy định về quản lý và sử dụng đất an ninh, quốc phòng  + NSShững đặc trưng trong các quy định về quản lý và sử dụng đất trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế và khu chế xuất  - Giảng viên giao bài tập nhóm và hướng dẫn sinh viên thực hiện bài tập nhóm  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và đặt câu hỏi thảo luận  **Học ở lớp:**  - Sinh viên phân tích những hạn chế trong các quy định về quản lí và sử dụng nhóm đất nông nghiệp.  - Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích những hạn chế trong các quy định về quản lí và sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp.  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên phân tích những đặc trưng trong các quy định về quản lý và sử dụng các loại đất phi nông nghiệp khác | X2, Y |
| **Chương 8. Những vấn đề pháp lí về giám sát, thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong lĩnh vực đất đai**  8.1. Những vấn đề pháp lý về giám sát quản lý và sử dụng đất đai  8.2. Những vấn đề pháp lí về thanh tra chuyên ngành đất đai  8.3. Những vấn đề pháp lí về giải quyết tranh chấp đất đai  8.4. Những vấn đề pháp lí về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai  8.5. Những vấn đề pháp lí về xử lí vi phạm pháp luật về đất đai | 5 | G1.3,  G2.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích vai trò của Nhà nước, của công dân và của hệ thống theo dõi và đánh giá  - Giảng viên phân tích mục đích và ý nghĩa của thanh tra chuyên ngành đất đai.  - Giảng viên phân tích mục đích, ý nghĩa của hoạt động hòa giải tranh chấp đất đai.  - Giảng viên phân tích quy trình, thủ tục thực hiện khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và đặt câu hỏi thảo luận  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên thảo luận nhóm để:  **+** Phân biệt được giám sát trong lĩnh vực đất đai và giám sát trong các lĩnh vực khác.  + Phân biệt thanh tra Nhà nước và thanh tra chuyên ngành đất đai  + Phân biệt căn cứ để phân định thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai giữa TAND và UBND.  + Phân biệt thẩm quyền giải quyết tranh chấp với thẩm quyền giải quyết khiếu nại về đất đai.  + So sánh được các dạng khiếu nại, khiếu kiện và tố cáo phổ biến, điển hình trong lĩnh vực đất đai.  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên phân biệt được giữa vi phạm pháp luật đất đai với tội phạm.  - Sinh viên chỉ ra sự khác nhau trong các quy định của pháp luật về xử lí vi phạm pháp luật đất đai giữa người quản lí đất đai với người sử dụng đất | X2, Y |
| **Kiểm tra** | 2 | G1.2, G1.3 | - Sinh viên thuyết trình bài tập nhóm  - Giảng viên đánh giá bài tập nhóm | X2 |

***Giảng dạy thực hành***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 3. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất**  **Chương 4. Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Giấy chứng nhận) và hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về đất đai**  **Chương 5. Giá đất và các nghĩa vụ tài chính về đất đai**  **Chương 8. Những vấn đề pháp lí về giám sát, thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong lĩnh vực đất đai** | 10 | G1.1  G1.2,  G1.3 | **Dạy**:  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên các nội dung thực hành:  + Thủ tục thu hồi đất  + Thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất  + Thủ tục thực hiện các nghĩa vụ tài chính về đất đai  + Thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai  **Học ở lớp:**  - Sinh viên thực hành theo hướng dẫn của giảng viên  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự ôn tập các quy trình theo hướng dẫn của giảng viên | X1, X2,Y |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng Khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS.Nguyễn Viết Hà** |

**5.32. Luật An sinh xã hội Mã HP: 11408**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | **BTL** |  | **ĐAMH** |  |  |

***2. Đơn vị giảng dạy:*** Bộ môn Luật Hàng hải *Email:*

***3. Phân bổ thời gian:***

- Tổng số (TS): 30 tiết. - Lý thuyết (LT): 28 tiết.

- Thực hành (TH): 00 tiết. - Bài tập (BT): 00 tiết.

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 00 tiết. - Kiểm tra (KT): 02 tiết.

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** *Luật Dân sự - 11483, Luật Lao động-*

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Luật an sinh xã hội là một môn khoa học pháp lý chuyên ngành nghiên cứu các vấn đề lý luận và pháp lý cơ bản về hệ thống pháp luật an sinh xã hội. Môn học cung cấp cho người học những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật ASXH cũng như những nội dung pháp lý cụ thể về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ cứu trợ xã hội, chế độ ưu đãi xã hội, tranh chấp và giải quyết tranh chấp ASXH.

Môn học không chỉ giúp sinh viên hiểu được khái niệm luật ASXH với tư cách là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, nắm được đối tượng điều chỉnh và các nguyên tắc ASXH mà còn hiểu được vị trí và tầm quan trọng của các chế định Luật ASXH trong việc đảm bảo quyền con người, quyền công dân và các quyền lợi ích khác của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật, có những kiến thức pháp luật cơ bản về hệ thống ASXH của Việt Nam để có thể vận dụng giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế thông qua các bài tập thực hành.

Kết thúc học phần, sinh viên có thể nắm được các kiến thức cần thiết đã được xây dựng trong đề cương môn học về luật ASXH. Người học có thể hình thành được kỹ năng thu thập, tổng hợp, hệ thống hoá về pháp luật ASXH, và trên cơ sở đó, người học phân tích, vận dụng các quy định của pháp luật ASXH vào các vụ tình huống thực tiễn. Đồng thời, người học có khả năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật về ASXH và thực tiễn áp dụng luật.

Sinh viên rất dễ dàng có thể áp dụng kiến thức về ASXH trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc chuyên ngành do vai trò và vị trí của ASXH gắn liền với quyền và lợi ích của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, điều cần thiết là vẫn nên có thái độ tích cực trong việc tìm hiểu thêm thông tin ngoài những giờ học, liên tục cập nhập các bản tin để nắm được xu thế phát triển hoặc các tranh chấp nổi cộm có liên quan đến SHTT.

***6. Nguồn học liệu:***

**Giáo trình**

[1] Bộ môn Luật Hàng hải, *Tài liệu học tập Luật An sinh xã hội (2024)*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

**Tài liệu tham khảo**

[1] TS. Mai Linh, TS. Nguyễn Thị Tuyết Nga, PGS.TS.Nguyễn Thị Kim Hoa (2021), Hoạt động công tác xã hội trong thực hiện quyền an sinh xã hội về hỗ trợ học nghề cho người dân, Tạp chí nguồn nhân lực và an sinh xã hội.

[2] TS. Bùi Sĩ Lợi (2021), Nâng cao hiệu quả giám sát của cơ quan dân cử đối với việc thực thi chính sách, pháp luật về an sinh xã hội ở Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật

**Websites**

[1] http:// [www.ilo.org](http://www.ilo.org)

[2] http:// [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn)

[3] http:// [www.laodong.com.vn](http://www.laodong.com.vn)

[4] http:// [www.molisa.gov.vn](http://www.molisa.gov.vn)

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | *Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực an sinh xã hôi.* | 1.4.1 |
| **G2** | *Phối hợp hoạt động hiệu quả trong một nhóm mà các thành viên cùng nhau lãnh đạo, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch nhiệm vụ và đáp ứng các mục tiêu để giải quyết vấn đề liên quan đến an sinh xã hội* | 3.1.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| **G1.1** | *Hiểu các kiến thức nền tảng của pháp luật an sinh xã hội* | **TU4** |
| **G1.2** | *Phân tích được các quy định pháp luật Việt Nam điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực an sinh xã hôi.* | **TU4** |
| **G2.1** | *Làm việc nhóm hiệu quả trong giải quyết các vấn đề liên quan đến an sinh xã hội* | **TU4** |
| **G2.2** | *Vận dụng pháp luật giải quyết công việc nhóm trong lĩnh vực an sinh xã hội* | **TU4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

*(các thành phần, các bài đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự liên quan với các CĐR của học phần)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1; G1.2 | 25% |
| X2 - Kiểm tra viết tự luận | G2.1; G2.2 | 25% |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y - Thiviết tự luận | G1.1; G1.2; G2.1; G2.2 | 50% |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| **Chương 1: Tổng quan về Luật an sinh xã hội Việt Nam**  1.1. Khái niệm Luật ASXH  1.2. Mối quan hệ giữa Luật ASXH và một số ngành luật khác  1.3. Các nguyên tắc cơ bản của Luật ASXH  1.4. Nguồn của Luật ASXH  1.5. Chế độ ASXH trong pháp luật quốc tế  1.6. Vai trò, ý nghĩa của Luật ASXH  1.7. Lịch sử Luật ASXH Việt Nam | 6 | G1.1  G1.2 | **Dạy:**  - Phân tích các khái niệm liên quan đến an sinh xã hội, phạm vi điều chỉnh của Luật ASXH  - Phân tích đặc điểm và nguyên tắc cơ bản của Luật ASXH.  - Giảng viên đặt câu hỏi định hướng về vấn đề lý luận chung về ASXH.  **Học ở lớp:**  - Phân tích đặc thù của Luật ASXH tại Việt Nam.  - Phân tích các mối quan hệ giữa Luật ASXH và một số ngành luật khác.  **Học ở nhà:** Thông qua việc trả lời các câu hỏi định hướng, sinh viên tự tìm hiểu và nghiên cứu các vấn đề sau:  - Phân tích khái niệm, phạm vi điều chỉnh của Luật ASXH Việt Nam.  - Phân tích các vấn đề thực tiễn về ASXH. | X1, Y |
| **Chương 2: Bảo hiểm xã hội**  2.1 Khái niệm, ý nghĩa bảo hiểm xã hội.  2.2 Các nguyên tắc của bảo hiểm xã hội.  2.3 Các loại hình bảo hiểm xã hội.  2.3.1. Bảo hiểm xã hội bắt buộc.  2.3.2. Bảo hiểm xã hội tự nguyện.  2.3.3. Bảo hiểm thất nghiệp. | 9 | G1.2  G1.2 | **Dạy:**  - Phân tích chính xác các nguyên tắc và các loại hình bảo hiểm xã hội  - So sánh và đánh giá các loại hình bảo hiểm xã hội  - Giảng viên đặt câu hỏi định hướng về bảo hiểm xã hội.  **Học ở lớp:**  - Phân tích đặc thù và so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa các loại hình bảo hiểm xã hội.  **Học ở nhà:**  Thông qua việc trả lời câu hỏi định hướng, sinh viên tự nghiên cứu các vấn đề sau:  - Phân tích khái quát về các nội dung trong bảo hiểm xã hội  - Phân tích một số ví dụ về bảo hiểm xã hội trong thực tiễn. | X1, Y |
| **Kiểm tra** | 01 | G1.1, G1.2 | - Giảng viên giao câu hỏi kiểm tra  - Sinh viên trả lời câu hỏi | X1 |
| **Chương 3: Bảo hiểm y tế**  3.1. Khái quát về bảo hiểm y tế  3.2. Các loại hình bảo hiểm y tế | 3 | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | **Dạy:**  - Phân tích bảo hiểm y tế.  - Phân biệt được các loại hình bảo hiểm y tế.  - Giảng viên đặt các câu hỏi định hướng về các vấn đề thực tiễn của bảo hiểm y tế  **Học ở lớp:**  - Phân tích đặc thù và so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa các loại hình bảo hiểm y tế.  **Học ở nhà:** Thông qua việc trả lời câu hỏi định hướng của giảng viên, sinh viên tự phân tích các vấn đề sau:  - Nêu một số ví dụ về bảo hiểm y tế trong thực tiễn. | X2, Y |
| **Chương 4: Chế độ ưu đãi xã hội**  4.1. Khái quát về ưu đãi xã hội  4.2. Các đối tượng được hưởng ưu đãi xã hội  4.3. Các chế độ ưu đãi xã hội | 3 | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | **Dạy:**  - Phân tích về ưu đãi xã hội.  - Phân tích các đối tượng được hưởng ưu đãi xã hội.  - Giảng viên đặt các câu hỏi định hướng về vấn đề các đối tượng được hưởng ưu đãi xã hội.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên Phân tích lý thuyết đặt câu hỏi cho giảng viên về các vấn đề ưu đãi xã hội.  **Học ở nhà:**  - Thông qua việc trả lời câu hỏi định hướng, sinh viên tự tìm hiểu và trả lời về các vấn đề sau:  - Phân tích về các đối tượng được hưởng ưu đãi xã hội và lấy ví dụ liên hệ thực tế. | X2, Y |
| **Chương 5: Chế độ trợ giúp xã hội**  5.1. Khái quát về chế độ trợ giúp xã hội  5.2. Chế độ trợ giúp xã hội | 3 | G1.2, G2.1, G2.2 | **Dạy:**  - Phân tích chế độ trợ giúp xã hội.  - Giảng viên đặt các câu hỏi định hướng về vấn đề trợ giúp xã hội  **Học ở lớp:**  - Phân tích chế độ trợ giúp xã hội  **Học ở nhà:** Thông qua việc trả lời câu hỏi định hướng, sinh viên tự tìm hiểu và trả lời về các vấn đề sau: Phân tích và phân tích ví dụ liên hệ thực tế về trợ giúp xã hội. | X2, Y |
| **Chương 6: Giải quyết tranh chấp an sinh xã hội**  6.1. Những vấn đề chung về tranh chấp ASXH  6.2. Giải quyết tranh chấp ASXH | 3 | G2.1, G2.2 | **Dạy:**  - Phân tích Lý luận chung về tranh chấp ASXH  - Phân tích hướng giải quyết tranh chấp ASXH  - Giảng viên đặt các câu hỏi định hướng về vấn đề các tranh chấp ASXH  **Học ở lớp:**  - Sinh viên Phân tích tranh chấp ASXH  **Học ở nhà:**  - Thông qua việc trả lời câu hỏi định hướng, sinh viên tự tìm hiểu và trả lời về các vấn đề sau: Phân tích và phân tích ví dụ thực tế về các tranh chấp ASXH. | X2, Y |
| **Kiểm tra** | 2 | G2.1, G2.2 | - Giảng viên giao câu hỏi kiểm tra  - Sinh viên trả lời câu hỏi | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng Khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Vũ Thị Thanh Lan** |

**5.33. Tư pháp quốc tế Mã HP: 11447**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | | **BTL** | | **X** | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 28 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 15 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Luật Dân sự 11483

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Tư pháp quốc tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật. Thông qua học phần, sinh viên được học những kiến thức lý luận cơ bản về: Tổng quan về tư pháp quốc tế; xung đột pháp luật; quyền sở hữu tài sản trong tư pháp quốc tế; thừa kế trong tư pháp quốc tế; hợp đồng trong tư pháp quốc tế; bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong tư pháp quốc tế; tố tụng dân sự quốc tế.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Tư pháp quốc tế*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Trần Minh Ngọc và cộng sự (2017). *Giáo trình Tư pháp quốc tế,* Nhà xuất bản Tư pháp.

[2] Nguyễn Văn Cừ, Trần Thị Huệ - chủ biên (2017). *Bình luận khoa học Bộ luật dân sự 2015 của nước CHXHCN Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân.

[3] Trần Anh Tuấn – chủ biên (2017). *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng dân sự của nước CHXHCN Việt Nam năm 2015*, Nhà xuất bản Tư pháp.

[4] Ngô Hữu Phước, Lê Đức Phương (2014). *Các hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam với nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu: Luật dân sự, tố tụng dân sự, hình sự, tố tụng hình sự, luật quốc tế, tự pháp quốc tế, thương mại quốc tế*, Nhà xuất bản Hồng Đức.

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Phân tích các kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề dân sự mở rộng có yếu tố nước ngoài phát sinh trong một số tình huống giả định và thực tiễn. | 1.3.1 |
| **G2** | Hoàn thành việc giải quyết vấn đề dân sự mở rộng có yếu tố nước ngoài trên cơ sở nghiên cứu các căn cứ pháp lý và các bất cập trong thực tiễn thi hành tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp cho vấn đề pháp lý được xác định | 2.2.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân biệt ngành luật Tư pháp quốc tế các ngành luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam | **TU4** |
| **G1.2** | Phân tích các quy định pháp luật để giải quyết các vấn đề dân sự mở rộng có yếu tố nước ngoài phát sinh trong một số tình huống giả định và thực tiễn quốc tế. | **TU4** |
| **G2.1** | Hoàn thành việc giải quyết tình huống dân sự mở rộng có yếu tố nước ngoài trên cơ sở nghiên cứu các căn cứ pháp lý và căn cứ thực tiễn trong tình huống, từ đó đề xuất các giải pháp cho vấn đề pháp lý được xác định | **TU3** |
| **G2.2** | Hoàn thành việc giải quyết một đề tài trong lĩnh vực tư pháp quốc tế trên cơ sở nghiên cứu các quy định pháp luật liên quan và bất cập trong thực tiễn thi hành tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp cho vấn đề pháp lý được xác định | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Bài tập lớn | G1.2, G2.2 | 20 |
| X2 - Kiểm tra viết tự luận | G1.2, G2.1 | 30 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y - Thiviết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Tổng quan về tư pháp quốc tế**  1.1. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của tư pháp quốc tế  1.2. Các nguyên tắc cơ bản của tư pháp quốc tế  1.3. Nguồn của luật quốc tế | 03 | G1.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về tổng quan tư pháp quốc tế và giao các câu hỏi cho sinh viên giải quyết theo nhóm về nội dung bài.  - Giảng viên giao câu hỏi định hướng cho sinh viên nghiên cứu về một số Điều ước quốc tế là nguồn của Tư pháp quốc tế Việt Nam  **Học ở lớp:**  Thông qua làm việc nhóm, sinh viên phân tích lý thuyết tổng quan về tư pháp quốc tế để:  - Phân biệt ngành tư pháp quốc tế và luật dân sự, công pháp quốc tế  - Vận dụng kiến thức lý luận và quy định pháp luật dân sự để xác định các quan hệ pháp luật dân sự mở rộng có yếu tố nước ngoài trong một số tình huống giả định  **Học ở nhà:**  Sinh viên tìm hiểu các Điều ước quốc tế và trả lời câu hỏi | Y |
| **Chương 2. Xung đột pháp luật**  2.1. Khái quát về xung đột pháp luật  2.2. Quy phạm pháp luật xung đột  2.3. Áp dụng pháp luật nước ngoài  2.4. Những vấn đề về hiệu lực của quy phạm xung đột | 03 | G1.2, G2.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về quy phạm xung đột và đặt câu hỏi phân tích cấu trúc quy phạm xung đột  - Giảng viên tổ chức thảo luận nhóm và giao tình huống về hiệu lực của quy phạm xung đột  - Giảng viên giao câu hỏi về quy phạm xung đột trong Bộ luật Dân sự 2005, 2015 cho sinh viên nghiên cứu.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên phân tích cấu trúc của một số quy phạm pháp luật xung đột,  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên phân tích quy định pháp luật và giải quyết tình huống về hiệu lực của quy phạm xung đột.  **Học ở nhà:**  Sinh viên lập bảng so sánh các quy phạm pháp luật xung đột trong Bộ luật Dân sự 2015 và Bộ luật Dân sự 2005 | X1, Y |
| **Chương 3. Tố tụng dân sự quốc tế**  3.1. Khái quát về tố tụng dân sự quốc tế  3.2. Xác định thẩm quyền xét xử dân sự quốc tế  3.3. Địa vị pháp lý của chủ thể nước ngoài trong tố tụng dân sự quốc tế  3.4. Vấn đề tương trợ tư pháp và ủy thác tư pháp  3.5. Công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài | 06 | G1.2  G2.1  G2.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích lý thuyết về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam trong việc xét xử các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, các trường hợp không công nhận phán quyết của Tòa án nước ngoài, tương trợ tư pháp và ủy thác tư pháp.  - Giảng viên tổ chức làm việc nhóm và giao tình huống thảo luận về thẩm quyền của Tòa.  - Giảng viên đặt câu hỏi định hướng nghiên cứu về địa vị pháp lý của chủ thể nước ngoài trong quan hệ tư pháp quốc tế  - Giảng viên giao câu hỏi định hướng cho sinh viên nghiên cứu về thẩm quyền của trọng tài thương mại tại Việt Nam  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên phân tích các quy định pháp luật và xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam trong các tình huống và khả năng công nhận phán quyết của Tòa án nước ngoài.  - Sinh viên phân tích quy định pháp luật và trả lời câu hỏi về địa vị pháp lý của chủ thể nước ngoài trong quan hệ dân sự và tố tụng dân sự có yếu tố nước ngoài..  **Học ở nhà:**  Trên cơ sở nghiên cứu Luật Trọng tài thương mại Việt Nam, sinh viên phân tích thẩm quyền của trọng tài thương mại để trả lời các câu hỏi được giao | X1, X2, Y |
| **Chương 4. Quyền sở hữu tài sản trong tư pháp quốc tế**  4.1. Khái niệm  4.2. Giải quyết xung đột pháp luật về quyền sở hữu có yếu tố nước ngoài  4.3. Xác định thời điểm chuyển dịch rủi ro đối với tài sản mua bán  4.4. Vấn đề quốc hữu hóa và quyền sở hữu của quốc gia trong tư pháp quốc tế  4.5. Quyền sở hữu của người nước ngoài tại Việt Nam | 03 | G1.2  G2.1  G2.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích lý thuyết về giải quyết xung đột liên quan tới quyền sở hữu có yếu tố nước ngoài, thời điểm chuyển dịch rủi ro và giao tình huống cho sinh viên giải quyết.  - Giảng viên giao tình huống và câu hỏi thảo luận / làm việc cá nhân cho sinh viên.  - Giảng viên giao câu hỏi định hướng cho sinh viên nghiên cứu về vấn đề quốc hữu hóa và quyền sở hữu của quốc gia trong tư pháp quốc tế.  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm hoặc làm việc cá nhân, sinh viên phân tích các tình huống được giao về sở hữu có yếu tố nước ngoài để đưa ra cách giải quyết.  **Học ở nhà:**  Sinh viên phân tích nội dung quốc hữu hóa và quyền sở hữu của quốc gia trong tư pháp quốc tế để trả lời các câu hỏi định hướng được giao. | X1, X2, Y |
| **Chương 5. Thừa kế trong tư pháp quốc tế**  5.1. Khái niệm thừa kế trong tư pháp quốc tế  5.2. Giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế theo quy định của pháp luật các nước và pháp luật Việt Nam  5.3. Giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế theo các điều ước quốc tế  5.4. Một số nội dung khác thuộc lĩnh vực thừa kế trong tư pháp quốc tế | 04 | G1.2  G2.1  G2.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích lý thuyết về giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế có yếu tố nước ngoài và giao tình huống cho sinh viên giải quyết.  - Giảng viên giao tình huống và câu hỏi thảo luận / làm việc cá nhân cho sinh viên.  - Giảng viên giao câu hỏi định hướng cho nhóm sinh viên nghiên cứu về thừa kế có yếu tố nước ngoài trong một số Hiệp định tương trợ tư pháp  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm hoặc làm việc cá nhân, sinh viên phân tích các tình huống được giao về thừa kế có yếu tố nước ngoài để đưa ra cách giải quyết.  **Học ở nhà:**  Sinh viên so sánh cách giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế có yếu tố nước ngoài giữa một số Hiệp định tương trợ tư pháp và Bộ luật Dân sự 2015. | X1, X2, Y |
| **Chương 6. Hợp đồng trong tư pháp quốc tế**  6.1. Hợp đồng trong tư pháp quốc tế và xung đột pháp luật về hợp đồng trong tư pháp quốc tế  6.2. Giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng theo pháp luật một số nước và theo một số điều ước quốc tế  6.3. Giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng theo pháp luật Việt Nam và theo điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia. | 06 | G1.2  G2.1  G2.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích lý thuyết về giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng có yếu tố nước ngoài và giao tình huống cho sinh viên giải quyết.  - Giảng viên giao tình huống và câu hỏi thảo luận / làm việc cá nhân cho sinh viên.  - Giảng viên giao câu hỏi định hướng cho nhóm sinh viên nghiên cứu về CISG.  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm hoặc làm việc cá nhân, sinh viên phân tích các tình huống được giao về hợp đồng thương mại quốc tế để đưa ra cách giải quyết.  **Học ở nhà:**  Sinh viên nghiên cứu CISG và trả lời câu hỏi. | X1, X2, Y |
| **Chương 7. Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong tư pháp quốc tế**  7.1. Khái niệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong tư pháp quốc tế  7.2. Giải quyết xung đột pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong tư pháp quốc tế  7.3. Giải quyết xung đột pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong tư pháp quốc tế ở một số lĩnh vực cụ thể | 03 | G1.2  G2.1  G2.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích lý thuyết về giải quyết xung đột pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có yếu tố nước ngoài và giao tình huống cho sinh viên giải quyết.  - Giảng viên giao tình huống và câu hỏi thảo luận / làm việc cá nhân cho sinh viên.  - Giảng viên giao câu hỏi định hướng cho nhóm sinh viên nghiên cứu về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có yếu tố nước ngoài trong một số Hiệp định tương trợ tư pháp.  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm hoặc làm việc cá nhân, sinh viên phân tích các tình huống được giao về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có yếu tố nước ngoài để đưa ra cách giải quyết.  **Học ở nhà:**  Sinh viên so sánh cách giải quyết xung đột pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có yếu tố nước ngoài giữa một số Hiệp định tương trợ tư pháp và Bộ luật Dân sự 2015. | X1, X2, Y |
| **Bài tập lớn** | 15 | G1.2, G2.2 | **Dạy:**  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên chọn và hoàn thiện đề tài về phân tích nội dung pháp luật liên quan tới:  + Quyền sở hữu tài sản trong tư pháp quốc tế;  + Thừa kế trong tư pháp quốc tế;  + Hợp đồng trong tư pháp quốc tế;  + Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong tư pháp quốc tế;  + Tố tụng trong tư pháp quốc tế  - Giảng viên giải đáp thắc mắc, tư vấn cho sinh viên  - Giảng viên thu bài tập lớn và đánh giá kết quả  **Học ở lớp:**  - Sinh viên nghiên cứu đề tài, đặt câu hỏi cho giảng viên về nội dung bài tập lớn  - Sinh viên bảo vệ kết quả nghiên cứu trong bài tập lớn, trả lời các câu hỏi được giao.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên hoàn thiện bài tập và nộp đúng hạn | X1 |
| **Kiểm tra** | 2 | G1.2, G2.1 | Giảng viên giao các các câu hỏi tự luận cho sinh viên  Sinh viên làm bài kiểm tra | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **TS. Hoàng Thị Ngọc Quỳnh** |

**5.34. Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng Mã HP: 11409**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** | |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | | | - Lý thuyết (LT): | | | 43 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:***

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật về bảo vệ cạnh tranh trong kinh doanh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Qua học phần này, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật cạnh tranh cũng như nội dung pháp luật hiện hành điều chỉnh hoạt động bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng của Việt Nam.

***6.1. Giáo trình***

Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Luật Cạnh tranh và Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng,* Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

**Giáo trình**

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình luật cạnh tranh, Nxb. CAND, Hà Nội, 2020.

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2018.

**Các website**

1. http://www.moit.gov.vn
2. http://www.vca.gov.vn

**Văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam**

1. Luật cạnh tranh năm 2018.
2. Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010.

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | **Phân tích** các quy định pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong đời sống xã hội. | 1.4.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | **Phân tích** các quy định pháp luật cạnh tranh để giải quyết các vấn đề pháp lý có liên quan trong lĩnh vực kinh doanh thương mại phát sinh trong đời sống xã hội. | **TU4** |
| **G1.2** | **Phân tích** các quy định pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của Việt Nam để giải quyết các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh thương mại phát sinh trong đời sống xã hội. | **TU4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1 | 25 |
| X2 - Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G1.2 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y - Thiviết tự luận | G1.1, G1.2 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Những vấn đề lí luận về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh**  1.1. Khái quát về cạnh tranh  1.2. Những vấn đề lí luận về pháp luật cạnh tranh  1.3. Khái quát về pháp luật cạnh tranh Việt Nam | 3 | G1.1 | **Dạy:**  Giảng viên giới thiệu khái quát về cạnh tranh và các hình thức cạnh tranh; chính sách cạnh tranh và vai trò điều tiết cạnh tranh; pháp luật cạnh tranh.  **Học ở lớp:**  SV tham gia phát biểu và xây dựng bài học  Sinh viên phân tích được các đặc trưng của pháp luật cạnh tranh.  **Học ở nhà:**  Sinh viên phân tích được việc áp dụng luật cạnh tranh với các luật khác có liên quan và điều ước quốc tế. | X1, Y |
| **Chương 2. Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh**  2.1 Xác định thị trường liên quan  2.2. Sức mạnh thị trường | 3 | G1.1 | **Dạy:**  Giảng viên thuyết giảng khái niệm thị trường liên quan và cách xác định thị trường liên quan trong điều tra vụ việc hạn chế cạnh tranh.  Giảng viên thuyết giảng sức mạnh thị trường và cách xác định sức mạnh thị trường.  **Học ở lớp:**  SV tham gia phát biểu và xây dựng bài học  Sinh viên phân tích ý nghĩa của việc xác định thị trường liên quan.  Sinh viên phân tích được sức mạnh thị trường theo pháp luật Việt Nam.  **Học ở nhà:**  Sinh viên so sánh được các yếu tố để xác định thị trường liên quan của Việt Nam và quy định chung của các nước trên thế giới. | X1, Y |
| **Chương 3. Pháp luật về kiểm soát thoả thuận hạn chế cạnh tranh**  3.1. Khái quát về thoả thuận hạn chế cạnh tranh  3.2. Quy định về thoả thuận hạn chế cạnh tranh trong Luật cạnh tranh Việt Nam | 4 | G1.1 | **Dạy:**  Giảng viên thuyết giảng khái niệm và các hành vi thoả thuận hạn chế cạnh tranh; Chế tài xử lí đối với các thoả thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm theo pháp luật Việt Nam.  **Học ở lớp:**  SV tham gia phát biểu và xây dựng bài học.  Sinh viên phân tích được dấu hiệu để xác định đối với mỗi hình thức thoả thuận hạn chế cạnh tranh.  **Học ở nhà:**   * Sinh viên phân tích được dấu hiệu xác định các thoả thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm và các trường hợp được miễn trừ. | X1, Y |
| **Chương 4. Pháp luật về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền**  4.1 Khái quát về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh  4.2 Các quy định về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh theo Luật cạnh tranh Việt Nam | 3 | G1.1 | **Dạy:**  Giảng viên thuyết giảng về khái niệm, đặc điểm của hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền.  Giảng viên thuyết giảng về dấu hiệu xác định các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền.  **Học ở lớp:**  Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học  Phân tích được các hình thức xử lí đối với hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh vị trí độc quyền.  **Học ở nhà:**  Sinh viên giải thích được sự khác biệt trong các hành vi bị cấm đối với thoả thuận hạn chế cạnh tranh và lạm dụng vị trí thống lĩnh của nhóm doanh nghiệp. | X1, Y |
| **Chương 5. Pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế**  5.1. Khái quát về tập trung kinh tế  5.2. Quy định về tập trung kinh tế theo Luật cạnh tranh Việt Nam | 3 | G1.1 | **Dạy:**  Giảng viên giới thiệu về tập trung kinh tế; nguyên nhân và tác động của hành vi tập trung kinh tế với thị trường; các hình thức tập trung kinh tế  **Học ở lớp:**  Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học  Sinh viên phân tích được các trường hợp tập trung kinh tế tự do thực hiện, bị kiểm soát, bị cấm và những miễn trừ.  **Học ở nhà:**  Sinh viên phân tích được ý nghĩa của việc cấm, kiểm soát hay cho tự do thực hiện các trường hợp tập trung kinh tế. | X1, Y |
| **Chương 6. Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh**  6.1. Khái quát về cạnh tranh không lành mạnh  6.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về hành vi cạnh tranh không lành mạnh | 4 | G1.1 | **Dạy:**  Giảng viên thuyết giảng khái niệm và đặc điểm của hành vi cạnh tranh không lành mạnh; được tiêu chí phân loại các hành vi cạnh tranh không lành mạnh;  **Học ở lớp:**  Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học.  Sinh viên phân tích được dấu hiệu xác định các hành vi cạnh tranh không lành mạnh.  **Học ở nhà:**  Sinh viên phân tích được hậu quả pháp lí của các hành vi cạnh tranh không lành mạnh. | X1, Y |
| **Chương 7. Tố tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và xử lí vi phạm pháp luật cạnh tranh**  7.1. Tố tụng cạnh tranh  7.2. Thủ tục miễn trừ đối với hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm  7.3. Xử lí vi phạm pháp luật cạnh tranh | 4 | G1.1 | **Dạy:**  Giảng viên thuyết giảng về tố tụng cạnh tranh; chủ thể tiến hành và tham gia tố tụng cạnh tranh.; thủ tục tố tụng cạnh tranh.  **Học ở lớp:**  Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học.  Sinh viên phân tích được các hình thức xử lí vi phạm pháp luật cạnh tranh.  **Học ở nhà:**  Sinh viên phân tích được thẩm quyền xem xét và quyết định cho hưởng miễn trừ. | X1, Y |
| **Kiểm tra lần 1** | 1 | G1.1 | Giảng viên giao các các câu hỏi tự luận cho sinh viên | X1 |
| **Chương 8. Những vấn đề lí luận về bảo vệ NTD và pháp luật bảo vệ NTD**  8.1. Tổng quan về bảo vệ NTD và chính sách của Nhà nước về bảo vệ NTD  8.2. Lí luận về pháp luật bảo vệ NTD | 3 | G1.2 | **Dạy:**  Giảng viên thuyết giảng khái niệm NTD; quan niệm và nội dung về chính sách bảo vệ NTD;  **Học ở lớp:**  Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học.  Sinh viên phân tích các nội dung cơ bản của pháp luật bảo vệ NTD Việt Nam.  **Học ở nhà:**  Sinh viên phân tích được các nguồn của pháp luật bảo vệ NTD Việt Nam. | X2, Y |
| **Chương 9. Các thiết chế thực thi pháp luật bảo vệ NTD ở Việt Nam**  9.1. Khái niệm thiết chế bảo vệ NTD  9.2. Cơ quan quản lí nhà nước về bảo vệ quyền lợi NTD  9.3. Hệ thống cơ quan tài phán về bảo vệ NTD  9.4. Tổ chức xã hội tham gia bảo vệ NTD | 4 | G1.2 | **Dạy:**  Giảng viên thuyết giảng hệ thống thiết chế chế bảo vệ NTD trong việc bảo vệ NTD; vai trò của các cơ quan quản lí nhà nước về bảo vệ NTD, của toà án, trọng tài và của các tổ chức xã hội trong việc bảo vệ NTD  **Học ở lớp:**  Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học.  Sinh viên phân tích được được vai trò của các loại thiết chế trong việc thực thi pháp luật bảo vệ NTD.  **Học ở nhà:**  Sinh viên phân tích được quyền, nghĩa vụ của cơ quan quản lí nhà nước chủ chốt trong việc thực thi pháp luật bảo vệ NTD. | X2, Y |
| **Chương 10. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD**  10.1. Khái quát về trách nhiệm pháp lí của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD  10.2. Pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD | 4 | G1.2 | **Dạy:**  Giảng viên thuyết giảng chế định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD theo quy định của LBVQLNTD.  **Học ở lớp:**  Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học.  Sinh viên phân tích được từng trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD theo Luật bảo vệ quyền lợi NTD Việt Nam.  **Học ở nhà:**  Sinh viên phân tích được điểm giống và khác nhau giữa pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam. | X2, Y |
| **Chương 11. Chế tài xử lí đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD**  11.1. Khái niệm, đặc điểm của chế tài xử lí đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD  11.2. Các loại chế tài | 4 | G1.2 | **Dạy:**  Giảng viên thuyết giảng khái niệm và đặc điểm của chế tài xử lí đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD; từng loại chế tài và cơ sở áp dụng đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD.  **Học ở lớp:**  Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học.  Sinh viên phân tích được hậu quả của việc áp dụng từng loại chế tài đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD.  **Học ở nhà:**  Sinh viên tìm hiểu hệ thống các văn bản pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ NTD. | X2, Y |
| **Chương 12. Phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh**  12.1. Khái niệm, đặc điểm tranh chấp giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh và phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh  12.2. Giải quyết tranh chấp giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh bằng thương lượng  12.3. Giải quyết tranh chấp giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh bằng hoà giải  12.4. Giải quyết tranh chấp giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh bằng toà án  12.5. Giải quyết tranh chấp giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh bằng trọng tài  12.6. Giải quyết tranh chấp giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh bằng biện pháp hành chính. | 4 | G1.2 | **Dạy:**  Giảng viên thuyết giảng khái niệm và đặc điểm của tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh; các phương thức giải quyết tranh chấp.  **Học ở lớp:**  Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học.  Sinh viên phân tích được hiệu quả các phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh.  **Học ở nhà:**  Sinh viên tìm hiểu quy định pháp luật Việt Nam và thế giới về các phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh. | X2, Y |
| **Kiểm tra lần 2** | 1 | G1.2, G2.2 | Giảng viên giao các các câu hỏi tự luận cho sinh viên | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGTS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Trịnh Thị Thu Thảo** |

**5.35. Pháp luật về sở hữu trí tuệ Mã HP: 11410**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:*** 3 TC | **BTL** |  | **ĐAMH** |  |  |

***2. Đơn vị giảng dạy:*** Bộ môn Luật Hàng hải *Email:*

***3. Phân bổ thời gian:***

- Tổng số (TS): 45 tiết. - Lý thuyết (LT): 38 tiết.

- Thực hành (TH): 00 tiết. - Bài tập (BT): 00 tiết.

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 10 tiết. - Kiểm tra (KT): 02 tiết.

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Luật Dân sự 11483

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Luật sở hữu trí tuệ là một môn học tự chọn nhằm cung cấp cho người học những hiểu biết chung về các đối tượng được bảo hộ của luật sở hữu trí tuệ, góp phần kiến tạo nhận thức công việc và nghề nghiệp và ứng dụng phù hợp cho việc triển khai các kiến thức chuyên ngành, đặc biệt là khối kiến thức về hợp đồng thương mại quốc tế. Cụ thể, nội dung học được xây dựng theo chuỗi chuyên đề về: Một số vấn đề cơ bản về SHTT; Lý luận chung về quyền tác giả; Sở hữu công nghiệp, Quyền đối với giống cây trồng và Một số dạng hợp đồng về chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp. Môn học không chỉ giúp cho sinh viên nhận thức rõ được cách thức vận hành của hoạt động thương mại có yếu tố SHTT, mà còn giúp sinh viên trau dồi, hoàn thiện kiến thức một cách thực tế thông qua các giờ thực hành về kĩ năng soạn thảo, thiết lập các ý đồ kinh doanh ngầm định, đánh giá tiềm năng chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ nói chung.

Kết thúc học phần, sinh viên có thể nắm được các kiến thức cần thiết đã được xây dựng trong đề cương môn học về luật SHTT. Qua đó người học có thể hình thành được kỹ năng phân tích và đánh giá khi áp dụng vào từng vụ việc cụ thể có liên quan đến SHTT. Đồng thời, người học có được kỹ năng soạn thảo, đàm phán hợp đồng, cân nhắc, lựa chọn sử dụng và áp dụng những điều khoản chuyển giao quyền SHTT một cách hợp lý trong giao dịch.

Sinh viên rất dễ dàng có thể áp dụng các bài học về SHTT trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc chuyên ngành do tính phổ biến của SHTT. Tuy nhiên, điều cần thiết là vẫn nên có thái độ tích cực trong việc tìm hiểu thêm thông tin ngoài những giờ học, liên tục cập nhập các bản tin để nắm được xu thế phát triển hoặc các tranh chấp nổi cộm có liên quan đến SHTT.

***6. Nguồn học liệu:***

**Giáo trình**

1. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình luật SHTT Việt Nam, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2009.

**Tài liệu tham khảo**

* **Tài liệu về tổng quan luật sở hữu trí tuệ**

1. Frederick M. Abbott, Thomas Cottier và Francis Gurry, International Intellectual Property in An Integrated World Economy, Wolters Kluwer, 2007.
2. Paul L.C. Torremans, Copyright and human rights: freedom of expression, intellectual property, privacy, The Hague; New York: Kluwer Law International, 2004.
3. Paul Goldstein & R. Anthony Reese, Copyright, Patent, Trademark and Related State Doctrines: Cases and Materials on the Law of Intellectual Property, Foundation Press, 6th edition, 2008.

* **Các website**

1. http://www.noip.gov.vn
2. http://www.wipo.int
3. http://www.uspto.gov
4. http://www.epo.org
5. http://www.wto.org

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | *- Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam làm căn cứ giải quyết vấn đề pháp lý liên quan đến sở hữu trí tuệ.* | 1.4.1 |
| **G2** | *- Thực hiện chính xác các quy trình đăng ký sở hữu trí tuệ .* | 4.3.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| **G1.1** | *Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam liên quan đến sở hữu trí tuệ, nguyên tắc của pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, các quan hệ pháp luật trong sở hữu trí tuệ.* | **TU4** |
| **G1.2** | *Phân tích được các vấn đề pháp lý của các quy định pháp luật Việt Nam từ đó làm căn cứ để giải quyết các vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ.* | **TU4** |
| **G2.1** | *Thực hiện chính xác các quy trình đăng ký sở hữu trí tuệ* | **TU4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

*(các thành phần, các bài đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự liên quan với các CĐR của học phần)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1; G1.2 | 25% |
| X2 - Kiểm tra thực hành | G1.1, G1.2, G2.1 | 25% |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y - Thi viết tự luận | G1.1; G1.2; G2.1; G2.2 | 50% |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

*Giảng dạy trên lớp (bao gồm giảng dạy lý thuyết, bài tập, kiểm tra và hướng dẫn BTL, ĐAMH)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| **Chương 1. Một số vấn đề cơ bản về Luật Sở hữu trí tuệ**  1.1. Khái quát chung về quyền SHTT  1.1.1 Khái niệm quyền SHTT  1.1.2 Đặc điểm của quyền SHTT  1.1.3 Các yếu tố cấu thành quyền SHTT  1.2 Hệ thống pháp luật SHTT Quốc tế và Việt Nam  1.2.1 Hệ thống pháp luật SHTT quốc tế  1.2.2 Hệ thống pháp luật SHTT Việt Nam  1.2.2.1 Nguồn cơ bản của pháp luật SHTT Việt Nam  1.2.2.2 Các điều ước quốc tế về SHTT mà Việt Nam là thành viên  1.2.3 Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới | 10 | G1.1  G1.2 | **Dạy:**  - Nắm vững khái niệm về WIPO, UPSTO, EPO, phạm vi điều chỉnh của các ĐƯQT như Công ước Berne, Hiệp định TRIPS.  - Phân tích đặc điểm nhân thân trong quyền SHTT.  - Giảng viên đặt câu hỏi định hướng về vấn đề lý luận chung về quyền sở hữu trí tuệ.  **Học ở lớp:**  - Hiểu được đặc thù của bảo vệ quyền SHTT tại Việt Nam.  - Đánh giá, nhận xét tính nhân thân trong SHTT, áp dụng để nhận diện một số trường hợp tình huống đưa ra bởi GV về tính nhân thân.  **Học ở nhà:** Thông qua việc trả lời các câu hỏi định hướng, sinh viên tự tìm hiểu và nghiên cứu các vấn đề sau:  - Hiểu khái niệm, phạm vi điều chỉnh, thời điểm có hiệu lực của các ĐƯQT về quyền SHTT đối với Việt Nam.  - Hiểu và lấy ví dụ cho yếu tố cấu thành quyền SHTT. | X1,Y |
| **Chương 2. Lý luận chung về Quyền tác giả**  2.1 Đối tượng và chủ thể của quyền tác giả  2.1.1 Đối tượng của quyền tác giả  2.1.1.1 Khái niệm và phân loại tác phẩm  2.1.1.2 Điều kiện bảo hộ đối với tác phẩm  2.1.2 Chủ thể của quyền tác giả  2.1.2.1 Điều kiện chung đối với chủ thể của quyền tác giả  2.1.2.2 Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả  2.2 Nội dung, giới hạn và thời hạn bảo hộ quyền tác giả  2.2.1 Các quyền nhân thân thuộc quyền tác giả  2.2.2 Các quyền tài sản thuộc quyền tác giả  2.2.3 Các trường hợp giới hạn quyền tác giả  2.3 Khái quát về Quyền liên quan đến quyền tác giả | 10 | G1.2  G1.2 | **Dạy:**  - Nắm được chính xác đặc thù bảo hộ của quyền tác giả.  - So sánh giới hạn bảo hộ dưới các hình thức hoặc bảo hộ đồng thời bằng nhiều hình thức khác nhau của quyền SHTT.  - Giảng viên đặt câu hỏi định hướng về nội dung bảo hộ quyền tác giả và nêu các ví dụ dề bảo vệ tài sản sở hữu trí tuệ cho doanh nghiệp.  **Học ở lớp:**  - Hiểu được đặc thù và so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa các đối tượng được bảo hộ bởi QSHTT (theo hiệu lực, giới hạn và thời gian bảo vệ)  **Học ở nhà:**  Thông qua việc trả lời câu hỏi định hướng, sinh viên tự nghiên cứu các vấn đề sau:  - Nắm được khái quát về các nội dung trong bảo hộ quyền tác giả.  - Nêu một số ví dụ về chiến lược của các doanh nghiệp để phát triển và bảo vệ tài sản SHTT cho phần của doanh nghiệp. | X1,Y |
| **Chương 3. Quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng**  3.1. Điều kiện bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp mang đặc tính sáng tạo  3.1.1 Điều kiện bảo hộ sáng chế  3.1.2 Điều kiện bảo hộ kiểu dáng công nghiệp   * + 1. Điều kiện bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp   3.1.4 Điều kiện bảo hộ bí mật kinh doanh  3.2 Điều kiện bảo hộ nhãn hiệu và phân loại nhãn hiệu  3.2.1 Điều kiện bảo hộ nhãn hiệu   * + 1. Các loại nhãn hiệu   3.2.2.1 Nhãn hiệu hàng hoá và nhãn hiệu dịch vụ  3.2.2.2 Nhãn hiệu liên kết  3.2.2.3 Nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận  3.2.2.4 Nhãn hiệu nổi tiếng  3.3 Điều kiện bảo hộ tên thương mại, chỉ dẫn địa lí  3.3.1 Điều kiện bảo hộ tên thương mại  3.3.2 Điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lí  3.4 Quyền SHTT đối với giống cây trồng  3.5 Xác lập quyền SHCN  3.5.1 Xác lập quyền SHCN trên cơ sở đăng kí và được cấp văn bằng bảo hộ  3.5.2 Xác lập quyền SHCN trên cơ sở thực tiễn sử dụng | 10 | G1.1, G1.2, | **Dạy:**  - So sánh giới hạn bảo hộ dưới các hình thức hoặc bảo hộ đồng thời bằng nhiều hình thức khác nhau của quyền SHTT.  - Hiểu được các đặc thù của từng loại nhã hiệu.  - Thuyết trình theo nhóm ở lớp: Đánh giá nhận xét, phân tích mối quan hệ giữa điều kiện bảo hộ và phân loại nhãn hiệu.  - Phân biệt được chỉ dẫn địa lí, xuất xứ nguồn gốc hàng hóa; tên thương mại và nhãn hiệu.  - Hiểu được các đặc thù của xác lập quyền SHCN theo hai cách.  - Giảng viên đặt các câu hỏi định hướng về các vấn đề thực tiễn trong phát triển và bảo vệ tài sản sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp và các tranh chấp phát sinh trong thực tế.  **Học ở lớp:**  - Hiểu được đặc thù và so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa các đối tượng được bảo hộ bởi QSHTT (theo hiệu lực, giới hạn và thời gian bảo vệ).  **Học ở nhà:** Thông qua việc trả lời câu hỏi định hướng của giảng viên, sinh viên tự tìm hiểu các vấn đề sau:  - Nêu một số ví dụ về chiến lược của các doanh nghiệp để phát triển và bảo vệ tài sản SHTT cho phần của doanh nghiệp.  - Tìm các tranh chấp thực tế có liên quan đến nhãn hiệu.  - Tìm các tranh chấp thực tế có liên quan đến chỉ dẫn địa lí, xuất xứ nguồn gốc hàng hóa; tên thương mại và nhãn hiệu. | X1,Y |
| **Chương 4. Một số hợp đồng về chuyển giao quyền SHTT**  4.1 Chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan  4.2 Chuyển giao quyền SHCN  4.2.1 Hợp đồng nhượng quyền franchise  4.2.2 Hợp đồng license  4.2.3 Các dạng hợp đồng phức hợp | 08 | G1.1, G1.2, | **Dạy:**  - Hiểu nguyên tắc vận hành của các dạng hợp đồng về chuyển giao quyền SHTT  - Giảng viên đặt các câu hỏi định hướng về vấn đề các dạng hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.  **Học ở lớp:**  - Hiểu nguyên tắc vận hành, đặc thù và đánh giá nhận xét về sự phát triển của các hợp đồng về chuyển giao quyền SHTT theo xu thế phát triển 4.0  **Học ở nhà:** Thông qua việc trả lời câu hỏi định hướng, sinh viên tự tìm hiểu và trả lời về các vấn đề sau: Tìm hiểu về các loại hợp đồng chuyển nhượng trong thực tế. | X1,Y |
| **Kiểm tra** | 01 | G1.1, G1.2, | - Giảng viên giao câu hỏi kiểm tra  - Sinh viên trả lời câu hỏi | X1 |
| **Thực hành** | 10 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy:**  - Hướng dẫn sinh viên chọn và hoàn thiện đề tài đăng ký sở hữu trí tuệ  - Giải đáp thắc mắc, tư vấn cho sinh viên  **Học ở lớp:**  - Sinh viên liên hệ lý thuyết đặt câu hỏi cho giảng viên về thực hành  **Học ở nhà:**  - Sinh viên hoàn thiện quy trình đăng ký sở hữu trí tuệ và nộp bài cho giảng viên | X2,Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Đánh giá thực hành** | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **TS. Đỗ Thị Khánh Ngọc** |

**5.35.** **Pháp luật về dịch vụ hàng hải Mã HP: 11450**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** | |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | | - Lý thuyết (LT): | | | 24 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 10 tiết | |  | | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | | - Kiểm tra (KT): | | | 01 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Học phần Pháp luật về dịch vụ hàng hải là học phần tự chọn của chương trình đào tạo cử nhân Luật Kinh doanh. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý chuyên ngành về dịch vụ hàng hải như dịch vụ kinh doanh vận tải biển, đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, kiểm đếm hàng hoá; hoa tiêu Hàng hải; lai dắt hàng hải và các dịch vụ khác phục vụ cho tàu (dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng, vệ sinh tàu biển, bốc dỡ hàng hóa tại cảng ....

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bùi Thanh Sơn, Đỗ Văn Quang (2011). *Giáo trình Pháp luật Hàng hải 1,* Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] IMO (2018). *ISM code: International safety management code with guidlines for its implementation,* 5th edition, London: IMO.

[2] Vũ Ngọc Huy biên tập, trình bày (2002). *Bộ luật quốc tế về an ninh tàu và bến cảng và bổ sung sửa đổi 2002 của Solas – ISPS code,* Nhà xuất bản Đăng kiểm Việt Nam.

[3] Quốc hội (2015). *Bộ luật Hàng hải Việt Nam.*

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế về dịch vụ hàng hải làm cơ sở giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh liên quan đến dịch vụ hàng hải |  |
| **G2** | Liên hệ pháp luật hàng hải Việt Nam với sự phát triển toàn cầu trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải hiện nay |  |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam về dịch vụ hàng hải | **TU4** |
| **G1.2** | Phân tích các quy định pháp luật quốc tế về dịch vụ hàng hải | **TU4** |
| **G2.1** | Liên hệ các quy định của pháp luật hàng hải Việt Nam với sự phát triển toàn cầu trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải hiện nay | **TU4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Tự luận | G1.1, G1.2 | 25 |
| X2 – Thực hành | G1.1, G1.2, G2.1 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y | G1.1, G1.2 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **DUNG NỘI GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Dịch vụ vận tải biển**  1.1.  Điều kiện kinh doanh vận tải biển  1.2. Điều kiện đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển quốc tế  1.3. Điều kiện đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển nội địa | 3 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy**  Giảng viên phân tích lý thuyết và đặt câu hỏi thảo luận về:  - các điều kiện kinh doanh vận tải biển;  - điều kiện đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển nội địa và quốc tế;  - điều kiện đối với tổ chức nước ngoài tham gia vận chuyển nội địa bằng tàu thuyền mang cờ quốc tịch Việt Nam.  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên thảo luận nhóm để liên hệ các quy định về thành lập doanh nghiệp với thực tiễn khi thành lập doanh nghiệp vận tải biển.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tìm hiểu lại các quy định về bộ phận quản lý an toàn theo quy định của Bộ luật quốc tế về quản lý an toàn (ISM Code) và bộ phận quản lý an ninh hàng hải theo quy định của Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và bến cảng (ISPS Code) | X1, Y |
| **Chương 2.** **Đại lý tàu biển**  2.1. Khái niệm, đặc điểm của dịch vụ đại lý tàu biển  2.2. Điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển  2.3. Hợp đồng đại lý tàu biển | 3 | G1.1, G1.2,  G2.1 | **Dạy**  Giảng viên phân tích và đặt câu hỏi thảo luận về:  - Các điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển.  - Điều kiện về tổ chức bộ máy và nhân lực của đại lý tàu biển.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên thảo luận nhóm để liên hệ thực tiễn từ quyền, nghĩa vụ trách nhiệm phát sinh của đại lý tàu biển trong mối quan hệ với chủ tàu, người thuê tàu, người vận chuyển và thuyền viên được quy định trong pháp luật hàng hải.  **Học ở nhà:**  Sinh viên so sánh đại lý tàu biển (Vessel Agent) và đại lý chuyên chở (Carier Agent) | X1, Y |
| **Chương 3. Môi giới hàng hải**  3.1. Khái niệm môi giới hàng hải  3.2. Quyền và nghĩa vụ của người môi giới hàng hải  3.3. Thời hiệu khởi kiện việc thực hiện hợp đồng môi giới hàng hải | 3 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy:**  Giảng viên phân tích và đặt câu hỏi thảo luận về môi giới hàng hải.  **Học ở lớp:**  Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích nghĩa vụ của môi giới hàng hải trong hợp đồng môi giới.  **Học ở nhà:**  Sinh viên liên hệ quy định của pháp luật về môi giới thương mại với thực tiễn hoạt động môi giới hàng hải. | X1, Y |
| **Chương 4. Hoa tiêu hàng hải**  4.1 Khái niệm hoa tiêu hàng hải  4.2.Tổ chức hoạt động của hoa tiêu hàng hải  4.3. Điều kiện trở thành hoa tiêu, phân hạng hoa tiêu hàng hải  4.4. Địa vị pháp lý của hoa tiêu khi dẫn tàu  4.5. Nghĩa vụ của thuyền trưởng và chủ tàu khi sử dụng hoa tiêu hàng hải | 3 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy:**  Giảng viên phân tích và đặt câu hỏi thảo luận về:  - các quy định của pháp luật về hoa tiêu hàng hải  - điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải.  - điều kiện trở thành hoa tiêu, phân loại các hạng hoa tiêu  - địa vị pháp lý của hoa tiêu khi dẫn tàu.  **Học trên lớp:**  - Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích trách nhiệm của hoa tiêu khi tàu gặp tai nạn trong vùng nước cảng biển thuộc chế độ hoa tiêu bắt buộc.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên liên hệ các quy định về nghĩa vụ của thuyền trường và chủ tàu luật hàng hải với thực tiễn khi sử dụng dịch vụ hoa tiêu. | X1, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1, G1.2 | - Giảng viên giao các câu hỏi kiểm tra và chữa bài kiểm tra  - Sinh viên trả lời câu hỏi | X1 |
| **Chương 5. Lai dắt tàu biển**  5.1. Khái niệm  5.2. Điều kiện để kinh doanh dịch vụ lai dắt  5.3. Điều kiện các tổ chức nước ngoài dùng tàu biển mang quốc tịch nước ngoài để kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển tại VN | 3 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy:**  Giảng viên phân tích và đặt câu hỏi thảo luận về:  - điều kiện để kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển  - điều kiện về tổ chức bộ máy và nhân lực  - Điều kiện đối với tổ chức nước ngoài sử dụng tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài để kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển tại Việt Nam  **Học trên lớp:**  - Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích xu hướng quốc tế hoá đội tàu lai theo các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên liên hệ các quy định trong pháp luật hàng hải về quản lý hoạt động hàng hải với thực tiễn thực hiện hoạt động lai dắt tàu biển hiện nay. | X2, Y |
| **Chương 6. Dịch vụ hải quan**  6.1. Khái niệm  6.2. Hoạt động của đại lý hải quan  6.3.Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan | 3 | G1.1, G2.1 | **Dạy**  - Giảng viên phân tích và đặt câu hỏi thảo luận về đại lý hải quan  **Học trên lớp:**  - Sinh viên thảo luận nhóm để phân loại luồng hàng, và các giấy tờ cần thiết khi làm thủ tục hải quan.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên liên hệ quy định về đại lý hải quan với thực tiễn | X2, Y |
| **Chương 7. Tiếp nhận và xử lý chất thải từ tàu biển**  7.1. Khái niệm  7.2. Cơ sở pháp lý  7.3. Quy trình tiếp nhận và xử lý chất thải phát sinh từ tàu biển | 3 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy**  - Giảng viên phân tích và đặt câu hỏi về quy trình tiếp nhận xử lý chất thải phát sinh từ tàu  **Học trên lớp:**  - Sinh viên liên hệ định hướng phát triển cảng xanh và công tác tiếp nhận xử lý chất thải của tàu biển.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên liên hệ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các đơn vị liên quan trong thực tiễn tiếp nhận và xử lý các chất thải từ tàu biển. | X2, Y |
| **Chương 8. Một số dịch vụ hàng hải khác**  8.1. Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa  8.2. Dịch vụ cung ứng hàng hải  8.3. Dịch vụ logistics  8.4.Các dịch vụ khác trên bờ phục vụ cho tàu. | 3 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy**  Giảng viên phân tích và đặt câu hỏi thảo luận về một số hoạt động dịch vụ hàng hải khác như kiểm đến hàng hóa, cung ứng hàng hải (nước ngọt, vệ sinh tàu), dịch vụ logistics, các dịch vụ trên bờ phục vụ cho tàu (thuê kho bãi, giám định…)  **Học trên lớp**  - Sinh viên phân tích thời hiệu giải quyết tranh chấp đối với vụ việc có liên quan thương nhân kinh doanh logistics  **Học ở nhà:**  - Sinh viên liên hệ các yếu tố ảnh hưởng đến giá của hàng hoá cung ứng trong hợp đồng mua bán | X2, Y |

***Giảng dạy thực hành***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các dịch vụ hàng hải ở Việt Nam và thế giới**  **-** Vận tải biển  - Đại lý tàu biển  - Môi giới hàng hải  - Hải quan  - Hoa tiêu hàng hải  - Một số dịch vụ khác | 5 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên yêu cầu sinh viên tự xây dựng các nhóm nhỏ để tham gia thảo luận thực hành.  - Giảng viên giao các tình huống thảo luận liên quan và đánh giá kết quả thảo luận theo nhóm  **Học ở nhà:**  - Sinh viên làm việc theo nhóm, nghiên cứu tình huống và phân tích các quy định pháp luật liên quan để trả lời câu hỏi tình huống | X2 |
| **Báo cáo kết quả giải quyết tình huống** | 5 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên tổ chức báo cáo bài tập và đánh giá kết quả giải quyết tình huống của sinh viên  **Học ở lớp:**  - Nhóm sinh viên hoàn thành báo cáo kết quả giải quyết tình huống.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên hoàn thành việc tổ chức nhóm, phân công nhiệm vụ và giải quyết tình huống | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGTS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Đỗ Thị Khánh Ngọc** |

**5.36. Luật Tài chính Mã HP: 11498**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | | **BTL** | |  | | **ĐAMH** |  |  | | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | | | |
|  | | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | | 43 tiết |
|  | | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | | 0 tiết |
|  | | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Luật Hiến pháp

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật ngân sách và pháp luật thuế. Qua học phần này, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về chính sách tài chính công cũng như nội dung pháp luật hiện hành điều chỉnh hoạt động tài chính công của Việt Nam.

***6.1. Giáo trình***

Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Luật Tài chính*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

**Giáo trình**

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình luật ngân hàng Việt Nam, Nxb. CAND, Hà Nội, 2017.

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình luật ngân sách nhà nước, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2017.

[3] Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình luật thuế Việt Nam, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2017.

**Các website**

1. http://www.mof.gov.vn
2. http://www.moj.gov.vn

**Văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam**

1. Hiến pháp năm 2013.
2. Luật NSNN năm 2015.
3. Luật phí và lệ phí năm 2015.
4. Luật đầu tư công năm 2019.

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Đánh giá các quy định và thực tiễn thi hành pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực tài chính | 1.4.1 |
| **G2** | Phối hợp hoạt động hiệu quả trong một nhóm để giải quyết một vấn đề pháp lý trong lĩnh vực tài chính, các thành viên cùng nhau lãnh đạo, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch nhiệm vụ và đáp ứng các mục tiêu đảm nhiệm. | 3.1.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Đánh giá các quy định và thực tiễn thi hành pháp luật ngân sách Việt Nam để giải quyết các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực tài chính công phát sinh trong đời sống xã hội. | **TU5** |
| **G1.2** | Đánh giá các quy định và thực tiễn thi hành pháp luật thuế Việt Nam để giải quyết các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực tài chính công phát sinh trong đời sống xã hội. | **TU5** |
| **G2.1** | Phối hợp hoạt động hiệu quả trong một nhóm để giải quyết một vấn đề pháp lý trong lĩnh vực tài chính, các thành viên cùng nhau lãnh đạo, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch nhiệm vụ và đáp ứng các mục tiêu đảm nhiệm. | **TU4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G1.2 | 25 |
| X2 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Những vấn đề lí luận về ngân sách nhà nước (NSNN) và pháp luật NSNN**  1.1. Những vấn đề lí luận về NSNN  1.2 Tổng quan về luật ngân sách  1.3 Tổ chức hệ thống NSNN  1.4 Chế độ phân cấp quản lí NSNN | 7 | G1.1  G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên đánh giá khái niệm NSNN, cấu trúc NSNN, các nguyên tắc cơ bản của NSNN,phạm vi điều chỉnh của pháp luật về ngân sách và các nội dung cơ bản của pháp luật NSNN  **Học ở lớp:**  - SV tham gia phát biểu và xây dựng bài học  - Sinh viên đánh giá được bản chất của NSNN, nội dung và ý nghĩa của từng nguyên tắc của NSNN  **Học ở nhà:**  - Sinh viên đánh giá ý nghĩa của NSNN với hoạt động của Nhà nước | X1, Y |
| **Chương 2. Pháp luật về quá trình NSNN**  2.1 Chế độ lập dự toán NSNN  2.2 Chế độ chấp hành dự toán NSNN  2.3 Chế độ quyết toán NSNN | 8 | G1.1  G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên đánh giá quá trình lập dự toán NSNN, chấp hành và quyết toán NSNN  **Học ở lớp:**  - SV tham gia phát biểu và xây dựng bài học  - Sinh viên đánh giá bản chất của hoạt động lập dự toán NSNN  - Sinh viên đánh giá được các nội dung pháp lí cơ bản của quá trình chấp hành dự toán NSNN, các quy định cơ bản về thủ tục quyết toán ngân sách theo Luật NSNN.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên đánh giá về tính hiệu quả của hoạt động lập dự toán NSNN ở Việt Nam hiện nay.  - Sinh viên đánh giá về tính hiệu quả của hoạt động lập dự toán NSNN ở Việt Nam hiện nay. | X1, Y |
| **Chương 3. Pháp luật về thu NSNN**  3.1. Khái niệm và phân loại thu NSNN  3.2 Chế độ thu thuế, lệ phí và phí  3.3 Chế độ thu ngân sách từ vay nợ, viện trợ và các khoản thu khác | 5 | G1.1  G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên đánh giá khái niệm và tiêu chí phân loại các khoản thu NSNN.  - Phân tích cấu trúc các khoản thu của NSNN và mối quan hệ giữa các khoản thu NSNN.  **Học ở lớp:**  - SV tham gia phát biểu và xây dựng bài học  - Sinh viên đánh giá được các nội dung pháp lí cơ bản của quá trình chấp hành dự toán thu NSNN.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên ôn tập lại kiến thức đã học trên lớp | X1, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1  G1.2 |  | X1 |
| **Chương 4. Pháp luật về chi NSNN**  4.1 Khái niệm và phân loại chi NSNN  4.2 Chế độ chi thường xuyên  4.3 Chế độ chi ngân sách cho đầu tư phát triển | 7 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên đánh giá về chi NSNN và các tiêu chí phân loại chi NSNN, điều kiện chi ngân sách.  - đánh giá hai phương thức chi ngân sách (chi theo dự toán và chi theo lệnh chi tiền).  - đánh giá các phương thức cấp phát là tạm ứng, thanh toán và ghi thu - ghi chi.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học  - đánh giá được các nội dung pháp lí cơ bản của quá trình chấp hành dự toán chi NSNN.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên đánh giá về khía cạnh bản chất của thủ tục phê chuẩn NSNN của Quốc hội. | X2, Y |
| **Chương 5. Pháp luật về quản lí quỹ NSNN**  5.1 Khái niệm quỹ NSNN và quản lí quỹ NSNN  5.2. Chức năng nhiệm vụ của Kho bạc Nhà nước trong quản lý quỹ NSNN | 8 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên đánh giá về hệ thống kho bạc nhà nước, nội dung của pháp luật về quản lí quỹ NSNN  **Học ở lớp:**  - Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học  - Sinh viên đánh giá địa vị pháp lí của kho bạc Nhà nước trong hoạt động quản lí quỹ NSNN.  - Sinh viên đánh giá nội dung thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong quản lí quỹ ngân sách theo Luật NSNN.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên đánh giá về tính hiệu quả của việc áp dụng các phương thức kiểm soát chi của kho bạc nhà nước ở Việt Nam theo pháp luật hiện hành. | X2, Y |
| **Chương 6. Những vấn đề lí luận về thuế và pháp luật thuế** | 8 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên đánh giá tổng quan về pháp luật thuế Việt Nam, nội dung pháp lí về một số loại thuế như thuế XNK, thuế DN, thuế TN cá nhân, Thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế môn bài, thuế tài nguyên  **Học ở lớp:**  - Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học.  - Sinh viên đánh giá từng đặc điểm của thuế.  - Sinh viên so sánh được thuế với các khoản thu khác của NSNN.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên đánh giá được về việc vận dụng các quyền thu thuế của Việt Nam hiện nay | X2, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1, G1.2, G2.1 | - Giảng viên giao các các câu hỏi tự luận cho sinh viên | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGTS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **TS. Lương Thị Kim Dung** |

**5.37. Pháp luật kinh doanh bất động sản Mã HP: 11475**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 27 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 03 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:***

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Pháp luật kinh doanh bất động sản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh doanh nhằm nghiên cứu chuyên sâu về thị trường bất động sản và pháp luật điều chỉnh thị trường bất động sản.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan chung về thị trường bất động sản và những đặc điểm riêng của thị trường bất động sản ở Việt Nam; những quy định của pháp luật về quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản; đối tượng, phạm vi, điều kiện và các nguyên tắc trong đầu tư, kinh doanh bất động sản; các hình thức kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong kinh doanh bất động sản. Học phần cũng cung cấp sinh viên các kiến thức trọng tâm về các loại hợp đồng trong kinh doanh bất động sản.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Pháp luật kinh doanh bất động sản*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Quốc hội 15 (2023), *Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15.*

[2] PGS.TS.Nguyễn Quang Tuyến, *Bình luận khoa học Luật Kinh doanh bất động sản (2021),* Nhà xuất bản Chính trị, Quốc gia – Sự thật.

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Đánh giá các quy định và thực tiễn thi hành pháp luật Việt Nam trong hoạt động kinh doanh bất động sản | 1.4.1 |
| **G2** | Thích ứng vai trò và trách nhiệm của cử nhân Luật kinh doanh tại các doanh nghiệp trong quá trình đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản | 4.2.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Đánh giá các quy định pháp luật Việt Nam trong hoạt động kinh doanh bất động sản | **TU5** |
| **G1.2** | Đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật Việt Nam trong hoạt động kinh doanh bất động sản | **TU5** |
| **G2.1** | Thích ứng vai trò và trách nhiệm của cử nhân Luật kinh doanh tại các doanh nghiệp trong quá trình đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh bất động sản | **TU4** |
| **G2.2** | Thích ứng vai trò và trách nhiệm của cử nhân Luật kinh doanh tại các doanh nghiệp trong quá trình đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh dịch vụ bất động sản | **TU4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G1.2 | 25 |
| X2 – Kiểm tra viết tự luận | G2.1, G2,2 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1, G2,2 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Tổng quan về thị trường bất động sản và pháp luật kinh doanh bất động sản**  1.1 Tổng quan về thị trường bất động sản  1.2 Tổng quan pháp luật kinh doanh bất động sản | 04 | G1.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích khái niệm, đặc điểm, các yếu tố cấu thành thị trường bất động sản; sự phát triển của thị trường bất động sản Việt Nam, mối quan hệ giữa các nguồn luật điều chỉnh thị trường bất động sản  - Giảng viên giao câu hỏi định hướng cho sinh viên đánh giá quan điểm, định hướng phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam, đánh giá pháp luật kinh doanh bất động sản tại Việt Nam và một số nước trên thế giới.  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên đánh giá đặc điểm của thị trường bất động sản với các thị trường khác; đánh giá mức độ phát triển của thị trường bất động sản của Việt Nam  **Học ở nhà:**  - Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật, sinh viên đánh giá mức độ công khai, minh bạch của thị trường bất động sản Việt Nam | X1, Y |
| **Chương 2. Những vấn đề pháp lý chung về kinh doanh bất động sản**  2.1 Quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản  2.2 Nguyên tắc, điều kiện và phạm vi của hoạt động kinh doanh bất động sản | 04 | G1.1, G1.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích quản lý nhà nước với hoạt động kinh doanh bất động sản; nguyên tắc, điều kiện và phạm vi của hoạt động kinh doanh bất động sản  - Giảng viên giao câu hỏi định hướng cho sinh viên đánh giá các chính sách cơ bản của nhà nước đối với đầu tư kinh doanh bất động sản; trách nhiệm của nhà nước trong việc quản lý, điều hành vĩ mô thị trường bất động sản; việc thực thi các nguyên tắc trên thực tế; yêu cầu năng lực về tài chính của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài phải đáp ứng theo quy định của pháp luật kinh doanh bất động sản  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên đánh giá các điều kiện để trở thành chủ thể đầu tư kinh doanh bất động sản;  **Học ở nhà:**  - Sinh viên đánh giá về thực tiễn thực thi quy định điều kiện và phạm vi của hoạt động kinh doanh bất động sản | X1, Y |
| **Chương 3. Những vấn đề pháp lý về kinh doanh quyền sử dụng đất và kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng trên đất**  3.1 Những vấn đề pháp lý về kinh doanh quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản  3.2 Những vấn đề pháp lý về kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng trong thị trường bất động sản | 06 | G1.1, G1.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích lý thuyết những vấn đề pháp lý về kinh doanh quyền sử dụng đất; những vấn đề pháp lý về kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng trên đất.  - Giảng viên giao câu hỏi định hướng cho sinh viên đánh giá về tính đặc thù của kinh doanh quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản; điều kiện, yêu cầu với các chủ thể kinh doanh quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô bán nền, hình thức chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư; điều kiện và yêu cầu với các chủ thể kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng có sẵn, công trình xây dựng hình thành trong tương lai.  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên đánh giá những sai phạm phổ biến, điển hình của các chủ thể đầu tư kinh doanh quyền sử dụng đất, nhà ở và công trình xây dựng trên thực tiễn.  - Sinh viên đánh giá về xu hướng điều chỉnh của pháp luật điều chỉnh thị trường bất động sản trong tương lai  **Học ở nhà:**  - Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật, sinh viên đánh giá các khoảng trống của pháp luật điều chỉnh đối với một số loại hình bất động sản mới trên thị trường (Bất động sản du lịch) | X1, X2, Y |
| **Chương 4. Những vấn đề pháp lý về kinh doanh dịch vụ bất động sản**  4.1 Khái niệm và đặc điểm của kinh doanh dịch vụ bất động sản  4.2 Nội dung pháp luật về kinh doanh dịch vụ bất động sản | 06 | G1.1, G1.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích lý thuyết về khái niệm và đặc điểm của kinh doanh dịch vụ bất động sản; nội dung pháp luật về kinh doanh dịch vụ bất động sản  - Giảng viên giao câu hỏi định hướng cho sinh viên đánh giá sự khác nhau giữa kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm hoặc làm việc cá nhân, sinh viên đánh giá thực trạng đào tạo, cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh dịch vụ bất động sản; thực trạng quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ bất động sản;  **Học ở nhà:**  - Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật, sinh viên đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật kinh doanh dịch vụ bất động sản: khó khăn, vướng mắc. | X2, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1, G1.2 | **Sinh viên làm bài kiểm tra tự luận** | X1 |
| **Chương 5. Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh bất động sản**  5.1 Những vấn đề pháp lý về hợp đồng trong kinh doanh bất động sản  5.2 Những vấn đề pháp lý về hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản | 08 | G1.1, G2.1, G2.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích lý thuyết về những vấn đề pháp lý về hợp đồng trong kinh doanh bất động sản; những vấn đề pháp lý về hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản.  - Giảng viên giao câu hỏi định hướng cho sinh viên đánh giá nội dung của hợp đồng kinh doanh bất động sản, hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản; đánh giá một số dạng hợp đồng phát sinh trong thực tiễn.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên xây dựng quy trình để kí kết, giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện các hợp đồng kinh doanh bất động sản  **Học ở nhà:**  - Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật, và các quy trình kí kết hợp đồng kinh doanh bất động sản sinh viên soạn mẫu hợp đồng về mua bán nhà ở hình thành trong tương lai của dự án về nhà ở | X2, Y |
| **Kiểm tra** | 1 |  | **Sinh viên làm bài kiểm tra tự luận** | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGTS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Viết Hà** |

**5.38. Thực tập cơ sở ngành Mã HP: 11405**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ*:** 2 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** | |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 90 tiết | |  | | | - Lý thuyết (LT): | | | 0 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 90 tiết | |  | | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | | - Kiểm tra (KT): | | | 0 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Luật Dân sự 11483

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Học phần Thực tập cơ sở ngành là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức, kỹ năng thực tập và tốt nghiệp của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh doanh.

Để hoàn thành học phần, sinh viên cần tự liên hệ nơi thực tập hoặc được Nhà trường liên hệ nơi thực tập (khi cần thiết), làm quen với môi trường thực tế tại các cơ quan nhà nước nói chung, các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế nói riêng, các tổ chức kinh tế hoạt động.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có được kiến thức và một số kỹ năng thực tiễn làm căn cứ kiểm chứng và liên hệ với kiến thức được học trong Trường.

***6. Nguồn học liệu:***

[1] Các nguồn tài liệu của các học phần sinh viên đã hoàn thành.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến mỗi học phần đã học và liên quan đến đơn vị thực tập.

[3] Các văn bản, tài liệu được cung cấp bởi đơn vị thực tập.

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Liên hệ các kiến thức cơ sở ngành luật đã học với thực tiễn tại các đơn vị thực tập. | 1.3.1 |
| **G2** | Tự thực hiện chính xác một số việc liên quan đến kiến thức cơ sở ngành tại các đơn vị thực tập. | 2.2.1 |
| **G3** | Chấp hành tuân thủ nguyên tắc nghề nghiệp, quy chế thực tập và nội quy tại đơn vị thực tập. | 2.3.1 |
| **G4** | Hoàn thảnh bản báo cáo quá trình thực tập tại đơn vị | 3.2.3 |
| **G5** | Bày tỏ được quan điểm cá nhân về tầm quan trọng của việc thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm của vị trí nghề nghiệp được đảm nhận trong quá trình thực tập | 4.2.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Liên hệ với kiến thức cơ sở ngành về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức nơi thực tập | **TU4** |
| **G1.2** | Phân tích mối quan hệ các cơ quan, tổ chức nơi thực tập với các cơ quan, tổ chức khác có liên quan và liên hệ với kiến thức đã được học. | **TU4** |
| **G2.1** | Hoàn thành công việc như nhân viên hoặc chuyên viên mới thử việc tại các cơ quan, đơn vị. | **U3** |
| **G2.2** | Hoàn thành việc giải quyết vấn đề pháp lý trên cơ sở nghiên cứu kiến thức ngành và hoạt động tại đơn vị thực tập. | **TU3** |
| **G3.1** | Chấp hành nguyên tắc nghề nghiệp, quy chế thực tập và nội quy tại đơn vị thực tập thông qua làm việc tự giác, tích cực, có trách nhiệm đạo đức nghề luật trong quá trình thực tập. | **U2** |
| **G4.1** | Hoàn thành bản báo cáo quá trình thực tập tại đơn vị | **TU3** |
| **G5.1** | Thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm của vị trí nghề nghiệp được đảm nhận trong quá trình thực tập | **U3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| Y | Báo cáo thực tập | G1.1, G1.2, G2.2, G4.1 | 100% |

Điểm đánh giá học phần:

Z = Y

***10. Nội dung thực tập***

| **NỘI DUNG THỰC TẬP** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần 1:**  1. Làm quen với đơn vị thực tập.  2. Tìm hiểu quá trình phát triển của đơn vị thực tập  3. Tìm hiểu về cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập  4. Nghe giới thiệu tổng quan về chức năng, nhiệm vụ hoặc lĩnh vực kinh doanh của đơn vị thực tập | 42 | G1.1, G1.2, G2.1, G3.1 | **Dạy:**  - Trợ lý thực tập phân chia nhóm sinh viên, phân công về các đơn vị thực tập; hướng dẫn về quy chế thực tập  **Thực tập ở đơn vị:**  **-** Sinh viên chủ động tìm hiểu và làm quen với đơn vị, vị trí thực tập được giao.  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên chủ động tự lên kế hoạch viết báo cáo. | Y |
| **Tuần 2:**  5. Tìm hiểu văn bản luật liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của đơn vị thực tập.  6. Tìm hiểu về các nghiệp vụ có liên quan của đơn vị thực tập hoặc công việc thuộc nhiệm vụ của Phòng pháp chế tại các công ty.  7. Tìm hiểu các loại giấy tờ nghiệp vụ kết hợp với việc thực hiện các nghiệp vụ có liên quan tại đơn vị thực tập.  8.Viết báo cáo thực tập. | 48 | G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G4.1, G5.1 | **Dạy:**  - Giảng viên hướng dẫn các nhóm sinh viên về lựa chọn đề tài báo cáo và cách thức nghiên cứu, hoàn thành báo cáo thực tập  - Trợ lý thực tập thu các báo cáo thực tập.  **Thực tập ở đơn vị:**  **-** Sinh viên hoàn thành công việc được giao tại đơn vị.  - Sinh viên chủ động nghiên cứu pháp luật và hoạt động của đơn vị thực tập phục vụ cho đề tài báo cáo.  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên hoàn thành báo cáo thực tập. | Y |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGTS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Viết Hà** |

**5.39. Thực tập tốt nghiệp Mã HP: 11415**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***4 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** | |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 180 tiết | |  | | | - Lý thuyết (LT): | | | 0 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 180 tiết | |  | | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | | - Kiểm tra (KT): | | | 0 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:***

- Thực tập cơ sở ngành 11405

- Luật Thương mại Việt Nam 11493

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Học phần Thực tập tốt nghiệp là là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức, kỹ năng thực tập và tốt nghiệp của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh doanh.

Để hoàn thành học phần, sinh viên cần tự liên hệ nơi thực tập, làm quen với môi trường thực tế tại các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, các tổ chức kinh tế

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có được kiến thức và một số kỹ năng thực tiễn mang tính chuyên sâu làm căn cứ kiểm chứng và liên hệ với kiến thức được học trong Trường.

***6. Nguồn học liệu:***

[1] Các nguồn tài liệu của các học phần sinh viên đã hoàn thành.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến mỗi học phần đã học và liên quan đến đơn vị thực tập.

[3] Các văn bản, tài liệu được cung cấp bởi đơn vị thực tập.

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Đánh giá các quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế trong lĩnh vực kinh doanh khi liên hệ với thực tiễn áp dụng tại đơn vị thực tập nói riêng và thực tiễn thi hành pháp luật tại Việt Nam nói chung | 1.4.1 |
| **G2** | Phối hợp các giải pháp để giải quyết công việc chuyên môn được giao và vấn đề pháp lý nghiên cứu trong quá trình thực tập | 2.2.1 |
| **G3** | Tôn trọng tuyệt đối các nguyên tắc nghề nghiệp, quy chế thực tập và nội quy tại đơn vị thực tập. | 2.3.1 |
| **G4** | Kết hợp báo cáo viết và thuyết trình, trả lời câu hỏi về quá trình thực tập | 3.2.3 |
| **G5** | Phối hợp với các bên liên quan bao gồm các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và tổ chức nghề nghiệp trong phạm vi nhiệm vụ được giao để giải quyết công việc tại đơn vị | 4.2.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân tích chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức nơi thực tập, mối quan hệ các cơ quan, tổ chức nơi thực tập với các cơ quan, tổ chức khác có liên quan. | **TU4** |
| **G1.2** | Đánh giá các quy định pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh khi liên hệ thực tiễn áp dụng tại đơn vị thực tập. | **TU5** |
| **G2.1** | Phối hợp các giải pháp để giải quyết các công việc như nhân viên hoặc chuyên viên đã có kinh nghiệm tại đơn vị. | **U4** |
| **G2.2** | Phối hợp các giải pháp để vấn đề pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh liên quan đến hoạt động thực tập | **TU4** |
| **G3.1** | Tôn trọng tuyệt đối các nguyên tắc nghề nghiệp, quy chế thực tập và nội quy tại đơn vị thực tập. | **U3** |
| **G4.1** | Kết hợp báo cáo viết và thuyết trình, trả lời câu hỏi về quá trình thực tập | **TU4** |
| **G5.1** | Phối hợp với các bên liên quan bao gồm các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và tổ chức nghề nghiệp trong phạm vi nhiệm vụ được giao để giải quyết công việc tại đơn vị | **U4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| Y | Báo cáo thực tập | G1.1, G1.2, G2.2, G4.1 | 100% |

Điểm đánh giá học phần:

Z = Y

***10. Nội dung thực tập***

| **NỘI DUNG THỰC TẬP** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần 1:**  1. Làm quen với đơn vị thực tập.  2. Tìm hiểu về cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập  3. Nghe giới thiệu tổng quan về chức năng, nhiệm vụ hoặc lĩnh vực kinh doanh của đơn vị thực tập | 30 | G1.1,  G2.1, G3.1 | **Dạy:**  - Trợ lý thực tập phân chia nhóm sinh viên, phân công về các đơn vị thực tập; hướng dẫn về quy chế thực tập  **Thực tập ở đơn vị:**  **-** Sinh viên chủ động tìm hiểu và làm quen với đơn vị, vị trí thực tập được giao.  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên chủ động tự lên kế hoạch viết báo cáo. |  |
| **Tuần 2:**  4. Tìm hiểu về cơ sở pháp lý cho các hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh hoặc chức năng nhiệm vụ của đơn vị thực tập  5. Tìm hiểu tổng quan các nghiệp vụ có liên quan đến kiến thức chuyên ngành tại đơn vị thực tập. | 30 | G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G5.1 | **Dạy:**  - Giảng viên hướng dẫn các nhóm sinh viên về lựa chọn đề tài báo cáo.  **Thực tập ở đơn vị:**  **-** Sinh viên hoàn thành công việc được giao tại đơn vị.  - Sinh viên chủ động nghiên cứu hoạt động của đơn vị thực tập phục vụ cho đề tài báo cáo.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên chủ động nghiên cứu pháp luật phục vụ cho đề tài báo cáo. |  |
| **Tuần 3:**  6. Tìm hiểm một hoặc một số quy trình, nghiệp vụ mang tính chuyên sâu tại đơn vị thực tập để phục vụ cho việc viết báo cáo thực tập.  7. Tìm hiểu các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan đến quy trình, nghiệp vụ tại đơn vị thực tập. | 30 | G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G5.1 | **Dạy:**  - Giảng viên hướng dẫn các nhóm sinh viên phương thức nghiên cứu đề tài báo cáo.  **Thực tập ở đơn vị:**  **-** Sinh viên hoàn thành công việc được giao tại đơn vị.  - Sinh viên chủ động nghiên cứu hoạt động của đơn vị thực tập phục vụ cho đề tài báo cáo.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên chủ động nghiên cứu pháp luật phục vụ cho đề tài báo cáo. |  |
| **Tuần 4:**  8. Giúp các bộ phận chức năng của đơn vị thực tập để thực hiện một hoặc một số nghiệp vụ có liên quan đến chuyên ngành.  9. Cùng với nhân viên hoặc cán bộ tại đơn vị thực tập đi làm việc trên thực tế tại hiện trường. | 30 | G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G5.1 | **Dạy:**  - Giảng viên hướng dẫn các nhóm sinh viên phương thức nghiên cứu đề tài báo cáo.  **Thực tập ở đơn vị:**  **-** Sinh viên hoàn thành công việc được giao tại đơn vị.  - Sinh viên chủ động nghiên cứu hoạt động của đơn vị thực tập phục vụ cho đề tài báo cáo.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên chủ động nghiên cứu pháp luật phục vụ cho đề tài báo cáo. |  |
| **Tuần 5:**  10. Tìm hiểu mở rộng và chuyên sâu các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động của cơ quan, tổ chức nơi thực tập.  11. Tìm hiểu một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của đơn vị thực tập, đặc biệt liên quan đến quy trình, nghiêp vụ định viết vào báo cáo thực tập. | 30 | G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G5.1 | **Dạy:**  - Giảng viên hướng dẫn các nhóm sinh viên phương thức nghiên cứu đề tài báo cáo.  **Thực tập ở đơn vị:**  **-** Sinh viên hoàn thành công việc được giao tại đơn vị.  - Sinh viên chủ động nghiên cứu hoạt động của đơn vị thực tập phục vụ cho đề tài báo cáo.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên chủ động nghiên cứu pháp luật phục vụ cho đề tài báo cáo. |  |
| **Tuần 6:**  12.Viết báo cáo thực tập. | 30 | G1.2,  G2.2, G4.1 | **Dạy:**  - Giảng viên hướng dẫn hoàn thành báo cáo thực tập và phê duyệt  - Trợ lý thực tập thu các báo cáo thực tập, tổ chức báo cáo.  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên nộp báo cáo và thuyết trình đề tài báo cáo, trả lời câu hỏi về đề tài và quá trình thực tập (vấn đáp)  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên hoàn thành báo cáo thực tập và chuẩn bị cho buổi báo cáo. | Y |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGTS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Viết Hà** |

**5.40. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại Mã HP: 11412**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | | **BTL** | | X | | **ĐAMH** |  | |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 29 tiết | |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết | |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 15 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 1 tiết | |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Luật Thương mại Việt Nam 11493

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại là môn khoa học pháp lí chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại, đặc biệt là giải quyết tranh chấp thương mại ngoài Tòa án.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập môn Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập môn Luật thương mại Việt Nam*

Quốc hội (2005), Luật Thương mại

Quốc hội (2015), Bộ luật Tố tụng dân sự

Quốc hội (2010), Luật trọng tài thương mại

Chính phủ (2017), Nghị định 22/2017/NĐ-CP về hoà giải thương mại

Ủy ban Liên hợp quốc (1985), Luật mẫu về trọng tài thương mại quốc tế

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | **Lựa chọn** các quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế khi giải quyết vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại. | 1.4.1 |
| **G2** | **Phối hợp** các kỹ năng phân loại và sắp xếp, phản biện và tư duy hệ thống để tìm ra giải pháp khoa học nhất cho vụ tranh chấp kinh doanh thương mại | 2.2.1 |
| **G3** | **Phối hợp** các thủ tục nội bộ, quy trình tư vấn khách hàng và các hành động với các bên liên quan để giải quyết vụ tranh chấp kinh doanh thương mại theo lựa chọn của khách hàng | 4.3.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | **Lựa chọn** các quy định pháp luật Việt Nam để giải quyết các vấn đề pháp lý về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại | **TU5** |
| **G1.2** | **Lựa chọn** các quy định pháp luật quốc tế để giải quyết các vấn đề pháp lý về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại | **TU5** |
| **G2.1** | **Phối hợp** các kỹ năng phân loại và sắp xếp, phản biện và tư duy hệ thống để tìm ra cơ chế giải quyết vụ tranh chấp kinh doanh thương mại bằng Tòa án. | **TU4** |
| **G2.2** | **Phối hợp** các kỹ năng phân loại và sắp xếp, phản biện và tư duy hệ thống để tìm ra cơ chế giải quyết vụ tranh chấp kinh doanh thương mại ngoài Tòa án. | **TU4** |
| **G3.1** | **Phối hợp** các thủ tục nội bộ, quy trình tư vấn khách hàng và các hành động với các bên liên quan để hoàn thành các bước giải quyết vụ tranh chấp kinh doanh thương mại trong những tình huống thực tế. | **U4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X  Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | 25 |
| X2 – Bài tập lớn | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1 | 25 |
| Y  Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại**   * 1. Khái niệm, đặc điểm của tranh chấp kinh doanh thương mại   2. Phân loại tranh chấp kinh doanh thương mại   3. Giới thiệu các hình thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại   4. Yêu cầu việc giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại | 5 | G1.1, G1.2 | **Dạy:**   * Giảng viên phân tích về khái niệm, đặc điểm của giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại * Giảng viên phân tích về các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại * Giảng viên phân tích những yêu cầu việc giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại * Giảng viên đưa các vấn đề liên quan đến chương 1 nhằm yêu cầu sinh viên lựa chọn để giải quyết vấn đề đó.   **Học ở lớp:**   * Sinh viên phân tích và phân biệt được tranh chấp thương mại với các loại tranh chấp khác.   **Học ở nhà:**   * Sinh viên bình luận, đánh giá về các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Trọng tài thương mại và Luật thương mại trong việc xác định dấu hiệu của tranh chấp thương mại. | X1, X2, Y |
| **Chương 2. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại bằng thương lượng**  2.1 Khái niệm, đặc điểm về giải quyết tranh chấp thương mại bằng thương lượng  2.2 Thẩm quyền của Tòa án về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại  2.3 Sơ lược về các giai đoạn giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng hình thức thương lượng | 4 | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | **Dạy:**   * Giảng viên phân tích những vấn đề pháp lí về giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng thương lượng * Giảng viên đưa các vấn đề liên quan đến chương 2 nhằm yêu cầu sinh viên áp dụng giải quyết tình huống pháp lý.   **Học ở lớp:**   * Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học. * Sinh viên phân tích được những cơ sở pháp luật quy định về giải quyết tranh chấp bằng thương lượng * Sinh viên lựa chọn các quy định pháp luật liên quan để phối hợp giải quyết các tình huống pháp lý.   **Học ở nhà:**   * Sinh viên bình luận, đánh giá các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Thương mại quy định về hình thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng thương lượng. | X1, X2, Y |
| **Chương 3. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại bằng hòa giải**  3.1 Khái niệm, đặc điểm về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải  3.2 Thẩm quyền về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại bằng Hòa giải  3.3 Sơ lược về các giai đoạn giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng hình thức hòa giải | 4 | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | **Dạy:**   * Giảng viên phân tích những vấn đề pháp lí về giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng hòa giải * Giảng viên đưa các vấn đề liên quan đến chương 3 nhằm yêu cầu sinh viên áp dụng giải quyết tình huống pháp lý.   **Học ở lớp:**   * Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học * Sinh viên phân tích được những cơ sở pháp luật quy định về giải quyết tranh chấp bằng hòa giải * Sinh viên lựa chọn các quy định pháp luật liên quan để phối hợp giải quyết các tình huống pháp lý.   **Học ở nhà:**   * Sinh viên bình luận, đánh giá các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Thương mại, các văn bản QPPL về hòa giải quy định về hình thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải. | X1, X2, Y |
| **Chương 4. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại bằng Tòa án**  4.1 Khái niệm, đặc điểm về giải quyết tranh chấp thương mại bằng Tòa án  4.2 Các nguyên tắc giải giấy tranh chấp kinh doanh thương mại bằng Tòa án  4.3 Thẩm quyền của Tòa án về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại  4.4 Sơ lược về các giai đoạn xét xử tại Tòa án | 8 | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | **Dạy:**   * Giảng viên phân tích những vấn đề pháp lí về giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng Tòa án * Giảng viên đưa các vấn đề liên quan đến chương 4 nhằm yêu cầu sinh viên áp dụng giải quyết tình huống pháp lý.   **Học ở lớp:**   * Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học * Sinh viên phân tích được những cơ sở pháp luật quy định về giải quyết tranh chấp bằng Tòa án * Sinh viên lựa chọn các quy định pháp luật liên quan, phối hợp để giải quyết các tình huống pháp lý.   **Học ở nhà:**   * Sinh viên bình luận, đánh giá các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Thương mại quy định về hình thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng Tòa án. | X1, X2, Y |
| **Chương 5. Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng trọng tài thương mại**  5.1 Khái niệm, đặc điểm về hình thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại  5.2 Phân loại các hình thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài  5.3 Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng trọng tài thương mại  5.4 Thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng trọng tài thương mại  5. 5 Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại  5. Hỗ trợ của cơ quan tư pháp đối với hoạt động trọng tài thương mại | 8 | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | **Dạy:**   * Giảng viên phân tích những vấn đề pháp lí về giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng trọng tài thương mại. * Giảng viên đưa các vấn đề liên quan đến chương 5 nhằm yêu cầu sinh viên áp dụng giải quyết tình huống pháp lý.   **Học ở lớp:**   * Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học * Sinh viên phân tích được những cơ sở pháp luật quy định về giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại * Sinh viên phân biệt được các nguyên tắc giải quyết tranh chấp thương mại của trọng tài với các nguyên tắc giải quyết tranh chấp thương mại của Toà án. * Sinh viên phân biệt được thẩm quyền giải quyết tranh chấp thương mại của trọng tài với thẩm quyền giải quyết tranh chấp thương mại của Toà án. * Sinh viên phân biệt được trình tự giải quyết tranh chấp thương tại của trọng tài với trình tự giải quyết tranh chấp thương mại tại Toà án. * Sinh viên lựa chọn các quy định pháp luật liên quan để phối hợp giải quyết các tình huống pháp lý.   **Học ở nhà:**   * Sinh viên bình luận các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Thương mại, Luật Trọng tại thương mại, Luật mẫu về trọng tài thương maiij quy định về hình thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải. * Sinh viên đánh giá được những quy định của pháp luật trọng tài Việt Nam so với pháp luật trọng tài của một số nước trên thế giới về nguyên tắc, thẩm quyền và trình tự giải quyết tranh chấp thương mại của trọng tài. * Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về nội dung kiến thức lý thuyết đã học chuẩn bị thực hành diễn án. | X1, X2, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1, G1.2,  G2.1, G2.2 | Giảng viên giao các các câu hỏi tự luận cho sinh viên | X1 |
| **Bài tập lớn** | 15 | G1.1  G1.2  G2.1  G2.2  G3.1 | **Dạy:**  + GV giao các bài tập tình huống cho sinh viên, và hướng dẫn sinh viên hoàn thiện bài tập lớn  **Học ở lớp:**  + SV thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên  **Học ở nhà:**  + SV chuẩn bị bài tập lớn và nộp bài theo quy định | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGTS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Trần Lê Thu Trang** |

**5.41. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại Mã HP: 11414**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | | **BTL** | |  | | **ĐAMH** |  | |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 34 tiết | |
|  | - Thực hành (TH): | 20 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết | |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 01 tiết | |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Kĩ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại là môn khoa học pháp lí chuyên ngành, cung cấp cho người học các kỹ năng cần thiết để có thể thực hiện các công việc như đàm phán, soạn thảo và thực hiện một hợp đồng cụ thể, tập trung vào nhóm các hợp đồng trong kinh doanh thương mại.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

Quốc hội (2015), Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13

Quốc hội (2017), Luật Thương mại số 03/VBHN-VPQH

Quốc hội (2020), Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14

Quốc hội (2010), Luật trọng tài thương mại số 54/2010/QH12

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | **Lựa chọn** các quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế trong quá trình đàm phán soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại. | 1.4.1 |
| **G2** | **Phối hợp** kỹ năng viết luận và kỹ năng thuyết trình để trình bày một vấn đề pháp lý trong quá trình đàm phán, soạn thảo hợp đồng kinh doanh thương mại. | 3.2.3 |
| **G3** | **Liên hệ** pháp luật Việt Nam với sự phát triển toàn cầu trong đàm phán, soạn thảo hợp đồng kinh doanh thương mại | 4.1.2 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | **Lựa chọn** các quy định pháp luật Việt Nam trong quá trình đàm phán soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại | **TU5** |
| **G1.2** | **Lựa chọn** các quy định pháp luật quốc tế trong quá trình đàm phán soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại | **TU5** |
| **G2.1** | **Phối hợp** kỹ năng viết luận để trình bày một vấn đề pháp lý trong quá trình đàm phán, soạn thảo hợp đồng kinh doanh thương mại. | **U4** |
| **G2.2** | **Phối hợp** kỹ năng thuyết trình để trình bày một vấn đề pháp lý trong quá trình đàm phán, soạn thảo hợp đồng kinh doanh thương mại. | **U4** |
| **G3.1** | **Liên hệ** pháp luật Việt Nam với sự phát triển toàn cầu trong đàm phán, soạn thảo hợp đồng kinh doanh thương mại | **TU4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
|  | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | 25 |
| X2 – Đánh giá thực hành | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **Nội dung giảng dạy** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Tổng quan về hợp đồng trong hoạt động kinh doanh thương mại và pháp luật về hợp đồng trong hoạt động kinh doanh thương mại**   * 1. Khái niệm và phân loại hợp đồng trong kinh doanh thương mại   2. Pháp luật điều chỉnh quan hệ hợp đồng trong kinh doanh thương mại   3. Một số hợp đồng đặc thù trong kinh doanh thương mại | 15 | G1.1, G1.2 | **Dạy:**   * Giảng viên phân tích những vấn đề pháp lí về hợp đồng trong kinh doanh thương mại * Giảng viên phân tích, đánh giá những vấn đề pháp lý về pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh thương mại * Giảng viên phân tích khái niệm, đặc điểm, nội dung cơ bản của một số hợp đồng đặc thù trong kinh doanh thương mại * Giảng viên đưa các vấn đề liên quan đến chương 1 nhằm yêu cầu sinh viên áp dụng giải quyết tình huống pháp lý.   **Học ở lớp:**   * Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học * Sinh viên phân tích được những quy định pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh thương mại * Sinh viên lựa chọn các quy định pháp luật liên quan, phối hợp để giải quyết các tình huống pháp lý.   **Học ở nhà:**   * Sinh viên bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật về các loại hợp đồng trong kinh doanh thương mại. | X1, Y |
| **Chương 2. Khái quát chung về kỹ năng đàm phán hợp đồng thương mại**  2.1 Khái niệm, đặc điểm của đàm phán hợp đồng trong hoạt động thương mại  2.2 Các nguyên tắc của đàm phán hợp đồng thương mại  2.3. Các kiểu đàm phán và hình thức đàm phán hợp đồng thương mại  2.4. Các giai đoạn đàm phán hợp đồng thương mại  2.5. Một số điều cần tránh trong đàm phán hợp đồng thương mại | 9 | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | **Dạy:**   * Giảng viên phân tích những vấn đề về đàm phán hợp đồng trong kinh doanh thương mại * Giảng viên đưa các vấn đề liên quan đến chương 2 nhằm yêu cầu sinh viên phối hợp giải quyết tình huống pháp lý.   **Học ở lớp:**   * Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học * Sinh viên phân tích được lý thuyết về đàm phán hợp đồng trong kinh doanh thương mại. * Sinh viên lựa chọn các hình thức đàm phán phù hợp để giải quyết các tình huống pháp lý.   **Học ở nhà:**   * Sinh viên vận dụng những kiến thức đã học để sáng tạo những cách đàm phán hợp đồng thương mại trong những tình huống pháp lý. | X1, Y |
| **Chương 3. Khái quát chung về kỹ năng soạn thảo hợp đồng thương mại**  **mại**  3.1 Khái quát về văn bản hợp đồng thương mại và yêu cầu đối với soạn thảo văn bản hợp đồng thương mại  3.2 Cách thức soạn thảo văn bản hợp đồng thương mại  3.3. Kĩ năng soạn thảo một số điều khoản cơ bản của hợp đồng thương mại | 10 | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | **Dạy:**   * Giảng viên phân tích những vấn đề về soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại * Giảng viên đưa các vấn đề liên quan đến chương 3 nhằm yêu cầu sinh viên phối hợp giải quyết tình huống pháp lý.   **Học ở lớp:**   * Sinh viên tham gia phát biểu và xây dựng bài học * Sinh viên phân tích được lý thuyết về soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại. * Sinh viên lựa chọn các kĩ năng soạn thảo phù hợp để giải quyết các tình huống pháp lý.   **Học ở nhà:**   * Sinh viên vận dụng những kiến thức đã học để sáng tạo những cách soạn thảo hợp đồng thương mại trong những tình huống pháp lý. | X1, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | Giảng viên giao câu hỏi tự luận cho sinh viên | X1 |

**THỰC HÀNH**

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thực hành kĩ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại | 20 | G1.1  G1.2  G2.1  G2.2  G3.1 | Dạy:  + GV yêu cầu sinh viên tự xây dựng các nhóm nhỏ để tham gia thực hành theo tình huống giả định.  + GV yêu cầu sinh viên tự thực hiện tài liệu liên quan đến hoạt động đàm phán, soạn thảo một số loại hợp đồng điển hình trong kinh doanh thương mại  + GV yêu cầu sinh viên thực hành đàm phán, soạn theo hợp đồng trong kinh doanh thương mại theo một tình huống đã có sẵn .  Học ở lớp:  + SV thực hiện theo yêu cầu của giáo viên để tham gia thực hành đàm phán, soạn thảo hợp đồng.  Học ở nhà:  + SV chuẩn bị tài liệu học tập,phân công nhiệm vụ cho các thành viên | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGTS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Trần Lê Thu Trang** |

**5.42. Khóa luận tốt nghiệp Mã HP: 11416**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***6 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** | | **X** |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 0 tiết | |  | | | - Lý thuyết (LT): | | | 0 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | tiết | |  | | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 90 tiết | |  | | | - Kiểm tra (KT): | | | 0 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:***

Sau khi đã học xong các học phần theo yêu cầu của chương trình đào tạo và thoả mãn Quy chế đào tạo của nhà trường

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Khóa luận tốt tốt nghiệp là là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức, kỹ năng thực tập và tốt nghiệp của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh doanh. Sau khi hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp, sinh viên có khả năng đánh giá, triển khai, vận dụng tổng hợp những kiến thức đã tiếp thu trong lĩnh vực chuyên ngành Luật Kinh doanh để giải quyết những vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực luật nói chung và luật kinh doanh nói riêng.

***6. Nguồn học liệu:***

[1] Các nguồn tài liệu của các học phần sinh viên đã hoàn thành.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến mỗi học phần đã học và liên quan đề tài.

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Đánh giá các quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế trong lĩnh vực kinh doanh khi liên hệ với thực tiễn thi hành pháp luật tại Việt Nam. | 1.4.1 |
| **G2** | Phối hợp các giải pháp để giải quyết vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn thi hành pháp luật tại Việt Nam | 2.2.1 |
| **G3** | Phối hợp các kỹ năng soạn thảo văn bản và sử dụng đa phương tiện, kỹ năng viết luận để giải quyết và trình bày đề tài | 3.2.3 |
| **G4** | Liên hệ pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật kinh doanh nói riêng với thực tiễn thi hành trong phạm vi đề tài nghiên cứu | 4.1.2 |
| **G5** | Phối hợp các quy trình nghề nghiệp trong các giải pháp khoa học | 4.3.1 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Lựa chọn kiến thức và các quy định pháp luật trong nước và quốc tế phù hợp để giải quyết đề tài nghiên cứu | **TU5** |
| **G1.2** | Đánh giá các quy định pháp luật khi liên hệ thực tiễn thi hành tại Việt Nam | **TU5** |
| **G2.1** | Phối hợp các giải pháp để giải quyết vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn thi hành pháp luật tại Việt Nam | **TU4** |
| **G3.1** | Phối hợp các kỹ năng soạn thảo văn bản và sử dụng đa phương tiện, kỹ năng viết luận để giải quyết và trình bày đề tà | **U4** |
| **G4.1** | Liên hệ pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật kinh doanh nói riêng với thực tiễn thi hành trong phạm vi đề tài nghiên cứu | **TU4** |
| **G5.1** | Phối hợp các quy trình nghề nghiệp trong các giải pháp khoa học | **U4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| Y | Khóa luận tốt nghiệp | G1.1, G1.2, G2.1, G.4.1 | 100% |

Điểm đánh giá học phần:

Z = Y

***10. Nội dung thực tập***

| **NỘI DUNG THỰC TẬP** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.** Lựa chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp | 5 | G1.1 | - Giảng viên hướng dẫn  - Sinh viên tìm hiểu, thực hiện | Y |
| **2.** Xây dựng đề cương sơ bộ cho đề tài | 5 | G1.1, G2.1, G4.1 | - Giảng viên hướng dẫn  - Sinh viên tìm hiểu, thực hiện | Y |
| **3.** Thu thập và xử lý tài liệu (dữ liệu) liên quan tới đề tài | 5 | G1.1, G2.1, G4.1 | - Giảng viên hướng dẫn  - Sinh viên tìm hiểu, thực hiện | Y |
| **4.** Xây dựng đề cương chi tiết cho đề tài | 5 | G1.1, G2.1, G4.1 | - Giảng viên hướng dẫn  - Sinh viên tìm hiểu, thực hiện | Y |
| **5.** Khái quát hóa kiến thức của các học phần chuyên ngành đã học để triển khai đề tài | 5 | G1.1, G2.1, G4.1 | - Giảng viên hướng dẫn  - Sinh viên tìm hiểu, thực hiện | Y |
| **6.** Xử lý các dữ liệu dưới dạng văn bản liên quan đến đề tài đã chọn | 10 | G1.1, G2.1, G4.1 | - Giảng viên hướng dẫn  - Sinh viên tìm hiểu, thực hiện | Y |
| **7.** Phối hợp các quy trình để đề ra giải pháp khoa học cho đề tài | 10 | G1.2, G2.1, G4.1 | - Giảng viên hướng dẫn  - Sinh viên tìm hiểu, thực hiện | Y |
| **8.** Hoàn thiện đề tài | 45 | G1.2, G2.1,  G3.1, G4.1, G5.1 | - Giảng viên hướng dẫn  - Sinh viên tìm hiểu, thực hiện | Y |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGTS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Trần Lê Thu Trang** |

**5.43. Tin học văn phòng Mã HP: 17102**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Tin học đại cương | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 23 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 40 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không.

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Tin học văn phòng là học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng tự chọn. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản về soạn thảo và định dạng văn bản với MS Word, thao tác và xử lý dữ liệu trên bảng tính với MS Excel từ đó hình thành cho sinh viên các kỹ năng để có thể làm việc trên văn bản và bảng tính.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] Hồ Thị Hương Thơm, Nguyễn Kim Anh, Võ Văn Thưởng, Nguyễn Cảnh Toàn (2023), *Giáo trình Tin học văn phòng – Microsoft Office 2019*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Tin học văn phòng (2019). *Bài giảng Tin học văn phòng – Microsoft Office,* Nhà xuất bản Hàng hải.

***6.3. Tài liệu tham khảo***

[1] Lê Quốc Định, Phạm Trung Minh, Lê Trí Thành, Nguyễn Bình Minh (2014)*, Giáo trình tin học văn phòng – Microsoft Office 2010,* Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.4. Phần mềm :***

[1] Microsoft Corporation (2019). *Microsoft Office*. Version 2019.

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Áp dụng các kỹ thuật xử lý văn bản và bảng tính theo chuẩn MOS Word và Excel quốc tế. |  |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Hiểu rõ các thành phần và thao tác cơ bản trong MS Word | **TU2** |
| **G1.2** | Áp dụng các thao tác và kỹ thuật định dạng văn bản, trang in, bảng biểu, đối tượng đồ họa, tham chiếu, liên kết, kiểm duyệt, bảo vệ để thiết kế và xử lý tài liệu văn bản. | **TU3** |
| **G1.3** | Áp dụng các kỹ thuật trộn thư trong việc xử lý các bài toán thực tế | **TU3** |
| **G1.4** | Phác thảo được biểu mẫu về hóa đơn, quảng cáo, báo cáo tốt nghiệp… theo chuẩn MOS Word quốc tế. | **TU4** |
| **G1.5** | Hiểu và nắm rõ các thành phần giao diện và các thao tác làm việc với Workbook và Worksheet trong MS Excel. | **TU2** |
| **G1.6** | Áp dụng các thao tác và kỹ thuật của bảng tính để định dạng trang in; sắp xếp và lọc, loại bỏ trùng lặp dữ liệu và tính toán số liệu. | **TU3** |
| **G1.7** | Phác thảo được các bảng số liệu thực tế theo chuẩn MOS Excel quốc tế. | **TU4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1: Bài kiểm tra số 1 | G1.1, G1.2, G1.3, G1.4 | 25% |
| X2: Bài kiểm tra số 2 | G1.5, G1.6, G1.7 | 15% |
| X3: Điểm chuyên cần | Tham dự từ 75% số tiết học lý thuyết | 10% |
| Y. Đánh giá thi hết học phần | Y | G1.1, G1.2, G1.5, G1.6 | 50% |

X1, X2: đánh giá dựa trên 02 bài kiểm tra trên lớp.

X3: điểm chuyên cần;

- Điều kiện sinh viên đủ điều kiện để hoàn thành học phần:

+ Sinh viên tham gia ít nhất 75% số tiết học lý thuyết trên lớp và phải hoàn thành tất cả các bài thực hành, thảo luận được giao.

+ Xi >= 4

- Điểm đánh giá học phần:

X = 0.5X1 + 0.3X2 + 0.2X3

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

***Giảng dạy trên lớp***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần 1 : Mircosoft MS Word** |  |  |  |  |
| **Chương 1. Tổng quan về chương trình MS Word**  1.1. Khởi động và giới thiệu giao diện chương trình  1.2. Tạo mới, mở và các thao tác căn bản với nội dung tài liệu  1.3. Lưu/đóng tài liệu/chương trình  1.4. In ấn tài liệu  1.5. Thay đổi tùy chọn của Word | 2 | G1.1 | **Dạy:** Giảng viên giảng dạy kiến thức.  **Học ở lớp**: Sinh viên lĩnh hội các kiến thức và làm bài tập 1.  **Học ở nhà:**  - Tự nghiên cứu bài giảng 1, phần 1, chương 1.  - Tự nghiên cứu tài liệu tham khảo 1. | X1, Y |
| **Chương 2. Soạn thảo tài liệu**  2.1. Thay đổi chế độ hiển thị và di chuyển trong tài liệu  2.2. Tìm kiếm và thay thế nội dung  2.3. Sao chép, cắt, dán nội dung  2.4. Chèn ý tự đặc biệt và công thức toán học | 2 | G1.2 | **Dạy:** Giảng viên giảng dạy kiến thức.  **Học ở lớp**: Sinh viên lĩnh hội các kiến thức và làm bài tập 2.  **Học ở nhà:**  - Tự nghiên cứu bài giảng 1, phần 1, chương 2.  - Tự nghiên cứu tài liệu tham khảo 1. | X1, Y |
| **Chương 3. Định dạng tài liệu**  3.1. Định dạng ký tự  3.1.1. Thay đổi kiểu chữ, kích thước, mầu sắc ký tự  3.1.2. Sử dụng kiểu chỉ số trên/dưới, chế độ gạch ngang  3.1.3. Áp dụng hiệu ứng TextEffect và mầu nền ký tự  3.1.4. Chuyển đổi chữ hoa/chữ thường  3.1.5. Sao chép định dạng và thiết lập định dạng mặc định cho tài liệu  3.2. Định dạng đoạn văn bản  3.2.1. Thiết lập định dạng cho đoạn văn bản  3.2.2. Thiết lập chế độ dãn dòng và khoảng cách giữa các đoạn văn bản  3.2.3. Tạo danh sách kiểu Bullet và Numbering  3.2.4. Thiết lập và tùy chỉnh Tabs  3.2.5. Định dạng phong cách bằng Style  3.3. Định dạng trang văn bản  3.3.1. Thiết lập các chủ đề(Themes)  3.3.2. Thiết lập Header và Footer  3.3.3. Sử dụng Quick Part  3.3.4. Định dạng nền trang văn bản  3.4. Quản lý luồng nội dung văn bản  3.4.1. Trình bày trang văn bản – Page Layout  3.4.2. Các chế độ ngắt văn bản – Breaks  3.4.3. Kiểm soát sự phân trang | 6 | G1.2 | **Dạy**: Giảng viên giảng dạy kiến thức.  **Học ở lớp:** Sinh viên lĩnh hội các kiến thức và làm bài tập 3.  **Học ở nhà:**  Tự nghiên cứu bài giảng 1, phần 1, chương 3.  Tự nghiên cứu tài liệu tham khảo 1. | X1, Y |
| **Chương 4. Làm việc với bảng biểu và đối tượng đồ họa**  4.1. Làm việc với bảng biểu  4.1.1. Tạo xóa bảng.  4.1.2. Định dạng bảng.  4.1.3. Các thao tác làm việc và quản lý bảng  4.2. Đối tượng đồ họa  4.2.1. Làm việc với ảnh – Picture.  4.2.2. Làm việc với Shapes, Word Art và Smart Art  4.2.4. Làm việc với TextBox | 3 | G1.2 | **Dạy:** Giảng viên giảng dạy kiến thức.  **Học ở lớp:** Sinh viên lĩnh hội các kiến thức và làm bài tập 4.  **Học ở nhà:**  - Tự nghiên cứu bài giảng 1, phần 1, chương 4.  - Tự nghiên cứu tài liệu tham khảo 1. | X1,Y |
| **Chương 5. Tham chiếu và liên kết**  5.1. Làm việc với siêu liên kết - hyperlink  5.2. Sử dụng Footnotes và Endnotes  5.3. Tạo mục lục - Table of Contents | 2 | G1.2 | **Dạy:** GV giảng dạy kiến thức.  **Học ở lớp:** SV lĩnh hội các kiến thức và làm bài tập 5.  **Học ở nhà:**  Tự nghiên cứu bài giảng 1, phần 1, chương 5.  Tự nghiên cứu tài liệu tham khảo 1. | X1,Y |
| **Chương 6. Kiểm duyệt nội dung và bảo vệ tài liệu**  6.1. Kiểm tra nội dung với Using Spelling and Grammar  6.2. Thiết lập tự động sửa lỗi – AutoCorrect  6.3. Sử dụng ghi chú trong văn bản - Comment  6.4. Bảo vệ tài liệu | 2 | G1.2 | **Dạy:** GV giảng dạy kiến thức.  **Học ở lớp:** SV lĩnh hội các kiến thức và làm bài tập 6.  **Học ở nhà:**  Tự nghiên cứu bài giảng 1, phần 1, chương 6.  Tự nghiên cứu tài liệu tham khảo 1. | X1,Y |
| **Chương 7. Trộn thư - Mail Merges**  7.1. Giới thiệu Mail Merge  7.2. Trộn thư bằng Mail Merge Wizard  7.3. Trộn thư thủ công | 2 | G1.3 | **Dạy:** GV giảng dạy kiến thức.  **Học ở lớp**: SV lĩnh hội các kiến thức và làm bài tập 7.  **Học ở nhà:**  Tự nghiên cứu bài giảng 1, phần 1, chương 7.  Tự nghiên cứu tài liệu tham khảo 1. | X1,Y |
| **Bài kiểm tra số 1** | 1 | G1.1-G1.2, G1.3, G1.4 | **Dạy:** Giáo viên ra bài kiểm tra và đánh giá.  Giáo viên hướng dẫn SV thực hiện các bài thảo luận và đánh giá kết quả làm việc của SV.  **Học ở lớp:** SV thực hiện bài kiểm tra và bài thảo luận nhóm.  **Học ở nhà**: SV tự nghiên cứu bài giảng 1, phần 1 và tài liệu tham khảo 1, ôn lại các bài tập 1-7. | X1 |
| **Phần 2 : Microsoft Excel** |  |  |  |  |
| **Chương 1. Tổng quan về chương trình MS Excel**  1.1. Cách mở và giới thiệu giao diện chương trình  1.2. Làm việc với Workbook  1.3. Ô vùng dữ liệu trong Excel  1.4. Làm việc với Worksheet | 2 | G1.5 | **Dạy:** GV giảng dạy kiến thức..  **Học ở lớp**: SV lĩnh hội các kiến thức và làm bài tập 8.  **Học ở nhà:**  Tự nghiên cứu bài giảng 1, phần 1, chương 1.  Tự nghiên cứu tài liệu tham khảo 1. | X2,Y |
| **Chương 2. Thao tác dữ liệu trong MS Excel**  2.1. Nhập, hiệu chỉnh dữ liệu.  2.2. Định dạng dữ liệu  2.3. Định dạng có điều kiện  2.4. Tìm kiếm và thay thế dữ liệu  2.5. Sắp xếp và lọc dữ liệu  2.6. Xác thực dữ liệu và loại bỏ dữ liệu trùng | 3 | G1.6 | **Dạy:** GV giảng dạy kiến thức..  **Học ở lớp:** SV lĩnh hội các kiến thức và làm bài tập 8.  **Học ở nhà:**  Tự nghiên cứu bài giảng 2, phần 2, chương 2.  Tự nghiên cứu tài liệu tham khảo 2. | X2, Y |
| **Chương 3. Sử dụng hàm trong MS Excel**  3.1. Giới thiệu công thức, hàm và các chế độ địa chỉ, nhập công thức/hàm  3.2. Các hàm điều kiện  3.3. Một số hàm toán học, thống kê, xử lý văn bản, ngày tháng | 5 | G1.6 | **Dạy:** GV giảng dạy kiến thức..  **Học ở lớp:** SV lĩnh hội các kiến thức và làm bài tập 9.  **Học ở nhà:**  Tự nghiên cứu bài giảng 2, phần 2, chương 3.  Tự nghiên cứu tài liệu tham khảo 2. |  |
| **Chương 4. Thêm các đối tượng trong MS Excel**  4.1. Sử dụng đồ thị (Charts)  4.2. Sử dụng Sparklines  4.3. Sử dụng các đối tượng đồ họa và hộp văn bản  4.4. Tạo liên kết | 2 | G1.6 | **Dạy:** GV giảng dạy kiến thức..  **Học ở lớp:** SV lĩnh hội các kiến thức và làm bài tập 10.  **Học ở nhà:**  Tự nghiên cứu bài giảng 2, phần 2, chương 4.  Tự nghiên cứu tài liệu tham khảo 2. | X2,Y |
| **Chương 5. Định dạng trang in trong MS Excel**  5.1. Các chế độ hiển thị trang và đặt header/footer.  5.2. Các thiết lập trong quá trình in ấn | 2 | G1.6 | **Dạy:** GV giảng dạy kiến thức..  **Học ở lớp:** SV lĩnh hội các kiến thức và làm bài tập 11  **Học ở nhà:**  Tự nghiên cứu bài giảng 2, phần 2, chương 5.  Tự nghiên cứu tài liệu tham khảo 2. | X2,Y |
| **Bài kiểm tra số 2** | 1 | G1.5, G1.6, G1.7 | **Dạy:** Giáo viên ra bài kiểm tra và đánh giá.  Giáo viên hướng dẫn SV thực hiện các bài thảo luận và đánh giá kết quả làm việc của SV.  **Học ở lớp**: SV thực hiện bài kiểm tra và bài thảo luận nhóm.  **Học ở nhà:** SV tự nghiên cứu bài giảng 1, phần 1 và tài liệu tham khảo 1, ôn lại các bài tập số 8 – 11. | X2 |

***Hướng dẫn thực hành***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Tổng quan về MS Word**  **Chương 2. Soạn thảo tài liệu**  Thực hành bài tập thực hành 1, 2 – Tài liệu thực hành Tin học văn phòng | 4 | G1.1  G1.2 | **Dạy:**  GV hướng dẫn SV thực hành 1, 2.  **Học ở lớp***:* SV tự thực hành.  **Học ở nhà***:* SV thực hành lại *bài thực hành 1, 2 và các bài liên quan khác.* | X1, Y |
| **Chương 3. Định dạng tài liệu**  Thực hành bài tập thực hành 3 – Tài liệu thực hành Tin học văn phòng | 3 | G1.2 | **Dạy:**  GV hướng dẫn SV thực hành bài 3.  **Học ở lớp***:* SV làm bài thực hành 3.  **Học ở nhà***:* SV tự làm lại bài 3và các bài liên quan khác. | X1, Y |
| **Chương 4. Làm việc với bảng biểu và đối tượng đồ họa**  Thực hành bài tập thực hành 4 – Tài liệu thực hành Tin học văn phòng | 4 | G1.2 | **Dạy:**  GV hướng dẫn SV thực hành 4.  **Học ở lớp***:* SV làm bài tập thực hành 4.  *Học ở nhà:* SV tự làm lại bài 4 và các bài liên quan khác*.* | X1, Y |
| **Chương 5. Tham chiếu và liên kết**  **Chương 6. Kiểm duyệt nội dung và bảo vệ tài liệu**  Thực hành bài tập thực hành 5, 6 – Tài liệu thực hành Tin học văn phòng | 3 | G1.2 | GV hướng dẫn SV thực hành bài 5, 6.  **Học ở lớp***:* SV làm bài tập thực hành 5, 6.  **Học ở nhà***:* SV tự làm lại bài 5, 6 và các bài liên quan khác. | X1, Y |
| **Chương 7. Trộn thư - Mail Merges**  Thực hành bài tập thực hành số 7 – Tài liệu thực hành Tin học văn phòng | 2 | G1.2 | **Dạy:**  GV ra bài kiểm tra và đánh giá  GV hướng dẫn SV thực hành 7, THW và các bài thảo luận.  Đánh giá kết quả làm việc của SV.  **Học ở lớp***:* SV thực hiện bài kiểm tra và bài thảo luận nhóm.  **Học ở nhà***:* SV tự nghiên cứu bài giảng 1, phần 1, và tài liệu tham khảo 1; ôn lại bài tập 1-7. | X1, Y |
| Thực hành bài thực hành tổng hợp phần Word WTH1– Tài liệu thực hành  Bài tập thảo luận nhóm | 4 | G1.4 | **Dạy:**  GV đặt yêu bài toán phải hoàn thành  **Học ở lớp***:* SV thảo luận nhóm để phân tích các yêu cầu phải thực hiện.  **Học ở nhà***:* SV tìm hiểu và nghiên cứu các bài toán có liên quan để có thể vận dụng | X1 |
| **Chương 1. Tổng quan về chương trình MS Excel**  Thực hành bài tập thực hành 7– Tài liệu thực hành Tin học văn phòng | 4 | G1.5 | **Dạy:**  GV hướng dẫn SV thực hành 8  **Học ở lớp***:* SV tự thực hành.  **Học ở nhà***:* SV thực hành lại *bài thực hành 8 và các bài liên quan khác.* | X2, Y |
| **Chương 2. Thao tác dữ liệu trong MS Excel**  Thực hành bài tập thực hành 8 – Tài liệu thực hành Tin học văn phòng | 4 | G1.6 | **Dạy:**  GV hướng dẫn SV thực hành 8.  **Học ở lớp***:* SV tự thực hành.  **Học ở nhà***:* SV thực hành lại *bài thực hành 8 và các bài liên quan khác.* | X2, Y |
| **Chương 3. Sử dụng hàm trong MS Excel**  Thực hành bài tập thực hành 9– Tài liệu thực hành Tin học văn phòng | 3 | G1.6 | **Dạy:**  GV hướng dẫn SV thực hành số 9  **Học ở lớp***:* SV tự thực hành.  **Học ở nhà:**SV thực hành lại *bài thực hành 9 và các bài liên quan khác.* | X2, Y |
| **Chương 4. Thêm các đối tượng trong MS Excel**  Thực hành bài tập thực hành 10 – Tài liệu thực hành Tin học văn phòng | 3 | G1.6 | **Dạy:**  GV hướng dẫn SV thực hành 10.  **Học ở lớp***:* SV tự thực hành.  **Học ở nhà***:* SV thực hành lại *bài thực hành 10 và các bài liên quan khác.* | X2, Y |
| **Chương 5. Định dạng trang in trong MS Excel**  Thực hành bài tập thực hành 11 – Tài liệu thực hành Tin học văn phòng | 2 | G1.6 | GV ra bài kiểm tra và đánh giá  GV hướng dẫn SV thực hành 11, THE và các bài thảo luận.  Đánh giá kết quả làm việc của SV | X2, Y |
| Thực hành bài tổng hợp phần Excel – Tài liệu thực hành THVP  Bài tập thảo luận nhóm | 4 | G1.7 | **Dạy:**  GV đặt yêu bài toán phải hoàn thành  **Học ở lớp***:* SV thảo luận nhóm để phân tích các yêu cầu phải thực hiện.  **Học ở nhà***:* SV tìm hiểu và nghiên cứu các bài toán có liên quan để có thể vận dụng | X2 |

**5.44. Anh văn cơ bản 1 Mã HP: 25121**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn tiếng Anh đại cương | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 40 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 05 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Học phần Anh văn cơ bản 1, kết hợp với AVCB 2 và AVCB 3, được xây dựng để đáp ứng CĐR ngoại ngữ của chương trình đào tạo. Kết thúc học phần AVCB1, sinh viên đạt tương ứng trình độ bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.

Chương trình học trên lớp tập trung vào 4 kỹ năng thực hành tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) cùng từ vựng, ngữ pháp tương ứng phục vụ các chủ đề phổ biến trong giao tiếp xã hội và công việc (bản thân, gia đình, người nổi tiếng, kế hoạch tương lai, giấc mơ, địa điểm yêu thích). Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] Oxenden, C., Koenig, C. L., & Seligson, P. (2007). *American English File –student book 2*. Oxford University Press.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Oxenden, C., & Koenig, C. L. (2005). *New English File: Pre-intermediate: Student’s Book and Workbook*. Oxford University Press.

[2] Oxenden, C., & Koenig, C. L. (2008). *American English File Workbook 2,* Oxford University Press.

[3] Storton, L. (2007). *New English File: Intermediate Test Booklet*. Oxford University Press.

[4] Mann, M., & Taylore-Knowles, S. (2014). *Destination B1: grammar & vocabulary with answer key*. Macmillan Education.

[5] Mann, M., & Taylore-Knowles, S. (2014). *Destination B2: grammar & vocabulary with answer key*. Macmillan Education

[6] [www.oup.com/elt/englishfile/intermediate](http://www.oup.com/elt/englishfile/intermediate)

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Kĩ năng nghe: Thể hiện khả năng nghe các diễn ngôn ngắn giọng chuẩn có độ dài 150 từ với nội dung liên quan và gần gũi trong học tập, giao tiếp hàng ngày (ví dụ: thực phẩm, giải trí, đi lại, xin việc, sự kiện, an toàn lao động, tài liệu kinh doanh); nghe thông tin chính ở các bài phỏng vấn ngắn, các đoạn hội thoại tốc độ chậm |  |
| **G2** | Kĩ năng đọc: Thể hiện khả năng đọc các bài đọc (lời nhắn, thư tín, quảng cáo, các bản mô tả, trích dẫn ngắn gọn) có độ dài ngắn (150 từ), nắm bắt các thông tin chính ở các bài báo ngắn gọn về các chủ đề đã học. |  |
| **G3** | Kĩ năng nói: Thể hiện phát âm tương đối chính xác về âm, trọng âm, ngữ điệu câu trong các đoạn thông báo ngắn, và biết cách nói được câu hoặc đoạn đơn giản |  |
| **G4** | Kĩ năng viết: Thể hiện được khả năng viết được câu văn mô tả hoặc đoạn văn đơn giản có độ dài ngắn(70-80 từ) theo các chủ đề liên quan đến bản thân, gia đình. |  |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Thể hiện kỹ năng nghe cụm từ, câu miêu tả ngắn về các chủ đề quen thuộc. | **TU2** |
| **G1.2** | Thể hiện kỹ năng nghe các đoạn hội thoại trong các tình huống liên quan đến cá nhân và gia đình. | **TU2** |
| **G1.3** | Thể hiện kỹ năng nghe các bài phỏng vấn, các thông báo, bản tin… về các chủ đề quen thuộc nhất như bản thân, gia đình, người nổi tiếng, kế hoạch tương lai, giấc mơ, địa điểm yêu thích. | **TU2** |
| **G2.1** | Thể hiện kỹ năng đọc nắm bắt nghĩa từ, cụm từ dựa vào mối quan hệ giữa các từ trong câu và trong đoạn ngắn, có thể có sai sót. | **TU2** |
| **G2.2** | Thể hiện kỹ năng đọc hiểu từ vựng, cụm từ, các cấu trúc, hiện tượng ngữ pháp xuất hiện thường xuyên trong bài đọc | **TU2** |
| **G2.3** | Thể hiện kỹ năng đọc chi tiết chính, xuyên suốt bài đọc. | **TU2** |
| **G3** | Biết cách phát âm nguyên âm, phụ âm, trọng âm, ngữ điệu, nối âm, nói tắt trong câu và xây dựng được câu đơn, câu ghép, câu phức với ngữ pháp, cấu trúc, và từ vựng hợp lý. Nói được câu đơn trôi chảy khi trò chuyện, trao đổi về các chủ đề đã học. | **TU2** |
| **G4** | Biết cách dựng câu đơn, câu ghép, câu phức với ngữ pháp, cấu trúc, và từ vựng đơn giản, tuy nhiên vẫn có thể có sai sót. | **TU2** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:* ­**

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| Đánh giá quá trình X | X1: Bài kiểm tra hình thức tự luận kết hợp trắc nghiệm, đánh giá 03 kĩ năng: Nghe, Đọc, Viết. | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G2.3, G4 | 15 |
| X2: Bài kiểm tra hình thức tự luận kết hợp trắc nghiệm, đánh giá 03 kĩ năng: Nghe, Đọc, Viết. | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G2.3, G4 | 15 |
| X3: Bài kiểm tra hình thức vấn đáp, đánh giá kĩ năng Nói. | G3 | 20 |
| Đánh giá cuối kỳ Y | Y: Bài kiểm tra hình thức tự luận kết hợp trắc nghiệm, đánh giá 03 kĩ năng: Nghe, Đọc, Viết.  *Hai điều kiện dự thi Y:*  1. Sinh viên tham gia học tối thiểu 75% thời lượng trên lớp với ý thức học tập nghiêm túc.  2. Các điểm X1, X2, X3 đều ≥4 | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G2.3, G4 | 50 |

***10. Kế hoạch giảng dạy***

***Giảng dạy trên lớp***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Who is who?** | 10 |  |  |  |
| * 1. Who’s who (1A) / Who knows you better?(1B)   ­­ | 3,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2. | **Dạy:**  1.1.1. Speaking & Listening : Introducing yourself & getting to know each other: Teachers teach students necessary structures to ask and introduce about themselves and others, then require students to practice based on the given tasks on the textbook.  1.1.2 Grammar: Word order in questions, present simple: Teachers present the theory of question words and present simple tense, then ask students to do exercises on page 127 – 1A  1.1.3 Pronunciation : - s: Teachers play the track 1.5 and ask students to repeat the sentences  1.1.4 Vocabulary: Common verb phrases, family and adjectives: Teachers ask students to work in pair or group to do vocabulary exercises in the textbook, then check and present the meaning of difficult words or phrases  1.1.5 Reading: Who knows you better, your family or your friends?: Teachers present difficult words or structures in the reading text, then ask them to work in pairs or groups to do reading comprehension tasks to understand the text  **Học ở lớp:**  *-* Speaking & Listening: Do listening exercises / Introduce yourself in groups or in front of the class  *-* Grammar: Do exercises on present simple tense  *-* Vocabulary: Do exercises on verb phrases, family, adjectives  - Reading: Do exercises of the text  **Học ở nhà:**Do exercises in workbook  - Who’s who?  - Who knows you better? | X1,  X2,  X3,  Y |
| 1.2 At the Moulin Rouge (1C) | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2. | **Dạy**:  1.2.1 Vocabulary : The body: Teachers use visual aids to teach students about parts of the body  1.2.2 Pronunciation : vowel sounds: Teachers present vowel sounds, then play the track 1.7, ask students to listen carefully to arrange the vowels in the correct columns  1.2.3 Grammar: present continuous: Teachers present the theory of present continuous tense, then asks students to do exercises on page 127-1C  1.2.4 Listening & Speaking: Teachers play the track 1.8, ask students to listen to a guide in an art gallery talking about “At the Moulin Rouge”, then answer the questions. Teachers check after listening  **Học ở lớp***:*  - Vocabulary: Do exercises on “the body”  - Pronunciation: Practise pronouncing vowels  - Grammar: Do exercises on present continuous tense  - Listening and speaking: Do listening and speaking exercises  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  - At the Moulin Rouge | X1,  X2,  X3,  Y |
| 1. 3 The Devil’s Dictionary (1D) | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy**:  1.3.1. Reading: A different kind of dictionary: Teachers teach some new and difficult words or structures, then ask students to read the short text and answer the questions. Teachers check after students complete  1.3.2 Grammar : defining relative clauses: Teachers present the theory of defining relative clauses, then ask students to do exercises on page 127-1D  1.3.3 Listening & Speaking: Teachers play the track 1.10, ask students to listen to the show and write down the six answers. Teachers check after the listening task.  1.3.4 Vocabulary : paraphrasing:Teachers present useful expressions explaining a word that you don’t know, then ask students to do the task in the textbook  1.3.5 Pronunciation : using a dictionary  **Học ở lớp***:*  - Reading: Do exercises on the text  - Grammar: Do exercises on defining relative clauses  - Listening & speaking: Do listening & speaking exercises  - Vocabulary: Do exercises on paraphrasing  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  - The Devil’s Dictionary | X1,  X2,  X3,  Y |
| 1. 4 Practical English : At the airport | 1,0 | G1.1, G1.2, G1.3, | **Dạy**:  Listening: dialogues: Teachers play the tracks 1.15, 1.16, 1.18; ask students to listen and finish the tasks. After listening, teachers reminds students of useful expressions in situations such as meeting at the airport, or at immigration  **Học ở lớp***:*  Listening: Do different kinds of dialogue exercises  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  At the airport | X1,  X2,  X3,  Y |
| 1.5 Writing: Describing yourself | 1,0 | G4.1, | **Dạy**:  Writing: Teachers teach students how to write an email describing yourself  **Học ở lớp***:*  Writing: do exercise on textbook, work in pairs or groups to prepare an outline  **Học ở nhà***:* Write an email introducing yourself | X1,  X2,  X3,  Y |
| 1.6 Revise and check: What do you remember? What can you do? | 1,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, | **Dạy**:  Reading and listening “Not next to me, please”: Teachers present difficult words or structures in the text, then ask students to do the reading tasks  **Học ở lớp***:*  Do exercises on grammar, vocabulary, reading, listening  **Học ở nhà***:* Learn new words, structures from the reading text | X1,  X2,  X3,  Y |
| **Chương 2. Right place, wrong time** | 10 |  |  |  |
| 2.1. Right place, wrong time (2A) | 1,5 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy:**  2.1.1. Vocabulary: vacations: Teachers ask students to work in pairs or in groups to do vocabulary exercises on page 147, then check and present the meaning of the words about vacations  2.1.2. Reading: The Holiday Magazine: Teachers present difficult words or structures in the text, then ask students to do the reading tasks. Teachers check after students complete  2.1.3. Grammar: past simple regular and irregular verbs: Teachers present the theory of past simple; then ask students to do exercises on page 129-2A  2.1.4. Pronunciation: regular and irregular verbs: Teachers play the track 2.1, then ask students to repeat the “ed” ending  2.1.5. Listening: story about Bill’s uncle and aunt: Teachers play the track 2.3, ask students to listen to the interview and correct the wrong information. Teachers check after listening activity  2.1.6. Speaking: your last holiday: Teachers ask students to work in pairs, based on the questions in the textbook, take turns to ask and aswer questions about your last vacation. Teachers move around to check students’ speaking activity  **Học ở lớp***:*  - Vocabulary: Do exercises on holidays  - Reading: Do exercises of the text  - Grammar: Do exercises on past simple tense  - Listening: Listen and answer the questions about the story  - Speaking: Work in pairs or groups to prepare ideas; make a speech about your last holiday  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  Right place, wrong time | X1,  X2,  X3,  Y |
| 2.2. A moment in time (2B) | 1,5 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy***:*  2.2.1. Grammar: past continuous: Teahcers present the theory of past continuous tense; then ask students to do the exercises on page 129-2B  2.2.2. Reading and Listening: Harry Benson talk about his most famous photo: Teachers present difficult words or structures in the text, ask students to read the text and do the reading task. After that, teachers play the track 2.4 and ask students to do the true-false task  2.2.3. Vocabulary: at, in, on: Teachers present the uses of prepositions “at, in, on”; then ask students to do the exercise in the textbook  2.2.4. Pronunciation: Teachers play the track 2.5, 2.6 and ask students to repeat the sounds  2.2.5. Speaking: a famous photo: Teachers teach students words or structures to describe a favourite photo; then ask students to work in pairs to describe their favourite photos. teachers move around to check and help  **Học ở lớp***:*  - Grammar: Do exercises on past continuous tense  - Reading and listening: Do designed reading exercises/ Listen and do True-False exercise  - Vocabulary: Do exercise on preposition “in, at, on”  - Speaking: Work in pairs, ask and answer about your favourite photos  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  A moment in life | X1,  X2,  X3,  Y |
| 2.3 Fifty years of pop, (2C) | 1,5 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy***:*  2.3.1. Vocabulary & Speaking:question words, pop music: Teachers ask students to work in groups to answer the questions concerning music knowledge; then teachers check  2.3.2. Grammar: questions with and without auxiliaries: Teachers present the theory of question words and ask students to do exercises on page 129-2C  2.3.3 Pronunciation: /w/, /h/: Teachers ask student to read aloud and write the words in the correct columns  2.3.4. Speaking: music quiz  2.3.5. Reading: Who wrote Imagine: Teachers present difficult words or structures in the text, then ask students to do the reading tasks. Teachers check after students complete  **Học ở lớp***:*  - Vocabulary: Do exercises on question words  - Speaking: Using question words to ask and answer about music  - Grammar: Do exercises on questions with aand without auxiliaries  - Reading: Read the text and do exercises  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  Fifty years of pop | X1,  X2,  X3,  Y |
| 2.4 One October evening (2D) | 1,5 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy***:*  2.4.1. Reading: One October evening: Teachers present difficult words or structures in the text, then ask students to do the reading tasks. Teachers check after students complete  2.4.2. Grammar: so, because, but, although: Teachers present the theory of “so, because, but, although”; then ask students to do exercises on page 129 – 2D  2.4.3 Vocabulary: verb phrases: Teachers ask students to do the matching task to find the correct verb phrases  2.4.4. Pronunciation: the letter a: Teachers play the track 2.12, 2.13; then ask students to repeat the sound  2.4.5. Speaking: re-tell a story: Teachers ask students to work in groups, based on the given pictures to retell the story; then teachers ask each group to present in front of the class  2.4.6. Listening: conversations: teachers play the track 2.14 and ask students to listen and complete the sentences  **Học ở lớp***:*  - Reading: Read the text and answer the questions  - Grammar: Do the exercise on “so, because, but, although”  - Vocabulary: Do the exercise on verb phrases  - Speaking: Work in pairs or groups; retell the story basing on pictures  - Listening: Do the listening exercise  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  One October evening | X1,  X2,  X3,  Y |
| 2.5 Practical English : At the conference hotel | 1,0 | G1.1, G1.2,  G1.3, | **Dạy***:*  Listening: dialogues:  - Checking in  - Calling reception  - Social English  Teachers play the dialogues, ask students to complete them; then teach useful expressions after listening task  **Học ở lớp***:*  Listening: Do different kinds of dialogue exercises  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  At the conference hotel | X1,  X2,  X3,  Y |
| 2.6 Writing: The story behind a photo | 2,0 | G4.1, | **Dạy**:  Writing: Teachers teach students how to describe your favourite photo  **Học ở lớp***:*  Writing: do exercise on textbook, work in pairs or groups to prepare an outline  **Học ở nhà***:* Make up sentences to describe your favourite photos | X1,  X2,  X3,  Y |
| 2.7 Revise and check: What do you remember? What can you do? | 1,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, | **Dạy**:  Reading and listening “Mountain climbers rescued by text message”: teachers present difficult words or structures; them ask students to do the reading tasks. Teachers check after that  **Học ở lớp***:*  Do exercises on grammar, vocabulary, reading, listening  **Học ở nhà***:* Learn new words, structures from the reading text | X1,  X2,  X3,  Y |
| **Review + Test 1** | 1,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G4.1 |  | X1 |
| **Chương 3. Where are you going?** | 10 |  |  |  |
| 3.1. Where are you going? (3A) | 1,5 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy***:*  3.1.1. Reading: Airport stories: teachers present difficult words or structures; them ask students to do the reading tasks. Teachers check after that  3.1.2. Grammar: going to, present continuous: teachers present the theory of going to and present continuous; then ask students to do exercises on page 131-3A  3.1.3. Listening: Interviewing Marina: teachers play the track 3.1, ask students to listen and do the true-false task  3.1.4. Vocabulary: look: teachers present the meanings of “look for, look through, look forward to”; then ask students to do the tasks on the textbook  3.1.5. Pronunciation: sentence stress: teachers play the track 3.2; then ask students to repeat  3.1.6. Speaking: your future plans: teachers ask students to work in pairs to talk about their future plans. Teachers move around to check and help  **Học ở lớp***:*  - Reading: Read the text and do exercises of the text  - Grammar: Do exercises on present continuous and be going to  - Listening: Listen to the interview and tick True or False  - Vocabulary: Do the exercise relating to the verb “look”  - Speaking: Work in pairs or groups to prepare ideas; make a speech about your future plans  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  Where are you going? | X2,  X3,  Y |
| 3.2. The pessimist’s phrase book (3B) | 1,5 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy***:*  3.2.1. Grammar: will/ won’t for predictions: teachers present the theory of future simple tense; then ask students to do exercises on page 131-3B  3.2.2. Vocabulary: opposite verbs: Teachers ask students to do vocabulary tasks on page 149; then explain difficult words or phrases if necessary  3.2.3. Pronunciation  3.2.4. Listening: radio programme: teachers play the track 3.7; then ask students to listen and fill in the missin words  3.2.5. Speaking: positive phrases; teachers ask students to work in pairs to repeat positive phrases  **Học ở lớp***:*  - Grammar: Do exercises on simple future  - Vocabulary: Do exercise on opposite verbs  - Listening: Listen to the radio program and fill in the missing words  - Speaking: Work in pairs, make up positive phrases/sentences  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  The pessimist’s phrase book | X2,  X3,  Y |
| 3.3 I’ll always love you (3C) | 1,5 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | Dạy*:*  3.3.1. Reading: Promises, promises: teachers present difficult words or structures; them ask students to do the reading tasks. Teachers check after that  3.3.2. Pronunciation: word stress: teachers play the track 3.9, and ask students to repeat  3.3.3. Grammar: will/ won’t for promises, offers, decisions: teachers present the theory; then ask students to do exercises on page 131-3C  3.3.4. Vocabulary: verb + back: teachers present the meaning of some words with “back”; then ask students to do the task in the textbook  3.3.5. Speaking: I shall/ Shall I?: teachers ask students to work in pairs to prractice the structure “Ishall/ Shall I?”  Học ở lớp*:*  - Reading: Read the text and do the exercise  - Grammar: Do the exercises on will/ won’t for promises, offers, decisions  - Vocabulary: Do exercises on verb + back  - Speaking: Using t to ask and answer about musice structure “I shall/ Shall I?” to make promises, offers, decisions  Học ở nhà*:* Do exercises in workbook  I’ll always love you | X2,  X3,  Y |
| 3.4. I was only dreaming (3D) | 1,5 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy***:*  3.4.1. Reading & Listeing: a patient’s dreams: teachers present difficult words or structures; them ask students to do the reading tasks. Teachers check after that  3.4.2. Grammar: review of tenses: teachers ask students to do exercises on page 131-3D, and check  3.4.3. Pronunciation: sentences stress: teachers play the track 3.14, and ask students to repeat  3.4.4. Speaking: dreams: teachers ask students to work in pairs to take turns to interprete each other’s dream. Teachers move around to check and help  3.4.5. Vocabulary: verbs + prepositions: teachers ask students to do the task first; then explain difficult phrases  **Học ở lớp***:*  - Reading: Read, listen and fill in the missing words  - Grammar: Do the exercise on tenses  - Vocabulary: Do the exercise on verb + prepositions  - Speaking: Work in pairs or groups; prepare to talk about your dream  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  I was only dreaming | X2,  X3,  Y |
| 3.5 Practical English : Restaurant problems | 1,0 | G1.1, G1.2,  G1.3, | **Dạy***:*  Listening: dialogues:  - Ordering a meal  - Problems with a meal  - Social English  Teachers play the tracks; ask students to complete the dialogues; then explain useful expressions  **Học ở lớp***:*  Listening: Do different kinds of dialogue exercises  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  Restaurant problems | X2,  X3,  Y |
| 3.6 Writing: An informal letter | 2,0 | G4.1, | **Dạy**:  Writing: teachers teach students how to write an informal letter  **Học ở lớp***:*  Writing: do exercise on textbook, work in pairs or groups to prepare an outline for an informal letter  **Học ở nhà***:* Write an informal letter to thank someone | X2,  X3,  Y |
| 3.7 Revise and check: What do you remember? What can you do? | 1,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, | **Dạy**:  Reading and listening “2020 woman the hunter, man the househusband”: teachers present difficult words or structures; them ask students to do the reading tasks. Teachers check after that  **Học ở lớp***:*  Do exercises on grammar, vocabulary, reading, listening  **Học ở nhà***:* Learn new words, structures from the reading text | X2,  X3,  Y |
| **Chương 4. From rags to riches** | 10 |  |  |  |
| 4.1. From rags to riches (4A) | 1,5 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy***:*  4.1.1. Reading & Vocabulary: Zara: teachers present difficult words or structures; them ask students to do the reading tasks. Teachers check after that  4.1.2. Pronunciation: vowel sounds: Teachers play the track 4.1, and ask students to repeat the sounds  4.1.3. Listening: Interviews: Teachers play the track 4.2, ask students to listen to the interview and fill in the chart  4.1.4. Grammar: present perfect or past simple?: teachers present the differences between past simple and present perfect tense; then ask students to do exercises on page 133-4A  4.1.5. Speaking: Interview a partner: teachers ask students to work in pairs to interview each other, based on the questions given. teachers move around to check  **Học ở lớp***:*  - Reading: Read the text and answer the questions about the text  - Grammar: Do exercises on present perfect and past simple  - Listening: Listen to the interview about Zara and take note  - Speaking: Work in pairs; interview each other about fashion  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  From rags to riches | X2,  X3,  Y |
| 4.2. Family conflicts  (4B) | 1,5 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy***:*  4.2.1. Vocabulary: verb phrases: teachers ask students to read the magazine article, then fill in the suitable phrase verbs; after that, teachers present new phrases or structures  4.2.2. Grammar: present perfect + just, yet, already: Teachers present the theory; then ask students to do exercises on page 133-4B  4.2.3. Pronunciation & Speaking: Has he done it yet?: teachers play the track 4.5, and ask students to repeat  4.2.4. Reading: Problems with your teenage children: teachers present difficult words or structures; them ask students to do the reading tasks. Teachers check after that  **Học ở lớp***:*  - Grammar: Do exercises on present perfect  - Vocabulary: Do exercise on verb phrases  - Pronunciation & Speaking: Listen and repeat  - Reading: Read the text and do the exercise  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  Family conflicts | X2,  X3,  Y |
| 4.3. Faster, faster!  (4C) | 1,5 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy***:*  4.3.1. Grammar: comparatives, as…as, less…than: teachers present the theory of comparatives; then ask students to do exercises on page 133-4C  4.3.2. Pronunciation: sentence stress: teachers play the track 4.7; then ask students to repeat  4.3.3. Reading & Vocabulary: We’re living faster: teachers present difficult words or structures; them ask students to do the reading tasks. Teachers check after that  4.3.4. Listening & Speaking: But we are living better?: teachers play the track 4.8; then ask students to listen and do the listening task  **Học ở lớp***:*  - Grammar: Do the exercises on comparatives  - Reading & Vocabulary: Read the text, learn new words and expressions  - Listening: Listen and guess  - Speaking: Work in pairs; answer six questions  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  Faster, faster | X2,  X3,  Y |
| **Test 2** | 1,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G4.1 |  | X2 |
| 4.4. The world’s friendliest city (4D) | 1,5 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy***:*  4.4.1. Reading & Listening: Big cities: teachers present difficult words or structures; them ask students to do the reading tasks. Teachers check after that  4.4.2. Grammar: superlatives: Teachers teach the theory of superlatives, then ask students to do exercises on page 133-4D  4.4.3. Vocabulary: opposite adjectives: Teachers ask students to do vocabulary exercises on page 145; them check and present the meanings of word pairs  4.4.4. Pronunciation: word stress  4.4.5. Speaking: the best and the worst: teachers ask students to work in pairs to say about the worst or the best places, people, …Teachers move around to check and help  **Học ở lớp***:*  - Reading: Read the text and do the exercise  - Listening: Listen to Tim Moore’s story and answer the questions  - Grammar: Do the exercise on superlatives  - Vocabulary: Do the exercise on opposite adjectives  - Speaking: Work in pairs; do the task “the best and the worst”  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  The world’s friendliest city | X3,  Y |
| 4.5 Practical English : Lost in San Francisco | 1,0 | G1.1, G1.2,  G1.3, | **Dạy***:*  Listening: dialogues:  - Directions  - Asking for information  - Social English  Teachers play the dialogues, ask students to complete them; then after listening task, present useful expressions  **Học ở lớp***:*  Listening: Do different kinds of dialogue exercises  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  Lost in San Francisco | X3,  Y |
| **Oral test** | 3,0 | G3.1, G3.2, G3.3, |  | X3 |
| 4.6. Writing: Describing where you live | 2,0 | G4.1, | **Dạy**:  Writing: Teachers teach students how to describe your hometown  **Học ở lớp***:*  Writing: do exercise on textbook, work in pairs or groups to prepare an outline  **Học ở nhà***:* Make up sentences; connect to have a paragraph about your hometown. | Y |
| 4.7. Revise and check: What do you remember? What can you do? | 1,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, | **Dạy**:  Reading and listening the text about Audrey Hepburn: teachers present difficult words or structures; them ask students to do the reading tasks. Teachers check after that  **Học ở lớp***:*  Do exercises on grammar, vocabulary, reading, listening  **Học ở nhà***:* Learn new words, structures from the reading text | Y |

**5.45. Anh văn cơ bản 2 Mã HP: 25122**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 40 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 05 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Học phần Anh văn cơ bản 2, kết hợp với AVCB 1 và AVCB 3, được xây dựng để đáp ứng CĐR ngoại ngữ của chương trình đào tạo. Kết thúc học phần, sinh viên đạt tương ứng trình độ bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.

Chương trình học trên lớp tập trung vào 4 kỹ năng thực hành tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) cùng từ vựng, ngữ pháp tương ứng phục vụ các chủ đề phổ biến trong giao tiếp xã hội và công việc (như trường học, thể thao, sức khỏe, động vật, tự nhiên, phát minh). Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] Oxenden, C., Koenig, C. L., & Seligson, P. (2007). *American English File –student book 2*. Oxford University Press.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Oxenden, C., & Koenig, C. L. (2005). *New English File: Pre-intermediate: Student’s Book and Workbook*. Oxford University Press.

[2] Oxenden, C., & Koenig, C. L. (2007), *American English File Workbook 2,* Oxford University Press.

[3] Storton, L. (2006). *New English File: Intermediate Test Booklet*, Oxford University Press.

[4] Mann, M., & Taylore-Knowles, S. (2015). *Destination B1: grammar & vocabulary with answer key*, Macmillan Education.

[5] Mann, M., & Taylore-Knowles, S. (2015). *Destination B2: grammar & vocabulary with answer key*, Macmillan Education

[6] [www.oup.com/elt/englishfile/intermediate](http://www.oup.com/elt/englishfile/intermediate)

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Kĩ năng nghe: Thể hiện khả năng nghe các diễn ngôn tiêu chuẩn và rõ ràng, có độ dài 150-250 từ với nội dung liên quan và gần gũi trong học tập, giao tiếp hàng ngày (ví dụ: ngôn ngữ, thể thao, thế giới tự nhiên, các tình huống mua sắm, khám bệnh, đi du lịch, giao tiếp hàng ngày trên điện thoại); nghe thông tin chính ở các bài phỏng vấn ngắn, các đoạn hội thoại tốc độ chậm hoặc trung bình. |  |
| **G2** | Kĩ năng đọc: Thể hiện khả năng đọc các bài đọc (lời nhắn, thư tín, quảng cáo, các bản mô tả, trích dẫn ngắn gọn) có độ dài ngắn đến trung bình (150-250 từ), nắm bắt các thông tin chính ở các bài báo ngắn về các chủ đề xã hội như thể thao, ngôn ngữ, lối sống, thế giới tự nhiên. |  |
| **G3** | Kĩ năng nói: Thể hiện phát âm tương đối chính xác về âm, trọng âm, ngữ điệu câu trong các đoạn thông báo ngắn, và biết cách nói được câu hoặc đoạn đơn giản |  |
| **G4** | Kĩ năng viết: Thể hiện được khả năng viết được câu văn mô tả hoặc đoạn văn, email đơn giản có độ dài trung bình (80-100 từ) theo các chủ đề quen thuộc. |  |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| **G1.1** | Thể hiện kỹ năng nghe cụm từ, câu miêu tả ngắn về các chủ đề quen thuộc. | **TU2** |
| **G1.2** | Thể hiện kỹ năng nghe các đoạn hội thoại trong các tình huống liên quan đến cá nhân và công việc. | **TU2** |
| **G1.3** | Thể hiện kỹ năng nghe các bài phỏng vấn, các thông báo, bản tin… về các chủ đề như âm nhạc, ngôn ngữ, thể thao, thế giới tự nhiên,sức khỏe, trường học, phát minh… | **TU2** |
| **G2.1** | Thể hiện kỹ năng đọc nắm bắt nghĩa từ, cụm từ dựa vào mối quan hệ giữa các từ trong câu và trong đoạn ngắn, có thể có sai sót. | **TU2** |
| **G2.2** | Thể hiện kỹ năng đọc hiểu từ vựng, cụm từ, các cấu trúc, hiện tượng ngữ pháp xuất hiện thường xuyên trong bài đọc | **TU2** |
| **G2.3** | Thể hiện kỹ năng đọc chi tiết chính, xuyên suốt bài đọc. | **TU2** |
| **G3** | Biết cách phát âm nguyên âm, phụ âm, trọng âm, ngữ điệu, nối âm, nói tắt trong câu và xây dựng được câu đơn, câu ghép, câu phức với ngữ pháp, cấu trúc, và từ vựng hợp lý. Nói được câu đơn trôi chảy khi trò chuyện, trao đổi về các chủ đề đã học. | **TU2** |
| **G4** | Biết cách dựng câu đơn, câu ghép, câu phức với ngữ pháp, cấu trúc, và từ vựng hợp lý, tuy nhiên vẫn có thể có sai sót. | **TU2** |
| **G4.2** | Viết đúng cấu trúc, ngữ pháp một đoạn văn miêu tả có độ dài trung bình (100 – 150 từ); nhận biết hình thức và biết cách trình bày một bức thư (không trang trọng, trang trọng). | **TU2** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| Đánh giá quá trình X | X1: Bài kiểm tra hình thức tự luận kết hợp trắc nghiệm, đánh giá 03 kĩ năng: Nghe, Đọc, Viết. | G1.1, G1.2,  G2.1, G2.2, G2.3,  G4 | 15 |
| X2: Bài kiểm tra hình thức tự luận kết hợp trắc nghiệm, đánh giá 03 kĩ năng: Nghe, Đọc, Viết. | G1.1, G1.2,  G2.1, G2.2, G2.3,  G4 | 15 |
| X3: Bài kiểm tra hình thức vấn đáp, đánh giá kĩ năng Nói. | G3 | 20 |
| Đánh giá cuối kỳ Y | Y: Bài kiểm tra hình thức tự luận kết hợp trắc nghiệm, đánh giá 03 kĩ năng: Nghe, Đọc, Viết.  *Hai điều kiện dự thi Y:*  1. Sinh viên tham gia học tối thiểu 75% thời lượng trên lớp với ý thức học tập nghiêm túc.  2. Các điểm X1, X2, X3 đều ≥4 | G1.1, G1.2,  G2.1, G2.2, G2.3,  G4 | 50 |

***10. Kế hoạch giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 5. Are you a party animal?** | 10 |  |  |  |
| 5.1. Are you a party animal?(5A) | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy:**  5.1.1. Speaking: How to survive at a party: Teachers ask students to work in pairs, take turn to ask and answer the questions in the textbook; then teachers check  5.1.2. Grammar: uses of the infinitive ( with to): Teachers teach the theory of the infinitive, then asks students to do the exercises in the books and the exercises in Grammar bank 5A (p.134); then teachers check  5.1.3. Reading and Listening : What to say to people at parties: Teachers ask sstudents to read the article about the right things to say to different people at parties, and work in pairs to guess the missing phrases; then teachers play track 5.1 to check  5.1.4. Vocabulary: Verbs + infinitive: Teachers ask students to do the exercises in Vocabulary bank “Verb forms” (p.154), then check  5.1.5. Pronunciation & Speaking: Teachers teach the theory of word stress; then play track 5.2 for students to say the words  **Học ở lớp***:*  *-* Speaking & Listening: Do listening exercises / Take turns to interview abour topic “party”, prepare and speak in front of the class about some topics, ex: “Do you think it’s important to learn to cook?”, “What’s most interesting place in your hometown?”……  *-* Grammar: Do exercises on infinitives  *-* Vocabulary: Do exercises on verb forms  - Reading: Do exercises of the text  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  - Are you a party animal? | X1,  X2,  X3,  Y |
| 5.2 What makes you feel good?(5B) | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy:**  5.2.1. Reading: article: Teachers ask students to read the article and do the exercises in the book  5.2.2. Grammar: verb + -ing: Teachers teach the theory of “Verb + -ing”, then ask the students to do the exercises in Grammar bank 5B (p.134), and check  5.2.3. Pronunciation: -ing: Teachers play track 5.3, ask students to listen and repeat the words  5.2.4. Vocabulary & Speaking: verb forms: Teachers ask students to work in pairs, choose five things from the list in the book to talk about; then teachers check  5.2.5. Listening: interview with a director: Teachers play track 5.5, then ask students to listen and do the exercises in the book, and check  **Học ở lớp***:*  - Reading: Do the exercises of the text  - Grammar: Do exercises on Gerunds  - Vocabulary: Do exercises on verb forms  - Speaking: Work in groups, choose two or three topics on the book to prepare a speech (Ex: Describe a sport you enjoy watching)  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  - What makes you feel good  - Prepare speeches for all topics in “4.Vocabulary and speaking” (p.55) | X1,  X2,  X3,  Y |
| 5. 3 How much can you learn in a month? (5C) | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy:**  5.3.1. Grammar: have to, don’t have to, must, mustn’t: Teachers teach the theory, then ask students to do the exercises in the book and the exercises in Grammar bank 5C (p.134)  5.3.2. Pronunciation: sentence stress: Teachers teach the theory of sentence stress, play track 5.6, then ask students to listen and repeat the sentences  5.3.3. Reading & Listening: How much can you learn in a month?: Teachers ask students to read the introduction of the listening task, check their understanding, then play track 5.7 to ask students to do the True/False exercise  5.3.4. Speaking: have you ever…: Teachers ask students to work in pairs, take turns to ask and answer the questions in the book.  5.3.5. Vocabulary: modifiers: Teachers teach the theory of modifiers, then ask students to do the exercises in the book  **Học ở lớp***:*  - Grammar: Do exercises on modal verbs: must/have to  - Reading &Listening: Do listening & reading exercises of the text “How much can you learn in a month?”  - Speaking: Work in pairs, take turns to answer all the questions “Have you ever…?”  - Vocabulary: Do exercises on modifiers  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  - How much can you learn in a month? | X1,  X2,  X3,  Y |
| 5. 4 The name of the game (5D) | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy:**  5.4.1. Vocabulary & Speaking: sport, prepositions of movement: Teachers teach the use of verbs “play, go, do” with kinds of sports, then ask students to work in pairs to ask and answer the questions in the book  5.4.2. Grammar: expressing movement: Teachers ask students to work in groups to read the article and draw out the rules of the use of exxpressing movement, then do the exercises in Grammar bank 5D (p.134)  5.4.3. Pronunciation: prepositions: Teachers play track 5.10, then ask students to practise saying prepositions  5.4.4. Reading & Speaking: your most exciting sporting moments…: Teachers ask students to read the article and do the exercises in the book, then check  **Học ở lớp***:*  - Vocabulary: do the vocabulary exercises on sports, prepositions of movement  - Speaking: work in groups to take turns to interview about sports, then answer the teacher’s questions; prepare cards “describe the sport you like/dislike”  - Reading: Do exercises of the text “The most exciting sport moments”  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  - The name of the game | X1,  X2,  X3,  Y |
| 5.5 Practical English: at a department store | 0,5 | G1.1, G1.2, G3.1, G5.1 | **Dạy:**  5.5.1. Buying clothes  5.5.2. Taking something back  5.5.3. Social English  Teachers play track 5.12, 5.13, 5.15; then ask students to listen and complete the tasks. After listening, teachers remind students of useful expressions in situations such as buying clothes at a store, having conversations at a conference party  **Học ở lớp***:*  - Listen and do listening exercises  - Play roles, take turns to repeat the dialogues  **Học ở nhà***:*  - Learn the vocabulary  - At a department store – Workbook | X1,  X2,  X3,  Y |
| 5.6 Writing: A formal e-mail | 0,5 | G4.1, G4.2, | **Dạy:**  Teachers teach students how to write a formal email: Structure, word use  **Học ở lớp***:*  Do writing exercises on the textbook  **Học ở nhà***:* Write a formal email based on the topic on the textbook | X1,  X2,  X3,  Y |
| 5.7 Revise and check | 1,0 | G2.1, G2.2, G2.3, | **Dạy:**  Teachers review grammar and vocabulary  **Học ở lớp***:*  Do grammar, vocabulary and reading comprehension exercises on the textbook  **Học ở nhà***:* Learn grammar and vocabulary | X1,  X2,  X3,  Y |
| **Chương 6. If something bad can happen, it will** | 10 |  |  |  |
| 6.1. If something bad can happen, it will (6A) | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy:**  6.1.1. Grammar: if + present, will + infinitive: Teachers ask students to work in pairs, number the story, draw out the rule of conditional I; then do the exercises in Grammar bank 6A (p.136)  6.1.2. Vocabulary: confusing verbs: Teachers help students to distinguish some confusing verb pairs, then ask students to do the exercises in Vocabulary bank “Verbs” (p.149)  6.1.3. Reading: Murphy’s Law: Teachers ask students to read the article and do the exercises in the book  6.1.4. Pronunciation: long and short vowels: Teachers play track 6.2 and ask students to repeat the sound  6.1.5. Speaking: invent some new Murphy’s Laws: Teachers ask students to work in groups to invent some new Murphy’s Laws, beginning with the sentence halves in the book  **Học ở lớp***:*  - Vocabulary: Do exercises on confusing verbs  - Reading: Do exercises of the text  - Grammar: Do exercises on conditional 1  - Listening: Listen and complete the story  - Speaking: Work in pairs or groups, take turns to complete sentences based on Murphy’s Law.  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  If something bad can happen, it will - Workbook | X1,  X2,  X3,  Y |
| 6.2. Never smile at a crocodile (6B) | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy:**  6.2.1. Speaking & Listening: would you survive?: Teachers ask students to work in pairs to discuss three situations in the book, then play track 6.4 to check  6.2.2. Grammar: if + past, would + infinitive: Teachers teach the theory of conditional 2, then ask students to do the exercises in Grammar bank 6B (p.136)  6.2.3. Pronunciation: stress and rhythm: Teachers play track 6.5, then ask students to listen and repeat the sentence halves.  6.2.4. Vocabulary: animals: Teachers ask students to do the exercises on Vocabulary bank “animals” (p.151)  6.2.5. Speaking: What would you do…: Teachers ask students to work in pairs, choose five questions and take turns to ask and answer, then teachers check  6.2.6. Reading: Nature’s perfect killing machine: Teachers ask students do read the text, do the exercises in the book, then teach new words and expressions.  **Học ở lớp***:*  - Grammar: Do exercises on conditional 2  - Reading: Do designed reading exercises (True-False-Doesn’t say exercise)  - Vocabulary: Do exercise on animals  - Speaking: Work in pairs, interview each other about the toipc “animals”  - Listening: Listen to the radio program and choose the correct answer  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  Never smile at a crocodile – Workbook | X1,  X2,  X3,  Y |
| 6.3 Decisions, decisions (6C) | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy:**  6.3.1. Speaking: Are you indecisive?: Teachers ask students to work in pairs to interview each other based on the questionnaire in the book  6.3.2. Grammar: may/ might: Teachers ask students to complete the dialogue with “may, might”, then check and explain how to use “may, might”; then ask students to do the exercises in Grammar bank 6C.  6.3.3. Pronunciation & Speaking: may/ might: Teachers play track 6.9 and ask students to repeat “may, might”  6.3.4. Reading: How to make decisions: Teachers ask students to work in groups to complete the article, then explain new words and expressions  6.3.5. Vocabulary: noun formation: teachers guide students how to form a noun by adding some suffixes, then ask them to do the tasks in the book  **Học ở lớp***:*  - Vocabulary: Do exercises on noun formation  - Speaking: Work in pairs, using suggested question to ask and answer about topic “Making decisions”  -Listening: Listen to the dialogue and fill in the missing words  - Grammar: Do exercises on modal verbs “may/might”  - Reading: Read the text and fill in the gaps with the suggested words  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  Decisions, decisions – Workbook | X1,  X2,  X3,  Y |
| 6.4 What should I do? (6D) | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, G4.2, | ***Dạy:***  6.4.1. Listening & Reading: Radio Guide: Teachers play track 6.11, then ask students to do the listening task. Next, teachers ask students to work in pairs, read the text and do the matching task  6.4.2. Grammar: should/ shouldn’t: Teachers teach the use of “should / shouldn’t”, then ask students to do the exercises in Grammar bank 6D (p.136)  6.4.3 Pronunciation & Speaking: Teachers play track 6.12, then ask students to listen and repeat  6.4.4. Writing & Speaking: a short note: Teachers ask students to work in pairs or groups, choose one problem, then write a short note giving advice.  6.4.5. Vocabulary: get: Teachers ask students to guess the meanings of phrases with “get”, then ask them to work in pairs to ask and answer the questions  **Học ở lớp***:*  - Listening & Reading: Listen to the radio gramme and get the main idea; Then read the text and do the exercise  - Grammar: Do the exercise on “should/shouldn’t”  - Vocabulary: Do the exercise on phrasal verbs with “get”  - Writing and Speaking: Work in pairs or groups to write an advice note; read and discuss the notes  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  What should I do? – Workbook | X1,  X2,  X3,  Y |
| 6.5 Practical English : at the pharmacy | 0,5 | G1.1, G1.2,G1.3, G3.1, | ***Dạy:***  6.5.1. Asking for help  6.5.2. Asking for medicine  6.5.3. Social English  Teachers play track 6.14, 6.15, 6.17; then ask students to listen and complete the tasks. After listening, teachers remind students of useful expressions in situations such as asking for help, asking for medicine.  **Học ở lớp***:*  - Listen and do listening exercises  - Play roles, take turns to repeat the dialogues  **Học ở nhà***:*  - Learn the vocabulary  - At the pharmacy – Workbook | X1,  X2,  X3,  Y |
| 6.6 Writing: writing to a friend | 1,0 | G4.1, G4.2, | **Dạy:**  Writing: Teachers teach students how to write an informal letter to ask for information  **Học ở lớp***:*  Writing: do exercise on textbook, work in pairs or groups to prepare an outline  **Học ở nhà***:* Write a letter to your friends to ask some information about his/her country/hometown | X1,  X2,  X3,  Y |
| 6.7 Revise and check: What do you remember? What can you do? | 0,5 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, | **Dạy:**  Reading and listening “A question of principles”: Teachers ask students do read the text, do the tasks; then explain new words and expressions  **Học ở lớp***:*  Do exercises on grammar, vocabulary, reading, listening  **Học ở nhà***:* Learn new words, structures from the reading text | X1,  X2,  X3,  Y |
| **Review + Test 1** | 1,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G4.1 |  | X1 |
| **Chương 7. Famous fears and phobias** | 10 |  |  |  |
| 7.1. Famous fears and phobias (7A) | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy:**  7.1.1. Reading & vocabulary: we’re all afraid: Teachers ask students to find the meanings of the words in the book by matching with the given pictures, then read the article and complete  7.1.2. Grammar: present perfect + for and since: Teachers teach the theory of present perfect tense, then ask students to do the exercises in Grammar bank 7A (p.138)  7.1.3. Listening: Scott’s cat phobia: Teachers play track 7.1 and ask students to listen and answer the questions  7.1.4. Pronunciation: sentence stress: Teachers play track 7.2, then ask students to listen and repeat  7.1.5. Speaking: How long?: Teachers ask students to work in pairs, use clues in the book to ask questions with “How long” and answer with “for, since”  **Học ở lớp***:*  *-* Vocabulary: Learn new words by doing the matching excersise  - Reading: Read and complete the text with the word you’ve learned from vocabulary exercise.  - Grammar: Do exercises on present perfect tense  - Listening: Listen to the doctor’s story and answer the given questions  - Speaking: Work in pairs, take turns to ask and answer the questions with How long..?  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  Famous fears and phobias – Workbook | X2,  X3,  Y |
| 7.2. Born to direct (7B) | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy:**  7.2.1. Vocabulary & Pronunciation: events in your life: Teachers ask students to underline the stressed syllable in the highlighted words, then play track 7.4 to check; then help students to know the meaning of those words  7.2.2. Reading & Speaking: Hitchcock or Tarantino: Teachers ask students to work in groups, read fifteen facts about two famous directors, then choose which one is about Hitchcock or Tarantino  7.2.3. Grammar: present perfect or past simple?: Teachers compare the use of present perfect tense and past simple tense, then ask students to do the exercises in Grammar bank 7B (p.138)  7.2.4. Speaking: a member of your family: Teachers ask students to work in pairs, think about a family member, then answer the questions in the books  7.2.5. Listening: a TV programme: Teachers play track 7.5, then ask students to listen and do the task in the book.  **Học ở lớp***:*  - Vocabulary: Learn vocabulary about “events in your life”  - Reading & Speaking: Read the text about two directors and do the exercise/ Talk in pairs to retell the life of the two directors  - Grammar: Do exercises on present perfect and past simple  - Listening: Listen to a TV program about Sofia Coppola and take notes  - Speaking: Work in pairs, ask and answer questions about the life of a family member of yours  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  Born to direct – Workbook | X2,  X3,  Y |
| 7.3 I used to be a rebel (7C) | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy:**  7.3.1. Reading: A famous rebel: Teachers ask students to read the text, understand the content, guess the meaning of the highlighted words, then check  7.3.2. Listening: Melissa’s school days: Teachers play track 7.6 and ask students to listen and do the true-false task  7.3.3. Pronunciation: sentence stress: Teachers play track 7.7, then ask students to listen and underline the stressed words  7.3.4. Vocabulary: school subjects: Teachers ask students to work in pairs to guess the meaning of the school subjects, then check  7.3.5. Speaking: how you used to be  **Học ở lớp***:*  - Reading: Read the text , guess the meaning of the highlighted words, then answer the questions  - Grammar: Do the exercises on used to  - Vocabulary: Do exercises on school objects  - Speaking: Use the structure “used to” to talk about your past in pairs  - Listening: Listen to Melissa talking about her school days and make True or Failse  **Học ở nhà***::* Do exercises in workbook  I used to be a rebel – Workbook | X2,  X3,  Y |
| 7.4. The mothers of invention (7D) | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy:**  7.4.1. Listening: things invented by women: Teachers play track 7.11, then ask students to listen and do the task  7.4.2. Grammar: passive: teachers teach the theory of passive voice, then ask students to do the tasks in the book and in Grammar bank 7D (p.138)  7.4.3. Reading & Vocabulary: Did you know?: Teachers ask students to work in pairs or groups to complete the text with the correct form of the verbs  7.4.4. Pronunciation: -ed, sentence stress: teachers explain how to pronounce “-ed”, then play track 7.12, 7.13, and ask students to listen and repeat  7.4.5. Speaking: Passives quiz  **Học ở lớp***:*  - Listening: Listen to the talk and complete the sentences, then answer the questions  - Reading: Read, and fill in the missing verbs  - Grammar: Do the exercise on passive  - Speaking: Work in pairs to do the passive quiz  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  The mothers of envention – Workbook | X2,  X3,  Y |
| 7.5 Practical English: A boat trip | 0,5 | G1.1, G1.2,G1.3, G3.1, | **Dạy:**  Listening: dialogues:  7.5.1. How to get there  7.5.2. Buying tickets  7.5.3. Social English  Teachers play track 7.14, 7.15, 7.17; then ask students to listen and complete the tasks. After listening, teachers remind students of useful expressions in situations such as buying tickets  **Học ở lớp***:*  - Listen and do listening exercises  - Play roles, take turns to repeat the dialogues  **Học ở nhà***:*  - Learn the vocabulary  - A boat trip – Workbook | X2,  X3,  Y |
| 7.6 Writing: Describing a building | 1,0 | G4.1, G4.2, | **Dạy:**  Writing: Teachers teach students how to write a paragraph to describe a building  **Học ở lớp***:*  Writing: do exercise on textbook, work in pairs or groups to prepare an outline for a paragraph of building description  **Học ở nhà***:* Write a paragraph to describe a building you like | X2,  X3,  Y |
| 7.7 Revise and check: What do you remember? What can you do? | 0,5 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, | **Dạy:**  Reading and listening “The world’s most experienced driver”: Teachers ask students to read the text, do the tasks in the book; then teachers explain useful words and expressions  **Học ở lớp***:*  Do exercises on grammar, vocabulary, reading, listening  **Học ở nhà***:* Learn new words, structures from the reading text | X2,  X3,  Y |
| **Chương 8. I hate weekends!** | 10 |  |  |  |
| 8.1. I hate weekends! (8A) | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy:**  8.1.1. Reading: I hate weekends: Teachers ask students to read and complete the text  8.1.2. Grammar: something, aything, nothing, etc.: Teachers explain the use of indefinite pronouns, then ask students to do the exercises in Grammar bank 8A (p.140)  8.1.3. Pronunciation: vowels: Teachers guide students how to pronoun three sounds, then play track 8.2 and ask students to listen and do the task  8.1.4. Vocabulary: adjectives ending in –ed and –ing: Teachers teach students the use of adjectives ending in –ed and –ing, then ask students to do the exercises  8.1.5. Speaking: weekend: teachers ask students to work in pairs, take turns to ask and answer the questions in the book  8.1.6. Listening: pictures: Teachers play track 8.3, ask students to listen and number the pictures  **Học ở lớp***:*  - Reading: Read and complete the text  - Grammar: Do exercises on undefinite pronouns “something, anything, nothing, etc.”  - Vocabulary: Do exercises on adjectives ending in –ed and -ing  - Listening: Listen and number the pictures  - Speaking: Work in pairs; interview each other about your weekend  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  I hate weekends! – Workbook | X2,  X3,  Y |
| 8.2. How old is your body?  (8B) | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, | **Dạy:**  8.2.1. Reading: How old is your body?: Teachers ask students to read the text and do the tasks, then explain useful words and expressions  8.2.2. Grammar: quantifiers, too, not enough: teachers teach the use of quantifiers, too, enough; then ask students to do the exercises in Grammar bank 8B (p.140)  8.2.3. Pronunciation: vowels: Teachers play track 8.4, then ask students to listen and do the task  8.2.4. Speaking: questionaire: Teachers ask students to work in pairs to do the questionnaire  **Học ở lớp***:*  - Reading: Read the text and answer the questions  - Grammar: Do exercises on quantifiers, too, not enough  - Speaking: work in pairs, take turns to ask and answer the questionaire  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  How old is your body? – Workbook | X2,  X3,  Y |
| 8.3. Waking up is hard to do (8C) | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2 | **Dạy:**  8.3.1. Vocabulary: phrasal verbs: teachers ask students to work in groups, base on the pictures to guess the meanings of phrasal verbs, then teachers explain and ask students to do the Vocabulary bank “Phrasal verbs” (p.153)  8.3.2. Grammar: word order of phrasal verbs: teachers explain the order of phrasal verbs, then ask students to do the exercises in Grammar bank 8C (p.140)  8.3.3. Reading: Are you allergic to mornings?: Teachers ask students to read the text and do the tasks  8.3.4. Listening & Speaking: morning or evening person?: teachers play track 8.6, then ask students to listen and answer the questions  4.3.5. Pronunciation: consonants: Teachers play track 8.7 and ask students to listen and do the task  **Học ở lớp***:*  - Vocabulary: Do exercises on phrasal verbs  - Grammar: Do the exercises on word order of phrasal verbs  - Reading: Read the text, learn new words and expressions, do the multiple choice exercise  - Listening: Listen to the interview and answer the question “is David a morning or evening person?”, then answer the given questions  - Speaking: Work in pairs; take turns to interview each other based on the given questions  **Học ở nhà***:* Do exercises in workbook  Waking up is hard to do – Workbook | X2,  X3,  Y |
| **Test 2** | 1,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G4.1, G4.2 |  | X2 |
| 8.4. “I’m Jim.” “So am I.” (8D) | 2,0 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, G4.1, | **Dạy:**  8.4.1. Listening: “I’m Jim.” “So am I.”: teachers play track 8.9, then ask students to listen and complete the dialogue  8.4.2. Grammar: so, neither + auxiliaries: Teachers teach the use of so, neither + auxiliaries, then ask students to do the exercises in Grammar bank 8D (p.140)  8.4.3. Reading & Vocabulary: similarities: teachers ask students to read the text and do the task  8.4.4. Pronunciation: sounds, sentence stress: Teachers play track 8.10, 8.11 and do the tasks  8.4.5. Speaking: like and dislike: Teachers ask students to work in pairs to ask and answer about their likes and dislikes  **Học ở lớp***:*  - Listening: Listen and complete the dialogue  - Grammar: Do the exercise on so, neither + auxiliaries  - Reading & Vocabulary: Read the text to answer the questions/ Learn new words of the text by doing vocab exercise  - Speaking: Work in pairs; take turns to ask and answer the questions about your likes and dislikes  **Học ở nhà:** Do exercises in workbook  “I’m Jim.” “So am I.” – Workbook | X3,  Y |
| **Oral test** | 3,0 | G3.1, G3.2, G3.3, |  | X3 |
| 8.5 Practical English : On the phone | 0,5 | G1.1, G1.2,G1.3, G3.1, | **Dạy:**  Listening: dialogues:  8.5.1. Checking out  8.5.2. Making phone calls  8.5.3. Social English  Teachers play track 8.13, 8.14, 8.16; then ask students to listen and complete the tasks. After listening, teachers remind students of useful expressions in situations such as checking out, making phone calls, saying goodbye  **Học ở lớp***:*  - Listen and do listening exercises  - Play roles, take turns to repeat the dialogues  **Học ở nhà***:*  - Learn the vocabulary  - On the phone – Workbook | Y |
| 8.6 Writing: giving your opinion | 1,0 | G4.1, G4.2, | **Dạy:**  Writing: Teachers teach students how to write an article to give your opinion  **Học ở lớp***:*  Writing: do exercise on textbook, work in pairs or groups to prepare an outline  **Học ở nhà***:* Write an article about your weekend. | Y |
| 8.7 Revise and check: What do you remember? What can you do? | 0,5 | G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3, | **Dạy:**  Reading and listening the text “Born to run”  **Học ở lớp***:*  Do exercises on grammar, vocabulary, reading, listening  **Học ở nhà***:* Learn new words, structures from the reading text | Y |

**5.46. Môi trường và bảo vệ môi trường Mã HP: 26101**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ*:** 2 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Kỹ thuật môi trường | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 28 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Môi trường và bảo vệ môi trường là môn học thuộc khối kiến thức tự chọn, cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu trúc và thành phần của môi trường và tài nguyên; bản chất các hiện tượng ô nhiễm, suy thoái môi trường, suy giảm tài nguyên và các giải pháp xử lý, quản lý các sự cố này. Tham gia học phần, người học được thực hành kỹ năng làm việc nhóm để giải thích các vấn đề nóng về môi trường trong thực tế.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Kỹ thuật Môi trường (2023). *Bài giảng Môi trường và bảo vệ môi trường*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Juha I. Uitto – Jyotsna Puri (2017). *Evaluating Climate Change Action for Sustainable Development*

[2] Ban Tuyên giáo Trung ương (2014). *99 câu hỏi – đáp về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu,* Nhà xuất bản Lý luận chính trị

[3] Quốc hội (2020). *Luật Bảo vệ môi trường*.

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Trình bày được nguyên nhân, tác động của ô nhiễm, suy thoái môi trường và các giải pháp bảo vệ môi trường, sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên. |  |
| **G2** | Tự tổ chức được nhóm nhỏ có phân công nhiệm vụ của các thành viên để giải quyết vấn đề về môi trường mà giảng viên đặt ra. |  |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Giải thích được các khái niệm cơ bản về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững. | **T2** |
| **G1.2** | Mô tả được các dạng ô nhiễm môi trường điển hình; áp lực của sự gia tăng dân số và phát triển kinh tế đối với tài nguyên và môi trường. | **TU2** |
| **G1.3** | Lấy ví dụ về một số quy định pháp lý và giải pháp kỹ thuật nhằm bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên | **T2** |
| **G2.1** | Thiết lập nhóm và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm theo thế mạnh của từng thành viên để giải quyết nhiệm vụ được giao trong học phần | **TU2** |
| **G2.2** | Thể hiện kết quả làm việc nhóm bằng một bài báo thuyết trình điện tử có sự đóng góp của các thành viên trong nhóm | **TU2** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| X. Đánh giá quá trình | X1: Kiểm tra trắc nghiệm | G1.1, G1.2 | 25 |
| X2: Thuyết trình bài tập nhóm | G1.2, G1.3, G2.1, G2.2 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y: Thi trắc nghiệm | G1.1, G1.2, G1.3 | 50 |

Điểm đánh giá học phần: Z = 0,5X + 0,5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **Nội dung giảng dạy** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Môi trường và tài nguyên**  1.1. Môi trường  1.2. Tài nguyên | 4 | G1.1 | **Dạy:**  - Làm quen với sinh viên, các quy định trong lớp học, phương pháp học tập hiệu quả, phương pháp đánh giá và tài liệu tham khảo;  - Giới thiệu mục tiêu và cấu trúc môn học;  - Chia các nhóm học tập.  - Giảng dạy lý thuyết theo tài liệu học tập;  - Thảo luận về vai trò một số loại tài nguyên đối với đời sống và sự phát triển kinh tế. Qua đó, giúp sinh viên nhận thức được vai trò của tài nguyên với cuộc sống, và trách nhiệm của mỗi người trong việc sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ môi trường.  - GV chú ý nhấn mạnh tác động của con người đến môi trường.  **Học ở lớp***:* SV nghe giảng, thảo luận và ghi chú các vấn đề trọng tâm.  **Học ở nhà***:*  - Tìm hiểu thêm về các quá trình hình thành đất, đá và các quá trình vận động của lớp vỏ trái đất;  - Tìm hiểu thêm về các quy luật vận động của khí quyển;  - Tìm hiểu thêm về cấu trúc của sinh quyển. | X1, Y |
| **Cương 2. Suy thoái và ô nhiễm môi trường**  2.1. Khái niệm suy thoái và ô nhiễm môi trường  2.2. Ô nhiễm môi trường không khí  2.3. Ô nhiễm môi trường nước  2.4. Ô nhiễm môi trường đất | 9 | G1.1, G1.2, G3.1, G3.2 | **Dạy***:*  - Giảng dạy lý thuyết theo tài liệu học tập.  - Đưa chủ đề, giúp các nhóm thảo luận và kết luận.  **Học ở lớp***:*  *-* SV nghe giảng và ghi chú các vấn đề trọng tâm;  *-* Thảo luận phân biệt các khái niệm liên quan: ô nhiễm, suy thoái, sự cố , khủng hoảng môi trường;  *-* Thảo luận về hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam;  - Sinh viên sử dụng các phần mềm trình chiếu hỗ trợ (ppt, prezi, video…) thuyết trình chủ đề được giao.  **Học ở nhà***:*  - Tìm hiểu thêm về các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí (giảm thiểu bụi, SO2, CO2, CFC…)  - Tìm hiểu thêm về các thông số đánh giá chất lượng nước. | X1, X2, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1, G1.2 | Kiểm tra trắc nghiệm | X1 |
| **Chương 3. Bảo vệ môi trường**  3.1. Dân số và môi trường  3.2. Môi trường và Phát triển bền vững  3.3. Luật pháp quốc tế về bảo vệ tài nguyên và môi trường  3.4. Luật và chính sách môi trường ở Việt Nam  3.5. Một số giải pháp kỹ thuật nhằm ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm môi trường | 9 | G1.3, G2.1, G2.2 | **Dạy***:*  - Giảng dạy lý thuyết theo tài liệu học tập.  - ThSảo luận về một số vấn đề liên quan đến buôn bán động vật hoang dã, vai trò của hệ thống đất ngập nước, đa dạng sinh học, phòng chống ô nhiễm và vận chuyển chất thải xuyên biên giới, …  - Giới thiệu nguyên lý và hoàn cảnh áp dụng một số giải pháp kỹ thuật về giảm thiểu ô nhiễm tại nguồn.  - Giảng viên giao bài tập nhóm và hướng dẫn sinh viên thực hiện  **Học ở lớp***:*  *-* SV nghe giảng và ghi chú các vấn đề trọng tâm.  - Sinh viên sử dụng các phần mềm trình chiếu hỗ trợ (ppt, prezi, video…) thuyết trình chủ đề được giao.  **Học ở nhà***:*  - Tìm hiểu thêm về các nguyên tắc phát triển bền vững;  - Tìm hiểu thêm các công ước quốc tế về bảo vệ môi trường trên thế giới. | X2,Y |
| **Chương 4. Kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và đại dương**  4.1. Khái niệm và chức năng của môi trường biển và đại dương  4.2. Các nguồn gây ô nhiễm biển và đại dương  4.3. Kiểm soát và phòng ngừa ô nhiễm biển | 6 | G1.1, G1.3 | **Dạy:**  - Giảng dạy lý thuyết theo tài liệu học tập.  - Đưa chủ đề, giúp các nhóm thảo luận và kết luận.  **Học ở lớp**:  - SV nghe giảng và ghi chú các vấn đề trọng tâm;  - Thảo luận về các chức năng của biển và đại dương.  - Thảo luận về hiện trạng ô nhiễm môi trường biển và đại dương ở Việt Nam;  - Giảng dạy về các biện pháp kiểm soát và phòng ngừa ô nhiễm biển.  **Học ở nhà**:  - Tìm hiểu thêm về pháp luật quốc gia về bảo vệ môi trường biển.  - Tìm hiểu thêm về những thỏa thuận quốc tế quan trọng về bảo vệ môi trường biển. | X2,Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.2, G1.3, G2.1, G2.2 | Thuyết trình bài tập nhóm | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGTS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **TS. Nguyễn Văn Trưởng** |

**5.47. Kỹ năng mềm 1 Mã HP: 29101**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***IMET | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 24 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 06 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Kỹ năng mềm l là học phần thuộc khối kiến thức tự chọn. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về khám phá bản thân, quy trình trong giao tiếp, phương pháp thuyết trình hiệu quả, sinh động, lôi cuốn.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Kỹ năng mềm (2023), *Tài liệu học tập*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Stephen R. Cove (2010). *Bảy thói quen để thành đạt*, Nhà xuất bản Trẻ, Hà Nội.

[2] PGS. TS Dương Thị Liễu (2009). *Kỹ năng thuyết trình*, Nhà xuất bản đại học Kinh tế quốc dân.

[3] Business Edge (2007). *Hội họp và thuyết trình*, Nhà xuất bản Trẻ.

[4] John C. Maxwell (2008). *17 nguyên tắc vàng trong làm việc nhóm*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

*7****. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Thể hiện được khả năng khám phá thế mạnh của bản thân trong học tập, công việc và cuộc sống. |  |
| **G2** | Thể hiện được khả năng giao tiếp cơ bản trong các tình huống, khả năng thuyết trình theo chủ đề. |  |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Thực hiện được các phương pháp đánh giá nhóm tính cách, điểm mạnh, điểm yếu cụ thể của bản thân trong học tập và công việc. | **TU3** |
| **G2.1** | Thể hiện khả năng giao tiếp cơ bản trong các tình huống thường gặp. | **TU3** |
| **G2.2** | Thể hiện khả năng thuyết trình trôi chảy, lôi cuốn, sinh động với các chủ đề liên quan đến công việc, cuộc sống, học tập . | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| X: Đánh giá quá trình | X1: Điểm đánh giá số 1: Kiểm tra trên lớp theo hình thức vấn đáp về cách thức giao tiếp | G2.1 | 25% |
| X2: Điểm đánh giá số 2: Thực hành Thuyết trình theo chủ đề | G2.2 | 25% |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y: Bài kiểm tra kết thúc học phần.  Thời gian: 60 phút  Hình thức: Trắc nghiệm, tự luận | G1.1  G2.1  G2.2 | 50% |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1: Kỹ năng Khám phá bản thân**  1.1. Khái niệm, vai trò của thấu hiểu bản thân  1.2. Nhận thức và phát huy thế mạnh của bản thân  1.3. Những yếu tố trở ngại trong quá trình phát triển bản thân | 6 | G1.1 | **Dạy:**  - Làm quen với SV, giới thiệu mục tiêu môn học, các quy định trong lớp học, phương pháp học tập hiệu quả, phương pháp đánh giá và tài liệu tham khảo.  - Chia các nhóm học tập.- Giảng dạy lý thuyết theo tài liệu học tập.  - Giảng viên phân nhỏ lớp thành các nhóm, SV thảo luận về các nhóm tính cách, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.  **Học ở lớp:**  *-* SV nghe giảng và ghi chú các vấn đề trọng tâm.  *-* SV tham gia các hoạt động của nhóm.  **Học ở nhà:** SV làm bài trắc nghiệm online về tính cách bản thân. | Y |
| **Chương 2: Kỹ năng giao tiếp** 2.1. Tổng quan về giao tiếp, khái niệm, vai trò, phân loại, rào cản, nguyên tắc phong cách trong giao tiếp.  2.2. Phân tích ấn tượng ban đầu trong giao tiếp; Các cách gây ấn tượng tốt trong lần gặp gỡ đầu tiên.  2.3. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả: Kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng lắng nghe.  2.4. Kiểm tra | 12 | G2.1 | **Dạy:**  - Giảng dạy lý thuyết theo tài liệu học tập;  - Tổ chức các nhóm SV Thảo luận về vai trò của kỹ năng gio tiếp đối với học tập và làm việc. Qua đó, giúp SV nhận thức tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp  **Học ở lớp:** SV nghe giảng, thảo luận và ghi chú các vấn đề trọng tâm.  - SV vận dụng lý thuyết để xử lý các tình huống  **Học ở nhà:**  - Tìm hiểu thêm về các tình huống về kỹ năng lắng nghe, phong cách giao tiếp SV đã từng gặp và cách giải quyết. | X1  Y |
| **Chương 3: Kỹ năng thuyết trình**  3.1. Tổng quan về thuyết trình; Khái niệm, vai trò, và lịch sử  3.2. Phương pháp thuyết trình hiệu quả: mở đầu ấn tượng, thân bài logic, kết thúc thuyết phục  3.3.Kiểm tra thực hành kỹ năng thuyết trình | 12 | G2.2 | **Dạy:**  - Giảng dạy lý thuyết theo tài liệu học tập.  - Giảng viên xây dựng bài thuyết trình mẫu dựa trên đề tài thực tế  - Giới thiệu, hướng dẫn SV sử dụng các phần mềm trình chiếu hỗ trợ (ppt, prezi, video…)  **Học ở lớp:**  *-* SV nghe giảng và ghi chú các vấn đề trọng tâm.  - SV áp dụng sử dụng các phần mềm trình chiếu hỗ trợ (ppt, prezi, video…) để thuyết trình chủ đề được giao.  **Học ở nhà:** Tìm hiểu trước các phong cách khi thuyết trình | X2  Y |
|  |  |

**5.48. Pháp luật kinh doanh thương mại điện tử Mã HP: 11403**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | | **XMN** | |  | **HD** | |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | | | - Lý thuyết (LT): | | | 43 tiết |
|  | - Xêmina (XMN): | 0 tiết | |  | | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Học phần Pháp luật kinh doanh thương mại điện tử giới thiệu các quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế điều chỉnh hoạt động kinh doanh và thương mại điện tử, bao gồm: tổng quan về thương mại điện tử và pháp luật về thương mại điện tử, các hình thức tổ chức hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, hợp đồng điện tử, chữ ký điện tử, sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, các hình phạt và giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử. Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên xác định và giải quyết một số vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh và thương mại điện tử.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

Bộ môn Luật Hàng hải, *Tài liệu học tập Pháp luật kinh doanh thương mại điện tử*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

*1.* Alan Davidson (2009). *The Law of Electronic Commerce*, Cambridge University Press.

*2.* Đỗ Thu Phương (2020), *Giải pháp phòng tránh rủi ro trong ký kết Hợp đồng thương mại điện tử tại Việt Nam*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng.

*3.* Phi Manh Cuong (2022). *Doctoral thesis in law: Law on e-commerce in Vietnam*, Hanoi Law University.

*4.*

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Áp dụng pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế để giải quyết một số vấn đề pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh thương mại điện tử |  |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Áp dụng pháp luật Việt Nam để tiến hành các thủ tục đăng ký kinh doanh thương mại điện tử | **TU4** |
| **G1.2** | Áp dụng pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế để giải quyết một số vấn đề pháp lý liên quan tới thương mại điện tử | **TU4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Bài tập nhóm thuyết trình | G1.1 | 25 |
| X2 – Kiểm tra viết tự luận | G1.2 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G1.2 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Tổng quan về thương mại điện tử và pháp luật thương mại điện tử**  1.1. Lý luận về thương mại điện tử  1.2. Lý luận về pháp luật thương mại điện tử  1.3. Quy tắc của không gian mạng | 3 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích lý luận và pháp luật về thương mại điện tử  - Giảng viên chia nhóm học sinh thảo luận tình huống và trả lời câu hỏi về nguồn luật điều chỉnh của kinh doanh thương mại điện tử  - Giảng viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu các quy tắc về không gian mạng ở các nước  **Học ở lớp:**  - Thông qua thảo luận nhóm, sinh viên vận dụng định luật để giải quyết các câu hỏi về nguồn luật điều chỉnh kinh doanh thương mại điện tử  **Học ở nhà:**  Sinh viên so sánh quy tắc không gian mạng của Việt Nam và các nước | X1, Y |
| **Chương 2. Hoạt động kinh doanh thương mại điện tử**  2.1. Chủ thể  2.2. Các hình thức  2.3. Quản lý | 8 | G1.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích lý thuyết về chủ thể và các hình thức tổ chức hoạt động thương mại điện tử  - Thông qua các tình huống ngắn, giảng viên đặt câu hỏi cho sinh viên nghiên cứu một số hình thức tổ chức thương mại điện tử  - Giao đề bài tập nhóm về các hình thức tổ chức thương mại điện tử và quản lý theo pháp luật Việt Nam, tổ chức thuyết trình và đánh giá.  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên liên hệ nội dung học để trả lời các câu hỏi tình huống về hình thức tổ chức hoạt động thương mại điện tử  **Học ở nhà:**  Sinh viên làm việc theo nhóm để giải quyết đề tài bài tập được giao. | X1, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1 | **-** Các nhóm sinh viên trình bày kết quả bài tập nhóm về đề tài được nhận. | X1S |
| **Chương 3. Pháp luật về hợp đồng điện tử**  3.1. Định nghĩa và phân loại  3.2. Thủ tục ký kết hợp đồng  3.3. Nội dung  3.4. Thực hiện  3.5. Tài liệu điện tử  3.6. Giá trị pháp lý | 12 | G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích lý luận và quy định pháp luật về hợp đồng điện tử  - Giảng viên chia nhóm học sinh thảo luận các tình huống cụ thể và trả lời các câu hỏi về hợp đồng điện tử  - Giảng viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu các biểu mẫu, mẫu hợp đồng điện tử  **Học ở lớp:**  - Thông qua thảo luận nhóm, học sinh vận dụng pháp luật để giải quyết các câu hỏi về hợp đồng điện tử  **Học ở nhà:**  Học sinh đưa ra một số ví dụ về hợp đồng điện tử | X2, Y |
| **Chương 4. Pháp luật về chữ ký điện tử**  4.1. Định nghĩa và chức năng  4.2. Ký điện tử  4.3. Bảo mật chữ ký điện tử | 3 | G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích lý thuyết và quy định pháp luật về chữ ký điện tử  - Giảng viên chia nhóm học sinh thảo luận tình huống và trả lời câu hỏi về chữ ký điện tử  - Giảng viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu các quy định về bảo mật chữ ký điện tử  **Học ở lớp:**  - Thông qua thảo luận nhóm, học sinh vận dụng định luật để giải các câu hỏi về chữ ký điện tử  **Học ở nhà:**  Sinh viên nghiên cứu tình huống vi phạm bảo mật chữ ký điện tử | X2, Y |
| **Chương 5. Luật sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử**  5.1. Vấn đề bản quyền  5.2. Thương hiệu, tên miền, bằng sáng chế | 9 | G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích lý luận, quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử  - Giảng viên chia nhóm học sinh thảo luận tình huống và trả lời câu hỏi về sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử  - Giảng viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu các quy định về bằng sáng chế trong thương mại điện tử  **Học ở lớp:**  - Thông qua thảo luận nhóm, sinh viên vận dụng pháp luật để giải quyết các câu hỏi về sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử  **Học ở nhà:**  Sinh viên nghiên cứu các trường hợp sáng chế liên quan đến thương mại điện tử | X2, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.2 | Giảng viên giao đề bài kiểm tra tự luận, đánh giá và chữa bài  Sinh viên làm bài kiểm tra | X2, Y |
| **Chương 6. Xử phạt và giải quyết tranh chấp thương mại điện tử**  7.1. Các vi phạm và xử phạt  7.2. Giải quyết tranh chấp | 8 | G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích tính bảo mật, an toàn trong giao dịch thương mại điện tử, hành vi vi phạm và mức xử phạt theo pháp luật Việt Nam, phương thức giải quyết tranh chấp  - Giảng viên chia các nhóm học sinh thảo luận các tình huống cụ thể và trả lời các câu hỏi về hành vi vi phạm, hình phạt theo pháp luật Việt Nam, các phương thức giải quyết tranh chấp  - Giảng viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu các quy định về an ninh, an toàn trong giao dịch thương mại điện tử  **Học ở lớp:**  - Thông qua thảo luận nhóm, học sinh vận dụng pháp luật để giải quyết các câu hỏi về hành vi vi phạm và mức xử phạt theo pháp luật Việt Nam, các phương thức giải quyết tranh chấp  **Học ở nhà:**  Sinh viên nghiên cứu tình huống vi phạm an ninh, an toàn trong giao dịch thương mại điện tử | Y |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGTS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Hoàng Thị Ngọc Quỳnh** |

**5.49. Thanh toán quốc tế Mã HP: 15601**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | **BTL** |  | **ĐAMH** |  |  |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Kinh tế Ngoại thương *Email:* *ktngoaithuong@vimaru.edu.vn* | | | | | |

***3. Phân bổ thời gian:***

- Tổng số (TS): 45 tiết. - Lý thuyết (LT): 38 tiết.

- Thực hành (TH): 0 tiết. - Bài tập (BT): 5 tiết.

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết. - Kiểm tra (KT): 2 tiết.

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Học phần thanh toán quốc tế là một học phần thuộc khối kiến thức tự chọn của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến tỷ giá hối đoái, thị trường ngoại hối, các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế thông dụng trong ngoại thương, các chứng từ sử dụng trong thanh toán quốc tế. Sinh viên có thể áp dụng các kiến thức của học phần vào thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp.

***6. Nguồn học liệu:***

**Giáo trình**

[1] PGS TS Nguyễn Văn Tiến (2008), *Giáo trình thanh toán quốc tế*. Nhà xuất bản Thống kê.

**Tài liệu thamkhảo**

[1] PGS TS Nguyễn Văn Tiến (2010), *Hỏi-đáp thanh toán quốc tế*, Nhà xuất bản Thống kê.

[2] Luật Thương mại Việt Nam (2005). Nhà xuất bản chính trị Quốc gia.

[3] Luật số 45/2005/QH11 (2005). Luật các công cụ chuyển nhượng 2005.

[4] GS Đinh Xuân Trình-dịch giả (2007), *ICC UCP 600-Quy tắc thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ.* Nhà xuất bản thống kê.

[5] GS Đinh Xuân Trình-PGS-TS Đặng Thị Nhàn –biên dịch (2013). *ISBP 745.* Nhà xuất bản Lao động.

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Áp dụng các kiến thức về thanh toán quốc tế trong doanh nghiệp |  |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| **G.1.1** | Áp dụng các kiến thức về tỷ giá và thị trường ngoại hối để sử dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá phù hợp. | **TU3** |
| **G.1.2** | Áp dụng các kiến thức về phương tiện thanh toán quốc tế để sử dụng phương tiện thanh toán phù hợp. | **TU3** |
| **G.1.3** | Áp dụng các kiến thức về các phương thức thanh toán quốc tế vào các hoạt động có liên quan trong doanh nghiệp. | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1: TBC 02 bài kiểm tra trắc nghiệm giữa kỳ | G1.3.1 | 35 |
| X2: Điểm vận dung dưới hình thức bài tập cá nhân/nhóm trên lớp | G1.3.1 | 15 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y: Bài thi trắc nghiệm | G1.3.1 | 50 |

Điểm đánh giá quá trình: X = 0,7X1 + 0,3X2

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự ≥75% và Xi ≥ 4

Điểm đánh giá học phần: Z = 0,5X + 0,5Y (Z = 0 nếu Y <4)

**RUBRIK đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần** | **Hình thức kiểm tra** | **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Mô tả mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **10 – 8.5** | **8.4 – 7.0** | **6.9 – 4.0** | **3.9 – 0.0** |  |
| **X1** | Trắc nghiệm | Áp dụng kiến thức cơ bản về tỷ giá và thị trường ngoại hối | 50% | Trả lời đúng 85% - 100% câu hỏi | Trả lời đúng 70% - dưới 85% câu hỏi | Trả lời đúng 40% - dưới 70% câu hỏi | Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi |  |
| Áp dụng kiến thức về các phương tiện TTQT | 25% | Trả lời đúng 85% - 100% câu hỏi | Trả lời đúng 70% - dưới 85% câu hỏi | Trả lời đúng 40% - dưới 70% câu hỏi | Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi |  |
| Áp dụng kiến thức về các phương thức TTQT | 25% | Trả lời đúng 85% - 100% câu hỏi | Trả lời đúng 70% - dưới 85% câu hỏi | Trả lời đúng 40% - dưới 70% câu hỏi | Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi |  |
| **X2** | Thuyết trình nhóm | Nội dung | 40% | **4** | **3** | **2-1** | **0** |  |
| Đúng chủ đề, đầy đủ, không sai kiến thức | Đúng chủ đề, đầy đủ, còn 1 số lỗi sai về kiến thức | Đúng chủ đề, chưa đầy đủ nội dung. Lỗi sai về kiến thức khá nhiều. | Lạc đề hoặc đúng chủ đề nhưng nội dung sơ sài, nhiều lỗi sai về kiến thức |  |
| Phong cách trình bày | 30% | **3** | **2** | **1** | **0** |  |
| Thuyết trình trôi chảy, chủ động, cuốn hút, tự tin | Thuyết trình trôi chảy, chủ động, không có điểm nhấn | Thuyết trình chưa trôi chảy. Không thu hút người nghe. Chưa chủ động nội dung thuyết trình. | Đọc slides, không thuyết trình |  |
| Phản biện | 30% | **3-2.5** | **2.4-2** | **1.9-1** | **0.9-0** |  |
|  | Trả lời và đặt câu hỏi cho tất cả các nhóm tốt, trả lời đúng trọng tâm | Một số câu hỏi không trả lời được. Đặt câu hỏi cho tất cả các nhóm khác, trả lời đúng trọng tâm | Một số câu hỏi không trả lời được. Không hỏi một số nhóm khác. Trả lời lan man | Không đặt câu hỏi và không trả lời được bất kì câu nào |  |
|  |  |  |  | **10 – 8.5** | **8.4 – 7.0** | **6.9 – 4.0** | **3.9 – 0.0** |  |
| **Y** | Trắc nghiệm | Áp dụng kiến thức cơ bản về tỷ giá và thị trường ngoại hối | 20% | Trả lời đúng 85% - 100% câu hỏi | Trả lời đúng 70% - dưới 85% câu hỏi | Trả lời đúng 40% - dưới 70% câu hỏi | Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi |  |
| Áp dụng kiến thức về các phương tiện TTQT | 30% | Trả lời đúng 85% - 100% câu hỏi | Trả lời đúng 70% - dưới 85% câu hỏi | Trả lời đúng 40% - dưới 70% câu hỏi | Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi |  |
| Áp dụng kiến thức về các phương thức TTQT | 50% | Trả lời đúng 85% - 100% câu hỏi | Trả lời đúng 70% - dưới 85% câu hỏi | Trả lời đúng 40% - dưới 70% câu hỏi | Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi |  |

***10. Nội dung giảng dạy***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| **Chương 1. Tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại hối** | **10** | **1.2.3** |  |  |
| *1.1. Tỷ giá hối đoái* | *5* | *1.2.3* | *Dạy:* Trình bày các slide chương 1  -Đưa ra một số tình huống để SV thảo luận liên quan đến TGHĐ và TTNH.  *Học ở lớp:* Tham gia thảo luận.  *Học ở nhà:*tìm hiểu về một trường hợp thực tế sử dụng các biện pháp điều chỉnh tỷ giá. | *X1, Y* |
| *1.2 Thị trường ngoại hối* | *5* | *1.2.3* |
| **Chương 2. Các phương tiện thanh toán quốc tế** | **15** | **1.2.3** |  | *X1, Y* |
| *2.1. Hối phiếu quốc tế* | *10* | *1.2.3* | *Dạy:* Trình bày các slide chương 2   * Đưa ra các câu hỏi, tình huống liên quan cho SV thảo luận   *Học ở lớp:*Trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận  *Học ở nhà:*   * So sánh séc và hối phiếu trong TTQT * Tự tìm hiểu về thẻ thanh toán |
| *2.2 Séc quốc tế* | *5* | *1.2.3* |
| *2.3 Thẻ thanh toán* | *0* |  |
| **Chương 3. Các phương thức thanh toán quốc tế** | **20** | **1.2.3** | *Dạy:* Trình bày các slide chương 3   * Đưa ra các câu hỏi, tình huống liên quan cho SV thảo luận   *Học ở lớp:*Trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận.  *Học ở nhà:*   * So sánh các phương thức TTQT đã học. * Tự tìm hiểu về một số chứng từ trong thanh toán quốc tế | *X1, Y* |
| *3.1. Phương thức thanh toán chuyển tiền* | *2* | *1.2.3* |
| *3.2 Phương thức thanh toán nhờ thu* | *4* | 1.2.3 |
| *3.3 Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ* | *14* | 1.2.3 |  |

**5.50. Quản trị doanh nghiệp Mã HP: 28214**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Quản trị Kinh doanh | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 35 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 08 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Quản trị doanh nghiệp là học phần áp dụng những kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp: các loại hình doanh nghiệp; các giai đoạn phát triển của quản trị doanh nghiệp; các chức năng cơ bản của nhà quản lý trong doanh nghiệp; nghiệp vụ quản lý nhân sự; nghiệp vụ quản lý chi phí và kết quả; đánh giá hiệu quả kinh doanh.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] PGS.TS Ngô Kim Thanh (2013). *Giáo trình quản trị doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] PGS.TS Lê Văn Tâm (2000). *Quản trị doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Giáo dục.

[2] Nguyễn Hải Sản (1996). *Quản trị doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Thống kê.

[3] Hoàng Minh Đường (2005) *Giáo trình quản trị doanh nghiệp thương mại*, Tập 1 &2, Nhà xuất bản Lao Động – Xã Hội

[4] Quốc hội (2020). *Luật doanh nghiệp*

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Áp dụng các kiến thức về doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp |  |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| **G1.1** | Phân loại được các kiến thức nền tảng, cốt lõi về quản trị doanh nghiệp: khái niệm quản trị, tổ chức, quản trị doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp, các lĩnh vực quản trị, phương pháp, tố chất, phong cách lãnh đạo cơ bản của giám đốc doanh nghiệp trên cơ sở các chức năng quản trị | **T3** |
| **G1.2** | Áp dụng chức năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, quản trị chi phí kết quả và kiểm soát vào doanh nghiệp. | **T3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1 – G1.2 | 25 |
| X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1 – G1.2 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1 - G1.2 | 50% |

Điểm đánh giá học phần: Z = 0.5X1 + 0.5Y

Trong đó: X = 0,5X1 + 0,5 X2

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Tổng quan về quản trị doanh nghiệp**  1.1. Các quan điểm về doanh nghiệp  1.2. Phân loại doanh nghiệp  1.3. Các giai đoạn phát triển của khoa học quản trị doanh nghiệp | 6 | G1.1; G1.2 | **Dạy**: Sử dụng các công cụ đa phương tiện để giới thiệu, giảng dạy về các nội dung.  **Học ở lớp:**  Theo dõi nội dung giáo viên trình bày  **Học ở nhà:**  Tìm kiếm thêm thông tin trên các cơ sở dữ liệu. | Y |
| **Chương 2. Các chức năng và lĩnh vực của quản trị doanh nghiệp**  2.1. Quản trị các hoạt động của doanh nghiệp  2.2. Các lĩnh vực quản trị  2.3. Các chức năng quản trị  2.4. Mối quan hệ giữa phân loại theo chức năng và phân loại theo lĩnh vực  Kiểm tra giữa kỳ | 7 | G1.1; G1.2 | **Dạy**: Sử dụng các công cụ đa phương tiện để giới thiệu, giảng dạy về các nội dung.  **Học ở lớp:**  Theo dõi nội dung giáo viên trình bày  **Học ở nhà:**  Tìm kiếm thêm thông tin trên các cơ sở dữ liệu. | Y  X1 |
| **Chương 3. Hoạch định chương trình quản trị**  3.1. Hoạch định mục tiêu doanh nghiệp  3.2. Các loại kế hoạch doanh nghiệp  3.3. Dự thảo chiến lược kinh doanh | 4 | G1.1; G1.2 | **Dạy**: Sử dụng các công cụ đa phương tiện để giới thiệu, giảng dạy về các nội dung.  **Học ở lớp:**  Theo dõi nội dung giáo viên trình bày  **Học ở nhà:**  Tìm kiếm thêm thông tin trên các cơ sở dữ liệu | **Y** |
| **Chương 4.** **Cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp**  4.1. Cơ chế quản trị doanh nghiệp  4.2. Xây dựng cơ cấu tổ chức quản trị  4.3. Các kiểu cơ cấu tổ chức  4.4 Chế độ một thủ trưởng | 5 | G1.1; G1.2 | **Dạy:** Sử dụng các công cụ đa phương tiện để giới thiệu, giảng dạy về các nội dung.  **Học ở lớp:**  Theo dõi nội dung giáo viên trình bày  **Học ở nhà:**  Tìm kiếm thêm thông tin trên các cơ sở dữ liệu. | Y |
| **Chương 5. Giám đốc điều hành doanh nghiệp**  5.1. Khái niệm  5.2. Vai trò  5.3. Đặc điểm  5.4. Phương pháp lãnh đạo  5.5 Phong cách lãnh đạo  5.6 Tiêu chuẩn của giám đốc doanh nghiệp  Kiểm tra giữa kỳ | 7 | G1.1; G1.2 | **Dạy**: Sử dụng các công cụ đa phương tiện để giới thiệu, giảng dạy về các nội dung.  **Học ở lớp:**  Theo dõi nội dung giáo viên trình bày  **Học ở nhà:**  Tìm kiếm thêm thông tin trên các cơ sở dữ liệu. | Y  X2 |
| **Chương 6.** **Quản trị chi phí và kết quả**  6.1. Các khái niệm  6.2. Quản trị chi phí và kết quả theo phương thức phân bổ truyền thống  6.3. Quản trị chi phí và kết quả theo phương thức mức lãi thô | 6 | G1.1; G1.2 | **Dạy**: Sử dụng các công cụ đa phương tiện để giới thiệu, giảng dạy về các nội dung.  **Học ở lớp:**  Theo dõi nội dung giáo viên trình bày  **Học ở nhà:**  Tìm kiếm thêm thông tin trên các cơ sở dữ liệu. | Y |
| **Chương 7.** **Công tác kiếm soát trong doanh nghiệp**  7.1 Khái niệm và mục đích  7.2. Trình tự và nội dung  7.3. Hình thức và phương pháp  7.4.Điều kiện kiểm soát | 5 | G1.1; G1.2 | **Dạy**: Sử dụng các công cụ đa phương tiện để giới thiệu, giảng dạy về các nội dung.  **Học ở lớp:**  Theo dõi nội dung giáo viên trình bày  **Học ở nhà:**  Tìm kiếm thêm thông tin trên các cơ sở dữ liệu. | Y |

**5.51. Luật Hôn nhân và gia đình Mã HP: 11467**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 28 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Luật Hôn nhân và Gia đình là học phần tự chọn của chương trình đào tạo ngành Luật. Thông qua học phần, sinh viên được học những kiến thức về: các khái niệm liên quan; quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình; các nguyên tắc cơ bản; kết hôn; nghĩa vụ và quyền của vợ chồng; quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con; cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; li hôn; quan hệ HNGĐ có yếu tố nước ngoài; nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Luật Hôn nhân và Gia đình.* Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Nguyễn Văn Cừ chủ biên (2017). *Giáo trình Luật hôn nhân và gia đình VIệt Nam,* Nhà xuất bản Công an nhân dân.

[2] Quốc hội (2014). *Luật Hôn nhân và gia đình*

[3]Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự Việt Nam*

[4] Quốc hội (2015). *Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam*

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Phân tích các quy định pháp luật về Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong đời sống xã hội. |  |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam thuộc các ngành luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong đời sống xã hội | **TU4** |
| **G1.2** | Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam làm cơ sở tiến hành các hoạt động tố tụng giải quyết vấn đề pháp lý liên quan đến hôn nhân và gia đình | **TU4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1 | 25 |
| X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G1.2 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G1.2 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của Luật HNGĐ Việt Nam**  1.1 Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật HNGĐ Việt Nam  1.2. Các nguyên tắc cơ bản của luật HNGĐ Việt Nam | 2 | G1.1 | **Dạy:**  **-** Giảng viên thuyết giảng về đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh Việt Nam và các nguyên tắc cơ bản của luật HNGĐ; đặt câu hỏi cho sinh viên trả lời  **Học ở lớp:**  - Sinh viên phân tích kiến thức nội dung trên lớp thông qua giơ tay phát biểu.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Quan hệ pháp luật HNGĐ và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên | X1, Y |
| **Chương 2: Quan hệ pháp luật HNGĐ**  2.1. Khái niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật HNGĐ  2.2. Các yếu tố của quan hệ pháp luật HNGĐ  2.3. Căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt, quan hệ pháp luật HNGĐ | 2 | G1.1 | **Dạy:**  **-** GV thuyết giảng về đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh Việt Nam và các nguyên tắc cơ bản của luật HNGĐ; đặt câu hỏi cho sinh viên trả lời  **Học ở lớp:**  - Sinh vieen phân tích kiến thức nội dung trên lớp thông qua giơ tay phát biểu.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Kết hôn và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên | X1,Y |
| **Chương 3: Kết hôn**  3.1. Các điều kiện kết hôn  3.2. Đăng kí kết hôn | 2 | G1.1 | **Dạy:**  **-** Giảng viên thuyết giảngvề đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh Việt Nam và các nguyên tắc cơ bản của luật HNGĐ; đặt câu hỏi cho sinh viên trả lời  **Học ở lớp:**  - Sinh viên phân tích kiến thức nội dung trên lớp thông qua giơ tay phát biểu.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về các trường hợp kết hôn trái pháp luật và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên | X1,Y |
| **Chương 4: Huỷ việc kết hôn trái pháp luật**  4.1. Huỷ việc kết hôn trái pháp luật  4.2. Đường lối xử lí các trường hợp vi phạm pháp luật khác về kết hôn | 2 | G1.1 | **Dạy:**  - GV thuyết giảngvề đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh Việt Nam và các nguyên tắc cơ bản của luật HNGĐ; ; đặt câu hỏi cho sinh viên trả lời  **Học ở lớp:**  - SV phân tích kiến thức nội dung trên lớp thông qua giơ tay phát biểu.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Quyền và nghĩa vụ nhân thân của vợ và chồng và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên | X1,Y |
| **Chương 5. Quyền và nghĩa vụ nhân thân của vợ và chồng**  5.1. Khái niệm  5.2. Nội dung quyền và nghĩa vụ nhân thân của vợ chồng | 2 | G1.1 | **Dạy:**  - GV thuyết giảngvề đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh Việt Nam và các nguyên tắc cơ bản của luật HNGĐ  **Học ở lớp:**  - SV phân tích kiến thức nội dung trên lớp thông qua giơ tay phát biểu.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Chế độ tài sản của vợ chồng và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên | X1,Y |
| **Chương 6. Chế độ tài sản của vợ chồng**  6.1. Khái niệm chế độ tài sản của vợ chồng  6.2. Chế độ tài sản theo thoả thuận  6.3. Chế độ tài sản theo luật định | 2 | G1.1 | **Dạy:**  - GV thuyết giảngvề đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh Việt Nam và các nguyên tắc cơ bản của luật HNGĐ  **Học ở lớp:**  - SV phân tích kiến thức nội dung trên lớp thông qua giơ tay phát biểu.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Chấm dứt hôn nhân và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên | X1,Y |
| **Chương 7. Chấm dứt hôn nhân**  7.1. Chấm dứt hôn nhân do li hôn  7.2. Chấm dứt hôn nhân do một bên vợ, chồng chết hoặc bị tòa án tuyên bố là đã chết | 2 | G1.1 | **Dạy:**  - GV thuyết giảngvề đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh Việt Nam và các nguyên tắc cơ bản của luật HNGĐ  **Học ở lớp:**  - SV phân tích kiến thức nội dung trên lớp thông qua giơ tay phát biểu.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Các trường hợp chia tài sản của vợ chồng và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên | X1,Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1 | Giảng viên giao câu hỏi tự luận  Sinh viên trả lời các câu hỏi | X1 |
| **Chương 8:** **Các trường hợp chia tài sản của vợ chồng**  8.1. Chia tài sản của vợ chồng trong thời kì hôn nhân  8.2.Chia tài sản của vợ chồng khi li hôn  8.3. Chia tài sản của vợ chồng khi một bên vợ, chồng chết | 2 | G1.1  G1.2 | **Dạy:**  - GV thuyết giảngvề đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh Việt Nam và các nguyên tắc cơ bản của luật HNGĐ  **Học ở lớp:**  - SV phân tích kiến thức nội dung trên lớp thông qua giơ tay phát biểu.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con phát sinh do sự kiện sinh đẻ và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên | X2,Y |
| **Chương 9: Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con phát sinh do sự kiện sinh đẻ**  9.1. Xác định cha, mẹ, con trong trường hợp sinh con tự nhiên  9.2. Xác định cha mẹ cho con sinh ra bằng kĩ thuật hỗ trợ sinh sản  9.3. Thủ tục xác định cha, mẹ, con | 2 | G1.1 | **Dạy:**  - GV thuyết giảngvề đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh Việt Nam và các nguyên tắc cơ bản của luật HNGĐ  **Học ở lớp:**  - SV phân tích kiến thức nội dung trên lớp thông qua giơ tay phát biểu.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con phát sinh do sự kiện nuôi con nuôi và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên | X2,Y |
| **Chương 10: Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con phát sinh do sự kiện nuôi con nuôi**  10.1. Điều kiện để việc nuôi con nuôi hợp pháp  10.2. Hệ quả pháp lí của việc nuôi con nuôi  10.3. Chấm dứt việc nuôi con nuôi | 2 | G1.1 | **Dạy:**  - GV thuyết giảngvề đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh Việt Nam và các nguyên tắc cơ bản của luật HNGĐ  **Học ở lớp:**  - SV phân tích kiến thức nội dung trên lớp thông qua giơ tay phát biểu.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con và giữa các thành viên khác của gia đình và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên | X2,Y |
| **Chương 11: Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con và giữa các thành viên khác của gia đình**  11.1. Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con  11.2. Quyền và nghĩa vụ giữa các thành viên khác trong gia đình | 2 | G1.1 | **Dạy:**  - GV thuyết giảngvề đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh Việt Nam và các nguyên tắc cơ bản của luật HNGĐ  **Học ở lớp:**  - SV phân tích kiến thức nội dung trên lớp thông qua giơ tay phát biểu.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Cấp dưỡng và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên | X2,Y |
| **Chương 12. Cấp dưỡng**  12.1. Khái niệm cấp dưỡng và đặc điểm của quan hệ cấp dưỡng  12.2.Điều kiện phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng  12.3. Mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng  12.4. Các trường hợp cấp dưỡng | 2 | G1.1 | **Dạy:**  - GV thuyết giảng về đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh Việt Nam và các nguyên tắc cơ bản của luật HNGĐ  **Học ở lớp:**  - SV phân tích kiến thức nội dung trên lớp thông qua giơ tay phát biểu.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Quan hệ HNGĐ có yếu tố nước ngoài và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên | X2,Y |
| **Chương 13: Quan hệ HNGĐ có yếu tố nước ngoài**  13.1. Khái niệm, nguyên tắc áp dụng luật và thẩm quyền giải quyết quan hệ HNGĐ có yếu tố nước ngoài  13.2. Một số quan hệ HNGĐ có yếu tố nước ngoài | 2 | G1.1 | **Dạy:**  - GV thuyết giảng về đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh Việt Nam và các nguyên tắc cơ bản của luật HNGĐ  **Học ở lớp:**  - SV phân tích kiến thức nội dung trên lớp thông qua giơ tay phát biểu.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoàivà trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên | X2,Y |
| **Chương 14:** **Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài**  14.1. Điều kiện đối với người nhận nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài  14.2. Thủ tục, trình tự đăng kí | 2 | G1.1 | **Dạy:**  - GV thuyết giảng về đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh Việt Nam và các nguyên tắc cơ bản của luật HNGĐ  **Học ở lớp:**  - **SV phân tích kiến** thức nội dung trên lớp thông qua giơ tay phát biểu.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu pháp luật về Quyền và nghĩa vụ nhân thân của vợ và chồng và trả lời các câu hỏi định hướng của giảng viên | X2,Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1  G1.2 | Giảng viên giao câu hỏi tự luận  Sinh viên trả lời các câu hỏi | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGTS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **TS. Lương Thị Kim Dung** |

**5.52. Pháp luật về dịch vụ hàng hải Mã HP: 11450**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** | |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 35 tiết | |  | | | - Lý thuyết (LT): | | | 24 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 10 tiết | |  | | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | | - Kiểm tra (KT): | | | 01 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Học phần Pháp luật về dịch vụ hàng hải là học phần tự chọn của chương trình đào tạo cử nhân Luật Kinh doanh. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý chuyên ngành về dịch vụ hàng hải như dịch vụ kinh doanh vận tải biển, đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, kiểm đếm hàng hoá; hoa tiêu Hàng hải; lai dắt hàng hải và các dịch vụ khác phục vụ cho tàu (dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng, vệ sinh tàu biển, bốc dỡ hàng hóa tại cảng ....

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bùi Thanh Sơn, Đỗ Văn Quang (2011). *Giáo trình Pháp luật Hàng hải 1,* Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] IMO (2018). *ISM code: International safety management code with guidlines for its implementation,* 5th edition, London: IMO.

[2] Vũ Ngọc Huy biên tập, trình bày (2002). *Bộ luật quốc tế về an ninh tàu và bến cảng và bổ sung sửa đổi 2002 của Solas – ISPS code,* Nhà xuất bản Đăng kiểm Việt Nam.

[3] Quốc hội (2015). *Bộ luật Hàng hải Việt Nam.*

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế về dịch vụ hàng hải làm cơ sở giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh liên quan đến dịch vụ hàng hải |  |
| **G2** | Liên hệ pháp luật hàng hải Việt Nam với sự phát triển toàn cầu trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải hiện nay |  |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam về dịch vụ hàng hải | **TU4** |
| **G1.2** | Phân tích các quy định pháp luật quốc tế về dịch vụ hàng hải | **TU4** |
| **G2.1** | Liên hệ các quy định của pháp luật hàng hải Việt Nam với sự phát triển toàn cầu trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải hiện nay | **TU4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G1.2 | 25 |
| X2 – Đánh giá thực hành | G1.1, G1.2, G2.1 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G1.2 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **DUNG NỘI GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Dịch vụ vận tải biển**  1.1.  Điều kiện kinh doanh vận tải biển  1.2. Điều kiện đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển quốc tế  1.3. Điều kiện đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển nội địa | 3 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy**  Giảng viên phân tích lý thuyết và đặt câu hỏi thảo luận về:  - Các điều kiện kinh doanh vận tải biển;  - Điều kiện đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển nội địa và quốc tế;  - Điều kiện đối với tổ chức nước ngoài tham gia vận chuyển nội địa bằng tàu thuyền mang cờ quốc tịch Việt Nam.  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên thảo luận nhóm để liên hệ các quy định về thành lập doanh nghiệp với thực tiễn khi thành lập doanh nghiệp vận tải biển.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tìm hiểu lại các quy định về bộ phận quản lý an toàn theo quy định của Bộ luật quốc tế về quản lý an toàn (ISM Code) và bộ phận quản lý an ninh hàng hải theo quy định của Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và bến cảng (ISPS Code) | X1, Y |
| **Chương 2.** **Đại lý tàu biển**  2.1. Khái niệm, đặc điểm của dịch vụ đại lý tàu biển  2.2. Điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển  2.3. Hợp đồng đại lý tàu biển | 3 | G1.1, G1.2,  G2.1 | **Dạy**  Giảng viên phân tích và đặt câu hỏi thảo luận về:  - Các điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển.  - Điều kiện về tổ chức bộ máy và nhân lực của đại lý tàu biển.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên thảo luận nhóm để liên hệ thực tiễn từ quyền, nghĩa vụ trách nhiệm phát sinh của đại lý tàu biển trong mối quan hệ với chủ tàu, người thuê tàu, người vận chuyển và thuyền viên được quy định trong pháp luật hàng hải.  **Học ở nhà:**  Sinh viên so sánh đại lý tàu biển (Vessel Agent) và đại lý chuyên chở (Carier Agent) | X1, Y |
| **Chương 3. Môi giới hàng hải**  3.1. Khái niệm môi giới hàng hải  3.2. Quyền và nghĩa vụ của người môi giới hàng hải  3.3. Thời hiệu khởi kiện việc thực hiện hợp đồng môi giới hàng hải | 3 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy:**  Giảng viên phân tích và đặt câu hỏi thảo luận về môi giới hàng hải.  **Học ở lớp:**  Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích nghĩa vụ của môi giới hàng hải trong hợp đồng môi giới.  **Học ở nhà:**  Sinh viên liên hệ quy định của pháp luật về môi giới thương mại với thực tiễn hoạt động môi giới hàng hải. | X1, Y |
| **Chương 4. Hoa tiêu hàng hải**  4.1 Khái niệm hoa tiêu hàng hải  4.2.Tổ chức hoạt động của hoa tiêu hàng hải  4.3. Điều kiện trở thành hoa tiêu, phân hạng hoa tiêu hàng hải  4.4. Địa vị pháp lý của hoa tiêu khi dẫn tàu  4.5. Nghĩa vụ của thuyền trưởng và chủ tàu khi sử dụng hoa tiêu hàng hải | 3 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy:**  Giảng viên phân tích và đặt câu hỏi thảo luận về:  - các quy định của pháp luật về hoa tiêu hàng hải  - điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải.  - điều kiện trở thành hoa tiêu, phân loại các hạng hoa tiêu  - địa vị pháp lý của hoa tiêu khi dẫn tàu.  **Học trên lớp:**  - Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích trách nhiệm của hoa tiêu khi tàu gặp tai nạn trong vùng nước cảng biển thuộc chế độ hoa tiêu bắt buộc.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên liên hệ các quy định về nghĩa vụ của thuyền trường và chủ tàu luật hàng hải với thực tiễn khi sử dụng dịch vụ hoa tiêu. | X1, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1, G1.2 | - Giảng viên giao các câu hỏi kiểm tra và chữa bài kiểm tra  - Sinh viên trả lời câu hỏi | X1 |
| **Chương 5. Lai dắt tàu biển**  5.1. Khái niệm  5.2. Điều kiện để kinh doanh dịch vụ lai dắt  5.3. Điều kiện các tổ chức nước ngoài dùng tàu biển mang quốc tịch nước ngoài để kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển tại VN | 3 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy:**  Giảng viên phân tích và đặt câu hỏi thảo luận về:  - điều kiện để kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển  - điều kiện về tổ chức bộ máy và nhân lực  - Điều kiện đối với tổ chức nước ngoài sử dụng tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài để kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển tại Việt Nam  **Học trên lớp:**  - Sinh viên thảo luận nhóm để phân tích xu hướng quốc tế hoá đội tàu lai theo các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên liên hệ các quy định trong pháp luật hàng hải về quản lý hoạt động hàng hải với thực tiễn thực hiện hoạt động lai dắt tàu biển hiện nay. | X2, Y |
| **Chương 6. Dịch vụ hải quan**  6.1. Khái niệm  6.2. Hoạt động của đại lý hải quan  6.3.Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan | 3 | G1.1, G2.1 | **Dạy**  - Giảng viên phân tích và đặt câu hỏi thảo luận về đại lý hải quan  **Học trên lớp:**  - Sinh viên thảo luận nhóm để phân loại luồng hàng, và các giấy tờ cần thiết khi làm thủ tục hải quan.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên liên hệ quy định về đại lý hải quan với thực tiễn | X2, Y |
| **Chương 7. Tiếp nhận và xử lý chất thải từ tàu biển**  7.1. Khái niệm  7.2. Cơ sở pháp lý  7.3. Quy trình tiếp nhận và xử lý chất thải phát sinh từ tàu biển | 3 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy**  - Giảng viên phân tích và đặt câu hỏi về quy trình tiếp nhận xử lý chất thải phát sinh từ tàu  **Học trên lớp:**  - Sinh viên liên hệ định hướng phát triển cảng xanh và công tác tiếp nhận xử lý chất thải của tàu biển.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên liên hệ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các đơn vị liên quan trong thực tiễn tiếp nhận và xử lý các chất thải từ tàu biển. | X2, Y |
| **Chương 8. Một số dịch vụ hàng hải khác**  8.1. Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa  8.2. Dịch vụ cung ứng hàng hải  8.3. Dịch vụ logistics  8.4.Các dịch vụ khác trên bờ phục vụ cho tàu. | 3 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy**  Giảng viên phân tích và đặt câu hỏi thảo luận về một số hoạt động dịch vụ hàng hải khác như kiểm đến hàng hóa, cung ứng hàng hải (nước ngọt, vệ sinh tàu), dịch vụ logistics, các dịch vụ trên bờ phục vụ cho tàu (thuê kho bãi, giám định…)  **Học trên lớp**  - Sinh viên phân tích thời hiệu giải quyết tranh chấp đối với vụ việc có liên quan thương nhân kinh doanh logistics  **Học ở nhà:**  - Sinh viên liên hệ các yếu tố ảnh hưởng đến giá của hàng hoá cung ứng trong hợp đồng mua bán | X2, Y |

***Giảng dạy thực hành***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các dịch vụ hàng hải ở Việt Nam và thế giới**  **-** Vận tải biển  - Đại lý tàu biển  - Môi giới hàng hải  - Hải quan  - Hoa tiêu hàng hải  - Một số dịch vụ khác | 5 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên yêu cầu sinh viên tự xây dựng các nhóm nhỏ để tham gia thảo luận thực hành.  - Giảng viên giao các tình huống thảo luận liên quan và đánh giá kết quả thảo luận theo nhóm  **Học ở nhà:**  - Sinh viên làm việc theo nhóm, nghiên cứu tình huống và phân tích các quy định pháp luật liên quan để trả lời câu hỏi tình huống | X2 |
| **Báo cáo kết quả giải quyết tình huống** | 5 | G1.1, G1.2, G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên tổ chức báo cáo bài tập và đánh giá kết quả giải quyết tình huống của sinh viên  **Học ở lớp:**  - Nhóm sinh viên hoàn thành báo cáo kết quả giải quyết tình huống.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên hoàn thành việc tổ chức nhóm, phân công nhiệm vụ và giải quyết tình huống | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGTS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Đình Thúy Hường** |

**5.53. Tập quán thương mại quốc tế Mã HP: 11420**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** | |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | | - Lý thuyết (LT): | | | 28 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Tập quán thương mại quốc tế là một môn học tự chọn của chương trình đào tạo ngành Luật. Thông qua học phần, sinh viên được học những kiến thức cơ bản về: Lý luận chung về tập quán thương mại quốc tế và mối quan hệ giữa tập quán thương mại quốc tế và các nguồn pháp luật khác; giới thiệu một số tập quán thương mại quốc tế quan trọng và thông dụng như Incoterms 2010, UCP 600…

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải, *Tài liệu học tập Tập quán thương mại quốc tế,* Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Nguyễn Trọng Thùy (2015). *Bình luận UCP: Quy tắc và thực hành thống nhất tín dụng chứng từ (Ấn phẩm số xuất bản 600, Phòng thương mại quốc tế Paris),* Nhà xuất bản Tài chính*,*

[2] ICC (2010). *Incoterm 2010*

[3] International Institute for the Unification of Private Law (2016). *Unidroit principles of international commercial contract - Bộ nguyên tắc của UNIDROIT về hợp đồng thương mại quốc tế*

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Lựa chọn tập quán thương mại quốc tế phù hợp để giải quyết một vấn đề pháp lý trong lĩnh vực thương mại quốc tế |  |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| **G1.1** | Phân tích được mối quan hệ biện chứng giữa tập quán quốc tế và các nguồn luật khác của thương mại quốc tế | **TU4** |
| **G1.2** | Phân biệt các bộ quy tắc Incoterms 2010, PICC của UNIDROIT 2004 và UCP 600 | **TU4** |
| **G1.3** | Lựa chọn điều khoản FOB, CIF, CFR, FAS phù hợp để giải quyết vấn đề pháp lý trong vận tải biển và vận tải thủy nội địa | **TU4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ** |
| --- | --- | --- | --- |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Tự luận | G1.1, G1.2 | 20% |
| X2 – Tự luận | G1.3 | 30% |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y – Tự luận | G1.1, G1.2, G1.3 | 50% |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài**  **đánh giá** |
| **Chương 1. Tổng quan về thương mại quốc tế và tập quán thương mại quốc tế**  1.1. Thương mại quốc tế  1.2. Tập quán thương mại quốc tế | 8 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích các kiến thức tổng quan về thương mại quốc tế và tập quán thương mại quốc tế.  - Giảng viên tổ chức hoạt động nhóm và giao câu hỏi về:  + Liên hệ thực tế và phân tích hạn chế của các thuyết cổ điển về thương mại quốc tế.  + So sánh Tập quán thương mại quốc tế và Điều ước quốc tế  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên trả lời các câu hỏi được giao.  **Học ở nhà:**  **-** Sinh viên phân tích ưu, nhược điểm của các lý thuyết cổ điển về thương mại quốc tế, mối quan hệ giữa các nguồn luật. | X1 |
| **Chương 2. Giới thiệu một số tập quán thương mại quốc tế quan trọng**  2.1. Điều khoản thương mại quốc tế Incoterms 2010  2.2. Bộ nguyên tắc hợp đồng thương mại quốc tế PICC của UNIDROIT 2004  2.3. Bộ quy tắc và thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ UCP 600 | 9 | G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích các kiến thức tổng quan về Incoterms 2010, PICC, UCP 600  - Giảng viên đặt câu hỏi về:  + Phân biệt “nơi chỉ định” trong các điều khoản  + Chỉ ra điểm khác biệt giữa điều khoản nhóm C và điều khoản các nhóm còn lại  + Phân tích điều 1.1 và 1.2 PICC  + Giải thích sơ đồ thanh toán bằng tín dụng thư L/C  - Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các điều khoản Incoterms 2000 đã được Incoterms 2010 thay thế, bổ sung; giao kết hợp đồng và hiệu lực của hợp đồng thương mại quốc tế PICC, điều khoản về chứng từ vận tải (Điều 19-22 UCP 600)  **Học ở lớp:**  - Sinh viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi được giao.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên phân tích các quy định của Incoterms, PICC và UCP 600 để trả lời các câu hỏi định hướng nghiên cứu | X1 |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1  G1.2 | Giảng viên giao các câu hỏi kiểm tra  Sinh viên trả lời câu hỏi | X1 |
| **Chương 3. Tìm hiểu một số điều khoản dùng cho vận tải biển và vận tải thủy nội địa trong Incoterms 2010**  3.1. Điều khoản FOB  3.2. Điều khoản CIF  3.3. Điều khoản CFR  3.4. Điều khoản FAS | 11 | G1.3 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích hướng dẫn sử dụng của điều khoản FOB, CIF, FAS & khuyến nghị  - Giảng viên tổ chức hoạt động nhóm và giao tình huống, câu hỏi cho sinh viên.  - Giảng viên giao câu hỏi định nghiên cứu cho sinh viên về phân biệt các điều khoản.  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên lựa chọn điều khoản áp dụng và phân tích trách nhiệm của các bên theo từng điều khoản.  **Học ở nhà:**  - Thông qua trả lời câu hỏi định hướng được giao, sinh viên so sánh hướng dẫn sử dụng và trách nhiệm hai bên theo điều khoản FOB và CIF; CFR và CIF; FOB và FAS | X2 |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.3 | Giảng viên giao các câu hỏi kiểm tra  Sinh viên trả lời câu hỏi | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGTS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Đỗ Thị Khánh Ngọc** |

**5.54. Kinh tế khai thác thương vụ Mã HP: 11406**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | | **BTL** |  | **ĐAMH** | |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 26 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 04 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Kinh tế khai thác thương vụ là học phần tự chọn của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh doanh. Thông qua học phần, sinh viên được học những kiến thức về: khái niệm chung về vận tải; cơ sở vật chất kỹ thuật ngành vận tải biển; chi phí khai thác, giá thành vận chuyển; các bên hữu quan trong ngành vận tải biển; các hình thức khai thác tàu; tài liệu chuyến đi, giấy tờ liên quan đến hàng hóa; tính chất và giới hạn một số công tác phục vụ tàu và hàng; một số loại hợp đồng liên quan đến vận tải biển.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] Nguyễn Kim Phương, Vũ Thanh Sơn, Phạm Vũ Tuấn (2012). *Giáo trình Kinh tế khai thác thương vụ*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Institute of Chartered Shipbrokers (2014). *Shipping law,* Institute of Chartered Shipbrokers, London

[2] Stephen Mills (2014). *Bills of lading: a guide to good practice*, The North of England P & I Association, United Kingdom

[3] Quốc hội (2015). *Bộ luật Hàng hải Việt Nam*

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế để giải quyết các tình huống liên quan đến thương vụ vận tải biển |  |
| **G2** | Kết hợp bài luận và bài thuyết trình về các vấn đề liên quan đến các bên hữu quan trong ngành vận tải biển |  |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế để giải quyết các tình huống liên quan đến các bên hữu quan trong ngành vận tải biển, việc tham vấn các bên hữu quan chính trong ngành vận tải biển về nghiệp vụ khai thác tàu và các điều khoản chính trong hợp đồng vận chuyển, hợp đồng thuê tàu. | **TU4** |
| **G1.2** | Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế để giải quyết các tình huống liên quan đến các hình thức khai thác tàu, vận đơn đích danh, vận đơn theo lệnh, các điều kiện cơ sở giao hàng dùng cho vận tải biển | **TU4** |
| **G2.1** | Kết hợp bài luận và bài thuyết trình về các vấn đề liên quan đến các bên hữu quan trong ngành vận tải biển | **TU4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1 | 5 |
| X2 – Bài tập nhóm thuyết trình | G1.2, G2.1 | 25 |
| X3 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G1.2 | 20 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G1.2 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy:***

| **Nội dung giảng dạy** | **Số tiết** | **CĐR**  **học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Khái niệm chung về vận tải**  1.1. Định nghĩa, phân loại vận tải  1.2. Đặc điểm sản xuất vận tải  1.3. Đặc điểm vận tải biển | 1 | G1.1 | **Dạy**:  - Giảng viên thuyết giảng về định nghĩa vận tải, đặc điểm sản xuất vận tải, đặc điểm vận tải biển  - Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận về:  + Các đăc điểm của sản xuất vận tải  + Ưu, nhược điểm của vận tải biển  **Học ở lớp**:  - Sinh viên lấy và phân tích ví dụ về vận tải.  - Sinh viên phân tích mối quan hệ giữa đặc điểm 2 và đặc điểm hệ quả 3,4 của sản xuất vận tải.  - Sinh viên trình bày các vấn đề giảng viên giao thảo luận.  **Học ở nhà**:  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về vai trò của vận tải biển đối với nền kinh tế quốc dân. | X1, X3, Y |
| **Chương 2. Cơ sở vật chất kỹ thuật ngành vận tải biển**  2.1. Đội tàu  2.2. Hải cảng  2.3.Nhà máy đóng, sửa chữa tàu  2.4.Luồng lạch, thiết bị trên luồng  2.5.Phương tiện thông tin liên lạc | 2 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về lợi ích của các xu hướng phát triển đội tàu; khái niệm cảng đóng, cảng mở; tầm quan trọng của phát triển cảng biển; các hoạt động sản xuất của nhà máy đóng/sửa chữa tàu; chế độ sửa chữa định kỳ; luồng lạch, thiết bị trên luồng, phương tiện thông tin liên lạc.  - Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận về:  + Xu hướng phát triển các đội tàu  + Vai trò của luồng lạch, phương tiện thông tin liên lạc  **Học ở lớp:**  - Sinh viên phân tích được các khái niệm cảng đóng, cảng mở, luồng lạch.  - Sinh viên trình bày các vấn đề giảng viên giao thảo luận.  **Học ở nhà:**  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về hệ thống pháp luật mà tàu phải tuân thủ theo khi ở trong cảng nước địa phương. | X1, X3, Y |
| **Chương 3: Chi phí khai thác, giá thành vận chuyển**  3.1. Chi phí khai thác  3.2. Giá thành vận chuyển | 3 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về chi phí cố định, chi phí biến đổi, giá thành vận chuyển, giá thành luân chuyển, giá thành ngoại tệ.  - Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận về:  + Chi phí khấu hao  + Chi phí nhiên liệu  + Chi phí xếp dỡ  **Học ở lớp:**  - Sinh viên phân tích định nghĩa chi phí cố định, chi phí biến đổi, giá thành vận chuyển, giá thành luân chuyển, giá thành ngoại tệ.  - Sinh viên trình bày các vấn đề mà giảng viên giao thảo luận.  **Học ở nhà**:  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về các yếu tố ảnh hưởng giá thành vận chuyển. | X1, X3, Y |
| **Chương 4: Các bên hữu quan trong ngành vận tải biển**  4.1. Khái niệm chung các bên hữu quan trong ngành vận tải biển  4.2. Các cơ quan hữu quan liên quan trực tiếp đến ngành vận tải biển Việt Nam  4.3.Các tổ chức hàng hải quốc tế | 2 | G1.1  G2.1 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về các bên hữu quan chính trong ngành vận tải biển; chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan liên quan trực tiếp đến ngành vận tải biển Việt Nam.  - Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức hàng hải quốc tế.  - Giảng viên đưa ra một số tình huống đơn giản liên quan đến các bên hữu quan trong ngành vận tải biển và yêu cầu sinh viên giải quyết.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên trình bày về các vấn đề được giảng viên giao thảo luận.  - Sinh viên phân tích pháp luật Việt Nam và quốc tế về các bên hữu quan trong ngành vận tải biển để giải quyết các tình huống giảng viên nêu.  **Học ở nhà:**  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về các bên hữu quan khác trong ngành vận tải biển. | X1,X2,  X3, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1 | Giảng viên giao các các câu hỏi tự luận cho sinh viên. | X1 |
| **Báo cáo bài tập nhóm** | 2 | G1.1, G2.1 | Sinh viên thuyết trình về các vấn đề được giảng viên giao | X2 |
| **Chương 5: Các hình thức khai thác tàu**  5.1. Khái niệm tàu buôn  5.2. Khái niệm tàu chuyến  5.3. Khai thác tàu định chuyến  5.4. Khai thác tàu dưới hình thức cho thuê | 4 | G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về định nghĩa tàu buôn theo UNCLOS 1982; phân loại tàu buôn; đặc điểm một số loại tàu hàng khô; đặc điểm hình thức khai thác tàu chuyến, hình thức khai thác tàu chuyến, hình thức khai thác tàu định chuyến, hình thức khai thác tàu dưới hình thức cho thuê.  - Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận về:  + Ưu, nhược điểm của các hình thức khai thác tàu.  + Quyền hạn, trách nhiệm hai bên trong thuê tàu định hạn.  - Giảng viên đưa ra một số tình huống đơn giản liên quan đến các hình thức khai thác tàu và yêu cầu sinh viên giải quyết.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên trình bày về các vấn đề được giảng viên giao thảo luận.  - Sinh viên phân tích pháp luật Việt Nam và quốc tế về các hình thức khai thác tàu để giải quyết các tình huống giảng viên nêu.  **Học ở nhà:**  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về các vấn đề:  - Hàng hóa và phương tiện vận tải biển trong vận tải Liner.  - Các đặc trưng của tuyến tàu định chuyến.  - Chuẩn bị tổ chức để mở tuyến tàu định chuyến.  - Các bước công việc trong công tác khai thác tàu dưới hình thức cho thuê tàu định hạn. | X3, Y |
| **Chương 6: Tài liệu chuyến đi, giấy tờ liên quan đến hàng hóa**  6.1. Tài liệu chuyến đi  6.2. Giấy tờ liên quan đến hàng hóa | 4 | G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về kế hoạch chuyết đi, lịch chạy tàu, bản hướng dẫn của công ty vận tải biển về tuyến đường tàu chạy; nội dung, ý nghĩa của các giấy tờ liên quan đến hàng hóa.  - Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận về:  + Nội dung Báo cáo chuyến đi của thuyền trưởng, Báo cáo của đại lý tàu.  + So sánh vận đơn và biên lai thuyền phó.  - Giảng viên đưa ra một số tình huống đơn giản liên quan đến vận đơn đích danh, vận đơn theo lệnh và yêu cầu sinh viên giải quyết.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên trình bày về các vấn đề được giảng viên giao thảo luận.  - Sinh viên phân tích pháp luật Việt Nam và quốc tế về vận đơn để giải quyết các tình huống giảng viên nêu.  **Học ở nhà:**  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về nội dung của một số mẫu giấy tờ liên quan đến hàng hóa. | X3, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1  G1.2 | Giảng viên giao các các câu hỏi tự luận cho sinh viên. | X3 |
| **Chương 7: Tính chất và giới hạn một số công tác phục vụ tàu và hàng**  7.1. Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải  7.2. Công tác giao nhận hàng hóa | 4 | G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về khái niệm đại lý tàu biển, khái niệm môi giới hàng hải, một số thuật ngữ sử dụng khi tính toán thời gian làm hàng, các cách tính thời gian làm hàng, nguyên tắc thưởng/ phạt.  - Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận về sự khác nhau giữa đại lý tàu biển và môi giới hàng hải.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên trình bày về vấn đề giảng viên giao thảo luận.  - Sinh viên lấy và phân tích ví dụ về việc sử dụng các thuật ngữ khi tính toán thời gian làm hàng và về 03 cách tính thời gian làm hàng, các nguyên tắc thưởng phạt.  **Học ở nhà:**  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về công tác bảo quản và vận chuyển hàng hóa, công tác hoa tiêu, công tác lai đẩy hỗ trợ tàu. | Y |
| **Chương 8: Một số loại hợp đồng liên quan đến vận tải biển**  8.1. Hợp đồng mua bán ngoại thương  8.2. Đơn lưu khoang  8.3. Hợp đồng thuê tàu | 6 | G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên thuyết giảng về khái niệm hợp đồng mua bán ngoại thương, điều kiện cơ sở giao hàng Incoterms 2000 và Incoterms 2010 (cấu trúc, sửa đổi, bổ sung).  - Giảng viên chia sinh viên thành các nhóm thảo luận về các vấn đề:  + Điều kiện FOB, CIF Incoterms 2010  + Định nghĩa và nội dung đơn lưu khoang  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên tìm hiểu hợp đồng thuê tàu chuyến, hợp đồng thuê tàu định hạn/trần, hợp đồng thuê tàu chuyến theo mẫu GENCON.  - Giảng viên đưa ra một số tình huống đơn giản liên quan đến các điều kiện cơ sở giao hàng dùng cho vận tải biển và yêu cầu sinh viên giải quyết.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên trình bày về vấn đề giảng viên giao thảo luận và các vấn đề được giảng viên hướng dẫn tìm hiểu.  - Sinh viên phân tích các điều kiện cơ sở giao hàng dùng cho vận tải biển để giải quyết các tình huống giảng viên nêu.  **Học ở nhà:**  Trên cơ sở câu hỏi định hướng được giao,sinh viên tự nghiên cứu và trình bày về điều khoản DAT, DAP Incoterms 2010; hợp đồng thuê tàu định hạn theo mẫu “BALTIME 1939” và thuê tàu trần theo mẫu “BARECON 1989/2001”. | Y |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGTS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Đỗ Thị Khánh Ngọc** |

**5.55. Khởi nghiệp sáng tạo Mã HP: 28253**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Quản trị kinh doanh | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 28 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Học phần Khởi nghiệp sáng tạo diễn giải các kiến thức: lập kế hoạch, phát triển ý tưởng, sáng tạo và chấp nhận rủi ro. Từ đó khuyến khích người học tham gia vào kinh doanh với vai trò nhân viên hoặc chủ sở hữu.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] TS. Mai Khắc Thành (2015). *Khởi sự doanh nghiệp,* Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2 Tài liệu tham khảo***

[1] Huỳnh Thanh Điền (2018). *Quản trị công ty khởi nghiệp*, Nhà xuất bản Thế giới

[2] Brant Cooper, Patrick Vlaskovits (2019). *Doanh nhân khởi nghiệp tinh gọn.* Nhà xuất bản Tài chính

[3] Muhammad Mashhood Alam (2021). *Tư duy thiết kế cho khởi nghiệp và lãnh đạo*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia

[4] Dan Senor, Saul Singer (2014). *Quốc gia khởi nghiệp: Câu chuyện về nền kinh tế thần kỳ của Israel*, Nhà xuất bản Thế giới

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Diễn giải được việc xây dựng các ý tưởng khởi nghiệp, phát triển dự án khởi nghiệp dựa trên những thế mạnh của bản thân và nhu cầu thị trường. |  |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| **G1.1** | Giải thích về tầm quan trọng của khởi nghiệp đối với nền kinh tế trong bối cảnh phức tạp và thay đổi liên tục hiện nay. | **IT2** |
| **G1.2** | Giải thích được các khái niệm về đổi mới sáng tạo, các phương pháp tư duy sáng tạo. | **T2** |
| **G1.3** | Giải thích được tư duy khởi nghiệp sáng tạo và các kỹ năng cần thiết trong khởi nghiệp sáng tạo. | **T2** |
| **G1.4** | So sánh được các ví dụ thành công và không thành công của khởi nghiệp từ nhiều quan điểm bao gồm cả doanh nghiệp nhỏ, khởi nghiệp công nghệ, tổ chức lớn, dự án kinh doanh mạo hiểm và DN xã hội. | **U2** |
| **G1.5** | Trình bày bản kế hoạch kinh doanh từ việc phát hiện các ý tưởng kinh doanh sáng tạo | **TU2** |
| **G1.6** | Mô tả kế hoạch huy động vốn cho khởi nghiệp | **TU2** |
| **G1.7** | Mô tả được các thủ tục pháp lý để thành lập mô hình kinh doanh | **T2** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| X. Đánh giá quá trình | X1: điểm chuyên cần |  | 5% |
| X2: điểm bài KTTC (X2.1, X2.2) | G1.2- G1.5 | 30% |
| X3: điểm bài tập nhóm | G1.5 - G1.6 | 15% |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1 – G1.7 | 50% |

X = 0,1X1 + 0,6X2 + 0,3X3

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0,5X + 0,5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG 1: ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**  1.1. Bản chất của đổi mới sáng tạo  1.2. Tư duy sáng tạo  1.3. Sáng tạo là con đường ngắn nhất dẫn đến thành công  1.4. Các cấp độ tư duy sáng tạo  1.5. Rào cản đối với tư duy sáng tạo  1.6. Các phương pháp tư duy sáng tạo | 6 | G1.1, G1.2 | **Dạy**: Giảng dạy lý thuyết mục 1.1  **Học ở lớp:** Nghe giảng, ghi chép, phát biểu ý kiến | Y |
| **CHƯƠNG 2: TƯ DUY KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO**  2.1. Khởi sự kinh doanh  *2*.2. Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo  **Kiểm tra tư cách** | 6 | G1.3 | **Dạy:** Giảng dạy lý thuyết chương 2  **Học ở lớp** :Nghe giảng, ghi chép, phát biểu ý kiến | X2.1, Y |
| **CHƯƠNG 3. Ý TƯỞNG KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO**  3.1. Các khải niệm cơ bản  3.2 Tư duy khởi nghiệp sáng tạo  3.3 Các giai đoạn triển khai ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo  **Kiểm tra tư cách** | 8 | G1.4  G1.5 | **Dạy:** Giảng dạy lý thuyết chương 2  **Học ở lớp :** Nghe giảng, ghi chép, phát biểu ý kiến  Làm bài tập cá nhân | X2.2, X3, Y |
| **CHƯƠNG 4. HUY ĐỘNG VỐN CHO KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO**  4.1. Các nguồn tài chính cho khởi nghiệp  4.2. Kỹ năng thuyết trình gọi vốn | 6 | G1.6 | **Dạy:** Giảng dạy lý thuyết chương 3  **Học ở lớp** :Nghe giảng, ghi chép, phát biểu ý kiến  Làm bài tập cá nhân | X3, Y |
| **CHƯƠNG 5. TRIỂN KHAI THỦ TỤC PHÁP LÝ THÀNH LẬP**  5.1. Lựa chọn hình thức pháp lý  5.2. Thủ tục pháp lý để có thể hoạt động  5.3. Đặt tên mô hình kinh doanh  5.4. Kiểm tra lại toàn bộ kế hoạch | 4 | G1.7 | **Dạy**: Giảng dạy lý thuyết chương 3  **Học ở lớp** :Nghe giảng, ghi chép, phát biểu ý kiến  Làm bài tập cá nhân | X3, Y |

**5.56. PL phòng chống vận chuyển trái phép ĐVHD bằng đường biển Mã HP: 11479**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 27 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 03 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Pháp luật phòng chống vận chuyển trái phép động vật hoang dã bằng đường biển là học phần tự chọn của chương trình đào tạo ngành Luật. Thông qua học phần, sinh viên được học những kiến thức lý luận cơ bản về: ĐVHD, bảo vệ ĐVHD, hậu quả của hành vi săn bắt, vận chuyển trái phép ĐVHD, các cơ quan tổ chức bảo vệ ĐVHD, các Công ước quốc tế về bảo vệ ĐVHD và pháp luật Việt nam về lĩnh vực này; Tính cấp thiết và tầm quan trọng của việc ngăn ngừa vận chuyển trái phép ĐVHD trên một số tuyến đường biển về cảng biển của Việt Nam.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Luật Hàng hải. *Tài liệu học tập Pháp luật phòng chống vận chuyển trái phép động vật hoang dã bằng đường biển*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Tim Wittig (2020). *Special analysis: How will COVID-19 impact global wildlife trafficking?,* Basel Institute on Governance - United for Wildlife.

[2] Monica Zavagli (2021), *Red Flag Indicators: for wildlife and timber trafficking in containerized sea cargo*. WWF. https://www.traffic.org/publications/reports/how-to-spot-the-warning-signs-of-wildlife-crime-in-the-maritime-industry/

[3] IUCN (1975). *Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora (CITES)*, https://cites.org/eng/disc/what.php

[4] IMO (2022), *FAL.5/Circ.50. IMO Guidelines for the prevention and suppression of the smuggling of wildlife on ships engaged in international maritime traffic*.

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Phân tích các quy định pháp luật về ngăn ngừa vận chuyển động vật hoang dã, nguy cấp quý hiếm bằng đường biển. |  |
| **G2** | Tự tổ chức được nhóm nhỏ có phân công nhiệm vụ của các thành viên giải quyết vấn đề giảng viên đặt ra cho nhóm. |  |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phân tích các quy định pháp luật quốc tế về ngăn ngừa vận chuyển động vật hoang dã, nguy cấp quý hiếm bằng đường biển. | TU4 |
| **G1.2** | Phân tích các quy định pháp luật Việt nam về ngăn ngừa vận chuyển động vật hoang dã, nguy cấp quý hiếm bằng đường biển. | TU4 |
| **G2.1** | Tự tổ chức được nhóm nhỏ có phân công nhiệm vụ của các thành viên giải quyết vấn đề về thực trạng vận chuyển động vật hoang dã trên các tuyến đường biển quốc tế | U3 |
| **G2.2** | Tự tổ chức được nhóm nhỏ có phân công nhiệm vụ của các thành viên giải quyết vấn đề về thực trạng vận chuyển động vật hoang dã trên các tuyến đường biển có liên quan tới cảng biển của Việt nam | U3 |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G1.2 | 25 |
| X2 – Thuyết trình bài tập nhóm | G1.1, G1.2 | 25 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận | G1.1, G1.2 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Tổng quan về ĐVHD và thực trạng buôn bán, vận chuyển trái phép ĐVHD bằng đường biển**  1.1. Khái niệm về ĐVHD và bảo tồn ĐVHD  1.2. Thực trạng hoạt động khai thác trái phép ĐVHD  1.3. Thực trạng buôn bán, vận chuyển trái phép ĐVHD bằng đường biển và các tác động của hoạt động buôn bán, vận chuyển trái phép ĐVHD bằng đường biển  1.4. Tổng quan về hoạt động bảo vệ ĐVHD | 7 | G1.1, G1.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết  + Khái niệm về ĐVHD, bảo vệ ĐVHD theo quy định của Công ước quốc tế và pháp luật quốc gia  + Vai trò, ý nghĩa của việc bảo vệ ĐVHD, nỗ lực của Việt nam và các quốc gia trên thế giới để bảo vệ ĐVHD  + Thực trạng về hoạt động săn bắt, buôn bán và vận chuyển trái phép ĐVHD trên thế giới và hệ quả của các hành vi vi phạm pháp luật đó  - Giảng viên giao cho sinh viên các câu hỏi ngắn, đơn giản liên quan tới ĐVHD, bảo vệ ĐVHD, buôn bán vận chuyển ĐVHD, vai trò của ĐVHD, hậu quả của việc vận chuyển trái phép ĐVHD  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên phân tích lý thuyết và trả lời các câu hỏi được giao  - Sinh viên trình bày được các nội dung cơ bản có liên quan tới ĐVHD  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự nghiên cứu những loài động vật hoang dã, quý hiếm có tỉ lệ bị vận chuyển nhiều nhất bằng đường biển | X1, Y |
| **Chương 2. Công ước quốc tế về bảo vệ động vật hoang dã**  2.1. Các công ước quốc tế về bảo vệ ĐVHD  2.2. Công ước quốc tế về vận chuyển hàng hóa bằng đường biển | 7 | G1.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về những nội dung cơ bản của các Công ước quốc tế về bảo vệ ĐVHD, Công ước quốc tế về vận chuyển hàng hóa bằng đường biển  - Giao tình huống, câu hỏi đơn giản và hướng dẫn sinh viên phân tích kiến thức lý thuyết và căn cứ pháp lý phù hợp để xác định hành vi vi phạm pháp luật quốc tế về bảo vệ ĐVHD  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên trình bày được nội dung cơ bản của Công ước quốc tế về bảo vệ ĐVHD, Công ước về vận chuyển hàng hóa bằng đường biển  **-** Thông qua thảo luận nhóm, trên cơ sở phân tích nội dung của các quy định cảu Công ước quốc tế và các thông tin thực tiễn tự tìm hiểu, sinh viên trả lời các câu hỏi đơn giản và các tình huống đã được giao  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự tìm hiểu về thực trạng tham gia các Công ước quốc tế về bảo vệ ĐHVD của Việt nam | X1, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.2 G1.1 | - Giảng viên giao các câu hỏi kiểm tra  - Sinh viên trả lời câu hỏi kiểm tra | X1 |
| **Chương 3. Pháp luật Việt Nam về bảo vệ ĐVHD**  3.1. Pháp luật Việt Nam về bảo vệ ĐVHD  3.2. Thực trạng thực thi Công ước quốc tế về bảo vệ ĐVHD ở Việt Nam  3.3. Chế tài xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD  3.4. Một số lưu ý đối với việc xử lý các vi phạm liên quan đến buôn bán, vận chuyển trái phép ĐVHD bằng đường biển | 6 | G1.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về các quy định của pháp luật Việt nam hiện hành về bảo vệ ĐVHD nói chung và ngăn ngừa hoạt động vận chuyển trái phép ĐVHD bằng đường biển nói riêng  - Đánh giá việc tham gia các Công ước quốc tế và tình hình thực thi tại Việt nam  - Các quy định của pháp luật Việt nam về chế tài xử lý đối với vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD  - Giao cho sinh viên các câu hỏi ngắn, tình huống đơn giản về xử lý các vi phạm có liên quan tới buôn bán, vận chuyển, tàng trữ ĐVHD hoặc các sản phẩm của ĐVHD  **Học ở lớp:**  - Thông qua làm việc nhóm, sinh viên phân tích các quy định của pháp luật Việt nam để trả lời các câu hỏi được giao.  **-** Sinh viên trình bày được những quy định cơ bản của Việt nam về bảo vệ ĐVHD, việc tham gia và thực thi các Công ước quốc tế, các quy định về xử ý vi phạm về vận chuyển trái phép ĐVHD  **Học ở nhà:**  Sinh viên tự tìm hiểu thực tế xử lý vi phạm về vận chuyển trái phép ĐVHD thông qua một số vụ án điển hình | X1, Y |
| **Chương 4. Phòng, chống buôn bán, vận chuyển trái phép ĐVHD bằng đường biển**  4.1. Các dấu hiệu nhận biết về buôn bán, vận chuyển trái phép ĐVHD bằng đường biển  4.2. Chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong phòng, chống buôn bán, vận chuyển trái phép ĐVHD bằng đường biển  4.3. Phối hợp của các cơ quan, đơn vị trong phòng, chống buôn bán, vận chuyển trái phép ĐVHD bằng đường biển  4.4. Hợp tác quốc tế trong phòng, chống buôn bán, vận chuyển trái phép ĐVHD bằng đường biển | 7 | G2.1  G2.2 | **Dạy:**  - Giảng viên phân tích các nội dung lý thuyết về:  + Những dấu hiệu nhận biết về buôn bán, vận chuyển trái phép ĐVHD bằng đường biển;  + Chức năng nhiệm vụ cửa các cơ quan Nhà nước, các đơn vị, doanh nghiệp trong nhiệm vụ phòng chống buôn bán, vận chuyển ĐVHD bằng đường biển và sự phối hợp hoạt động của những cơ quan đó;  + Hợp tác quốc tế về phòng ngừa buôn bán, vận chuyển ĐVHD bằng đường biển.  - Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu những dấu hiệu nhận biết vận chuyển trái phép ĐVHD bằng đường biển thông qua một số vụ án điển hình tại một số cảng biển của Việt nam  - Giao cho sinh viên những câu hỏi tình huống đơn giản có liên quan tới vận chuyển trái phép ĐVHD bằng đường biển  **Học ở lớp:**  - Trên cơ sở phân tích quy định pháp luật, phân tích những tình huống thực tế sinh viên trả lời câu hỏi được giao.  **-** Sinh viên trình bày được những nội dung cơ bản liên quan tới những dấu hiệu nhận biết việc buôn bán, vận chuyển trái phép ĐVHD bằng đường biển, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, sự kết hợp hành động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp tác quốc tế.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên tự tìm hiểu những vụ án vận chuyển ĐVHD bằng đường biển về cảng biển Hải Phòng, cảng Tiên Sa và cảng Bà Rịa – Vũng Tàu | X2, Y |
| **Bài tập nhóm** | 2 | G1.1  G1.2  G2.1  G2.2 | Giảng viên giao các chuyên đề, hướng dẫn và đánh giá  Sinh viên làm việc nhóm để giải quyết các chuyên đề | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGTS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **TS. Nguyễn Văn Trưởng** |

**5.57. Giải quyết tranh chấp hàng hải Mã HP: 11490**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***3 TC | | | **BTL** | | **X** | **ĐAMH** | |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Bộ môn Luật Hàng hải | | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | | | - Lý thuyết (LT): | | | 29 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 15 tiết | |  | | | - Kiểm tra (KT): | | | 01 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Giải quyết tranh chấp hàng hải là học phần thuộc khối kiến thức tự chọn của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh doanh. Thông qua học phần, sinh viên được học những kiến thức: Tổng quan về tranh chấp hàng hải; những tranh chấp liên quan đến hoạt động của tàu biển; phương thức giải quyết tranh chấp hàng hải; hồ sơ phục vụ giải quyết tranh chấp hàng hải.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] Nguyễn Kim Phương, Nguyễn Thành Lê (2017). *Những vấn đề pháp lý về tranh chấp hàng hải*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Bùi Thanh Sơn, Đỗ Văn Quang (2011). *Pháp luật Hàng hải 1*, Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng*.*

[2] Trần Anh Tuấn chủ biên (2017). *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng dân sự của nước CHXHCN Việt Nam năm 2015*, Nhà xuất bản Tư pháp

[3] Quốc hội (2010). *Luật Trọng tài thương mại*

[4] Quốc hội (2015). *Bộ luật Hàng hải Việt Nam*

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Phán xét các khả năng xảy ra của tình huống tranh chấp hàng hải và bình luận về chủ đề chính của vụ tranh chấp hàng hải |  |
| **G2** | Phối hợp các kỹ năng phân loại và sắp xếp, phản biện và tư duy hệ thống để tìm ra giải pháp khoa học nhất cho vụ tranh chấp hàng hải |  |
| **G3** | Phối hợp các thủ tục nội bộ, quy trình tư vấn khách hàng và các hành động với các bên liên quan để giải quyết vụ tranh chấp hàng hải theo lựa chọn của khách hàng. |  |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Phán xét các khả năng xảy ra trong tình huống tranh chấp hàng hải | **TU5** |
| **G1.2** | Bình luận về chủ đề chính của vụ tranh chấp hàng hải để làm cơ sở tìm ra giải pháp. | **TU5** |
| **G2.1** | Phối hợp các kỹ năng phân loại theo tính chất và kỹ năng sắp xếp theo thứ tự thời gian để có cái nhìn toàn cảnh, đa chiều về vụ tranh chấp hàng hải | **TU4** |
| **G2.2** | Phối hợp kỹ năng phản biện và kỹ năng tư duy hệ thống để tìm ra giải pháp khoa học nhất cho vụ tranh chấp hàng hải | **TU4** |
| **G3.1** | Phối hợp các thủ tục nội bộ, quy trình tư vấn khách hàng và các hành động với các bên liên quan để giải quyết vụ tranh chấp hàng hải theo lựa chọn của khách hàng. | **U4** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X. Đánh giá quá trình | X1 – Kiểm tra viết tự luận | G1.1, G2.1 | 20 |
| X2 – Bài tập lớn | G1.2, G2.2 | 30 |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Y – Thi viết tự luận | G1.1, G1.2, G2.1, G2.2 | 50 |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG**  **GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Tổng quan về tranh chấp hàng hải**  1.1. Khái niệm tranh chấp hàng hải  1.2. Phân loại tranh chấp hàng hải  1.3. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp hàng hải  1.4. Khái niệm khiếu nại hàng hải  1.5. Phân loại khiếu nại hàng hải  1.6. Thời hạn khiếu nại và thời hiệu khởi kiện trong giải quyết tranh chấp hàng hải  1.7. Gian lận hàng hải | 7 | G1.1, G2.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích lý thuyết và đặt câu hỏi cho sinh viên về tranh chấp hàng hải, khiếu nại hàng hải.  - Giảng viên tổ chức nhóm và giao tài liệu, câu hỏi để sinh viên tìm hiểu về thời hạn khiếu nại và thời hiệu khởi kiện.  - Giảng viên giao tình huống và các câu hỏi định hướng về gian lận hàng hải để sinh viên tự nghiên cứu  **Học ở lớp:**  - Sinh viên trả lời câu hỏi về tranh chấp hàng hải và khiếu nại hàng hải  - Thông qua làm việc nhóm và nghiên cứu tài liệu, sinh viên xác định số ngày của thời hạn và thời hiệu.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên nghiên cứu vụ việc gian lận hàng hải được giao và trả lời các câu hỏi định hướng. | X1, Y |
| **Kiểm tra** | 1 | G1.1  G2.1 | - Giảng viên giao câu hỏi cho sinh viên.  - Sinh viên làm bài tập theo cá nh | X1 |
| **Chương 2. Những tranh chấp liên quan đến hoạt động của tàu biển**  2.1. Tranh chấp liên quan đến hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển  2.2. Tranh chấp về cước phí và thanh toán cước phí  2.3. Tranh chấp liên quan đến hợp đồng thuê tàu  2.4. Tranh chấp liên quan đến bảo hiểm hàng hải  2.5. Tranh chấp liên quan đến đam va tàu  2.6. Tranh chấp liên quan đến bắt giữ tàu  2.7. Tranh chấp liên quan đến dịch vụ hàng hải | 8 | G1.2  G2.2 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích lý thuyết và đặt câu hỏi cho sinh viên về từng loại tranh chấp liên quan đến hoạt động của tàu biển.  - Giảng viên tổ chức nhóm và giao hơp đồng thuê tàu, câu hỏi để sinh viên tìm hiểu về các điều khoản thường gây tranh cãi trong hợp đồng.  - Giảng viên tổ chức nhóm thực hiện bài tập nhóm, giao đề tài và hướng dẫn.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên trả lời câu hỏi về tranh chấp hàng hải và khiếu nại hàng hải  - Thông qua làm việc nhóm và nghiên cứu hợp đồng, sinh viên phân loại tình tiết theo tính chất và sắp xếp theo thứ tự thời gian để có cái nhìn toàn cảnh, đa chiều về vụ tranh chấp hàng hải, từ đó phán xét các khả năng xảy ra trong tranh chấp hàng hải  **Học ở nhà:**  - Sinh viên làm việc theo nhóm nghiên cứu và thực hiện đề tài bài tập nhóm | X2, Y |
| **Chương 3. Phương thức giải quyết tranh chấp hàng hải**  3.1. Phương thức giải quyết bằng thương lượng  3.2. Phương thức giải quyết bằng hòa giải  3.3. Phương thức giải quyết bằng tòa án  3.4. Thủ tục giải quyết tranh chấp theo quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam – VIAC, so sánh với thủ tục của Trung tâm Trọng tài quốc tế Singapore - SIAC | 7 | G1.2, G2.2, G3.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích lý thuyết và đặt câu hỏi cho sinh viên về các phương thức giải quyết tranh chấp hàng hải.  - Giảng viên tổ chức nhóm và giao tình huống, câu hỏi để sinh viên tìm hiểu về các yếu tố lựa chọn phương thức giải quyết, xác định bên khách hàng để hoạch định chiến lược.  **Học ở lớp:**  - Sinh viên trả lời câu hỏi để phân biệt các phương thức giải quyết tranh chấp và đánh giá ưu điểm, nhược điểm của từng phương thức.  - Thông qua làm việc nhóm và nghiên cứu tình huống, sinh viên đánh giá khả năng áp dựng các phương thức giải quyết tranh chấp, xác định bên khách hàng để hoạch định chiến lược.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên làm việc theo nhóm nghiên cứu và thực hiện đề tài bài tập nhóm | X2, Y |
| **Chương 4. Lập hồ sơ giải quyết tranh chấp hàng hải**  4.1. Chứng cứ và phương pháp thu thập chứng cứ trong giải quyết tranh chấp hàng hải  4.2. Kỹ năng lập hồ sơ giải quyết tranh chấp hàng hải, kỹ năng viết đơn khởi kiện và bản tự bảo vệ  4.3. Kỹ năng trình bày trước phiên xét xử | 7 | G1.2, G2.2, G3.1 | **Dạy**:  - Giảng viên phân tích lý thuyết và đặt câu hỏi cho sinh viên về các phương thức giải quyết tranh chấp hàng hải.  - Giảng viên tổ chức nhóm và giao tình huống, câu hỏi để sinh viên viết đơn với những nội dung cần thiết để khiếu nại  **Học ở lớp:**  - Sinh viên trả lời câu hỏi để phân biệt các phương thức giải quyết tranh chấp và đánh giá ưu điểm, nhược điểm của từng phương thức.  - Thông qua làm việc nhóm và nghiên cứu tình huống, sinh viên phối hợp các thủ tục nội bộ, quy trình tư vấn khách hàng và các hành động với các bên liên quan để viết đơn khiếu nại đáp ứng yêu cầu của khách hàng và vụ việc.  **Học ở nhà:**  - Sinh viên làm việc theo nhóm nghiên cứu và thực hiện đề tài bài tập nhóm | X2, Y |
| **Bài tập lớn** | 15 | G1.2, G2.2, G3.1 | **Dạy:**  **-** Giảng viên giao các tình huống và câu hỏi về:  - Tranh chấp liên quan đến hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển;  - Tranh chấp về cước phí và thanh toán cước phí;  - Tranh chấp liên quan đến hợp đồng thuê tàu;  - Tranh chấp liên quan đến bảo hiểm hàng hải;  - Tranh chấp liên quan đến đam va tàu;  - Tranh chấp liên quan đến bắt giữ tàu;  - Tranh chấp liên quan đến dịch vụ hàng hải  **Học ở lớp:**  **-** Sinh viên đặt câu hỏi cho giảng viên về nội dung bài tập lớn và nhận giải đáp.  - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc.  **Học ở nhà:**  **-** Thông qua làm việc nhóm, sinh viên nghiên cứu vụ việc và các quy định pháp luật để: phân loại vụ tranh chấp, lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp, chuẩn bị phần trình bày vụ việc theo yêu cầu. | X2 |

***11. Ngày phê duyệt:*** *...../....../......*

***12. Cấp phê duyệt:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGTS. Nguyễn Mạnh Cường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Nguyễn Thành Lê** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Lê Kim Phúc** |

**5.58. Kỹ năng mềm 2 Mã HP: 29102**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:*** *2* TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***IMET | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 24 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 06 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Kỹ năng mềm 2 là học phần thuộc khối kiến thức tự chọn. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về việc xác định mục tiêu nghề nghiệp, cách thức xây dựng một bộ hồ sơ hoàn chỉnh nhằm gây ấn tượng với nhà tuyển dụng, nắm được kỹ năng trả lời phỏng vấn đạt hiệu quả cao; đồng thời có khả năng quản lý tốt công việc của bản thân.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Tài liệu học tập***

[1] Bộ môn Kỹ năng mềm (2023). *Tài liệu học tập*, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

[2] Trường Đại học Văn Hiến. *Bài giảng Kỹ năng viết CV và phỏng vấn việc làm*.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Richard Templar (2009). *Những quy tắc trong công việc*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.

[2] Tiêu Yến Trinh (2016). *Cẩm nang việc làm*, Nhà xuất bản Thanh niên.

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Trình bày được mục tiêu nghề nghiệp cho bản thân, các cách quản lý công việc hiệu quả. |  |
| **G2** | Hoàn thành bộ hồ sơ ứng tuyển và thể hiện năng lực cá nhân khi tham gia phỏng vấn tuyển dụng. |  |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Giải thích được các kiến thức về thị trường lao động, mục tiêu nghề nghiệp cá nhân, cách quản lý công việc hiệu quả. | **TU2** |
| **G2.1** | Hoàn thành bộ hồ sơ ứng tuyển cá nhân theo một vị trí công việc cụ thể. | **TU3** |
| **G2.2** | Thể hiện được cách trả lời câu hỏi ấn tượng, hiệu quả trong bối cảnh buổi phỏng vấn tuyển dụng. | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ** |
| --- | --- | --- | --- |
| X. Đánh giá quá trình | X1: Điểm đánh giá số 1: Kiểm tra bộ hồ sơ ứng tuyển cá nhân theo một vị trí công việc cụ thể | G2.1 | 25% |
| X2: Điểm đánh giá số 2: Kiểm tra vấn đáp trả lời câu hỏi phỏng vấn | G2.2 | 25% |
| Y. Đánh giá cuối kỳ | Thi trắc nghiệm và tự luận | G1.1  G2.1  G2.2 | 50% |

Điểm đánh giá học phần:

Z = 0.5X + 0.5Y

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1: Xác định mục tiêu nghề nghiệp**  1.1. Đánh giá nhu cầu của thị trường lao động về các nhóm ngành nghề  1.2. Xác định ngành nghề phù hợp với bản thân | 04 | G1.1 | **Dạy:**  - Làm quen với SV, giới thiệu mục tiêu môn học, các quy định trong lớp học, phương pháp học tập hiệu quả, phương pháp đánh giá và tài liệu tham khảo.  - Giảng dạy lý thuyết theo tài liệu học tập.  - Giảng viên cung cấp một số mẫu bài test nhằm đánh giá mức độ phù hợp của sinh viên với ngành nghề.  **Học ở lớp:**Sinh viên nghe giảng, thảo luận và ghi chú các vấn đề trọng tâm.  **Học ở nhà:** Sinh viên thực hiện các bài test, qua đó nhận định lại mức độ phù hợp của bản thân với công việc. | Y |
|  |
| **Chương 2: Kỹ năng lập hồ sơ ứng tuyển**  2.1. Tổng quan về bộ hồ sơ  ứng tuyển; Cách thức viết Đơn ứng tuyển, CV, thiết kế bộ hồ sơ.  2.1. Hoàn thiện hồ sơ dự tuyển, những vấn đề cần lưu ý trong quá trình viết CV và CL.  2.2 Các bước gửi hồ sơ ứng tuyển trực tiếp và trực tuyến cho nhà tuyển dụng  2.3. Kiểm tra bộ hồ sơ ứng tuyển | 12 | G2.1 | **Dạy:**  - Giảng dạy lý thuyết theo tài liệu học tập.  - Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách thức viết Đơn ứng tuyển, CV, thiết kế bộ hồ sơ.  **Học ở lớp:**  *-* Sinh viên nghe giảng và ghi lại cách thức trình bày bộ hồ sơ.  *-* Sinh viên thực hành viết Đơn ứng tuyển, CV, thiết kế bộ hồ sơ.  **Học ở nhà***:* Sinh viên hoàn thiện bộ hồ sơ ứng tuyển | X1  Y |
|  |
| **Chương 3: Kỹ năng tham gia phỏng vấn**  3.1. Các bước chuẩn bị cho buổi phỏng vấn (hình thức, tác phong, tâm lý, nội dung trả lời phỏng vấn…)  3.2. Các dạng câu hỏi của nhà tuyển dụng và cách thức trả lời.  3.4. Kiểm tra phỏng vấn | 10 | G2.2 | **Học ở lớp:**  *-* Sinh viên nghe giảng và ghi chú các vấn đề trọng tâm.  *-* Sinh viên chia thành các nhóm nhỏ thực hành tham gia trả lời phỏng vấn.  **Học ở nhà:** Sinh viên tìm thêm các dạng câu hỏi phỏng vấn, lưu ý về cách thức trả lời | X2  Y |
| **Chương 4: Kỹ năng quản lý công việc**  4.1. Kỹ năng sắp xếp công việc, quản lý thời gian hiệu quả  4.2. Văn hóa giao tiếp nơi công sở | 04 | G1.1 | **Dạy:**  - Giảng dạy lý thuyết theo tài liệu học tập.  - Giảng viên đưa ra các tình huống thực tế trong công việc.  **Học ở lớp:**  *-* Sinh viên nghe giảng và ghi lại cách thức quản lý công việc hiệu quả.  **Học ở nhà:**  -Tìm hiểu về cách thức sắp xếp thời gian hiệu quả trong học tập. | Y |

**5.59. Bơi lội Mã HP: 27101**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:*** *1* TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Trung tâm Giáo dục thể chất hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 0 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 30 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 0 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết học phần*:** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Bơi lội là học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục thể chất. Học phần này cung cấp người học các kiến thức về luật bơi lội, phương pháp tổ chức, phòng ngừa chấn thương, phòng chống đuối nước và động tác kỹ thuật bơi lội.

1. ***Nguồn tài liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] Nguyễn Văn Trạch, Nguyễn Đức Chương, Ngô Xuân Viện, Lã Kim Thanh (2011). *Giáo trình Bơi lội*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao Hà Nội.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Nguyễn Văn Trạch, Nguyễn Toán (1996). *Bơi lội*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao Hà Nội.

[2] Trần Văn Nhật (2010). *Bài giảng môn Bơi lội - Dùng cho sinh viên Đại học Hàng hải Việt Nam*, Nhà xuất bản Hàng hải.

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Thực hiện chính xác động tác kỹ thuật bơi lội. | 2.1.2 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Mô tả CĐR [2]** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| **G1.1** | Thực hiện chính xác động tác khởi động chung và chuyên môn và kỹ thuật bơi ếch. | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X: Đánh giá quá trình | X2: Đánh giá chất lượng năng lực | G1.1 | 100% |

- Sinh viên cần tuân thủ nghiêm túc các nội quy, quy định của nhà trường, của Trung tâm.

- Sinh viên nhận Đạt của học phần với điều kiện:

+ Tham dự học tập trên lớp X1 ≥ 75% số tiết của học phần

+ Tham gia bài kiểm tra X2

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giới thiệu môn học:** Mục đích, ý nghĩa và tác dụng của bơi lội; Lịch sử hình thành và phát triển bơi lội. | 1 |  | **Hoạt động dạy**: Giới thiệu cơ bản về học phần: vị trí, mục tiêu, nội dung, đánh giá, tài liệu học tập, cần yêu cầu trong quá trình học tập.  - Giới thiệu về đặc điểm và lịch sử phát triển của môn bơi lội  **Hoạt động học**: theo dõi nội dung giảng viên hướng dẫn, đặt câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc cần tìm hiểu thêm. |  |
| **Chương 1: Hình thành kỹ thuật bơi ếch** | 16 |  | **Hoạt động dạy**:  - Giảng dạy yếu lĩnh kỹ thuật của động tác;.  - Thực hành làm mẫu động tác kỹ thuật.  - Phân tích một số sai lầm thường mắc khi thực hiện kỹ thuật và cách khắc phục;  - Các bài tập ứng dụng thực tiễn;  - Đặt các tình huống cụ thể đối với sinh viên.  **Hoạt động học**:  - Theo dõi nội dung giảng viên hướng dẫn.  - Tập luyện và điều chỉnh theo năng lực cá nhân;  - Tự đối chiếu và so sánh theo nhóm tập luyện;  - Thực hiện bài tập ứng dụng và tự đánh giá khả năng.  - Trao đổi, hỏi ý kiến về kỹ thuật với giảng viên. | X2 |
| 1.1. Khởi động chung và khởi động chuyên môn, bài tập làm quen với môi trường nước. | 4 | G1.1 |
| 1.2. Kỹ thuật động tác chân. | 4 | G1.1 |
| 1.3. Kỹ thuật động tác tay phối hợp thở. | 4 | G1.1 |
| 1.4. Kỹ thuật chân, tay phối hợp thở (phối hợp toàn bộ kỹ thuật bơi ếch). | 4 | G1.1 |
| **Chương 2. Rèn luyện các tố chất thể lực** | 10 | G1.1 | **Hoạt động dạy**:  - Mục đích, tác dụng và yêu cầu của các bài tập phát triển tố chất thể lực.  - Tổ chức tập luyện các bài tập thể lực theo năng lực các nhân và nền tảng thể lực của cá nhân.  - Hồi phục và phương pháp hồi phục sau tập luyện.  - Định hướng tập luyện thương xuyên và định kỳ.  **Hoạt động học**:  - Thực hiện các phần và các giai đoạn động tác theo quy chuẩn.  - Nghiêm túc thực hiện theo đúng hướng dẫn của giảng viên.  - Phản hồi các biểu hiện và diễn biến trạng thái thể lực của mình sau mỗi bài tập, buổi tập.  - Tự đánh giá trình độ thể lực của bản thân theo yêu cầu của từng bài tập.  - Trao đổi, hỏi ý kiến giảng viên khi chưa rõ. | X2 |
| 2.1. Bài tập phát triển tố chất thể lực chung. | 3 |
| 2.2. Bài tập phát triển tố chất thể lực chuyên môn. | 4 |
| 2.3. Bài tập thể lực nâng cao. | 3 |
| **Chương 3. Luật, phương pháp tổ chức tập luyện; Phòng ngừa chấn thương và phòng chống đuối nước** | 1 | G1.1 | **Hoạt động dạy**:  - Giảng dạy và phân tích các nội dung bài học.  - Định hướng và hướng dẫn cho sinh viên phương pháp tự tổ chức tập luyện và phòng ngừa chấn thương.  - Trả lời các thắc mắc của sinh viên.  **Hoạt động học**:  - Theo dõi nội dung giảng viên hướng dẫn.  - Đặt câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc cần tìm hiểu thêm. |  |
| 3.1. Một số điều luật cơ bản về bơi lội. | 1 |
| 3.2. Phương pháp và cấu trúc của buổi tập thể dục thể thao. |
| 3.3. Phòng ngừa chấn thương và phòng chống đuối nước. |
| **Kiểm tra định kỳ và kết thúc** | 2 | G1.1 |  | X2 |

**5.60. Điền kinh Mã HP: 27102**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:*** *1* TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Trung tâm Giáo dục thể chất hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 0 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 28 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết học phần*:** Không

***5. Mô tả nội dung học phần*:**

Điền kinh là một học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục thể chất. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về lịch sử, luật, phương pháp tổ chức thi đấu, phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và động tác kỹ thuật chạy ở các cự ly khác nhau.

***6. Nguồn tài liệu:***

***6.1. Giáo trình*:**

[1] Nhóm tác giả Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh (1996), *Điền kinh*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao Hà Nội.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[1] Vũ Đức Vinh, Phạm Thị Oanh (2021), *Tài liệu tham khảo Điền kinh* - *Dùng cho sinh viên Đại học Hàng hải Việt Nam*., Nhà xuất bản Hàng hải

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Thực hiện chính xác động tác kỹ thuật điền kinh | **2.1.2** |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| **G.1.1** | Thực hiện chính xác động tác khởi động cơ bản và kỹ thuật chạy 100m ( nam, nữ), chạy 800 m (nữ) và 1500 m (nam). | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X: Đánh giá quá trình | X2: Đánh giá chất lượng năng lực | G.1.1 | 100 |

- Sinh viên cần tuân thủ nghiêm túc các nội quy, quy định của nhà trường, của Trung tâm.

- Sinh viên nhận Đạt của học phần với điều kiện:

+ Tham dự học tập trên lớp ≥ 75% số tiết của học phần

+ Tham gia bài kiểm tra X2

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giới thiệu môn học**  - Khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển, thuật ngữ cơ bản của môn điền kinh | 1 |  | **Hoạt động dạy**: Giới thiệu cơ bản về học phần: vị trí, mục tiêu, nội dung, đánh giá, tài liệu học tập, cần yêu cầu trong quá trình học tập.  - Giới thiệu về đặc điểm và lịch sử phát triển của môn điền kinh  **Hoạt động học**: theo dõi nội dung giảng viên hướng dẫn, đặt câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc cần tìm hiểu thêm. |  |
| **Chương 1: Kỹ thuật chạy cự ly 100m, chạy 800m (nữ), 1500m (nam)** | 16 |  | **Hoạt động dạy**:  - Giảng dạy yếu lĩnh kỹ thuật của động tác;.  - Thực hành làm mẫu động tác kỹ thuật.  - Phân tích một số sai lầm thường mắc khi thực hiện kỹ thuật và cách khắc phục;  - Các bài tập ứng dụng thực tiễn;  - Đặt các tình huống cụ thể đối với sinh viên.  **Hoạt động học**:  - Theo dõi nội dung giảng viên hướng dẫn.  - Tập luyện và điều chỉnh theo năng lực cá nhân;  - Tự đối chiếu và so sánh theo nhóm tập luyện;  - Thực hiện bài tập ứng dụng và tự đánh giá khả năng.  - Trao đổi, hỏi ý kiến về kỹ thuật với giảng viên. | X2 |
| 1.1. Khởi động chung và khởi động chuyên môn. | 3 | G.1.1 |
| 1.2 Kỹ thuật chạy 100m. | 6 | G.1.1 |
| 1.3. Kỹ thuật chạy 800m (Nữ), 1500m (Nam). | 7 | G.1.1 |
| **Chương 2. Rèn luyện các tố chất thể lực** | 10 | G.1.1 | - Phân tích, thị phạm các bài tập phát triển tố chất thể lực.  - Tổ chức tập luyện các bài tập thể lực theo năng lực các nhân và nền tảng thể lực của cá nhân. Tập theo phương pháp vòng tròn, chia nhóm, lần lượt…  - Hồi phục sau tập luyện.  - Định hướng tập luyện thương xuyên và định kỳ.  - Đảm bảo khối lượng và cường độ bài tập.  - Tự giác tích cực trong buổi học  - Tự đánh giá trình độ thể lực của bản thân theo yêu cầu của từng bài tập.  - Trao đổi, hỏi ý kiến giáo viên khi chưa rõ. | X2 |
| 2.1. Các bài tập phát triển sức nhanh, sức mạnh, sức bền, khéo léo, phản xạ… nhằm bổ trợ cho cự ly chay 100m, 800m (nữ), 1500m(nam). | 4 |
| 2.2. Phương pháp tự tập luyện TDTT. | 1 |
| 2.3. Các bài tập phát triển thể lực nâng cao thành tích. | 5 |
| **Chương 3. Luật - phương pháp tổ chức thi đấu và phòng ngừa chấn thương** | 1 | G.1.1 | - Giảng dạy và phân tích các nội dung bài học.  - Thuyết trình, hỏi đáp.  - Trả lời các thắc mắc của sinh viên.  - Chú ý theo dõi nội dung giảng bài học.  - Đặt câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc cần tìm hiểu thêm. |  |
| 3.1. Một số điểm về luật và phương pháp tổ chức thi đấu môn điền kinh ở phần chạy cự ly ngắn , chạy cự ly trung bình . | 1 |
| 3.3. Phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện. |
| **Kiểm tra** | 2 | G.1.1 |  | X2 |

**5.61. Thể thao hàng hải Mã HP: 27103**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:*** *1* TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Trung tâm Giáo dục thể chất hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 0 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 30 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 0 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Thể thao hàng hải là học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục thể chất. Học phần cung cấp cho người học động tác kỹ thuật vòng quay lớn, vòng quay nhỏ, cầu sóng, thang quay, dàn thể lực; các nguyên tắc an toàn, phương pháp tổ chức thi đấu và phòng ngừa chấn thương trong tập luyện.

***6. Nguồn tài liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] PGS. Nguyễn Xuân Sinh (2009). *Thể dục*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao Hà Nội.

***6.1. Tài liệu tham khảo***

[1] Phạm Văn Xưởng (2015). *Giáo án môn Thể thao hàng hải - Dùng cho sinh viên Đại học Hàng hải Việt Nam*, Nhà xuất bản Hàng hải.

[2] Phạm Văn Tuất (2016). *Hệ thống các bài tập nâng cao khả năng chịu sóng cho sinh viên trường Đại học Hàng hải Việt Nam*, Nhà xuất bản Hàng hải.

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Thực hiện chính xác động tác kỹ thuật thể thao hàng hải. | **2.1.2** |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| **G1.1** | Thực hiện chính xác động tác khởi động cơ bản và kỹ thuật vòng quay lớn, vòng quay nhỏ, cầu sóng, thang quay và dàn thể lực. | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X: Đánh giá quá trình | X2: Đánh giá chất lượng năng lực | G.1.1 | 100% |

- Sinh viên cần tuân thủ nghiêm túc các nội quy, quy định của nhà trường, của Trung tâm.

- Sinh viên nhận Đạt của học phần với điều kiện:

+ Tham dự học tập trên lớp X1 ≥ 75% số tiết của học phần

+ Tham gia bài kiểm tra X2

**10. Nội dung giảng dạy**

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giới thiệu môn học**  Lịch sử hình thành và phát triển môn Thể thao hàng hải;  Đặc điểm môn Thể thao hàng hải. | 1 |  | **Hoạt động dạy**: Giới thiệu cơ bản về học phần: vị trí, mục tiêu, nội dung, đánh giá, tài liệu học tập, cần yêu cầu trong quá trình học tập.  - Giới thiệu về đặc điểm và lịch sử phát triển của môn thể thao hàng hải  **Hoạt động học**: theo dõi nội dung giảng viên hướng dẫn, đặt câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc cần tìm hiểu thêm. |  |
| **Chương 1: Kỹ thuật cơ bản của môn Thể thao hàng hải** | 16 |  | **Hoạt động dạy**:  - Giảng dạy yếu lĩnh kỹ thuật của động tác;.  - Thực hành làm mẫu động tác kỹ thuật.  - Phân tích một số sai lầm thường mắc khi thực hiện kỹ thuật và cách khác phục;  - Các bài tập ứng dụng thực tiễn;  - Đặt các tình huống cụ thể đối với sinh viên.  **Hoạt động học**:  - Theo dõi nội dung giảng viên hướng dẫn.  - Tập luyện và điều chỉnh theo năng lực cá nhân;  - Tự đối chiếu và so sánh theo nhóm tập luyện;  - Thực hiện bài tập ứng dụng và tự đánh giá khả năng.  - Trao đổi, hỏi ý kiến về kỹ thuật với giảng viên. | X2 |
| 1.1. Khởi động chung và khởi động chuyên môn | 4 | G1.1 |
| 1.2. Kỹ thuật đi cầu sóng | 4 | G1.1 |
| 1.3. Kỹ thuật thang quay và thang gióng | 4 | G1.1 |
| 1.4. Kỹ thuật vòng quay lớn | 4 | G1.1 |
| **Chương 2. Rèn luyện các tố chất thể lực** | 10 | G1.1 | **Hoạt động dạy**:  - Mục đích, tác dụng và yêu cầu của các bài tập phát triển tố chất thể lực.  - Tổ chức tập luyện các bài tập thể lực theo năng lực các nhân và nền tảng thể lực của cá nhân.  - Hồi phục và phương pháp hồi phục sau tập luyện.  - Định hướng tập luyện thương xuyên và định kỳ.  **Hoạt động học**:  - Thực hiện các phần và các giai đoạn động tác theo quy chuẩn.  - Nghiêm túc thực hiện theo đúng hướng dẫn của giảng viên.  - Phản hồi các biểu hiện và diễn biến trạng thái thể lực của mình sau mỗi bài tập, buổi tập.  - Tự đánh giá trình độ thể lực của bản thân theo yêu cầu của từng bài tập.  - Trao đổi, hỏi ý kiến giảng viên khi chưa rõ. | X2 |
| 2.1. Các tố chất thể lực chung | 3 |
| 2.2. Các tố chất thể lực chuyên môn | 4 |
| 2.3. Bài tập thể lực nâng cao | 3 |
| **Chương 3. Luật - phương pháp tổ chức tập luyện và phòng ngừa chấn thương** | 1 | G1.1 | **Hoạt động dạy**:  - Giảng dạy và phân tích các nội dung bài học.  - Định hướng và hướng dẫn cho sinh viên phương pháp tự tổ chức tập luyện và phòng ngừa chấn thương.  - Trả lời các thắc mắc của sinh viên.  **Hoạt động học**:  - Theo dõi nội dung giảng viên hướng dẫn.  - Đặt câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc cần tìm hiểu thêm. |  |
| 3.1. Một số vấn đề cơ bản về Luật Thể thao hàng hải |
| 3.2. Phương pháp và cấu trúc của buổi tập thể dục thể thao |
| 3.3. Chân thương và phòng ngừa chấn thương trong tập luyện. |
| **Kiểm tra** | 2 | G1.1 |  | X2 |

**5.62. Bóng chuyền Mã HP: 27201**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:*** *1* TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Trung tâm Giáo dục thể chất hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 00 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 30 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 0 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Bóng chuyền là học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục thể chất. Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức về luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu, phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và động tác kỹ thuật chuyền bóng, đệm bóng, phát bóng.

***6. Nguồn tài liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] ThS. Đinh Văn Lẫm (2006). *Giáo trình Bóng chuyền*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao Hà Nội.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[2] Nguyễn Thái Bình, Nguyễn Thị Thủy (2015). *Bài giảng môn Bóng chuyền– Dùng cho sinh viên Đại học Hàng hải Việt Nam,* Nhà xuất bản Hàng hải.

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Thực hiện chính xác động tác kỹ thuật bóng chuyền. | **2.1.2** |

***8 . Chuẩn đầu ra của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Mô tả CĐR [2]** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| **G1.1** | Thực hiện chính xác động tác khởi động cơ bản và kỹ thuật chuyền bóng, đệm bóng và phát bóng. | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X: Đánh giá quá trình | X2: Đánh giá chất lượng năng lực | G1.1 | 100% |

- Sinh viên cần tuân thủ nghiêm túc các nội quy, quy định của nhà trường, của Trung tâm.

- Sinh viên nhận Đạt của học phần với điều kiện:

+ Tham dự học tập trên lớp X1 ≥ 75% số tiết của học phần

+ Tham gia bài kiểm tra X2

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giới thiệu môn học:** Lịch sử hình thành và phát triển môn Bóng chuyền, đặc điểm môn Bóng chuyền. | 1 |  | **Hoạt động dạy:** Giới thiệu cơ bản về học phần: vị trí, mục tiêu, nội dung, đánh giá, tài liệu học tập, cần yêu cầu trong quá trình học tập.  - Giới thiệu về đặc điểm và lịch sử phát triển của môn bóng chuyền  **Hoạt động học**: theo dõi nội dung giảng viên hướng dẫn, đặt câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc cần tìm hiểu thêm. |  |
| **Chương 1: Kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền** | 16 |  | **Hoạt động dạy:**  - Giảng dạy yếu lĩnh kỹ thuật của động tác;.  - Thực hành làm mẫu động tác kỹ thuật.  - Phân tích một số sai lầm thường mắc khi thực hiện kỹ thuật và cách khác phục;  - Các bài tập ứng dụng thực tiễn;  - Đặt các tình huống cụ thể đối với sinh viên.  **Hoạt động học:**  - Theo dõi nội dung giảng viên hướng dẫn.  - Tập luyện và điều chỉnh theo năng lực cá nhân;  - Tự đối chiếu và so sánh theo nhóm tập luyện;  - Thực hiện bài tập ứng dụng và tự đánh giá khả năng.  - Trao đổi, hỏi ý kiến về kỹ thuật với giảng viên. | X2 |
| 1.1. Khởi động chung và khởi động chuyên môn | 4 | G1.1 |
| 1.2. Kỹ thuật chuyền bóng cơ bản | 4 | G1.1 |
| 1.3. Kỹ thuật đệm bóng cơ bản | 4 | G1.1 |
| 1.4. Kỹ thuật phát bóng cơ bản | 4 | G1.1 |
| **Chương 2. Rèn luyện các tố chất thể lực** | 10 | G1.1 | **Hoạt động dạy:**  - Mục đích, tác dụng và yêu cầu của các bài tập phát triển tố chất thể lực.  - Tổ chức tập luyện các bài tập thể lực theo năng lực các nhân và nền tảng thể lực của cá nhân.  - Hồi phục và phương pháp hồi phục sau tập luyện.  - Định hướng tập luyện thương xuyên và định kỳ.  **Hoạt động học:**  - Thực hiện các phần và các giai đoạn động tác theo quy chuẩn.  - Nghiêm túc thực hiện theo đúng hướng dẫn của giảng viên.  - Phản hồi các biểu hiện và diễn biến trạng thái thể lực của mình sau mỗi bài tập, buổi tập.  - Tự đánh giá trình độ thể lực của bản thân theo yêu cầu của từng bài tập.  - Trao đổi, hỏi ý kiến giảng viên khi chưa rõ. | X2 |
| 2.1. Các tố chất thể lực chung | 3 |
| 2.2. Các tố chất thể lực chuyên môn | 4 |
| 2.3. Bài tập thể lực nâng cao | 3 |
| **Chương 3. Luật - phương pháp tổ chức tập luyện và phòng ngừa chấn thương** | 1 | G1.1 | **Hoạt động dạy:**  - Giảng dạy và phân tích các nội dung bài học.  - Định hướng và hướng dẫn cho sinh viên phương pháp tự tổ chức tập luyện và phòng ngừa chấn thương.  - Trả lời các thắc mắc của sinh viên.  **Hoạt động học:**  - Theo dõi nội dung giảng viên hướng dẫn.  - Đặt câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc cần tìm hiểu thêm. |  |
| 3.1. Một số vấn đề cơ bản về Luật bóng chuyền | 1 |
| 3.2. Phương pháp và cấu trúc của buổi tập thể dục thể thao |
| 3.3. Chân thương và phòng ngừa chấn thương trong tập luyện. |
| **Kiểm tra định kỳ và kết thúc** | 2 | G1.1 |  | X2 |

**5.63. Cầu lông Mã HP: 27202**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:*** *1* TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Trung tâm Giáo dục thể chất hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 0 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 30 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 0 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết học phần*:** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Cầu lông là học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục thể chất. Học phần cung cấp cho người học các động tác kỹ thuật đánh cầu phải trái thấp tay, đánh cầu cao sâu (lốp cầu), di chuyển đơn bước, di chuyển đa bước; cung cấp kiến thức về luật thi đấu môn cầu lông, phương pháp tổ chức, phòng chống chấn thương trong tập luyện.

1. ***Nguồn tài liệu:***

***6.1. Giáo trình:***

[1] TS. Phạm Quang Khánh, TS. Nguyễn Mạnh Cường (2015). *Giáo trình* *Cầu lông,* Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[1] Đỗ Quân Tùng (2015). *Giáo án môn Cầu lông– Dùng cho sinh viên Đại học Hàng hải Việt Nam*, Nhà xuất bản Hàng hải

**7. Mục tiêu của học phần:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Thực hiện chính xác động tác kỹ thuật cầu lông. | 2.1.2 |

**8. Chuẩn đầu ra học phần:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| **G1.1** | Thực hiện chính xác động tác khởi động cơ bản và kỹ thuật phải trái thấp tay, di chuyển đơn bước , đa bước và đánh cầu cao sâu. | **TU3** |

**9. Mô tả cách đánh giá học phần:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X: Đánh giá quá trình | X2: Đánh giá chất lượng năng lực | G.1.1 | 100% |

- Sinh viên cần tuân thủ nghiêm túc các nội quy, quy định của nhà trường, của Trung tâm.

- Sinh viên nhận Đạt của học phần với điều kiện:

+ Tham dự học tập trên lớp X1 ≥ 75% số tiết của học phần

+ Tham gia bài kiểm tra X2

**10. Nội dung giảng dạy**

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Giới thiệu môn học***  Lịch sử hình thành và phát triển môn Cầu lông; Đặc điểm môn Cầu lông. | 1 |  | **Hoạt động dạy:**  Giới thiệu cơ bản về học phần: vị trí, mục tiêu, nội dung, đánh giá, tài liệu học tập, cần yêu cầu trong quá trình học tập.  - Giới thiệu về đặc điểm và lịch sử phát triển của môn cầu lông  **Hoạt động học:** theo dõi nội dung giảng viên hướng dẫn, đặt câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc cần tìm hiểu thêm. |  |
| **Chương 1: Kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông** | 16 |  | **Hoạt động dạy:**  - Giảng dạy yếu lĩnh kỹ thuật của động tác;.  - Thực hành làm mẫu động tác kỹ thuật.  - Phân tích một số sai lầm thường mắc khi thực hiện kỹ thuật và cách khác phục;  - Các bài tập ứng dụng thực tiễn;  - Đặt các tình huống cụ thể đối với sinh viên.  **Hoạt động học:**  - Theo dõi nội dung giảng viên hướng dẫn.  - Tập luyện và điều chỉnh theo năng lực cá nhân;  - Tự đối chiếu và so sánh theo nhóm tập luyện;  - Thực hiện bài tập ứng dụng và tự đánh giá khả năng.  - Trao đổi, hỏi ý kiến về kỹ thuật với giảng viên. | X2 |
| 1.1. Khởi động chung và khởi động chuyên môn | 4 | G1.1 |
| 1.2. Kỹ thuật đánh cầu phải trái thấp tay cơ bản | 4 | G1.1 |
| 1.3. Kỹ thuật di chuyển đơn bước; đa bước cơ bản | 4 | G1.1 |
| 1.4. Kỹ thuật đánh cầu cao sâu | 4 | G1.1 |
| **Chương 2. Rèn luyện các tố chất thể lực** | 10 | G1.1 | **Hoạt động dạy:**  - Mục đích, tác dụng và yêu cầu của các bài tập phát triển tố chất thể lực.  - Tổ chức tập luyện các bài tập thể lực theo năng lực các nhân và nền tảng thể lực của cá nhân.  - Hồi phục và phương pháp hồi phục sau tập luyện.  - Định hướng tập luyện thương xuyên và định kỳ.  **Hoạt động học:**  - Thực hiện các phần và các giai đoạn động tác theo quy chuẩn.  - Nghiêm túc thực hiện theo đúng hướng dẫn của giảng viên.  - Phản hồi các biểu hiện và diễn biến trạng thái thể lực của mình sau mỗi bài tập, buổi tập.  - Tự đánh giá trình độ thể lực của bản thân theo yêu cầu của từng bài tập.  - Trao đổi, hỏi ý kiến giảng viên khi chưa rõ. | X2 |
| 2.1. Các tố chất thể lực chung | 3 |
| 2.2. Các tố chất thể lực chuyên môn | 4 |
| 2.3. Bài tập thể lực nâng cao | 3 |
| **Chương 3. Luật - phương pháp tổ chức tập luyện và phòng ngừa chấn thương** | 1 | G1.1 | **Hoạt động dạy:**  - Giảng dạy và phân tích các nội dung bài học.  - Định hướng và hướng dẫn cho sinh viên phương pháp tự tổ chức tập luyện và phòng ngừa chấn thương.  - Trả lời các thắc mắc của sinh viên.  **Hoạt động học:**  - Theo dõi nội dung giảng viên hướng dẫn.  - Đặt câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc cần tìm hiểu thêm. |  |
| 3.1. Một số vấn đề cơ bản về luật cầu lông | 1 |
| 3.2. Phương pháp và cấu trúc của buổi tập thể dục thể thao |
| 3.3. Chân thương và phòng ngừa chấn thương trong tập luyện. |
| **Kiểm tra định kỳ và kết thúc** | 2 | G1.1 |  | X2 |

**5.64. Bóng rổ Mã HP: 27203**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:*** *1* TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Trung tâm Giáo dục thể chất hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 0 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 30 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 0 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết học phần*:** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Bóng rổ là học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục thể chất. Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức về luật bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu, cách thức phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và kỹ thuật chuyền bóng, dẫn bóng, ném rổ bằng một tay trên vai, hai bước lên rổ.

***6. Nguồn tài liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] Nhóm tác giả ĐH Thể dục thể thao Bắc Ninh (2003). *Giáo trình Bóng rổ*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao Hà Nội.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Phạm Thanh Tùng (2015). *Giáo án Bóng Rổ,* Nhà xuất bản Hàng hải.

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Thực hiện chính xác động tác kỹ thuật bóng rổ | 2.1.2 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Mô tả CĐR [2]** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| **G.1.1** | Thực hiện chính xác động tác khởi động cơ bản và kỹ thuật dẫn bóng, ném rổ 1 tay trên vai, và hai bước lên rổ. | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần (Gx.x) [3]** | **Tỷ lệ (%)** |
| X: Đánh giá quá trình | X2: Đánh giá chất lượng năng lực | G1.1 | 100% |

- Sinh viên cần tuân thủ nghiêm túc các nội quy, quy định của nhà trường, của Trung tâm.

- Sinh viên nhận Đạt của học phần với điều kiện:

+ Tham dự học tập trên lớp X1 ≥ 75% số tiết của học phần

+ Tham gia bài kiểm tra X2

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giới thiệu môn học**  Lịch sử hình thành và phát triển môn Bóng rổ; Đặc điểm môn Bóng rổ. | 1 |  | **Hoạt động dạy**: Giới thiệu cơ bản về học phần: vị trí, mục tiêu, nội dung, đánh giá, tài liệu học tập, cần yêu cầu trong qúa trình học tập.  - Giới thiệu về đặc điểm và lịch sử phát triển của môn bóng rổ.  **Hoạt động học**:  - Theo dõi nội dung giảng viên hướng dẫn, đặt câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc cần tìm hiểu thêm. |  |
| **Chương 1: Kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ** | 16 |  | **Hoạt động dạy**: Giảng dạy yếu lĩnh kỹ thuật của động tác.  - Thực hành làm mẫu động tác kỹ thuật.  - Phân tích một số sai lầm thường mắc khi thực hiện kỹ thuật và cách khắc phục.  - Các bài tập ứng dụng thực tiễn.  - Đặt các tình huống cụ thể đối với sinh viên.  **Hoạt động học**:  - Theo dõi nội dung giảng viên hướng dẫn.  - Tập luyện và điều chỉnh theo năng lực cá nhân;  - Tự đối chiếu và so sánh theo nhóm tập luyện.  - Thực hiện bài tập ứng dụng và tự đánh giá khả năng.  - Trao đổi, hỏi ý kiến về kỹ thuật với giáo viên. | X2 |
| 1.1. Khởi động chung và khởi động chuyên môn. | 4 | G.1.1 |
| 1.2. Kỹ thuật dẫn bóng cơ bản. | 4 | G.1.1 |
| 1.3. Kỹ thuật chuyền bóng cơ bản. | 4 | G.1.1 |
| 1.4. Kỹ thuật ném rổ cơ bản. | 4 | G.1.1 |
| **Chương 2. Rèn luyện các tố chất thể lực** | 10 | G.1.1 | **Hoạt động dạy**:  - Mục đích, tác dụng và yêu cầu của các bài tập phát triển tố chất thể lực.  - Tổ chức tập luyện các bài tập thể lực theo năng lực các nhân và nền tảng thể lực của cá nhân.  - Hồi phục và phương pháp hồi phục sau tập luyện.  - Định hướng tập luyện thương xuyên và định kỳ.  **Hoạt động học:**  - Thực hiện các phần và các giai đoạn động tác theo quy chuẩn.  - Nghiêm túc thực hiện theo đúng hướng dẫn của giáo viên.  - Phản hồi các biểu hiện và diễn biến trạng thái thể lực của mình sau mỗi bài tập, buổi tập.  - Tự đánh giá trình độ thể lực của bản thân theo yêu cầu của từng bài tập.  - Trao đổi, hỏi ý kiến giáo viên khi chưa rõ. | X2 |
| 2.1. Các tố chất thể lực chung. | 3 |
| 2.2. Các tố chất thể lực chuyên môn. | 4 |
| 2.3. Bài tập thể lực nâng cao. | 3 |
| **Chương 3. Luật - phương pháp tổ chức tập luyện và phòng ngừa chấn thương** | 1 | G.1.1 | **Hoạt động dạy:**  - Giảng dạy và phân tích các nội dung bài học.  - Định hướng và hướng dẫn cho sinh viên phương pháp tự tổ chức tập luyện và phòng ngừa chấn thương.  - Trả lời các thắc mắc của sinh viên.  **Hoạt động học:**  - Theo dõi nội dung giảng viên hướng dẫn.  - Đặt câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc cần tìm hiểu thêm. |  |
| 3.1. Một số vấn đề cơ bản về Luật bóng rổ. |
| 3.2. Phương pháp và cấu trúc của buổi tập thể dục thể thao. |
| 3.3. Chân thương và phòng ngừa chấn thương trong tập luyện. |
| **Kiểm tra** | 2 | G.1.1 |  | X2 |

**5.65. Bóng đá Mã HP: 27204**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:*** *1* TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Trung tâm Giáo dục thể chất hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 0 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 30 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 0 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết học phần*:** Không

***5. Mô tả nội dung học phần*:**

Bóng đá là học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục thể chất. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về luật bóng đá, cách thức rèn luyện tố chất thể lực chung và chuyên môn; động tác kỹ thuật đỡ bóng, dẫn bóng, đá bóng bằng lòng, đá mu, ném biên, và đánh đầu.

***6. Nguồn tài liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] PGS.TS Trần Đức Dũng (2007). *Giáo trình Bóng đá*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao Hà Nội.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Hoàng Tuấn Anh (2015). *Giáo án môn Bóng đá – Dùng cho sinh viên ĐH Hàng hải Việt Nam,* Nhà xuất bản Hàng hải

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Thực hiện chính xác động tác kỹ thuật bóng đá. | **2.1.2** |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| **G1.1** | Thực hiện chính xác động tác khởi động cơ bản và kỹ thuật đỡ bóng, dẫn bóng, đá bóng bằng lòng, đá mu, ném biên và đánh đầu. | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ** |
| X: Đánh giá quá trình | X2: Đánh giá chất lượng năng lực | G1.1 | 100% |

- Sinh viên cần tuân thủ nghiêm túc các nội quy, quy định của nhà trường, của Trung tâm.

- Sinh viên nhận Đạt của học phần với điều kiện:

+ Tham dự học tập trên lớp X1 ≥ 75% số tiết của học phần

+ Tham gia bài kiểm tra X2

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giới thiệu môn học:** Lịch sử hình thành và phát triển môn Bóng đá; Đặc điểm môn Bóng đá. | 1 |  | **Hoạt động dạy**: Giới thiệu cơ bản về học phần: vị trí, mục tiêu, nội dung, đánh giá, tài liệu học tập, cần yêu cầu trong quá trình học tập.  - Giới thiệu về đặc điểm và lịch sử phát triển của môn bóng đá  Hoạt động học: theo dõi nội dung giảng viên hướng dẫn, đặt câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc cần tìm hiểu thêm. |  |
| **Chương 1: Kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá** | 16 |  | **Hoạt động dạy:**  - Giảng dạy yếu lĩnh kỹ thuật của động tác;.  - Thực hành làm mẫu động tác kỹ thuật.  - Phân tích một số sai lầm thường mắc khi thực hiện kỹ thuật và cách khác phục;  - Các bài tập ứng dụng thực tiễn;  - Đặt các tình huống cụ thể đối với sinh viên.  **Hoạt động học:**  - Theo dõi nội dung giảng viên hướng dẫn.  - Tập luyện và điều chỉnh theo năng lực cá nhân;  - Tự đối chiếu và so sánh theo nhóm tập luyện;  - Thực hiện bài tập ứng dụng và tự đánh giá khả năng.  - Trao đổi, hỏi ý kiến về kỹ thuật với giảng viên. | X2 |
| 1.1. Khởi động chung và khởi động chuyên môn | 4 | G1.1 |
| 1.2. Kỹ thuật đỡ bóng và dẫn bóng cơ bản | 4 | G1.1 |
| 1.3. Kỹ thuật đá lòng và đá mu cơ bản | 4 | G1.1 |
| 1.4. Kỹ thuật ném biên và đánh đầu cơ bản | 4 | G1.1 |
| **Chương 2. Rèn luyện các tố chất thể lực** | 10 | G1.1 | **Hoạt động dạy:**  - Mục đích, tác dụng và yêu cầu của các bài tập phát triển tố chất thể lực.  - Tổ chức tập luyện các bài tập thể lực theo năng lực các nhân và nền tảng thể lực của cá nhân.  - Hồi phục và phương pháp hồi phục sau tập luyện.  - Định hướng tập luyện thương xuyên và định kỳ.  **Hoạt động học:**  - Thực hiện các phần và các giai đoạn động tác theo quy chuẩn.  - Nghiêm túc thực hiện theo đúng hướng dẫn của giảng viên.  - Phản hồi các biểu hiện và diễn biến trạng thái thể lực của mình sau mỗi bài tập, buổi tập.  - Tự đánh giá trình độ thể lực của bản thân theo yêu cầu của từng bài tập.  - Trao đổi, hỏi ý kiến giảng viên khi chưa rõ. | X2 |
| 2.1. Các tố chất thể lực chung | 3 |
| 2.2. Các tố chất thể lực chuyên môn | 4 |
| 2.3. Bài tập thể lực nâng cao | 3 |
| **Chương 3. Luật - phương pháp tổ chức tập luyện và phòng ngừa chấn thương** | 1 | G1.1 | **Hoạt động dạy:**  - Giảng dạy và phân tích các nội dung bài học.  - Định hướng và hướng dẫn cho sinh viên phương pháp tự tổ chức tập luyện và phòng ngừa chấn thương.  - Trả lời các thắc mắc của sinh viên.  **Hoạt động học:**  - Theo dõi nội dung giảng viên hướng dẫn.  - Đặt câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc cần tìm hiểu thêm. |  |
| 3.1. Một số vấn đề cơ bản về Luật bóng đá | 1 |
| 3.2. Phương pháp và cấu trúc của buổi tập thể dục thể thao |
| 3.3. Chân thương và phòng ngừa chấn thương trong tập luyện. |
| **Kiểm tra** | 2 | G1.1 |  | X2 |

**5.66. Công tác quốc phòng an ninh Mã HP: 24102**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:*** *2* TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Trung tâm Giáo dục thể chất hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 29 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 0 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 01 tiết |

***4. Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung của học phần:***

Công tác quốc phòng và an ninh là học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục quốc phòng. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, phòng chống vi phạm pháp luật, giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] Nguyễn Đức Đảng, Nguyễn Tiến Hải, Nguyễn Hữu Hảo (2013). *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh*, Nhà xuất bản Giáo dục.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Vụ Giáo dục quốc phòng và an ninh - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Tài liệu tập huấn môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh*.

***7. Mục tiêu của học phần:***

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Trình bày các nội dung liên quan đến công tác quốc phòng, an ninh | 1.1.2 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Trình bày được các quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về quốc phòng- an ninh. | **T2** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X đánh giá quá trình | X1- Tự luận | G1.1 |  |
| Y đánh giá cuối kỳ | Y- Trắc nghiệm | G1.1 | 100% |
| - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: *s*inh viên tham gia học tập thời gian ≥ 80% và bài kiểm tra điều kiện X1 ≥ 5 điểm  Điểm đánh giá học phần: Z = Y  - Sinh viên qua môn học khi điểm đánh giá học phần Z≥ 5 | | | |

***10. Nội dung giảng dạy:***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR**  **học phần** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng VN**  1.1. Chiến lược “DBHB”, BLLĐ của các thế lực thù địch chống phá CNXH  *1.1.1. Khái niệm*  *1.1.2. Sự hình thành và phát triển của chiến lược “DBHB”*  *1.1.3. Bạo loạn lật đổ*  1.2. Chiến lược “DBHB”, BLLĐ của các thế lực thù địch chống phá CMVN  *1.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược DBHB đối với CMVN*  *1.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá CMVN*  1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm, phương châm phòng chống chiến lược “DBHB”, BLLĐ của Đảng, Nhà nước  *1.3.1. Mục tiêu*  *1.3.2. Nhiệm vụ*  *1.3.3. Quan điểm chỉ đạo*  *1.3.4. Phương châm tiến hành*  1.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “DBHB”, BLLĐ ở Việt Nam hiện nay  *1.4.1. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng CNXH, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế*  *1.4.2. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ*  *1.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân*  *1.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt*  *1.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh.*  *1.4.6. Xây dựng và luyện tập các phương* án, các tình huống chống DBHB, BLLĐ.  *1.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, chăm lo nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân lao động* | 5 | G1.1 | **Hoạt động dạy:**  - Giảng viên: Trình bày nội dung về phòng chống chiến lược “ DBHB” bạo loạn lật đổ, hướng dẫn SV nghiên cứu tài liệu. Đặt câu hỏi, hướng dẫn thảo luận và kết luận  **Hoạt động học**  - Sinh viên: Nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi. Trao đổi với giảng viên về nội dung bài học.  . | Y |
| **Bài 2: Một số nội dung cơ bản về tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam**  2.1. Một số vấn đề về dân tộc  *2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc*  *2.1.2. Đặc điểm các dân tộc Việt Nam và quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta*  2.2. Một số vấn đề về tôn giáo  *2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo*  *2.2.2. Nguồn gốc của tôn giáo*  *2.2.3. Tình hình tôn giáo trên thế giới và quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng XHCN.*  *2.2.4. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay*  2.3. Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá CMVN  *2.3.1. Âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch*  *2.3.2. Thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch*  *2.3.3. Giải pháp đấu tranh phòng chống sự lợi dụng dân tộc, tôn giáo chống phá CMVN của các thế lực thù địch.* | 5 | G1.1 | **- Giảng viên:** Trình bày, nêu vấn đề về dân tộc, tôn giáo, Lấy ví dụ thực tiễn để chứng minh, kết luận vấn đề  **- Sinh viên:** Theo dõi nội dung bài giảng. Nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi. Trao đổi với giảng viên về nội dung bài học | Y |
| **Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường**  3.1. Nhận thức chung về vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường  *3.1.1. Khái niệm, vai trò và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường*  *3.1.2. Khái niệm, dấu hiệu của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường*  *3.1.3. Nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về môi trường*  3.2. Nhân thức về phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường  *3.2.1. Khái niệm, đặc điểm*  *3.2.2. Nội dung, biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường*  *3.2.3. Chủ thể và quan hệ phối hợp trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường*  *3.2.4. Trách nhiệm phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường của các nhà trường* | 4 | G1.1 | - **Giảng viên**: Trình bày, nêu vấn đề về phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, kết luận vấn đề  - **Sinh viên**: Nghe, nhìn, ghi chép, đọc tài liệu và trả lời câu hỏi. Trao đổi với giảng viên về nội dung bài học | Y |
| **Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông**  4.1. Nhận thức chung về vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông  *4.1.1. Nhận thức về pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông*  *4.1.2. Nhận thức về vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông*  4.2. Nhận thức về phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông  *4.2.1. Khái niệm phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông*  *4.2.2. Chủ thể và mối quan hệ phối hợp trong thực hiện phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông*  *4.2.3. Nội dung biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông* | 2 | G1.1 | **- Giảng viên:** Trình bày về nội dung bảo đảm trật tự an toàn giao thông, nêu vấn đề, kết luận vấn đề, kiểm tra, đánh giá kết quả.  **- Sinh viên:** Nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi. Trình bày được nhận thức về vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông. | X1, Y |
| **Kiểm tra** | 1 |  |  | X1 |
| **Bài 5: Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác**  5.1. Nhận thức về tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác  *5.1.1. Khái niệm và dấu hiệu pháp lý của các tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác*  *5.1.2. Phân loại các tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm*  *5.1.3. Nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội danh dự, nhân phẩm*  5.2. Nhận thức về công tác phòng, chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác  *5.2.1. Khái niệm phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác*  *5.2.2. Chủ thể và quan hệ phối hợp trong phòng, chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác*  *5.2.3. Nội dung hoạt động phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm*  *5.2.4. Các biện pháp phòng ngừa tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm*  *5.2.5. Phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm trong nhà trường* | 4 | G1.1 | - **Giảng viên**: Trình bày về một số loại tội phạm danh dự, nhân phẩm. lấy ví dụ thực tế chứng minh. Nêu vấn đề và kết luận.  -**Sinh viên**: Nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi. Trao đổi với giảng viên về nội dung bài học. | Y |
| **Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm luật trên không gian mạng**  6.1. Thực trạng an toàn thông tin hiện nay  *6.1.1. Khái niệm an toàn thông tin*  *6.1.2. Thực trạng an toàn thông tin trong khu vực và trên thế giới*  *6.1.3. Thực trạng an toàn thông tin ở Việt Nam*  6.2. Các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng  *6.2.1. Spam, tin giả trên mạng xã hội, thư điện tử*  *6.2.2. Đăng tải các thông tin độc hại vi phạm ANQG, trật tự ATXH*  *6.2.3. Chiếm đoạt tài khoản mạng xã hội*  *6.2.4. Chiếm quyền giám sát Camera IP*  *6.2.5. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*  *6.2.6. Deep web và Dark web*  6.3. Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng  *6.3.1. Cơ sở pháp lý*  *6.3.2. Các biện pháp*  6.4. Trách nhiệm của sinh viên | 5 | G1.1 | - **Giảng viên**: Trình bày nội dung về an toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng. Lấy ví dụ thực tế để chứng minh. Đặt câu hỏi và kết luận  - **Sinh viên**: Nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi đặc biệt là các nội dung liên quan đến chiếm đoạt mạng xã hội và lừa đảo chiếm đoạt tài khoản. | Y |
| **Bài 7: An ninh phi truyền thống và các mối de dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam**  7.1. Những vấn đề cơ bản về an ninh phi truyền thống  *7.1.1.Nhận thức chung về an ninh phi truyền thống*  *7.1.2. Những biểu hiện và tác động của an ninh phi truyền thống*  7.2. Ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống  *7.2.1. Những ảnh hưởng của an ninh phi truyền thống ở Việt Nam*  *7.2.2. Quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước về tăng cường ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống*  *7.2.3. Một số giải pháp nhằm ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam* | 4 | G1.1 | - **Giảng viên**: Trình bày nội dung vềan ninh phi truyền thống và các mối đe dọa đối với VN, nhấn mạnh một số vấn đề như dịch bệnh, chủ nghĩa khủng bố, ô nhiễm môi trường, đặt vấn đề và kết luận  - **Sinh viên**: Đọc tài liệu và trả lời câu hỏi, lấy được một số ví dụ để chứng minh về các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống ở Việt Nam. | Y |

**5.67. Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN Mã HP: 24103**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:*** *1* TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Trung tâm Giáo dục thể chất hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 45 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 43 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 30 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4. Điều kiện đăng ký học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần***

Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục quốc phòng. Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] Nguyễn Đức Đảng, Nguyễn Tiến Hải, Nguyễn Hữu Hảo (2013). *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh*, Nhà xuất bản Giáo dục.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Vụ Giáo dục quốc phòng và an ninh/Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Tài liệu tập huấn môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh*.

***7. Mục tiêu của học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Trình bày quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh | 1.1.2 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần:***

| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| --- | --- | --- |
| **G1.1** | Trình bày các quan điểm của Đảng, chính sách luật pháp Nhà nước về quốc phòng và an ninh; quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. | **T2** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X đánh giá quá trình | X1, X2 - Tự luận | G1.1 |  |
| Y đánh giá cuối kỳ | Y- Trắc nghiệm | G1.1 | 100 |
| *- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: s*inh viên tham gia học tập thời gian ≥ 80% và bài kiểm tra điều kiện (X1+X2)/2 ≥ 5 điểm  Điểm đánh giá học phần: Z = Y | | | |

***10. Nội dung giảng dạy:***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh**  1.1. Đối tượng nghiên cứu  *1.1.1. Nghiên cứu về đường lối quân sự của Đảng cộng sản Việt Nam*  *1.1.2. Nghiên cứu về công tác quốc phòng và an ninh*  *1.1.3. Nghiên cứu về quân sự và kĩ năng quân sự cần thiết*  1.2. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu  1.2.1 Cơ sở phương pháp luận  1.2.2. Các phương pháp nghiên cứu  1.3. Gới thiệu về môn học giáo dục quốc phòng và an ninh  *1.3.1. Đặc điểm môn học*  *1.3.2. Chương trình (Thông tư 05/2020/TT-BGĐT ngày 18/03/2020)*  *1.3.3. Cơ sở vật chất thiết bị dạy học*  *1.3.4. Tổ chức dạy học và đánh kết quả học tập* | 1 |  | **- Giảng viên**: Trình bày đối tượng phương pháp nghiên cứu môn GDQPAN, hướng dẫn SV nghiên cứu tài liệu. Đặt câu hỏi, hướng dẫn thảo luận và kết luận  **- Sinh viên**: Nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi. Trao đổi với giảng viên về nội dung bài học. |  |
| **Bài 2: Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc**  2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh  *2.1.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chiến tranh*  *2.1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh*  2.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về QĐ  *2.2.1. Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về quân đội*  *2.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội*  2.3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa  *2.3.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa*  *2.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa* | 4 | G1.1 | **- Giảng viên**: Trình bày, nêu vấn đề về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc XHCN, kết hợp trình chiếu. Lấy ví dụ thực tiễn để chứng minh, kết luận vấn đề  **- Sinh viên**: Theo dõi nội dung bài giảng. Nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi. | Y |
| **Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa**  3.1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân  *3.1.1. Vị trí*  *3.1.2. Đặc trưng*  3.2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để  bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa  *3.2.1. Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay*  *3.2.2. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay*  *3.2.3. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh ngày càng vững mạnh*  *3.2.4. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc*  3.3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay  *3.3.1. Thường xuyên thực hiện giáo dục quốc phòng -  an ninh*  *3.3.2. Tăng cư­ờng sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí của Nhà n­ước, trách nhiệm triển khai thực hiện của các cơ quan, tổ chức và nhân dân đối với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.*  *3.3.3. Nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân cho sinh viên* | 4 | G1.1 | **- Giảng viên**: Trình bày, nêu vấn đề về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, kết hợp trình chiếu, kết luận vấn đề  **- Sinh viên**: Nghe, nhìn, ghi chép, đọc tài liệu và trả lời câu hỏi. Trao đổi với giảng viên về nội dung bài học. | Y |
| **Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa**  4.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc  *4.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.*  *4.1.2. Tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân Việt Nam bảo vệ Tổ quốc.*  4.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc  *4.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực.*  *4.2.2.Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh.*  *4.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp  không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt*.  *4.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh.*  *4.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn .*  *4.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới*  4.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc  *4.3.1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân*  *4.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân*  *4.3.3. Phối hợp chặt chẽ chống quân địch tiến công từ bên ngoài vào và bạo loạn lật đổ từ bên trong* | 4 | G1.1 | **- Giảng viên**: Trình bày về Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, nêu vấn đề, kết luận vấn đề, kiểm tra, đánh giá kết quả.  - Sinh viên: Nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi. Trình bày được quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc | X1, Y |
| **Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam**  5.1. Đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng VT nhân dân  *5.1.1. Khái niệm*  *5.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.*  *5.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới*.  5.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới.  *5.2.1. Xây dựng QĐ nhân dân theo hướng cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại*  *5.2.2. Xây  dựng lực lượng dự bị động viên*  *5.2.3. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ*  5.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân  *5.3.1. Chấn chỉnh tổ chức biên chế lực lượng vũ trang nhân dân*  *5.3.2. Nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục, xây dựng và phát triển khoa học quân sự  Việt Nam*  *5.3.3. Từng bước giải quyết yêu cầu về VKTB của lực lượng vũ trang nhân dân*  *5.3.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có phẩm chất, năng lực tốt*  *5.3.5. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các chính sách của Đảng, nhà nước đối với lực lượng vũ trang nhân dân* | 3 | G1.1 | **- Giảng viên:** Trình bày, nêu quan điểm của Đảng về xây dựng LLVT, lấy ví dụ thực tế chứng minh. Đặt câu hỏi quan điểm của Đảng ta về chiến tranh nhân dân.  **-Sinh viên:** Nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi. Trình bày được các quan điểm của Đảng ta về chiến tranh. Trao đổi với giảng viêm về nội dung câu hỏi | Y |
| **Kiểm tra** | 1 |  |  | X1 |
| **Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại**  6.1. Cơ sở lí luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh ở Việt Nam  *6.1.1. Một số khái niệm*  *6.1.2. Cơ sở lí luận của sự kết hợp*  *6.1.3. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp*  6.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay  *6.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế- xã hội*  *6.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ*  *6.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu*  *6.2.4. Kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc*  *6.2.5. Kết hợp trong hoạt động đối ngoại*  6.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế – xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh  *6.3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lí nhà nước của chính quyền các cấp trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh*  *6.3.2. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh cho các đối tượng*  *6.3.3. Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh trong thời kì mới*  *6.3.4. Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách có liên quan đến thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng -  an ninh trong tình hình mới*  *6.3.5. Củng cố kiện toàn và phát huy vai trò tham mưu của cơ quan chuyên trách quốc phòng, an ninh các cấp* | 4 | G1.1 | **- Giảng viên**: Trình bày, nêu vấn đề kết hợp phát triển kinh tế gắn với quốc phòng an ninh đối ngoại hiện nay, kết luận vấn đề  **- Sinh viên**: Nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi. Trình bày nội dung kết hợp phát triển kinh tế gắn với quốc phòng an ninh | Y |
| **Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ quân sự Việt Nam**  7.1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta  *7.1.1. Đất nước trong buổi đầu lịch sử*  *7.1.2. Những yếu tố tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc*  *7.1.3. Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược*  *7.1.4. Nghệ thuật đánh giặc của ông cha*  7.2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo  *7.2.1. Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự VN*  *7.2.2. Nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo*  7.3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kì mới và trách nhiệm của sinh viên.  *7.3.1. Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công*  *7.3.2. Nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc*  *7.3.3. Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp bằng lực,  thế, thời và mưu kế*  *7.3.4. Quán triệt tư tưởng lấy ít đánh nhiều, biết tập trung ưu thế lực lượng cần thiết để đánh thắng địch*  *7.3.5. Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc các mục tiêu*  *7.3.6. Trách nhiệm của sinh viên* | 4 | G1.1 | **- Giảng viên**: Trình bày truyền thống, nghệ thuật quân sự Việt Nam, nêu vấn đề, kết luận vấn đề. Đặt câu hỏi nghệ thuật quân sự từ khi có Đảng lãnh đạo. Kiểm tra điều kiện đánh giá kết quả  **- Sinh viên:** Nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi. Trình bày được nghệ thuật đánh giặc, nghệ thuật quân sự Việt Nam | X2, Y |
| **Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới**  8.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia  *8.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia*  *8.1.2. Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền LTQG*  8.2. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia  *8.2.1. Biên giới quốc gia*  *8.2.2. Nội dung xây dựng và bảo vệ BGQG*  8.3. Quan điểm của Đảng, Nhà nước và trách nhiệm của công dân trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền LT, BGQG  *8.3.1. Quan điểm*  *8.3.2. Trách nhiệm của công dân và sinh viên* | 5 | G1.1 | **- Giảng viên:** Trình bày nội dung về chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia và quan điểm của Đảng ta. Đặt câu hỏi về chủ quyền biển, đảo. Phân biệt được biên giới quốc gia trên đất liền và trên biển.  **- Sinh viên:** Nghiên cứu tài liệu tài liệu và trả lời câu hỏi đặc biệt là các vùng biển Việt Nam | Y |
| **Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng**  9.1. Xây dựng lực lượng DQTV  *9.1.1. Khái niệm*  *9.1.2. Vị trí, vai trò, nhiệm vụ của DQTV*  *9.1.3. Nội dung xây dựng DQTV*  *9.1.4. Một số biện pháp xây dựng DQTV*  9.2. Xây dựng LL DB ĐV  *9.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò*  *9.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc trong xây dựng LL DBĐV*  *9.2.3. Nội dung*  *9.2.4 Một số biện pháp xây dựng LL DBĐV*  9.3. Động viên công nghiệp quốc phòng  *9.3.1. Những vấn đề chung*  *9.3.2. Nội dung động viên CNQP* | 4 | G1.1 | **- Giảng viên:** Trình bày nội dung vềxây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng, nêu vấn đề, kết luận vấn đề.  **- Sinh viên:** Nghe, nhìn, ghi chép, đọc tài liệu và trả lời câu hỏi, nắm chắc được vị trí vai trò của lực lượng dân quân tự vệ. | Y |
| Kiểm tra | 1 |  |  | X2 |
| **Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc**  10.1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc  *10.1.1. Quan điểm về quần chúng nhân dân*  *10.1.2. Vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc*  *10.1.3. Nhận thức về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*  10.2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào TD BV AN TQ  *10.2.1. Nội dung*  *10.2.2. Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân BV ANTQ* | 2 | G1.1 | **- Giảng viên:** Trình bày nội dung phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc. Đặt vấn đề về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh. Lấy ví dụ thực tế chứng minh  **- Sinh viên:** Nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi tập trung vào nội dung vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc | Y |
| **Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội**  11.1. Những vấn đề chung  *11.1.1. Các khái niệm cơ bản về an ninh quốc gia và trật tự an toàn XH*  *11.1.2. Nội dung bảo vệ ANQG và GG TTATXH*  11.2. Tình hình ANQG TT ATXH thời gian qua  *11.2.1. Tình hình ANQG*  *11.2.2. Tình hình TT ATXH*  11.3. Dự báo tình hình ANQG và TTATXH  *11.3.1. Tình hình thế giới*  *11.3.2. Tình hình khu vực Đông Nam Á*  *11.3.3. Tình hình trong nước*  11.4. Đối tác, đối tượng BVANQG và GG TTATXH  *11.4.1. Nguyên tắc xác định*  *11.4.2. Đối tượng xâm hại ANQG*  *11.4.3. Đối tượng xâm phạm TTATXH*  11.5. Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước trong bảo vệ ANQG và giữ gìn TTATXH  *11.5.1. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, nhân dân làm chủ công an là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp BVAN QG và GG TTATXH*  *11.5.2. Kết hợp chặt chẽ xây dựng với BVTQ*  *11.5.3. Bảo vệ ANQG gắn với giữ gìn TTAT XH*  11.6. Vai trò, trách nhiệm sinh viên  *11.6.1. Các quy định của pháp luật*  *11.6.2. Trách nhiệm của SV* | 3 | G 1.1 | **- Giảng viên:** Trình bày khái niệm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, nêu vấn đề, kết luận vấn đề, lấy ví dụ thực tế chứng minh  **- Sinh viên:** Nghiên cứu tài liệu, theo dõi nội dung và trả lời câu hỏi. Trao đổi với giảng viên về nội dung bài học. | Y |
| **Bài 12: Học tập, tham quan bảo tàng** | 5 | G1.1 |  | Y |

**5.68. Quân sự chung Mã HP: 24203**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:*** *2* TC | | | **BTL** | |  | **ĐAMH** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Trung tâm Giáo dục thể chất hàng hải | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 30 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 19 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 10 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 01 tiết |

***4. Điều kiện đăng ký học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Quân sự chung là học phần phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục quốc phòng. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, kỹ năng quân sự và an ninh cần thiết trước thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.

***6. Nguồn học liệu:***

***6.1. Giáo trình***

[1] Nguyễn Đức Đảng, Nguyễn Tiến Hải, Nguyễn Hữu Hảo (2013), *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh*, Nhà xuất bản Giáo dục.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Vụ Giáo dục quốc phòng và an ninh - Bộ Giáo dục và Đào tạo(2020)*. Tài liệu tập huấn môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh*.

**7*. Mục tiêu của học phần****:*

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **G1** | Trình bày một số kiến thức quân sự chung của Việt Nam | 1.1.2 |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần****:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| **G1.1** | Trình bày được một số kiến thức cơ bản về quân binh chủng, kỹ năng quân sự và an ninh trong tình hình mới. | **T2** |
| **G1.2** | Làm được các động tác cơ bản về điều lệnh đội ngũ và ba môn quân sự phối hợp. | **T2** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần****:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ** |
| X đánh giá quá trình | X1- Tự luận | G1.1 |  |
| Y đánh giá cuối kỳ | Y- Trắc nghiệm | G1.1, G1.2 | 100% |
| Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên tham gia học tập thời gian ***≥*** 80% và bài kiểm tra điều kiện X1 ≥ 5 điểm  Điểm đánh giá học phần: Z = Y | | | |

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1. Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần**  1.1. Phân phối thời gian   * 1. Chế độ làm việc và sinh hoạt trong ngày   2. Làm việc và sinh hoạt trong tuần | 3 | G1.1 | - **Dạy**: Thuyết trình, giảng giải các chế độ, học tập sinh hoạt, kết hợp mô tả chỉ trên tranh vẽ, nêu câu hỏi và kết luận. Lấy ví dụ thực tiễn chứng minh  - **Học ở lớp**: Đọc giáo trình và trả lời câu hỏi. Trao đổi với giảng viên về nội dung bài học | Y |
| **Bài 2. Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại**  2.1. Các chế độ nền nếp chính quy  2.2. Bố trí trật tự nội vụ vệ sinh trong doanh trại | 2 | G1.1 | - **Dạy**: Thuyết trình, giảng giải, kết hợp mô tả chỉ trên tranh, nêu câu hỏi và kết luận.  - **Học ở lớp**: Nghe, nhìn, ghi chép, đọc giáo trình và trả lời câu hỏi | Y |
| **Bài 3. Hiểu biết chung về các quân binh chủng**  3.1. Giới thiệu các binh chủng lục quân  3.2. Quân chủng Phòng không- Không quân  3.3. Quân chủng Hải quân  3.4. Bộ đội Biên phòng Việt Nam  3.5. Cảnh sát biển Việt Nam | 5 | G1.1 | - **Dạy**: Thuyết trình, giảng giải, kết hợp mô tả chỉ trên tranh, trình chiếu một số đoạn clip giới thiệu về các quân khu, quẩn chủng, quân đoàn, Nhấn mạnh nội dung về quân khu và kết luận.  - **Học ở lớp**: Đọc giáo trình và trả lời câu hỏi. Tập chung nghiên cứu về các quân khu trong QĐNDVN | Y |
| **Bài 4. Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự**  4.1. Bản đồ  4.2. Sử dụng bản đồ | 4 | G1.1 | - **Dạy**: Thuyết trình, giảng giải, kết hợp mô tả chỉ trên bản đồ. Hướng dẫn sinh viên sử dụng bản đồ ở ngoài thực địa Nêu câu hỏi về cách sử dụng bản đồ và kết luận.  - **Học ở lớp**: Đọc giáo trình và trả lời câu hỏi. Đo được một số đoạn thẳng, biết xác định tọa độ và chỉ thị mục tiêu. | X1, Y |
| **Kiểm tra** | 1 |  |  | X1 |
| **Bài 5. Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao**  5.1. Những vấn đề chung về vũ khí công nghệ cao  5.2. Các biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao | 5 | G1.1 | - **Dạy**: Thuyết trình, giảng giải, kết hợp lấy kinh nghiệm thực tế trong các cuộc chiến tranh gần đây trên thế giới để chứng minh Nêu câu hỏi và kết luận.  - **Học ở lớp**: Đọc giáo trình và trả lời câu hỏi. Nắm được các biện pháp phòng, chống và đánh trả nếu chiến tranh công nghệ cao xảy ra trong tương lai | Y |
| **Bài 6. Điều lệnh đội ngũ từng người có súng**  6.1. Nghiêm, nghỉ  6.2. Động tác mang súng, xuống súng  6.3. Động tác đeo súng, xuống súng  6.4. Động tác treo súng, xuống súng  6.5. Động tác đặt súng, lấy súng  6.6. Động tác trao súng, nhận súng  6.7. Động tác sửa và sửa xong dây súng | 3 | G1.2 | - **Dạy**: Giảng theo 3 bước: Làm nhanh, Làm chậm, Làm tổng hợp, theo dõi sửa tập, kiểm tra đánh giá kết quả  - **Học ở lớp**: Nghe, quan sát,  luyện tập theo 2 bước: Từng người tự nghiên cứu, tiểu đội trưởng duy trì luyện tập. | Y |
| **Bài 7. Điều lệnh đội ngũ đơn vị**  7.1. Đội ngũ tiểu đội  7.2. Đội ngũ trung đội | 2 | G1.2 | - **Dạy**: Sử dụng sơ đồ, đội mẫu, làm theo 3 bước:  Làm nhanh, làm chậm, làm tổng hợp, theo dõi sửa tập, kiểm tra đánh giá kết quả  - **Học ở lớp**: Nghe, quan sát. luyện tập theo 2 bước: từng người tự nghiên cứu, tiểu đội trưởng duy trì luyện tập. | Y |
| **Bài 8. Ba môn quân sự phối hợp**  8.1. Điều lệ  8.2. Quy tắc thi đấu | 5 | G1.2 | - **Dạy**: Giảng sử dụng, đội mẫu, làm theo 3 bước:  Làm nhanh, Làm chậm, Làm tổng hợp, theo dõi sửa tập, kiểm tra đánh giá kết quả  - **Học ở lớp**: Nghe, quan sát, luyện tập theo 2 bước:  từng người tự nghiên cứu, tiểu đội trưởng duy trì luyện tập. | Y |

**5.69. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật Mã HP: 24204**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. Số tín chỉ:***2 TC | | | **TH** | |  | **HD** |  |  | |
| ***2. Đơn vị giảng dạy:***Khoa kỹ thuật, chiến thuật | | | | | | | | | |
| ***3. Phân bổ thời gian:*** | | | | | | | | | |
|  | - Tổng số (TS): | 60 tiết | |  | | - Lý thuyết (LT): | | | 10 tiết |
|  | - Thực hành (TH): | 48 tiết | |  | | - Bài tập (BT): | | | 0 tiết |
|  | - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | |  | | - Kiểm tra (KT): | | | 02 tiết |

***4 . Điều kiện đăng ký học phần:*** Không

***5. Mô tả nội dung học phần:***

Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục quốc phòng. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức vềbắn súng Tiểu liên AK; cách sử dụng lựu đạn, chiến thuật từng người trong chiến đấu và canh gác.

***6. Nguồn học liệu:***

**Giáo trình**

[1] Nguyễn Đức Đảng, Nguyễn Tiến Hải, Nguyễn Hữu Hảo (2013). *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh*, Nhà xuất bản Giáo dục.

**Tài liệu tham khảo**

[2] Vụ Giáo dục quốc phòng và an ninh - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). Tài liệu tập huấn môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

**7*. Mục tiêu của học phần****:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Các CĐR của CTĐT** |
| **G1** | Thực hiện chính xác các động tác kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu bộ binh | **2.1.1** |

***8. Chuẩn đầu ra của học phần****:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Mô tả CĐR** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| **G1.1** | Thực hiện chính xác các động tác kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK | **TU3** |
| **G1.2** | Thực hiện chính xác động tác kỹ thuật sử dụng lựu đạn | **TU3** |
| **G1.3** | Thực hiện chính xác động tác kỹ thuật trong chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự | **TU3** |

***9. Mô tả cách đánh giá học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ (%)** |
| X đánh giá quá trình | X1- Thực hành động tác ném lựu đạn  X2 – Thực hành kỹ thuật chiến đấu cá nhân | G1.2, G1.3 |  |
| Y đánh giá cuối kỳ | Y- Thực hành | G1.1 | 100% |
| - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên tham gia học tập thời gian > 80% và bài kiểm tra điều kiện (X1+X2)/2 ≥ 5  Điểm đánh giá học phần: Z = Y | | | |

***10. Nội dung giảng dạy***

| **NỘI DUNG GIẢNG DẠY** | **Số tiết** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1. Lý thuyết bắn súng tiểu liên AK và Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng**  1.1. Lý thuyết bắn súng tiểu liên AK  *1.1.1. Ngắm bắn*  *1.1.2. Khái niệm ngắm bắn*  *1.1.3. Đường ngắm cơ bản, điểm ngắm đúng, đường ngắm đúng*  *1.1.4. Thứ tự thực hành ngắm*  *1.1.5. Ảnh hưởng do ngắm sai và gió đến kết quả bắn* | 2 | G1.1 | **Dạy**: Trình bày lý thuyết bắn; sử dụng tranh vẽ, lấy ví dụ thực tế để chứng minh. Nêu câu hỏi khái niệm về đường ngắm cơ bản, đường ngắm đúng và kết luận;  **Học ở lớp**: Nghiên cứu giáo trình và trả lời câu hỏi. Trao đổi với giảng viên về nội dung câu hỏi | Y |
| **Bài 2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK**  2.1. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK  *(Hệ thống lại lý thuyết bắn súng AK)*  2.2. Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK  *2.2.1. Động tác nằm bắn*  *2.2.2. Động tác bắn*  *- Động tác dương súng*  *- Động tác ngắm*  *- Động tác bóp cò*  *2.2.3. Động tác thôi bắn*  *- Thôi bắn tạm thời*  *- Thôi bắn hoàn toàn*  2.3. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK  *2.3.1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu*  *2.3.2. Phương án tập bắn bài 1b*  *2.3.3. Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm*  *2.3.4. Thực hành tập bắn*  *2.3.5. Điều kiện kiểm tra và thành tích*  *2.3.6. Kế hoạch luyện tập* | 25 | G1.1 | **Dạy**: Giảng sử dụng súng AK mô hình học cụ, làm theo 3 bước:  - Làm nhanh,  - Làm chậm,  - Làm tổng hợp, theo dõi sửa tập, hướng dẫn SV cách lấy đường ngắm cơ bản, kiểm tra đánh giá  **Học ở lớp**: Nghe, quan sát, luyện tập theo 2 bước:  - Từng người tự nghiên cứu,  - Tiểu đội trưởng duy trì luyện tập. | Y |
| **Bài 3. Ném lựu đạn bài 1**  1.2. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng  *1.2.1. Lựu đạn F1*  *1.2.2. Lựu đạn LĐ-01*  *1.2.3 Quy tắc sử dụng, kiểm tra, chuẩn bị lựu đạn*  *1.2.4. Quy tắc sử dụng lựu đạn*  *1.2.5. Kiểm tra, chuẩn bị lựu đạn*  3.1. Tư thế, động tác đứng ném lựu đạn  *3.1.1. Trường hợp vận dụng*  *3.1.2. Động tác*  *3.1.3. Chú ý*  3.2. Ném lựu đạn trúng đích  *3.2.1. Đặc điểm, yêu cầu*  *3.2.2. Điều kiện kiểm tra*  *3.2.3. Đánh giá thành tích*  *3.2.4. Thực hành tập ném lựu đạn* | 7 | G1.2 | **Dạy**: Giảng sử dụng súng AK, lựu đạn tập, mô hình học cụ, làm theo 3 bước  - Làm nhanh,  - Làm chậm,  - Làm tổng hợp  Hướng dẫn SV luyện tập và kiểm tra đánh giá kết quả  **Học ở lớp**: Nghe, quan sát, luyện tập theo 2 bước  - Từng người tự nghiên cứu,  - Tiểu đội trưởng duy trì luyện tập. Thực hành ném theo điều kiện của bài tập | X1 |
| **Kiểm tra** | 1 |  |  | X1 |
| **Bài 4. Từng người trong chiến đấu tiến công**  4.1. Phổ biến tình hình địch, ta  *4.1.1. tình hình địch*  *4.1.2. Tình hình ta*  4.2. Giảng một số điểm chính của nguyên tắc chung  *4.2.1. Nhiệm vụ*  *4.2.2. Yêu cầu chiến thuật*  4.3. Huấn luyện các vấn đề huấn luyện  *4.3.1. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ*  *4.3.2. Hành động của chiến sĩ thực hành đánh chiếm mục tiêu*  *4.3.3. Hành động của chiến sĩ sau khi hoàn thành nhiệm vụ* | 12 | G1.3 | **Dạy**:  - Phân tích giảng giải; lấy ví dụ để chứng minh  - Nêu câu hỏi và kết luận;  - Huấn luyện theo đội ngũ chiến thuật; kiểm tra đánh giá kết quả  **Học ở lớp**:  - Nghe, nhìn, đọc giáo trình và trả lời câu hỏi.  - Ghi tóm tắt những nội dung  - Tập làm theo hướng dẫn của giảng viên.  - Thực hiện được động tác cơ bản vận động trên chiến trường vào đánh chiếm các loại mục tiêu | X2 |
| **Bài 5. Từng người trong chiến đấu phòng ngự**  5.1. Phổ biến phương án tập  *5.1.1. Địa hình, vật chuẩn*  *5.1.2. tình hình địch*  *5.1.3. Tình hình ta*  5.2. Giảng một số điểm chính của nguyên tắc chung  *5.2.1. Đặc điểm địch*  *5.2.2. Nhiệm vụ*  *5.2.3. Yêu cầu chiến thuật*  *5.2.4. Cách đánh*  5.3. Huấn luyện các vấn đề huấn luyện  *5.3.1. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ*  *5.3.2. Hành động của chiến sĩ trước khi địch tiến công*  *5.3.3. Hành động của chiến sĩ đánh địch xung phong vào trận địa*  *5.3.4. Hành động của chiến sĩ đánh địch đột nhập trận địa*  *5.3.5. Hành động của chiến sĩ sau mỗi đợt chiến đấu*  *5.3.6. Hành động của chiến sĩ phòng ngự ban đêm* | 7 | G1.3 | **Dạy**:  - Phân tích giảng giải; lấy ví dụ để chứng minh  - Nêu câu hỏi và kết luận;  - Huấn luyện theo đội ngũ chiến thuật;  **Học ở lớp**  - Nghe, nhìn, đọc giáo trình và trả lời câu hỏi.  - Ghi tóm tắt những nội dung  - Tập làm theo hướng dẫn của giảng viên | X2 |
| **Bài 6. Từng người làm nhiệm vụ canh gác**  6.1. Phổ biến tình hình địch, ta  *6.1.1. Tình hình địch*  *6.1.2. Tình hình ta*  6.2. Giảng một số điểm chính của nguyên tắc chung  *6.2.1. Nhiệm vụ*  *6.2.2. Yêu cầu chiến thuật*  6.3. Huấn luyện các vấn đề huấn luyện  *6.3.1. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ*  *6.3.2. Hành động của chiến sĩ thực hành canh gác*  *6.3.3. Hành động của chiến sĩ sau khi hoàn thành nhiệm vụ* | 5 | G1.3 | **Dạy**: Nêu tình huống và bàn cách xử trí.  Huấn luyện theo đội ngũ chiến thuật;  **Học ở lớp**:  Nghe, nhìn, tập làm theo hướng dẫn của giảng viên | X2 |
| **Kiểm tra** | 1 |  |  | X2 |